

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VÕ THỊ PHIÊN

CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH
RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VÕ THỊ PHIÊN

**CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH
RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
Mã số: 9310201**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN XUÂN PHONG



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Nghiên cứu sinh cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng cá nhân nghiên cứu sinh. Các số liệu, trích dẫn nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Võ Thị Phiến

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	9
1.1. Các nghiên cứu về chính quyền địa phương, chính quyền địa phương cấp xã.....	9
1.2. Các nghiên cứu về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.....	20
1.3. Khái quát các kết quả nghiên cứu những công trình liên quan	38
Chương 2: MỘT SỐ VẤN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ.....	43
2.1. Khái niệm và sự cần thiết của công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.....	43
2.2. Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã: chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, tiêu chí đánh giá	58
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đối với thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã	73
Chương 3: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	80
3.1. Khái quát về đồng bằng sông Cửu Long và chính quyền cấp xã ảnh hưởng đến công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định.....	80
3.2. Thực trạng công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long.....	90
3.3. Đánh giá thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long và một số vấn đề đặt ra.....	120
Chương 4: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THỜI GIAN TỚI.....	149
4.1. Các yếu tố tác động và dự báo xu hướng thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long	149
4.2. Quan điểm chỉ đạo và định hướng thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long.....	156
4.3. Giải pháp tăng cường thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới	165
KẾT LUẬN	191
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	193
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	194
PHỤ LỤC	209

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASXH	An sinh xã hội
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn
HĐND	Hội đồng nhân dân
ICT	Công nghệ Thông tin và Truyền thông
KT-XH	Kinh tế xã hội
MTI	Chỉ số minh bạch đô thị
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
NNPQ XHCN	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa
OECD	Hợp tác và Phát triển kinh tế
PAPI	Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam
PAR	Cải cách hành chính
PCI	Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Cấp tỉnh
UBND	Ủy ban nhân dân
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
VPQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
WGI	Chỉ số quản trị toàn cầu

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Các tiêu chí đánh giá công khai, minh bạch với các chỉ báo PAPI	69
Bảng 3.1: Bảng đánh giá mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin thông qua các hình thức công, khai minh bạch theo quan điểm của người dân và cán bộ	123

DANH MỤC CÁC BIỂU

Biểu 3.1: Tỷ lệ người dân trả lời “Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai”.....	96
Biểu 3.2: Tỷ lệ người trả lời cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua.....	101
Biểu 3.3: Nội dung công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát.....	107
Biểu 3.4: Hình thức lấy ý kiến của người dân về các quyết định của chính quyền cấp xã.....	110
Biểu 3.5: Hình thức công khai thông tin từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát.....	112
Biểu 3.6: Hình thức công khai danh sách hộ nghèo từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát	113
Biểu 3.7: Hình thức công khai thu - chi ngân sách cấp xã từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát.....	115
Biểu 3.8: Nội dung công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát.....	116

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là một yêu cầu cơ bản của nền hành chính hiện đại, phản ánh trực tiếp bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - *của dân, do dân và vì dân*. Đây không chỉ là đòi hỏi về đạo đức công vụ mà còn là nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước, bảo đảm mọi hoạt động của chính quyền được đặt dưới sự giám sát của nhân dân, qua đó củng cố niềm tin chính trị, tăng cường tính chính danh và hiệu lực quản trị ở cơ sở. V.I. Lênin khẳng định rằng “dân chủ xã hội chủ nghĩa phải được thể hiện bằng việc nhân dân có quyền biết, quyền kiểm tra và quyền phê bình” [32], qua đó đặt nền tảng lý luận cho nguyên tắc công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước hiện đại.

Từ góc độ quản trị, công khai, minh bạch còn gắn liền với trách nhiệm giải trình (accountability) - một tiêu chí cốt lõi của “nền quản trị tốt” (good governance) theo định nghĩa của UNDP và OECD. Việc minh bạch hóa thông tin, quy trình và trách nhiệm trong quá trình ra quyết định giúp người dân được tiếp cận, giám sát, tham gia và phản hồi, từ đó hình thành vòng tròn dân chủ: công khai - tham gia - giải trình - tin cậy. Khi quy trình này được vận hành đầy đủ, nó không chỉ làm trong sạch bộ máy mà còn nâng cao hiệu quả chính sách, chất lượng dịch vụ công và tính liêm chính của chính quyền cơ sở.

Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Đây là khu vực chiến lược, giữ vai trò trung tâm sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực quốc gia nhưng đồng thời lại là vùng dễ tổn thương trước biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, di cư lao động và chuyển dịch cơ cấu xã hội nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, chính quyền cấp xã - cấp gần dân nhất, trực tiếp thực thi chính sách đất đai, ngân sách, phúc lợi và quản lý dân cư - trở thành “mắt xích quyết định” của bộ máy hành chính nhà nước. Công khai,

minh bạch trong quá trình ra quyết định ở cấp xã vì thế không chỉ là yêu cầu quản trị, mà còn là điều kiện bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững của vùng.

Hiện nay nhiều địa phương vùng ĐBSCL đã chủ động triển khai các biện pháp công khai, minh bạch như: niêm yết thủ tục hành chính, công bố quy hoạch sử dụng đất, công khai ngân sách xã, tổ chức đối thoại định kỳ, ứng dụng công nghệ thông tin điện tử, nhóm Zalo, Facebook... Các hoạt động này bước đầu giúp tăng cường tính dân chủ, giảm khiếu nại, tăng sự đồng thuận của người dân. Tuy nhiên, thực tế cũng bộc lộ nhiều bất cập: tính công khai còn hình thức, thiếu chiều sâu; thông tin công bố thiếu cập nhật, thiếu dữ liệu định lượng; người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế (hộ nghèo, phụ nữ, nông dân bị mất sinh kế) còn hạn chế trong tiếp cận và phản hồi; năng lực số của cán bộ cơ sở còn yếu; cơ chế giải trình chưa thực chất, đặc biệt, “văn hóa xin - cho” vẫn tồn tại trong một số quyết định hành chính.

Những yếu tố này khiến niềm tin chính trị ở cơ sở tăng chậm, hiệu lực thi hành quyết định chưa tương xứng và nguy cơ khiếu kiện, xung đột lợi ích vẫn tiềm ẩn. Trong bối cảnh xây dựng chính quyền hai cấp (tỉnh - xã) từ tháng 7 năm 2025 và thúc đẩy chính phủ số, xã hội số, công khai, minh bạch trở thành yêu cầu tất yếu để tái thiết lập niềm tin giữa chính quyền và nhân dân, đồng thời là thước đo năng lực lãnh đạo, quản trị và đổi mới của chính quyền cơ sở vùng ĐBSCL.

Từ góc độ chính trị học, việc nghiên cứu công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc:

Về lý luận, đề tài góp phần cụ thể hóa khái niệm công khai, minh bạch trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay, làm rõ mối quan hệ giữa dân chủ cơ sở, kiểm soát quyền lực và hiệu lực quản trị nhà nước; đồng thời bổ sung

bằng chứng thực tiễn cho việc vận dụng các lý thuyết quản trị công hiện đại vào điều kiện chính trị - xã hội đặc thù của Việt Nam.

Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp căn cứ khoa học để hoàn thiện chính sách và cơ chế công khai, minh bạch ở cấp xã, phù hợp với Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025) và tinh thần “Ba công khai” mà Tổng Bí thư Tô Lâm đã nêu tại Hội nghị Trung ương XIII (2025).

Từ những vấn đề trên đây có thể khẳng định nghiên cứu đề tài **“Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”** là vấn đề có ý nghĩa quan trọng, cấp thiết và có giá trị khoa học - thực tiễn sâu sắc, góp phần vào việc xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, dân chủ, liêm chính và phục vụ nhân dân.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã, luận án tập trung phân tích thực trạng thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã ở vùng ĐBSCL, làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và các mâu thuẫn chủ yếu trong thực tiễn.

Xuất phát từ thực tiễn triển khai các quy định về công khai, minh bạch ở cấp xã vùng ĐBSCL còn bộc lộ nhiều hạn chế, nhất là trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị công, luận án nhằm làm rõ khoảng cách giữa yêu cầu thể chế và kết quả thực thi, cũng như những tác động của các yếu tố đặc thù về địa bàn, dân cư, văn hóa và năng lực quản lý ở cơ sở.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất quan điểm và hệ thống giải pháp khả thi nhằm tăng cường thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã ở vùng ĐBSCL trong thời gian tới, góp phần

nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương, củng cố niềm tin của Nhân dân và đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án tập trung vào các nhiệm vụ dưới đây:

- Tổng quan, rà soát tài liệu làm rõ những vấn đề đã được nghiên cứu và chỉ ra những khoảng trống trong nghiên cứu; những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.

- Khái quát làm rõ lý luận về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

- Đánh giá thực trạng thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã ở ĐBSCL và chỉ rõ những mâu thuẫn đang đặt ra.

- Đề xuất quan điểm, các giải pháp tăng cường thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã ở vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Luận án chỉ phân tích tính công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định ở vùng ĐBSCL chủ yếu tập trung những lĩnh vực theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022 gồm 5 nội dung: (1): công khai, minh bạch về dự thảo các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế xã hội; (2): công khai, minh bạch về quy trình, tiêu chuẩn và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội; (3): công khai, minh bạch về quy chế dân

chủ cơ sở, công tác cán bộ và thủ tục hành chính; (4): công khai, minh bạch về kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất; (5): công khai, minh bạch về thu/chi ngân sách cấp xã.

- Phạm vi về không gian: Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, vùng ĐBSCL gồm 13 tỉnh, thành phố. Luận án tiến hành khảo sát tại 04 địa phương tiêu biểu: Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long và An Giang - đại diện cho các tiểu vùng khác nhau của ĐBSCL. Mỗi tỉnh chọn 01 quận, huyện hoặc thành phố thuộc tỉnh và mỗi đơn vị này chọn 02 xã để khảo sát, tổng cộng 08 đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện khảo sát và thu thập thông tin.

Từ ngày 01/7/2025, theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị quyết số 202/2025/QH15, vùng ĐBSCL được tổ chức lại còn 05 đơn vị hành chính cấp tỉnh theo mô hình chính quyền hai cấp (tỉnh - xã). Vì vậy, phạm vi không gian nghiên cứu của luận án cũng được xác định tại 04 địa phương nói trên, tương ứng với cấu trúc hành chính mới của vùng ĐBSCL sau sắp xếp.

- Phạm vi về thời gian: các dữ liệu, số liệu được khai thác từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2025; các giải pháp được áp dụng phù hợp với chính quyền hai cấp (từ tháng 7 năm 2025 đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045).

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề công khai, minh bạch, quá trình ra quyết định.

4.2. Cơ sở thực tiễn

- Mặc dù khung pháp lý về công khai, minh bạch ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện, song khoảng cách giữa quy định và thực tiễn ở cấp xã, đặc biệt tại vùng ĐBSCL - nơi có địa bàn rộng, dân cư phân tán, hạ tầng số và năng lực

cán bộ chưa đồng đều thể hiện rõ rệt, nhất là trong các quyết định liên quan đến đất đai, quy hoạch, ngân sách và an sinh xã hội.

- Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ năm 2025 và yêu cầu chuyển đổi số trong quản trị công đặt ra đòi hỏi cấp thiết phải tăng cường minh bạch hóa quá trình ra quyết định ở cấp xã, nhằm kiểm soát quyền lực và củng cố niềm tin của Nhân dân.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở cách tiếp cận kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, luận án sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu mang tính bổ trợ lẫn nhau, nhằm bảo đảm độ tin cậy và khách quan của kết quả nghiên cứu. Các nhóm phương pháp chủ yếu gồm:

Nhóm phương pháp thu thập thông tin:

- Phân tích tài liệu thứ cấp: khai thác các nguồn dữ liệu sẵn có từ báo cáo PAPI, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số quản trị toàn cầu (WGI) và các văn bản, báo cáo của chính quyền địa phương, qua đó nhận diện xu hướng, vấn đề và khoảng trống nghiên cứu.

- Điều tra xã hội học: luận án thực hiện khảo sát 450 đối tượng (300 người dân, 150 cán bộ xã) tại 8 xã/phường thuộc 4 tỉnh: Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang. Cỡ mẫu được xác định theo công thức Cochran (1977) với độ tin cậy 95%, sai số 4,6%.

- Phỏng vấn sâu: luận án thực hiện 15 cuộc phỏng vấn sâu với cán bộ và người dân nhằm bổ sung dữ liệu định tính, làm rõ cảm nhận, trải nghiệm và đánh giá về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

Nhóm phương pháp xử lý và phân tích thông tin:

- Phân tích định lượng: sử dụng các kỹ thuật thống kê mô tả và giải thích để xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS 20.0, nhằm xác định xu hướng, mối

quan hệ giữa các biến và mức độ công khai, minh bạch theo từng nội dung khảo sát.

- Phân tích định tính: sử dụng phương pháp tổng hợp, so sánh, quy nạp - diễn dịch để phân tích dữ liệu phỏng vấn sâu, làm rõ các yếu tố ảnh hưởng và bối cảnh thực thi chính sách.

- Thang đo công khai, minh bạch: xây dựng trên 5 nhóm nội dung (chương trình - dự án; an sinh xã hội; thủ tục hành chính - công tác cán bộ; quy hoạch - giá đất; ngân sách xã), tính điểm theo số lượng chỉ báo đạt được, tổng điểm tối đa 10.

Các phương pháp bổ trợ:

Luận án còn sử dụng các phương pháp lịch sử, so sánh, hệ thống, tổng hợp và chứng minh để phân tích sự hình thành, phát triển và vận dụng nguyên tắc công khai, minh bạch trong quản trị ở cấp xã, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi sang mô hình chính quyền hai cấp từ tháng 7 năm 2025.

Trên cơ sở cách tiếp cận nêu trên, phương pháp được sử dụng chủ yếu để nghiên cứu đề tài này là: kết hợp lý luận và thực tiễn, phân tích toán thống kê, điều tra xã hội học, phân tích định tính, so sánh, lịch sử, chứng minh, tổng hợp, hệ thống, quy nạp... Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp để triển khai thực hiện, trong đó, các phương pháp phân tích tài liệu, phân tích thống kê xã hội, điều tra xã hội học, lịch sử và so sánh, chọn mẫu được xác định là những phương pháp nghiên cứu chủ yếu của luận án.

5. Điểm mới của luận án

Thứ nhất, góp phần bổ sung và phát triển lý luận về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định.

Thứ hai, luận án khảo sát thực trạng công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL.

Thứ ba, đề xuất những quan điểm, giải pháp tăng cường công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định ở vùng ĐBSCL phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp (tỉnh - xã) đang được triển khai từ ngày 01/7/2025. Đây là cách tiếp cận có tính chuyển tiếp, bảo đảm giá trị thực tiễn lâu dài của luận án.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa về lý luận

Luận án góp phần bổ sung và phát triển cơ sở lý luận về công khai, minh bạch trong quản trị nhà nước, đặc biệt trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đồng thời, luận án xây dựng khung lý thuyết về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã, qua đó góp phần bổ sung luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện thể chế dân chủ cơ sở và cải cách nền hành chính công trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Ý nghĩa về thực tiễn

Luận án cung cấp cơ sở khoa học và luận cứ thực tiễn cho việc hoàn thiện cơ chế, chính sách và phương thức tổ chức thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã, đặc biệt trong bối cảnh thực thi Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) và chuyển đổi sang mô hình chính quyền hai cấp ở vùng ĐBSCL.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được vận dụng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cơ sở, góp phần nâng cao năng lực quản trị, trách nhiệm giải trình và niềm tin của nhân dân đối với chính quyền cấp xã.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG, CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ

1.1.1. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương

Trong khoa học chính trị và hành chính công, khái niệm chính quyền địa phương (local government) đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, phản ánh sự đa dạng về thể chế và mô hình quản trị trên thế giới. Cho đến nay, vị trí, vai trò của chính quyền địa phương vẫn còn nhiều quan niệm khác nhau. Có ý kiến cho rằng, chính quyền địa phương được xem xét “như là một nhánh quyền lực thứ tư, chỉ phụ thuộc vào pháp luật và chịu sự xét xử của tòa án, không trực thuộc chính phủ và các cơ quan của chính phủ kể cả từ trung ương lẫn địa phương” [105, tr.102]. Tuy nhiên, lại có ý kiến cho rằng, xây dựng “nhà nước thịnh vượng chung” đòi hỏi phải có sự can thiệp ngày càng sâu rộng vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội của các cơ quan nhà nước trung ương, xuất hiện mối quan hệ ngày càng trở nên chặt chẽ giữa nhà nước và địa phương tự quản, nên các cơ quan tự quản của địa phương ngày càng trở thành một bộ phận của chính quyền hành pháp [105, tr.103].

Theo Sharma và cộng sự (2003) [138], chính quyền địa phương là cơ quan có thẩm quyền theo luật định ở một khu vực cụ thể (làng, thị trấn hoặc thành phố), có quyền huy động nguồn thu để thực hiện các dịch vụ công như vệ sinh, giáo dục, nguồn nước, v.v. Nhóm tác giả nhấn mạnh, chính quyền địa phương được thành lập bởi cơ quan có thẩm quyền và chịu sự giám sát của nhà nước trung ương ở mức độ nhất định nhằm đảm bảo tính thống nhất trong quản trị. Trước đó, Gokhale (2000) [106] cũng cho rằng, chính quyền của một địa phương nhất định do chính người dân địa phương thực hiện thông qua đại diện do họ bầu ra - nhấn mạnh bản chất dân chủ và tự quản của chính quyền địa phương.

Các nghiên cứu gần đây không chỉ dừng ở việc xác định nội hàm của chính quyền địa phương mà còn đi sâu vào đặc điểm cấu trúc và cơ chế vận hành. Theo Cinjel và Weinoh (2023) [95] đã chỉ ra một số đặc trưng cơ bản của chính quyền địa phương như: phạm vi lãnh thổ xác định, hoạt động theo luật định, có mức độ tự trị nhất định, bảo đảm sự tham gia của người dân, thực hiện trách nhiệm giải trình và có nguồn tài chính riêng. Từ đó, nhóm tác giả khẳng định chính quyền địa phương là cấp chính quyền gần dân nhất, đóng vai trò then chốt trong việc chuyển hóa các chính sách quốc gia thành hành động cụ thể tại cộng đồng.

Trước đó, Viện Chính quyền địa phương (2015) [110] đã đề xuất một số nguyên tắc hoạt động mang tính chuẩn mực cho chính quyền địa phương hiện đại như: lập kế hoạch rõ ràng, công khai minh bạch, đảm bảo ý định chính đáng, mở rộng phạm vi tham gia, cung cấp thông tin đầy đủ và phản hồi cho người dân. Đây là các tiêu chí quan trọng giúp chính quyền địa phương hướng tới quản trị hiệu quả, liêm chính và có trách nhiệm.

Tương tự, nghiên cứu của Sansom (2013) [136] về các nguyên tắc pháp lý và cải cách chính quyền địa phương ở khối Thịnh vượng chung Thái Bình Dương đã cho thấy cải cách chính quyền địa phương không chỉ là vấn đề tổ chức - hành chính mà còn là vấn đề chính trị, gắn với phân quyền, quản trị công và kiểm soát quyền lực. Sansom khẳng định, trong điều kiện phân quyền sâu rộng, chính quyền địa phương phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ phức tạp hơn, đòi hỏi năng lực thể chế và tính minh bạch cao hơn để duy trì niềm tin của người dân.

Đáng chú ý, nghiên cứu MAV, VLGA, LGV, LGPro (2012) [118] tại Úc đã cung cấp một mô hình thực tiễn về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ba cấp (liên bang - tiểu bang - địa phương). Theo đó, chính quyền địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về các vấn đề gắn với cộng đồng như quy hoạch, dịch vụ công, phát triển đô thị và quản lý tài nguyên. Mô hình này

nhấn mạnh vai trò của hội đồng được bầu cử dân chủ, cơ chế điều hành chuyên nghiệp và trách nhiệm giải trình rõ ràng giữa cấp chính trị và hành chính.

Bộ chỉ dẫn về “quản trị tốt” của MAV, VLGA, LGV, LGPro (2012) [118] cũng khẳng định rằng một chính quyền địa phương hiệu quả phải bảo đảm minh bạch, tuân thủ pháp luật, công bằng, hiệu lực, hiệu quả và có sự tham gia của người dân. Theo đó, “người dân có nhiều khả năng tin tưởng vào chính quyền địa phương hơn nếu các quyết định được đưa ra một cách minh bạch và có trách nhiệm”. Điều này phản ánh mối liên hệ giữa tính minh bạch, niềm tin công chúng và tính chính danh của chính quyền địa phương trong quản trị hiện đại.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu quốc tế đã hình thành nền tảng lý luận vững chắc về bản chất, vai trò và nguyên tắc hoạt động của chính quyền địa phương. Các kết quả nghiên cứu đều thống nhất rằng: chính quyền địa phương là cấp chính quyền gần dân nhất, thể hiện rõ nhất tính dân chủ, minh bạch và hiệu quả của nhà nước hiện đại. Đặc biệt, các tiêu chí như tự quản, trách nhiệm giải trình và minh bạch trong quá trình ra quyết định được xem là chuẩn mực toàn cầu để đánh giá hiệu quả quản trị của cấp chính quyền này.

Ở Việt Nam, kể từ khi ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2015), chủ đề về chính quyền địa phương đã trở thành vấn đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học chính trị, hành chính công và luật hiến pháp. Việc nghiên cứu mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương không chỉ mang tính lý luận mà còn có giá trị thực tiễn to lớn trong tiến trình xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và xu thế hội nhập.

Theo Đào Mạnh Hoàn (2023) [25, tr.42-46], xây dựng chính quyền địa phương hiện đại là yêu cầu khách quan của quá trình phát triển, xuất phát từ đòi hỏi của cải cách hành chính, phân cấp quản lý và hội nhập quốc tế. Cùng quan điểm đó, Phạm Thị Hoàn (2023) [27, tr.119-122] cho rằng, trong bối cảnh

đô thị hóa nhanh và phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ, việc lựa chọn mô hình chính quyền đô thị phù hợp với đặc thù quản lý địa phương là tất yếu. Như vậy, việc hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương không chỉ là vấn đề kỹ thuật tổ chức mà còn phản ánh bản chất chính trị - pháp lý của nền quản trị quốc gia.

Nguyễn Đăng Dung (2016) [11, tr.1-8] đã chỉ ra rằng, dù Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã thể hiện rõ nỗ lực phân định thẩm quyền giữa trung ương và địa phương, song vẫn chưa thể hiện đầy đủ tinh thần của chế độ tự quản địa phương. Tuy nhiên, nhìn chung chính quyền địa phương ở Việt Nam đã được tổ chức và hoạt động bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tạo nền tảng cho việc tăng cường hiệu lực và trách nhiệm trong quản trị địa phương.

Ở góc nhìn pháp lý - thể chế, tác giả Trương Cộng Hòa và Lê Thị Phương Thảo (2022) [24, tr.19-25] nhấn mạnh rằng tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương phải tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm phân cấp, phân quyền và thống nhất trong quản lý nhà nước. Các tác giả khẳng định, xây dựng hành lang pháp lý vững chắc giúp tạo dựng môi trường công bằng, củng cố thói quen “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, đồng thời khuyến khích sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng và thực thi chính sách.

Tiếp cận từ góc độ quản trị, tác giả Nguyễn Văn Hậu và Nguyễn Quỳnh Nga (2022) [22, tr.23-29] cho rằng để tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương thực sự hiện đại và hiệu quả, cần bảo đảm ba yếu tố: (1) tính thống nhất trong quản lý nhà nước; (2) sự đa dạng, linh hoạt phù hợp với đặc điểm từng địa phương và (3) cơ chế phát huy sự tham gia của người dân, đi đôi với trách nhiệm giải trình và công khai, minh bạch.

Nhiều nghiên cứu thực chứng gần đây (Đào Mạnh Tuấn và Phạm Thu Hà (2023), Đào Mạnh Hoàn và Nguyễn Phúc Thiện (2023) [26, tr.35-38], Nguyễn Thùy Dương (2022) [13, tr.64-73], Nguyễn Thế Vinh (2022) [87,

tr.15-26] và (2023) [88, tr.42-46] ...đã đánh giá khá toàn diện về thực trạng tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở Việt Nam. Các công trình này thống nhất rằng, dù đạt được nhiều kết quả tích cực trong đổi mới mô hình quản trị, song vẫn tồn tại những hạn chế như: phân cấp, phân quyền chưa rõ ràng, mô hình chính quyền đô thị còn thử nghiệm, trách nhiệm giải trình còn yếu và sự tham gia của người dân chưa thực chất.

Đặc biệt, Nguyễn Thế Vinh (2023) [88, tr.42-46] khẳng định rằng việc xây dựng chính quyền đô thị là xu thế tất yếu nhằm hướng tới phát triển bền vững và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Tuy nhiên, Lê Thị Hạnh và Lê Lan Anh (2022) [20, tr.74-79] cũng chỉ ra rằng, trong khi mô hình chính quyền đô thị hướng đến tinh gọn và minh bạch hơn thì thực tiễn vẫn còn nhiều hạn chế về tính tự chủ và hiệu quả thực thi. Tương tự, Đào Mạnh Hoàn và Nguyễn Phúc Thiện (2023) [25, tr.42-46] nhận định chính quyền thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh vẫn chưa phát huy được tiềm năng phát triển, còn hạn chế về năng lực quản lý và đổi mới thể chế.

Các nghiên cứu chuyên sâu như của Nguyễn Thùy Dương (2022) [13, tr.64-73] về mô hình thành phố Thủ Đức cho thấy, dù cơ chế pháp lý đã được thiết kế nhưng vẫn thiếu những yếu tố đặc thù đủ mạnh để tạo đột phá trong phát triển đô thị. Điều này cho thấy, quá trình thể chế hóa mô hình chính quyền đô thị ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, cần tiếp tục được nghiên cứu và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

Ở hướng giải pháp, nhiều tác giả như Lê Thị Hạnh và Lê Lan Anh (2022) [20, tr.74-79], Đào Mạnh Hoàn và Nguyễn Phúc Thiện (2023) [26, tr.35-38] đề xuất tiếp tục cải cách hành chính địa phương, hoàn thiện mô hình chính quyền đô thị, tăng cường phân quyền và tự chủ, đồng thời phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ công chức, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ nhân dân.

Ngoài ra, các công trình của Vũ Đặng Phúc và Nguyễn Thị Thanh Nga (2021) [50, tr.29-33], Phạm Thị Hoàn (2023) [27, tr.119-122] đã mở rộng hướng nghiên cứu sang cơ chế kiểm soát quyền lực và kinh nghiệm quốc tế về tổ chức chính quyền địa phương. Theo đó, kiểm soát chính quyền địa phương có thể được thực hiện thông qua cơ quan nhà nước (trung ương, tòa án, cơ quan dân cử) hoặc các thiết chế xã hội (đảng phái, truyền thông, nhân dân). Đây là cơ sở tham khảo quan trọng cho việc hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam trong thời gian tới.

1.1.2. Vai trò của chính quyền địa phương

Bên cạnh việc nghiên cứu khái niệm, tổ chức và đặc điểm, nhiều học giả quốc tế đã tập trung làm rõ vai trò của chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao phúc lợi cộng đồng và bảo đảm phát triển bền vững. Nhìn chung, các công trình đều thống nhất rằng, chính quyền địa phương không chỉ là cấp hành chính thực thi chính sách của trung ương, mà còn là chủ thể quản trị độc lập, có năng lực điều phối phát triển địa phương, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu quốc gia từ cơ sở.

Theo Torjman và Leviten-Reid (2003) [141], chính quyền địa phương có vai trò đặc biệt trong việc đáp ứng nhu cầu cơ bản và thúc đẩy hòa nhập xã hội. Thông qua các chương trình và dịch vụ công, chính quyền địa phương góp phần “cung cấp hỗ trợ cho các nhu cầu cơ bản, đảm bảo sự hòa nhập và thúc đẩy việc học tập cho tất cả mọi người; nâng cao nhận thức về các nhu cầu xã hội cấp bách trong cộng đồng và tầm quan trọng của đầu tư xã hội; phối hợp với các đối tác chính thực hiện một số biện pháp can thiệp tập trung hoặc các sáng kiến hàng đầu - để giải quyết các vấn đề lớn như giảm nghèo”. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính quyền địa phương không chỉ là cơ quan thực thi mà còn là tác nhân phát triển xã hội chủ động, thúc đẩy hợp tác công - tư và huy động nguồn lực cộng đồng để cải thiện chất lượng cuộc sống [96].

Tiếp cận từ góc độ kinh tế - phát triển, UCLG (2016) [80] khẳng định chính quyền địa phương là điều kiện hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế thị trường và xã hội hiện đại. Báo cáo của tổ chức này nêu rõ, chính quyền địa phương “cung cấp một môi trường an toàn và ổn định để doanh nghiệp có thể phát triển; chịu trách nhiệm về cơ sở hạ tầng vật chất như đường sá, cấp nước, quản lý chất thải, công nghệ thông tin và truyền thông - những điều kiện tiên quyết cho hoạt động kinh tế”. Đồng thời, LRG (Local and Regional Governments) [145] còn đảm nhận các dịch vụ xã hội căn bản như y tế công cộng, giáo dục, nhà ở, giao thông, văn hóa, chăm sóc trẻ em, qua đó hình thành nguồn nhân lực khỏe mạnh, có tay nghề và gắn bó với địa phương. Với đặc trưng “gần dân, sát dân”, chính quyền địa phương trở thành tuyến đầu trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và cung cấp hàng hóa công cộng phục vụ trực tiếp đời sống cộng đồng.

Ở góc độ phát triển bền vững, nghiên cứu của Sustainable Community Strategies and LAAs (2005) [115] khẳng định chính quyền địa phương là trung tâm điều phối để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững ở cấp cơ sở. Các tác giả cho rằng, bằng cách áp dụng cách tiếp cận tổng hợp giữa kinh tế - xã hội - môi trường, chính quyền địa phương có thể đóng vai trò dẫn dắt, nêu gương và tạo sự cộng hưởng phát triển. Họ có khả năng “đồng thời hỗ trợ nền kinh tế địa phương, củng cố cộng đồng và mang lại lợi ích môi trường ở cả cấp địa phương và toàn cầu”. Điều này được thực hiện thông qua các hoạt động quản lý nội bộ, dịch vụ công được ủy thác và đặc biệt là lãnh đạo cộng đồng hướng tới các giá trị phát triển bền vững.

Tương tự, Brokaj (2014) [93, tr.103-117] nhấn mạnh vai trò của chính quyền địa phương trong phát triển du lịch bền vững, coi đây là một lĩnh vực minh chứng rõ nhất cho năng lực điều phối đa ngành ở cấp cơ sở. Tác giả thông qua phương pháp phỏng vấn sâu đã chỉ ra rằng: “chính quyền địa phương có vai trò thúc đẩy chương trình nghị sự phát triển bền vững tại điểm đến”,

đồng thời là diễn đàn quan trọng để thảo luận, điều phối và hiện thực hóa các chính sách phát triển. Với vị trí gần dân và nắm rõ thực tiễn, chính quyền địa phương là chủ thể trực tiếp “kiểm soát hầu hết các khía cạnh quy hoạch phát triển gắn liền với du lịch”, qua đó đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo tồn tài nguyên.

Ở một hướng tiếp cận khác, Razin (2000) [134] tập trung vào mối quan hệ giữa tổ chức thể chế của chính quyền địa phương và chiến lược phát triển không gian. Theo tác giả, cấu trúc tổ chức và mức độ phân quyền của chính quyền địa phương “có ảnh hưởng trực tiếp đến quy hoạch sử dụng đất, chiến lược phát triển địa phương và sự chênh lệch vùng”. Chính vì vậy, cải cách chính quyền địa phương là đòn bẩy điều chỉnh mô hình phát triển và phân bố không gian, giúp giảm bất bình đẳng và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

Qua các công trình nghiên cứu quốc tế cho thấy, chính quyền địa phương giữ vai trò trụ cột trong quản trị quốc gia hiện đại, vừa là thiết chế hành chính - pháp lý, vừa là tác nhân phát triển xã hội - kinh tế. Từ việc cung cấp dịch vụ công thiết yếu đến thúc đẩy phát triển bền vững, chính quyền địa phương thể hiện năng lực điều phối đa chiều, gắn kết giữa Nhà nước, thị trường và cộng đồng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi mô hình quản trị, việc nâng cao năng lực và tính minh bạch của chính quyền địa phương được xem là điều kiện then chốt để củng cố niềm tin công chúng và thúc đẩy phát triển bao trùm.

Ở Việt Nam, chủ đề vai trò của chính quyền địa phương đã được nhiều học giả nghiên cứu ở các góc tiếp cận khác nhau - từ lý luận về tổ chức bộ máy đến phân tích thực tiễn quản lý nhà nước, phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo và hội nhập quốc tế. Nhìn chung, các công trình đều khẳng định chính quyền địa phương là cấp chính quyền gần dân nhất, có vai trò trung tâm trong việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào đời sống xã hội, qua đó góp phần củng cố niềm tin của nhân dân và thúc đẩy phát triển bền vững.

Thứ nhất, vai trò trong quản lý nhà nước và điều hành phát triển

Ở góc độ quản lý nhà nước, tác giả Vũ Quang Trung (2023) [79, tr.13-17] cho rằng, chính quyền địa phương đóng vai trò quyết định đối với sự thành công hay thất bại của một đơn vị hành chính. Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm quy hoạch sử dụng đất, thực hiện các công vụ như cấp phép, đăng ký, đặt ra các mức phí, giám sát khiếu nại và đảm bảo trật tự công. Tác giả nhấn mạnh rằng, để phát huy vai trò đó, chính quyền địa phương cần có sự độc lập tương đối và hài hòa trong quản trị: độc lập giúp địa phương chủ động trong quyết định, còn hài hòa giúp bảo đảm tính thống nhất trong triển khai chính sách trung ương và duy trì môi trường đầu tư công - tư hiệu quả.

Ở góc nhìn thể chế, Văn Tất Thu (2009) [76, tr.3-9] đã hệ thống hóa vị trí và vai trò của chính quyền địa phương trong bộ máy nhà nước Việt Nam, thể hiện qua hai thiết chế: Hội đồng nhân dân (cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện ý chí và nguyện vọng của nhân dân) và Ủy ban nhân dân (cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, đồng thời là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương). Tính “song trùng trực thuộc” của Ủy ban nhân dân - vừa chịu sự chỉ đạo của Chính phủ, vừa chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, được tác giả cho là một đặc điểm quan trọng, vừa đảm bảo tính thống nhất trong quản lý hành chính nhà nước, vừa phản ánh tính dân chủ đại diện của chính quyền địa phương.

Thứ hai, vai trò trong phát triển kinh tế và xây dựng thương hiệu địa phương

Tiếp cận từ góc độ phát triển kinh tế, Hứa Thị Hồng Minh (2019) [45, tr.59-63] thông qua nghiên cứu việc thực hiện Chương trình Quốc gia “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP” đã chỉ ra vai trò trực tiếp của chính quyền cấp cơ sở trong việc xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương và hỗ trợ phát triển kinh tế cộng đồng. Chính quyền cơ sở được xem là “người đồng hành” cùng doanh nghiệp và người dân trong việc: hỗ trợ pháp lý, hướng dẫn thành lập hợp tác

xã, hoàn thiện quy hoạch ngành nghề, phổ biến pháp luật về sở hữu trí tuệ, xúc tiến thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh. Qua đó, chính quyền cấp xã trở thành đầu mối kết nối giữa các hộ sản xuất, doanh nghiệp và thị trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương bền vững.

Hướng tiếp cận vùng đặc thù, Trịnh Thị Lan và Trần Thị Hồng Yến (2021) [31, tr.17-28] đã phân tích vai trò của chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội ở vùng có đông đồng bào Khmer (An Giang). Nghiên cứu cho thấy, chính quyền địa phương đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ toàn diện - từ đầu tư hạ tầng, cung cấp nước sạch, nhà ở, giáo dục, y tế đến bảo tồn văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, các tác giả cũng chỉ ra những thách thức thực tiễn như hạn chế về nguồn vốn, trình độ dân trí và tập quán sản xuất, dẫn đến tỷ lệ nghèo còn cao. Điều này cho thấy vai trò của chính quyền địa phương không chỉ dừng ở thực thi chính sách, mà còn ở năng lực vận dụng linh hoạt để thích ứng với đặc thù văn hóa - xã hội của từng vùng.

Tác giả Nguyễn Tuấn Dũng (2018) [12, tr.76-83] tập trung vào vai trò của chính quyền địa phương đối với phát triển kinh tế tư nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh, khẳng định rằng chính quyền đô thị đóng vai trò “kiến tạo môi trường” thông qua các chính sách thuế, đất đai, hỗ trợ đầu tư và cải cách thủ tục hành chính. Từ kinh nghiệm thực tiễn, tác giả rút ra bài học cho các địa phương khác như Đồng Nai: phải nâng cao nhận thức về vai trò động lực của khu vực tư nhân, cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính và khuyến khích khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo.

Thứ ba, vai trò trong phát triển xã hội và nguồn nhân lực

Trong lĩnh vực phát triển con người, Nguyễn Đình Thọ (2016) [72, tr.19-41] chỉ ra rằng chính quyền địa phương đóng vai trò điều phối đầu tư công cho giáo dục, y tế và đào tạo nghề - những yếu tố then chốt quyết định chất lượng nguồn nhân lực. Qua việc quản lý và phân bổ ngân sách, chính quyền địa phương phải cân nhắc giữa mục tiêu tăng trưởng và công bằng xã hội. Khi lựa

chọn đầu tư cho giáo dục và y tế, địa phương có thể đạt được tăng trưởng xanh, ổn định lâu dài. Tác giả ví chính quyền địa phương như “người cầm cân nảy mực” trong việc đưa ra quyết định đầu tư vì lợi ích phát triển bền vững.

Thứ tư, vai trò trong quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Nguyễn Hồng Nhung (2010) [46, tr.8-20] khẳng định vai trò ngày càng mở rộng của chính quyền địa phương trong quan hệ quốc tế và hợp tác tiểu vùng. Dưới tác động của hội nhập kinh tế quốc tế, chính quyền các cấp không chỉ thực thi mà còn chủ động xây dựng chiến lược phát triển, thiết lập quan hệ đối tác với các địa phương nước ngoài, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và hợp tác đào tạo. Trong khuôn khổ hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, vai trò của chính quyền địa phương được mở rộng trong quá trình phi tập trung hóa và hợp tác xuyên biên giới, thể hiện rõ ở các lĩnh vực thương mại, giao thông, môi trường và văn hóa.

Thứ năm, vai trò trong quản lý xã hội, tôn giáo và bảo đảm an ninh cộng đồng

Ở lĩnh vực quản lý xã hội, Trương Ngọc Tuấn (2016) [68, tr.9-12] phân tích vai trò của chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã trong thực hiện chính sách tôn giáo. Theo tác giả, cấp xã là cấp gần dân nhất, có nhiệm vụ tiếp nhận thông báo, đăng ký các hoạt động tín ngưỡng, quản lý việc sửa chữa cơ sở thờ tự, đồng thời duy trì mối quan hệ chặt chẽ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo cơ sở. Sự phân cấp rõ ràng, minh bạch trong quản lý tôn giáo giúp chính quyền địa phương phát huy vai trò điều phối, giám sát và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, đồng thời giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Ở góc độ quản trị khủng hoảng, Đặng Thị Yến (2022) [89, tr.30-33] nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của chính quyền cơ sở trong ứng phó đại dịch COVID-19. Các cấp chính quyền, nhất là cấp xã, phường đã trở thành “tuyến đầu” trong công tác phòng, chống dịch, đảm bảo an sinh xã hội và tổ

chức lực lượng tình nguyện cơ sở. Chính quyền địa phương là đầu mối triển khai chính sách của Trung ương, đồng thời trực tiếp phối hợp giữa các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội để bảo đảm hiệu quả quản lý và duy trì ổn định xã hội trong bối cảnh khủng hoảng.

Qua các công trình nghiên cứu trong nước đều cho thấy chính quyền địa phương ở Việt Nam không chỉ là thiết chế hành chính - pháp lý, mà còn là tác nhân phát triển xã hội - kinh tế, giữ vai trò kết nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Chính quyền cấp xã, phường với vị trí gần dân, hiểu dân - là nơi thể hiện trực tiếp nhất tính dân chủ, công khai, minh bạch của Nhà nước.

1.2. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ

1.2.1. Nội dung công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Trên phạm vi quốc tế, chủ đề công khai và minh bạch trong hoạt động của chính quyền địa phương đã được nhiều tổ chức và học giả quan tâm nghiên cứu sâu sắc, coi đây là nền tảng của “governance transparency” - minh bạch quản trị, một trụ cột của Good Governance (nền quản trị tốt) theo chuẩn mực của Liên hợp quốc và Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD).

Theo OECD (2016) [125], (2019) [126] và (2021) [127], minh bạch được xem là điều kiện tiên quyết để đảm bảo niềm tin công chúng, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân. OECD nhấn mạnh việc triển khai Open Government Data - công khai dữ liệu ngân sách, quy hoạch, các quyết định hành chính và báo cáo giám sát theo quy định có thể truy cập, phân tích và so sánh được. Cách tiếp cận này không chỉ gia tăng tính công khai về hình thức mà còn hướng đến minh bạch thực chất - tức là người dân có thể hiểu, sử dụng và phản hồi đối với thông tin của chính quyền.

World Bank (2017) [149] và (2018) [150] tiếp cận minh bạch như một công cụ quản trị công hiệu quả, đặc biệt nhấn mạnh ba nhóm nội dung cốt lõi:

(1) công khai tài chính - ngân sách; (2) công khai quy hoạch, đầu tư công; (3) công khai kết quả giám sát, đánh giá chính sách. Báo cáo World Development Report [150] cũng chỉ ra rằng các quốc gia thực hiện công khai ngân sách ở cấp địa phương có chỉ số niềm tin xã hội và hiệu quả chi tiêu công cao hơn 25-30% so với nhóm còn lại.

Theo Open Government Partnership - OGP (2019) [130], tính công khai và minh bạch trong ra quyết định không chỉ thể hiện ở việc “đưa thông tin ra ánh sáng”, mà còn bao hàm việc bảo đảm người dân có quyền tham gia, phản hồi và đánh giá chính sách. Các nước tham gia OGP như Hàn Quốc, Canada, Estonia đã phát triển các nền tảng Open Budget Portal, Public Consultation Portal, cho phép công dân theo dõi trực tiếp các dự án công và góp ý trước khi quyết định được ban hành.

Ở bình diện lý luận, Heald (2006) [108, tr.25-43] phân biệt bốn hướng tiếp cận minh bạch: upward transparency (cấp dưới giải trình với cấp trên), downward transparency (chính quyền giải trình cho công dân), outward transparency (công khai với các tổ chức bên ngoài) và inward transparency (minh bạch nội bộ trong tổ chức). Cách tiếp cận này được nhiều nhà nghiên cứu áp dụng khi phân tích minh bạch trong quá trình ra quyết định ở cấp chính quyền địa phương, đặc biệt tại Anh, New Zealand và các nước Bắc Âu.

Theo Da Cruz, Tavares và Marques (2016) [101], minh bạch ở cấp địa phương thể hiện qua mức độ công khai thông tin trên các cổng thông tin điện tử của chính quyền. Chỉ số minh bạch đô thị (Municipal Transparency Index (MTI)) cho thấy, minh bạch trực tuyến không chỉ là công cụ công nghệ, mà là thước đo của đạo đức công vụ, tính liêm chính và hiệu lực quản trị.

Ngoài ra, Grimmelikhuijsen và Meijer (2014) [107, tr.135-137] cho rằng công khai và minh bạch không tự động dẫn đến niềm tin, mà hiệu quả của nó phụ thuộc vào chất lượng thông tin, khả năng hiểu của công dân và cơ chế phản hồi hai chiều.

Tổng hợp các nghiên cứu quốc tế cho thấy, nội dung công khai, minh bạch trong hoạt động ra quyết định của chính quyền địa phương thường được chia thành sáu nhóm chính: (1) công khai ngân sách và chi tiêu công; (2) công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển; (3) công khai quy trình và tiêu chí ra quyết định; (4) công khai thủ tục hành chính và dịch vụ công; (5) công khai kết quả giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm; (6) công khai dữ liệu mở phục vụ cộng đồng.

Ở Việt Nam, công khai và minh bạch được xác định là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Các quy định pháp lý như Luật Ngân sách Nhà nước (2015), Luật Đất đai (2013, sửa đổi, bổ sung 2024), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật Phòng chống tham nhũng (2018), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2015, sửa đổi 2019, 2025) và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) đã tạo hành lang pháp lý tương đối đầy đủ cho việc triển khai công khai, minh bạch ở cấp cơ sở.

Các khảo sát thực chứng, đặc biệt là PAPI (Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh) do Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam công bố hằng năm, coi công khai, minh bạch ngân sách và quy hoạch là thước đo quan trọng của hiệu quả quản trị cơ sở. Báo cáo PAPI giai đoạn 2019 - 2023 [49] chỉ ra rằng, mặc dù tỷ lệ xã niêm yết công khai ngân sách đạt trên 90%, nhưng hiệu quả thực chất còn hạn chế: nhiều bảng niêm yết khó hiểu, ít cập nhật, hoặc không gắn với giải trình tài chính.

Theo Nguyễn Văn Tiếc (2013) [63, tr.17-21], minh bạch không chỉ là công khai mà còn đòi hỏi “trong sáng, không khuất tất, không gây khó khăn cho người dân tiếp cận thông tin”. Điều này cho thấy công khai là điều kiện cần, còn minh bạch là điều kiện đủ để đảm bảo người dân thực sự được “biết, bàn, kiểm tra và giám sát”.

Các nghiên cứu trong nước (Phan Trung Lý & Nguyễn Trung Thành (2021) [36]; Trần Thị Diệu Oanh (2017) [48, tr.46-51]; Nguyễn Thị Phương (2016) [52, tr.25-26] thống nhất rằng nội dung công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền cấp xã cần tập trung vào năm lĩnh vực: ngân sách và chi tiêu công; quy hoạch - kế hoạch phát triển; tiêu chí, quy trình ra quyết định; thủ tục hành chính, dịch vụ công; kết quả thực hiện và giám sát.

Theo Bùi Thị Thuận Ánh (2024) [1], thực tiễn công khai quy hoạch sử dụng đất ở nhiều địa phương vẫn thiếu đồng bộ; thông tin bị phân tán, khó truy cập, dẫn đến người dân gặp khó khăn trong tiếp cận. Nguyễn Văn Thanh (2007) [70, tr.16-19] cho rằng công khai và minh bạch ở cấp xã không chỉ nhằm tăng niềm tin của người dân mà còn là điều kiện để chính quyền cấp xã thực hiện quản trị công hiệu quả.

Tổng hợp các nghiên cứu cho thấy, Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh về công khai, minh bạch, song khoảng cách giữa quy định và thực tiễn còn khác xa. Cần thiết phải chuyển từ “công khai trên giấy” sang minh bạch thực chất dựa trên dữ liệu mở, giải trình trách nhiệm và sự tham gia của người dân.

Trên bình diện quốc tế, minh bạch được xác định là trụ cột của “good governance” và chính phủ mở; nhấn mạnh công bố dữ liệu ngân sách, quy hoạch, quyết định hành chính theo định dạng truy cập được-sử dụng được-kiểm chứng được (OECD, 2016; 2019; 2021; World Bank, 2018; 2020; OGP, 2019). Ở Việt Nam, khung pháp lý được hình thành từ Luật Ngân sách Nhà nước (2015), Luật Đất đai (2013, sửa đổi, bổ sung 2024), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật Phòng, chống tham nhũng (2018) và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) đã tạo hành lang cho công khai, minh bạch ở cấp cơ sở. Dữ liệu PAPI [49] những năm gần đây cho thấy “công khai hình thức” còn phổ biến; yêu cầu dịch chuyển sang “minh bạch thực chất” gắn với khả năng tiếp cận, hiểu và giám sát của người dân.

1.2.2. Phương thức thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền địa phương nói chung, cấp xã nói riêng

Phương thức thực hiện công khai, minh bạch là một trong những nội dung nghiên cứu quan trọng nhằm đánh giá mức độ dân chủ, trách nhiệm giải trình và năng lực quản trị của chính quyền địa phương, đặc biệt là ở cấp xã - nơi trực tiếp tiếp xúc và phục vụ người dân. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, phương thức công khai, minh bạch không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin một chiều mà còn hướng tới tương tác hai chiều giữa chính quyền và công dân, qua đó nâng cao niềm tin xã hội và hiệu lực quản trị công.

Trên bình diện quốc tế, nhiều học giả và tổ chức quốc tế đã tập trung làm rõ vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong việc đổi mới phương thức thực hiện công khai, minh bạch.

Theo Bushman và cộng sự (2004) [94, tr.207-252], sự phát triển của Internet đã mở ra khả năng to lớn để cải thiện tính công khai, minh bạch trong khu vực công, đồng thời tạo dựng một nền tảng tương tác giữa nhà nước và công dân hiệu quả hơn. Tương tự, Jorge và cộng sự (2011) [112, tr.393-398] cho rằng, có nhiều hình thức để công khai thông tin như tổ chức hội nghị, công bố báo cáo thường niên, phát biểu trước báo chí hoặc đăng tải trên website; trong đó, hình thức công bố trực tuyến giúp người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng và thuận tiện hơn, qua đó nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính công.

Ở góc độ truyền thông xã hội, Valle-Cruz và cộng sự (2016) [146, tr.321-334] nhận định rằng các nền tảng như Facebook, Twitter, YouTube hay Zalo có thể trở thành công cụ hiệu quả để thúc đẩy minh bạch và niềm tin công, bởi chúng cho phép người dân tham gia phản hồi và chia sẻ thông tin theo thời gian thực.

Theo Cruz và cộng sự (2015) [97, tr.470-478], Internet và các trang web chính thức đã thay đổi căn bản mối quan hệ giữa người dân và chính phủ, tạo điều kiện để công dân tiếp cận, phân tích và giám sát lượng dữ liệu khổng lồ do chính quyền cung cấp. Các sáng kiến “chính phủ mở” (open government) và “dữ liệu mở” (open data) đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình thể chế hóa các nguyên tắc minh bạch, giúp gia tăng sự tham gia của công chúng và mở rộng hợp tác giữa chính phủ với xã hội dân sự.

Theo Musa và cộng sự (2015) [122, tr.56-72], Internet không chỉ là kênh cung cấp thông tin mà còn là công cụ để người dân thực hiện quyền giám sát, qua đó hình thành văn hóa “quản trị mở” dựa trên sự đồng kiến tạo và chia sẻ trách nhiệm giữa nhà nước và công dân. Ở góc nhìn khác, Krah và cộng sự (2020) [114, tr.217-233] cho rằng việc công khai thông tin qua website chỉ thực sự có hiệu quả khi có tính tương tác - tức là khi người dân có thể đặt câu hỏi, phản hồi và tham gia giám sát trực tiếp các quyết định công.

Nhiều học giả cũng đề xuất khung lý thuyết giúp hiểu sâu hơn về bản chất của minh bạch. Heald (2006) [108] phân biệt bốn hướng minh bạch: upward transparency (cấp dưới giải trình với cấp trên), downward transparency (chính quyền giải trình cho công dân), outward transparency (công khai với các tổ chức bên ngoài) và inward transparency (minh bạch nội bộ trong tổ chức). Cách phân loại này đặc biệt hữu ích khi phân tích quá trình ra quyết định ở cấp cơ sở.

Meijer, Curtin và Hillebrandt (2012) [119, tr.10-29] nhấn mạnh rằng minh bạch chỉ thực sự phát huy tác dụng khi gắn với sự tham gia chủ động của người dân, chuyển từ mô hình “minh bạch hướng chính phủ” sang “minh bạch hướng công dân”. Trong khi đó, Bertot, Jaeger và Grimes (2010) [91, tr.264-271] khẳng định ICT và mạng xã hội có thể tạo nên “văn hóa minh bạch” - nơi mà mỗi hành động công vụ đều được công dân theo dõi, phản hồi và đánh giá.

Như vậy, có thể thấy, các nghiên cứu quốc tế đều thống nhất rằng công nghệ số, dữ liệu mở và truyền thông xã hội là những phương thức chủ đạo để

thực hiện công khai, minh bạch hiện nay; song hiệu quả của chúng phụ thuộc vào mức độ tương tác, khả năng truy cập và chất lượng thông tin do chính quyền cung cấp.

Ở Việt Nam, việc công khai, minh bạch thông tin của cơ quan hành chính nhà nước đã được đề cập sớm trong các công trình của Nguyễn Tuấn Khanh (2008) [29, tr.16-23]. Tác giả cho rằng, hoạt động này được thực hiện theo hai phương thức cơ bản: (1) cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin qua hợp báo, niêm yết, đăng tải trên phương tiện truyền thông hoặc cổng thông tin điện tử và (2) cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, tổ chức.

Sau đó, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã mở rộng và cụ thể hóa các hình thức công khai, bao gồm công bố trên phương tiện thông tin đại chúng, công báo, niêm yết tại trụ sở, hợp báo, thông cáo báo chí, hoặc thông qua người phát ngôn. Gần đây, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 cũng tiếp tục khẳng định yêu cầu “công khai, minh bạch để dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát” là nguyên tắc trọng tâm trong tổ chức hoạt động của chính quyền cấp xã.

Trần Thị Thủy (2019) [77, tr.56-60] khi đánh giá việc thực hiện công khai ở cấp xã nhận xét rằng, hình thức phổ biến hiện nay vẫn chủ yếu là niêm yết giấy tờ tại trụ sở - mang tính hình thức, chưa tạo điều kiện cho người dân phản hồi hoặc tiếp cận thông tin qua mạng. Nghiên cứu của UNDP (2022) [81] trong báo cáo PAPI cũng chỉ ra rằng, “công khai hình thức” vẫn tồn tại phổ biến, trong khi “minh bạch thực chất” - tức khả năng người dân hiểu, thảo luận và giám sát - còn hạn chế.

Nhìn chung, các nghiên cứu trong nước và quốc tế đều cho thấy, phương thức thực hiện công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã cần được chuyển đổi từ cung cấp thông tin một chiều sang mô hình tương tác số, trong đó người dân là chủ thể tham gia và đồng kiến tạo chính sách. Công nghệ số, dữ liệu mở

và công thông tin điện tử chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi chúng gắn liền với trách nhiệm giải trình, phản hồi kịp thời và cam kết phục vụ công dân.

1.2.3. Vai trò của công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Công khai, minh bạch được xem là nền tảng cốt lõi của quản trị dân chủ và là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng của nền hành chính công hiện đại. Trong lý luận chính trị - hành chính đương đại, tính công khai, minh bạch không chỉ bảo đảm quyền được biết của công dân mà còn là điều kiện tiên quyết để củng cố tính hợp pháp, trách nhiệm giải trình và niềm tin vào bộ máy công quyền, đặc biệt ở cấp chính quyền gần dân nhất - cấp xã.

Các nghiên cứu quốc tế đều thống nhất rằng minh bạch là giá trị cốt lõi của quản trị tốt (good governance) và dân chủ đại diện. Lodge (1994) [123] cho rằng, tính minh bạch trong quá trình ra quyết định đạt được khi đảm bảo sự tham gia và thảo luận dân chủ trong khuôn khổ chuẩn mực của nền dân chủ đại diện, qua đó củng cố tính hợp pháp của hành động hành chính. Mức độ minh bạch có mối liên hệ trực tiếp với niềm tin công chúng và chất lượng thể chế của chính phủ.

Theo Birkinshaw (2006) [92], minh bạch giúp khắc phục bất cân xứng thông tin, mang lại quyền lực lớn hơn cho công dân, qua đó bảo đảm sự bình đẳng và tính hợp pháp của các quyết định công. Ông nhấn mạnh, “chỉ có thể tin tưởng vào chính phủ nếu chính phủ hành động công khai và không bí mật với người dân”; minh bạch giúp công dân có đủ thông tin để bảo vệ quyền lợi và sử dụng dịch vụ công một cách hiệu quả.

Sandu (2016) [135, tr.57-71] tiếp cận minh bạch như một giá trị đạo đức của hành chính công, đóng vai trò then chốt trong việc hình thành chuẩn mực ứng xử liêm chính và phòng ngừa xung đột lợi ích trong thực thi công vụ. Tương tự, các tác giả như Stivers (2008) [139], Hood & Heald (2006) [109], Bauhr & Grimes (2014) [90] đều nhấn mạnh rằng minh bạch thúc đẩy quyền

công dân tích cực và là yếu tố quyết định đến chất lượng chính sách và hiệu quả quản trị.

Theo Dubnick (1998) [103], minh bạch cùng với trách nhiệm giải trình là trụ cột của quản trị tốt, thể hiện qua tám đặc trưng: tham gia, pháp quyền, minh bạch, phản ứng nhanh, đồng thuận, công bằng, hiệu lực và trách nhiệm. Cách tiếp cận này đặt minh bạch vào trung tâm của hệ giá trị quản trị hiện đại, coi đó là “điều kiện cần của liêm chính và hiệu quả hành chính công”.

Lundgren (2017) [116] tiếp cận vấn đề từ góc độ dân chủ, cho rằng minh bạch là yếu tố thiết yếu của một nền dân chủ hoạt động tốt, bởi nó gắn liền với trách nhiệm giải trình và khả năng công dân hiểu biết, phản biện. Chính phủ minh bạch không chỉ làm rõ thông tin, mà còn phải giải trình hành động trước nhân dân - qua đó, củng cố quan hệ tin cậy giữa nhà nước và xã hội.

Bổ sung cho các quan điểm trên, Grimmelikhuijsen và Meijer (2014) [107, tr.137-157] khẳng định rằng minh bạch không tự động dẫn đến niềm tin công, mà hiệu quả của nó phụ thuộc vào chất lượng thông tin, khả năng tiếp nhận của công dân và cơ chế phản hồi hai chiều. Như vậy, minh bạch không đơn thuần là “mở” thông tin, mà là quá trình tương tác xã hội - chính trị, nơi công dân và chính quyền cùng tham gia đồng kiến tạo niềm tin và hiệu lực hành chính.

Từ những tiếp cận này, có thể thấy rằng vai trò của công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền, đặc biệt ở cấp địa phương là đảm bảo tính hợp pháp, củng cố niềm tin, tăng trách nhiệm giải trình, ngăn ngừa tham nhũng và nâng cao hiệu quả quản trị công. Minh bạch vừa mang giá trị công cụ (instrumental value) để đạt hiệu quả hành chính, vừa là giá trị nội tại (intrinsic value) phản ánh đạo đức và liêm chính trong cầm quyền.

Ở Việt Nam, nhiều học giả đã khẳng định công khai, minh bạch là yếu tố nền tảng của quản trị nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng chính quyền liêm chính, dân chủ và hiệu quả.

Minh Đức (2003) [15, tr.34-35] coi công khai, minh bạch là điều kiện đảm bảo lợi ích của nhân dân; Văn Lương (2011) [34, tr.23] nhấn mạnh đây là giải pháp then chốt trong phòng, chống tham nhũng. Nguyễn Văn Thanh (2007) [70, tr.16-19] xem việc nâng cao tính minh bạch là nhiệm vụ thiết yếu của cải cách hành chính, nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước.

Từ góc nhìn kiểm soát quyền lực, Trịnh Xuân Thắng (2012) [71, tr.7-11] và Nguyễn Văn Tiếc (2013) [63, tr.17-21] cùng khẳng định rằng minh bạch là công cụ kiểm soát quyền lực nhà nước, phòng ngừa lạm quyền, tiêu cực và tạo điều kiện để nhân dân thực hiện quyền làm chủ. Nguyễn Văn Tiếc (2013) [63, tr.17-21] còn cho rằng, minh bạch không chỉ là “công khai” mà còn là “trong sáng, không khuất tất, không gây khó khăn cho người dân tiếp cận thông tin”, qua đó đảm bảo người dân thực sự được biết, bàn, kiểm tra và giám sát.

Ở góc độ xã hội - chính trị, Bùi Quang Hậu (2016) [21, tr.50-53] khẳng định công khai, minh bạch là điều kiện để tạo đồng thuận xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân và giám sát hoạt động của Nhà nước. Kiều Đăng Tuyên (2017) [69, tr.2-28] coi minh bạch là thước đo giá trị phổ quát của nhân loại, vừa là động lực phát triển, vừa là tiêu chuẩn của xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Gần đây, nhiều nghiên cứu đã mở rộng phân tích vai trò của minh bạch trong công tác cán bộ và xây dựng Đảng. Lâm Quốc Tuấn và Lưu Thủy Hồng (2019) [67, tr.58-63] nhấn mạnh rằng công khai, minh bạch và dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong công tác cán bộ. Cùng quan điểm đó, Lê Thị Thiệu Hoa (2021) [23, tr.21-30] và Vũ Văn Phúc (2022) [51, tr.4-9] đều cho rằng, công khai, minh bạch là thành tố cấu thành quản trị quốc gia hiệu quả, đồng thời là yêu cầu khách quan trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Như vậy, các nghiên cứu trong nước đã thống nhất rằng công khai, minh bạch là cơ chế then chốt bảo đảm dân chủ, kiểm soát quyền lực, phòng ngừa

tham nhũng và củng cố niềm tin xã hội. Đặc biệt ở cấp xã - nơi trực tiếp gần bó với người dân - việc thực hiện công khai, minh bạch trong quy trình ra quyết định không chỉ phản ánh tính dân chủ cơ sở mà còn thể hiện năng lực và đạo đức công vụ của chính quyền địa phương. Đây cũng chính là một tiêu chí quan trọng để hiện thực hóa đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “của dân, do dân và vì dân”.

1.2.4. Phương pháp đo lường công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Đo lường công khai, minh bạch là một nội dung quan trọng trong nghiên cứu về quản trị công, nhằm lượng hóa mức độ mở, khả năng tiếp cận và trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền. Việc xác định phương pháp đo lường giúp nhận diện không chỉ mức độ thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, mà còn phản ánh trình độ phát triển thể chế và năng lực quản trị của chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã - cấp gần dân nhất, nơi thực thi chính sách công và ra quyết định hành chính hàng ngày.

Trong các nghiên cứu quốc tế, phương pháp đo lường công khai, minh bạch thường gắn với các lĩnh vực như chính phủ điện tử (e-government), chính phủ mở (open government) và chỉ số minh bạch tài khóa, hành chính. Các mô hình đo lường chủ yếu dựa trên việc phân tích nội dung, chỉ số định lượng hoặc đánh giá trực tuyến thông qua các cổng thông tin điện tử của chính quyền.

Theo Vishwanath và Kaufmann (2001) [147, tr.41-57], minh bạch thông tin có thể đo lường thông qua các thuộc tính cơ bản gồm: (1) Tính tiếp cận - thông tin phải được cung cấp rộng rãi, dễ tìm, dễ hiểu; (2) Tính toàn diện - thông tin đầy đủ, không cắt xén; (3) Tính liên quan - phù hợp với nhu cầu của công dân; và (4) Tính tin cậy - chính xác, kịp thời và được trình bày rõ ràng. Đây là khung chuẩn để đánh giá chất lượng minh bạch trong các hoạt động công.

Các nhà nghiên cứu về chính phủ điện tử như Moon (2002) và West (2004) [120, tr.424-433] đã phát triển mô hình bốn giai đoạn đo lường mức độ công khai, minh bạch qua Internet: (1) Thông tin - website chính phủ hoạt động như “bảng thông báo” đơn thuần; (2) Tương tác một chiều - người dân có thể tải về biểu mẫu, văn bản; (3) Tương tác hai chiều - công dân có thể gửi biểu mẫu, góp ý, phản hồi trực tuyến; (4) Dịch vụ tích hợp toàn diện - chính quyền cung cấp dịch vụ công và phản hồi 24/7, hướng tới chính phủ điện tử hoàn chỉnh.

Theo Cruz, Tavares và Marques (2015) [100], minh bạch của chính quyền địa phương có thể được đo lường thông qua bộ chỉ số Municipal Transparency Index (MTI), bao gồm 76 chỉ tiêu, phân bổ theo các nhóm: Thông tin về tổ chức và cơ cấu hành chính (18 chỉ tiêu); Kế hoạch, quy hoạch và chương trình phát triển (13 chỉ tiêu); Chính sách thuế, phí và quy định địa phương (5 chỉ tiêu); Quan hệ với công dân (8 chỉ tiêu); Đầu tư công và đấu thầu (10 chỉ tiêu); Minh bạch kinh tế - tài chính (12 chỉ tiêu); Quy hoạch đô thị và quản lý đất đai (10 chỉ tiêu). Các chỉ tiêu được chấm điểm theo thang 0-100, phản ánh mức độ công khai nội dung và khả năng truy cập của công dân.

Cruz (2015) [98] cũng đề xuất các tiêu chí đo lường tính minh bạch của website chính quyền như: (1) Quyền sở hữu và cập nhật nội dung; (2) Thông tin liên hệ; (3) Thông tin về cơ cấu tổ chức; (4) Văn bản quy phạm, báo cáo và ấn phẩm; (5) Hướng dẫn công dân; (6) Chính sách bảo mật và quyền riêng tư. Những tiêu chí này phản ánh quan điểm minh bạch như một quá trình thể chế hóa chuẩn mực đạo đức công vụ, nơi thông tin được công khai không chỉ vì nghĩa vụ pháp lý, mà còn vì trách nhiệm chính trị đối với công dân.

Ngoài ra, các chỉ số quốc tế như Open Budget Index (World Bank, 2017) [149], Global Open Data Index (OGP, 2019) [129] và e-Government Development Index (UN, 2020) [144] đều coi công khai thông tin là tiêu chí trung tâm trong đánh giá minh bạch, phản ánh sự sẵn sàng của chính phủ trong cung cấp dữ liệu và phản hồi công dân.

Như vậy, các mô hình đo lường quốc tế cho thấy công khai, minh bạch không chỉ là hành vi “công bố thông tin”, mà là quy trình nhiều cấp độ - từ thông tin, tương tác, đến tham gia và đồng kiến tạo. Mức độ minh bạch cao đồng nghĩa với việc chính quyền tạo điều kiện cho công dân tham gia vào chu trình chính sách công.

Ở Việt Nam, việc đo lường công khai, minh bạch được tiến hành qua một số chỉ số đánh giá cấp quốc gia và cấp địa phương, trong đó tiêu biểu nhất là PAPI do UNDP và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp thực hiện từ năm 2009 đến nay.

Theo UNDP (2022) [81], công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định ở cấp địa phương được đánh giá thông qua 4 trụ cột chính với 21 chỉ tiêu cụ thể: (1) Tiếp cận thông tin (5 chỉ tiêu); (2) Công khai danh sách hộ nghèo (4 chỉ tiêu); (3) Công khai thu - chi ngân sách cấp xã, phường (6 chỉ tiêu); (4) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá bồi thường khi thu hồi đất (6 chỉ tiêu). Mỗi trụ cột được tính điểm theo thang 0-10, chiếm 25% tổng số điểm chung. Cách tiếp cận này phản ánh mức độ minh bạch thể chế hóa trong hành chính cơ sở, đặc biệt trong các lĩnh vực gắn gũi với đời sống dân sinh.

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu trong nước cũng đã bước đầu xây dựng thang đo riêng cho từng lĩnh vực. Nguyễn Tuấn Khanh (2008) [30, tr.35-40] phân loại hai phương thức công khai: chủ động công bố thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu; Trần Thị Thủy (2019) [78, tr.28-33] trong nghiên cứu về minh bạch cấp xã đã đề xuất nhóm chỉ báo gồm: công khai ngân sách, quy hoạch sử dụng đất, công tác cán bộ và công tác tiếp dân. Gần đây, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM, 2021) [8] đã thử nghiệm bộ chỉ số minh bạch ngân sách cấp xã với các tiêu chí cụ thể về thời điểm công bố, độ chi tiết, tính dễ hiểu và phản hồi của người dân.

Tóm lại, các thang đo quốc tế như chỉ số dữ liệu Chính phủ mở (OGD), chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI), chỉ số ngân sách mở (OBI) và PAPI cung cấp khung tham chiếu hữu ích. Luận án kế thừa các thuộc tính của

Vishwanath & Kaufmann (2001) [147, tr.41-57] (tiếp cận - toàn diện - liên quan - tin cậy) và ánh xạ với cấu phần công khai, minh bạch trong ra quyết định của PAPI để xây dựng hệ tiêu chí đánh giá ở Chương 2.

1.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Tính công khai, minh bạch của chính quyền địa phương không phải là kết quả tự phát, mà chịu tác động đồng thời của nhiều yếu tố về chính trị, thể chế, công nghệ, văn hóa và con người. Việc nhận diện và phân tích các yếu tố này có ý nghĩa quan trọng để lý giải sự khác biệt về mức độ minh bạch giữa các địa phương, cũng như đề xuất giải pháp tăng cường hiệu quả quản trị công ở cấp xã.

Nhiều nghiên cứu quốc tế cho rằng yếu tố chính trị và thể chế có ảnh hưởng sâu sắc đến mức độ công khai, minh bạch. Theo Manirojana (2016) [117, tr.18-29], tại Thái Lan, yếu tố chính trị là nhân tố quyết định đối với minh bạch và trách nhiệm giải trình, trong khi đạo đức công vụ và thiết chế giám sát đóng vai trò hỗ trợ quan trọng. Ở cấp cộng đồng, minh bạch thể hiện qua sự tham gia của người dân, công bố báo cáo và điều tra công khai; còn ở cấp hành chính, nó được phản ánh thông qua tính độc lập, năng lực hoạch định chính sách, quản lý, giám sát và đánh giá hoạt động công.

Theo Cuillier và Piotrowski (2009) [99, tr.441-449] và Jaeger & Bertot (2010) [111, tr.371-376], công nghệ thông tin và Internet đã thay đổi căn bản mối quan hệ giữa người dân và chính phủ, khi mở rộng khả năng truy cập vào nguồn dữ liệu công. Các sáng kiến như cổng dữ liệu mở (open data portals), hệ thống giám sát chi tiêu công, công cụ truyền thông xã hội và các cơ chế phản hồi trực tuyến đã trở thành nền tảng thúc đẩy tính minh bạch và tăng cường tương tác giữa chính quyền và công dân.

Theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International, 2015) [143], việc mở rộng ICT đã góp phần phổ biến các chuẩn mực minh bạch,

thông qua công khai dữ liệu chính phủ, báo cáo ngân sách, quy hoạch và hoạt động của cơ quan hành chính. Piotrowski & Bertelli (2010) [133, tr.901-913] cũng khẳng định công nghệ thông tin đóng vai trò trung gian quan trọng giúp nâng cao niềm tin của công chúng, bởi minh bạch dựa trên công nghệ không chỉ mở rộng kênh thông tin, mà còn thúc đẩy niềm tin chính trị.

Kim và Lee (2012) [113, tr.819-828] chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa chính phủ điện tử (e-government) và sự tham gia điện tử (e-participation), cho rằng việc tăng cường tương tác trực tuyến với người dân sẽ cải thiện minh bạch, trách nhiệm giải trình và niềm tin chính trị. Các nghiên cứu thực nghiệm của Welch et al. (2005) [148, tr.371-391], Tolbert & Mossberger (2006) [140, tr.354-369] và Pina et al. (2007) [132, tr.449-472] đều cho thấy rằng mức độ sử dụng công nghệ và tần suất công bố thông tin trực tuyến có tương quan thuận với mức độ hài lòng, tin cậy và sự tham gia của công dân vào đời sống chính trị.

Từ góc nhìn quản trị công, các nghiên cứu như của Moon (2002) [120, tr.424-433], Cullier & Piotrowski (2009) [99, tr.441-449] và Bertot et al (2010) [111, tr.371-376] đều nhấn mạnh rằng công nghệ thông tin là “cơ chế tái lập niềm tin” giữa chính quyền và công dân, bởi nó mở ra môi trường tương tác, đối thoại hai chiều và giảm thiểu chi phí thông tin. Tuy nhiên, mức độ minh bạch còn phụ thuộc vào đặc điểm cá nhân của nhà lãnh đạo, cạnh tranh bầu cử, số nhiệm kỳ, đảng phái chính trị, năng lực tài chính và công nghệ của địa phương, cùng đặc trưng dân cư như trình độ học vấn, độ tuổi trung bình hay tỷ lệ cử tri tham gia bầu cử.

Như vậy, các nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng tính công khai, minh bạch trong chính quyền địa phương là kết quả tổng hòa của thể chế chính trị, công nghệ, đạo đức công vụ và đặc điểm xã hội, trong đó công nghệ và lãnh đạo địa phương giữ vai trò nổi bật.

Ở Việt Nam, nhiều học giả tiếp cận vấn đề này từ các khía cạnh thể chế, hành chính và văn hóa công vụ.

Nguyễn Thị Hồng Hải (2016) [19] chỉ ra rằng văn hóa “xin - cho”, tình trạng quan liêu, hách dịch, cửa quyền của một bộ phận cán bộ, công chức là rào cản trực tiếp làm suy giảm tính công khai, minh bạch của cơ quan hành chính. Thực trạng này không chỉ cản trở tiếp cận thông tin của người dân mà còn tạo điều kiện cho lợi ích nhóm và tham nhũng vật phát sinh trong bộ máy công quyền.

Hồ Thủy Tiên và Hoàng Mạnh Khánh (2020) [64, tr.38-56] tiếp cận vấn đề minh bạch thông tin tài chính từ khu vực doanh nghiệp, chỉ ra rằng yếu tố tài chính (quy mô, hiệu suất sử dụng tài sản) và yếu tố quản trị (sự kiêm nhiệm chức vụ) ảnh hưởng đến mức độ minh bạch. Dưới góc nhìn khu vực công, đây là cơ sở tham chiếu hữu ích cho việc phân tích ảnh hưởng của nguồn lực tài chính và cấu trúc tổ chức đến tính minh bạch trong hành chính nhà nước.

Theo Phan Trung Lý và Nguyễn Thành Trung (2021) [35, tr.10-18], công khai, minh bạch chịu ảnh hưởng từ hai nhóm yếu tố chính: *Chủ quan*: cơ chế chính sách, cách thức vận hành bộ máy, giám sát của nhân dân, năng lực cán bộ, nguồn lực tài chính và truyền thông. *Khách quan*: tác động của kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0.

Các tác giả cho rằng dưới sức ép của hội nhập và công nghệ, các cơ quan hành chính buộc phải cải tiến phương thức quản trị nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch.

Như vậy, nhìn tổng thể, các nghiên cứu trong nước đều thống nhất rằng yếu tố thể chế, con người và công nghệ là những nhân tố quyết định đến tính công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, các nghiên cứu mới chủ yếu tập trung ở cấp trung ương và tỉnh, trong khi cấp xã - nơi trực tiếp ra quyết định và tiếp xúc với người dân vẫn còn ít được khảo sát một cách hệ thống. Đây chính là khoảng trống học thuật mà luận án hướng tới bổ sung, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng chính quyền hai cấp (tỉnh - xã) ở vùng ĐBSCL.

1.2.6. Tác động của việc cơ cấu lại chính quyền địa phương hai cấp đến tính công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền địa phương

Một là, cải cách thể chế và xu hướng cơ cấu lại chính quyền địa phương hai cấp.

Từ năm 2025, Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn tái cấu trúc chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thể hiện qua việc ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, bộ máy hành chính nhà nước được tổ chức lại thành hai cấp chính quyền: cấp tỉnh và cấp xã, bãi bỏ cấp huyện như một tầng trung gian trong hệ thống quản trị hành chính.

Theo MUFG Research (2025) [121] trong báo cáo “Vietnam: Doi Moi 2.0 - The Most Ambitious Structural Reforms Since 1986”, Việt Nam đang thực hiện một trong những cuộc cải cách thể chế sâu rộng nhất kể từ công cuộc đổi mới. Báo cáo đánh giá rằng việc tinh gọn bộ máy, đặc biệt là bãi bỏ cấp huyện, sẽ giúp rút ngắn chu trình ra quyết định, giảm tầng nấc trung gian và nâng cao tính linh hoạt trong quản trị địa phương. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu cũng cảnh báo nguy cơ tập trung hóa quyền lực ở cấp tỉnh và quá tải nhiệm vụ tại cấp xã, nếu thiếu cơ chế bảo đảm minh bạch, giám sát và trách nhiệm giải trình tương ứng.

Cùng quan điểm đó, Nguyễn Khắc Giang (2025) [16] trong báo cáo “Vietnam’s Bureaucratic Reforms: Opportunities and Challenges” chỉ ra rằng, cải cách mô hình hai cấp tuy giúp giảm biên chế và chi phí hành chính, nhưng làm tăng áp lực thực thi chính sách, đặc biệt là minh bạch hóa hoạt động ở cấp xã. Khi không còn cấp huyện làm “bộ lọc” trung gian, chính quyền xã trở thành điểm giao trực tiếp duy nhất giữa Nhà nước và người dân, đòi hỏi năng lực thể chế, kỹ năng hành chính và chuẩn mực đạo đức công vụ phải được nâng cao tương ứng.

Như vậy, cơ cấu lại chính quyền hai cấp không đơn thuần là cải cách tổ chức bộ máy, mà là tái cấu trúc quyền lực hành chính, chuyển dịch trọng tâm quản trị công về cấp xã. Điều này tạo ra yêu cầu mới đối với minh bạch hóa quá trình ra quyết định, vì chính quyền xã không chỉ thực thi chính sách, mà còn trực tiếp thiết kế, triển khai và chịu trách nhiệm giải trình trước người dân trong phạm vi hành chính cơ sở.

Hai là, tác động của cải cách hai cấp đối với tính công khai, minh bạch:

(1) việc giảm tầng nấc trung gian (bỏ cấp huyện) có thể làm rút ngắn quy trình ra quyết định và tăng tốc độ xử lý hành chính, nhưng đồng thời làm gia tăng nguy cơ thiếu minh bạch nếu không có cơ chế kiểm soát quyền lực tương ứng. Trong mô hình mới, cấp xã gánh vác cả nhiệm vụ hành chính - kinh tế - xã hội, dẫn đến khả năng tập trung quyền lực nhiều hơn vào một nhóm nhỏ cán bộ chủ chốt, nhất là trong các quyết định về đất đai, ngân sách, quy hoạch và phúc lợi xã hội - những lĩnh vực vốn nhạy cảm về minh bạch; (2) năng lực thể chế và công nghệ của cấp xã hiện còn hạn chế, đặc biệt ở khu vực ĐBSCL, nơi điều kiện kinh tế - xã hội không đồng đều, cơ sở hạ tầng số chưa hoàn thiện. Điều này tạo ra khoảng trống lớn trong công khai dữ liệu, công bố thông tin và phản hồi trực tuyến - các yếu tố nền tảng của minh bạch hiện đại; (3) sự thay đổi trong phân cấp và phân quyền đòi hỏi điều chỉnh toàn bộ chuỗi trách nhiệm giải trình (accountability chain). Khi cấp xã được trao thêm thẩm quyền, việc thiếu hướng dẫn cụ thể về quy trình minh bạch hóa, cơ chế công bố thông tin và phản hồi công dân có thể làm giảm hiệu quả giám sát xã hội, đặc biệt ở các xã vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; (4) từ góc độ niềm tin chính trị và ổn định thể chế, việc chuyển trọng tâm quản trị về cấp xã cũng làm tăng nhu cầu công khai, minh bạch như cơ chế củng cố tính chính danh của chính quyền cơ sở. Các nghiên cứu quốc tế (OECD, (2024) [128]; OGP (2023) [131]) đã khẳng định rằng open data, open budget và open decision-making là ba tiêu chí cốt lõi trong đánh giá năng lực minh bạch của chính quyền địa phương. OECD nhấn mạnh sự khác biệt giữa “công khai hình thức” (chỉ công bố văn bản, thiếu

khả năng tiếp cận và giám sát) và “minh bạch thực chất” (dễ hiểu, có trách nhiệm phản hồi, cho phép người dân tham gia vào quá trình ra quyết định). Các khuyến nghị này có giá trị tham khảo trực tiếp cho cấp xã ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số và chính phủ điện tử đang được thúc đẩy mạnh mẽ.

Ba là, ý nghĩa của cải cách hai cấp đối với nghiên cứu công khai, minh bạch ở cấp xã

Từ ngày 01/7/2025, mô hình chính quyền hai cấp (tỉnh - xã) chính thức được thực thi trên phạm vi toàn quốc, mở ra giai đoạn mới của quản trị công ở Việt Nam. Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh và bãi bỏ cấp huyện (theo Nghị quyết 202/2025/QH15) [62] không chỉ là thay đổi kỹ thuật tổ chức lãnh thổ, mà còn là chuyển biến thể chế sâu sắc trong cơ chế ra quyết định và thực thi chính sách.

Trong bối cảnh này, tính công khai, minh bạch trở thành điều kiện tiên quyết để bảo đảm trách nhiệm giải trình, hiệu lực hành chính và sự tin cậy chính trị. Đặc biệt tại vùng ĐBSCL, nơi đặc thù dân cư phân tán, trình độ công nghệ và nguồn nhân lực hành chính không đồng đều, yêu cầu minh bạch hóa quy trình ra quyết định càng trở nên cấp thiết. Đây cũng chính là khoảng trống nghiên cứu quan trọng mà luận án hướng tới bổ sung, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị ở cấp xã trong mô hình chính quyền hai cấp mới.

1.3. KHÁI QUÁT CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN

1.3.1. Khái quát các kết quả nghiên cứu những công trình liên quan

Công khai, minh bạch trong hoạt động của chính phủ và chính quyền cấp xã là chủ đề thu hút được sự quan tâm đặc biệt của nhiều học giả trong và ngoài nước. Các công trình đã công bố cho thấy đây không chỉ là một yêu cầu hành chính thuần túy, mà còn là nền tảng bảo đảm tính dân chủ, liêm chính và hiệu quả của nền quản trị công hiện đại. Trong bối cảnh Việt Nam xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân,

công khai, minh bạch trở thành biểu hiện cụ thể của thực hành dân chủ thực chất, gắn liền với việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền tham gia và quyền giám sát của nhân dân.

Trên cơ sở rà soát có hệ thống các công trình trong và ngoài nước, có thể khái quát một số kết quả nổi bật sau:

Một là, về phương diện lý luận, các công trình nghiên cứu đã xây dựng được nền tảng tương đối đầy đủ cho việc nhận thức về bản chất, vai trò và ý nghĩa của công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền địa phương. Các học giả quốc tế như Heald (2006), Grimmelikhuijsen & Meijer (2014), Da Cruz, Tavares & Marques (2016)... đã tiếp cận công khai, minh bạch như một giá trị cốt lõi của quản trị dân chủ hiện đại, gắn với các khái niệm về trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực và niềm tin công chúng. Ở Việt Nam, nhiều tác giả như Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Văn Tiếc, Trịnh Xuân Thắng, Bùi Quang Hậu và Lê Thị Thiều Hoa cũng khẳng định rằng công khai, minh bạch là điều kiện cần để thực hành dân chủ ở cơ sở, nâng cao tính hợp pháp và hiệu lực của hoạt động hành chính. Những kết quả này cung cấp cho luận án cơ sở lý luận quan trọng để kế thừa và phát triển khung khái niệm, xác định các tiêu chí và công cụ đo lường mức độ công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

Hai là, về phương diện thực tiễn, nhiều công trình đã tiến hành khảo sát và đo lường mức độ công khai, minh bạch trong các lĩnh vực cụ thể như ngân sách, quy hoạch - sử dụng đất, thủ tục hành chính, dịch vụ công và đầu tư công. Các dữ liệu định lượng như PAPI (UNDP, 2022) đã góp phần phản ánh mức độ công khai thông tin và khả năng tiếp cận của người dân tại các cấp chính quyền địa phương. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này mới dừng ở mô tả hiện trạng hoặc đánh giá theo từng lĩnh vực riêng lẻ, chưa đi sâu vào phân tích toàn bộ quá trình ra quyết định hành chính - từ khâu tham vấn, thảo luận, quyết nghị đến công bố và giám sát thực hiện. Bên cạnh đó, chưa có công trình chuyên biệt nào nghiên cứu vùng ĐBSCL - nơi có đặc trưng về địa lý, văn hóa, xã hội

và tổ chức hành chính rất riêng, ảnh hưởng trực tiếp đến tính công khai, minh bạch của chính quyền cơ sở. Đây là khoảng trống thực tiễn quan trọng mà luận án hướng tới lấp đầy.

Ba là, về phương diện giải pháp, các công trình đã đề xuất nhiều hướng nhằm nâng cao công khai, minh bạch, như đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chính phủ điện tử, công khai ngân sách và tăng cường đối thoại chính quyền - người dân. Tuy nhiên, các giải pháp này nhìn chung còn mang tính khái quát, chưa gắn với yêu cầu tái cấu trúc bộ máy hành chính theo mô hình chính quyền hai cấp được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2025). Đặc biệt, thiếu các nghiên cứu chỉ rõ cơ chế minh bạch hóa quá trình ra quyết định trong bối cảnh bỏ cấp huyện, khi cấp xã phải đảm nhiệm vai trò hành chính trực tiếp duy nhất với người dân, trong điều kiện nguồn lực, nhân sự và hạ tầng công nghệ còn hạn chế. Do đó, luận án có cơ sở và điều kiện để đề xuất các giải pháp đặc thù, phù hợp với bối cảnh tổ chức bộ máy mới, đặc điểm vùng ĐBSCL và yêu cầu thực thi chuyển đổi số trong quản trị địa phương.

Nhìn chung, các công trình đã tạo nền tảng lý luận và thực tiễn phong phú cho luận án, song vẫn tồn tại những khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục khai thác: (1) phân tích toàn diện về công khai, minh bạch trong toàn bộ quá trình ra quyết định ở cấp xã; (2) nghiên cứu chuyên biệt về đặc thù vùng ĐBSCL; và (3) các giải pháp phải gắn với mô hình chính quyền hai cấp sau khi bỏ cấp huyện.

Chính những khoảng trống này mở ra dư địa nghiên cứu mới để luận án phát triển, góp phần làm sâu sắc thêm lý luận về quản trị công khai, minh bạch, đồng thời cung cấp luận cứ thực chứng phục vụ hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị địa phương trong giai đoạn mới.

1.3.2. Một số vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

- Luận án làm rõ hơn nội hàm khái niệm công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã dưới góc nhìn chính trị học

hiện đại. Đặc biệt, cần phân biệt công khai, minh bạch mang tính kỹ thuật - hành chính với công khai, minh bạch như một công cụ kiểm soát quyền lực, bảo đảm dân chủ và trách nhiệm giải trình. Đồng thời, việc hoàn thiện khung lý thuyết và hệ thống chỉ báo để đo lường mức độ công khai, minh bạch trong từng giai đoạn ra quyết định là yêu cầu cần thiết để bảo đảm cơ sở khoa học cho đánh giá thực tiễn.

- Luận án khảo sát, đánh giá cụ thể hơn thực trạng công khai, minh bạch trong từng khâu của quá trình ra quyết định ở cấp xã (từ chuẩn bị, tham vấn, ban hành đến tổ chức thực hiện và giám sát). Đặc biệt, khảo sát tại vùng ĐBSCL - nơi có đặc thù về điều kiện tự nhiên, xã hội, dân cư, ảnh hưởng mạnh bởi biến đổi thể chế và sáp nhập đơn vị hành chính. Việc đánh giá cần gắn với điều kiện thể chế cũ (3 cấp) để làm cơ sở đề xuất giải pháp phù hợp với mô hình chính quyền 2 cấp.

- Xác định rõ các quan điểm tiếp cận trong xây dựng giải pháp, trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc dân chủ, pháp quyền và trách nhiệm giải trình. Các giải pháp cần hướng đến việc tăng cường hiệu quả công khai, minh bạch trong điều kiện không còn cấp huyện trung gian, đồng thời ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, dữ liệu số và công cụ phản biện xã hội. Đây là cơ sở để bảo đảm quá trình ra quyết định ở cấp xã vừa đúng pháp luật, vừa gần dân và có tính khả thi cao hơn trong mô hình chính quyền hai cấp.

Tiểu kết chương 1

Luận án đã tập trung hệ thống hóa, khái quát hóa các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài liên quan đến chủ đề công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã. Các nghiên cứu lý luận đã làm rõ vai trò của công khai, minh bạch như một yếu tố cốt lõi của quản trị dân chủ, công bằng, đồng thời là công cụ kiểm soát quyền lực và nâng cao trách nhiệm giải trình trong bộ máy nhà nước.

Nhiều công trình quốc tế (OECD, OGP, UNDP, World Bank...) đã chỉ ra sự cần thiết phải thể chế hóa nguyên tắc minh bạch thực chất thông qua

chuẩn hóa dữ liệu, đối thoại xã hội và trách nhiệm giải trình theo thời gian thực hiện. Các nghiên cứu trong nước cũng nhấn mạnh công khai, minh bạch là một nội dung quan trọng trong thực hiện dân chủ cơ sở, cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng. Một số công trình gần đây như của Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Khắc Giang, Trịnh Xuân Thắng... đã tiếp cận vấn đề dưới góc độ thể chế, từ đó làm rõ hơn những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả công khai, minh bạch ở cấp cơ sở.

Bên cạnh đó, Nghị quyết 202/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi (2025) và các phân tích của Chinhphu.vn, MUFG Research, ISEAS... đã làm rõ hơn bối cảnh tổ chức lại hệ thống chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao vai trò của cấp xã trong bảo đảm công khai, minh bạch khi không còn cấp huyện trung gian.

Tuy nhiên, tổng quan cũng cho thấy còn nhiều khoảng trống nghiên cứu mà luận án cần tiếp tục làm rõ. *Một là*, chưa có nhiều nghiên cứu chuyên biệt về công khai, minh bạch trong toàn bộ quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã (từ chuẩn bị, tham vấn, ban hành đến giám sát); *Hai là*, chưa có công trình nào khảo sát sâu vùng ĐBSCL nơi có nhiều đặc thù về dân cư, xã hội, hành chính và điều kiện thực thi chính sách; *Ba là*, chưa có hệ thống chỉ báo và mô hình đánh giá cụ thể để lượng hóa mức độ công khai, minh bạch trong thực tiễn. Vì vậy, kết quả tổng quan không chỉ cung cấp nền tảng lý luận - thực tiễn quan trọng cho luận án tiếp tục nghiên cứu, mà còn góp phần xác định rõ hướng tiếp cận, nội dung khảo sát và định hướng đề xuất giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu thế cải cách thể chế hiện nay.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ

2.1. KHÁI NIỆM VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1.1. *Khái niệm công khai (openness)*

Khái niệm công khai đã được tiếp cận từ nhiều góc độ trong nghiên cứu trong nước và nước ngoài, nhưng đều thống nhất rằng: công khai là nguyên tắc quản trị đề cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia. Theo Daniel và cộng sự (2017) [102], công khai phản ánh “khả năng tiếp cận kiến thức, minh bạch hành động, thẩm cấu trúc tổ chức và sự tham gia toàn diện” - đối lập với sự khép kín, độc đoán trong quản lý.

Ở Việt Nam, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 lần đầu tiên quy định: “Công khai là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị công bố, cung cấp thông tin chính thức về văn bản, hoạt động hoặc nội dung nhất định” [60]. Nhiều học giả như Nguyễn Văn Tiếc, Phan Trung Lý... đều xem công khai là hoạt động chủ động của nhà nước nhằm đảm bảo người dân có thể tiếp cận thông tin về tổ chức và hoạt động công vụ một cách thuận tiện.

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, công khai là một nguyên tắc quan trọng trong tổ chức và hoạt động của nhà nước vô sản, gắn liền với yêu cầu dân chủ, kiểm soát quyền lực và phòng chống quan liêu, tha hóa bộ máy nhà nước. Trong tác phẩm Nội chiến ở Pháp, C.Mác nhấn mạnh, Công xã Paris đã thay thế sự cai trị khép kín bằng việc hành động công khai trước nhân dân, coi đây là biểu hiện của một nhà nước kiểu mới “thực sự dân chủ” [38, tr.446]. Tiếp nối tư tưởng đó, V.I. Lênin khẳng định: “Chúng ta cần một nhà nước mà trong

đó công việc được thực hiện một cách công khai, minh bạch, để quần chúng có thể kiểm tra mọi việc” [33, tr.78]. Theo Người, công khai chính là “ánh sáng của dư luận”, là điều kiện tiên quyết để chống đặc quyền, đặc lợi, bảo đảm mọi hoạt động của nhà nước được nhân dân biết, bàn, giám sát và đánh giá. Như vậy, chủ nghĩa Mác - Lênin xem công khai không chỉ là kỹ thuật quản lý mà còn là biểu hiện bản chất dân chủ, cách mạng và trách nhiệm trước nhân dân của một nhà nước do nhân dân làm chủ.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, công khai không chỉ là một việc làm mang tính hành chính, mà là yêu cầu đạo đức và nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước. Người khẳng định: “Quản lý phải dân chủ, tài chính phải công khai - sổ sách phải minh bạch. Phải chống quan liêu, lãng phí, tham ô” [40, tr.292]. Theo đó, công khai là điều kiện để nhân dân biết - giám sát - kiểm tra và là phương thức thực hiện dân chủ, củng cố niềm tin nhân dân với Nhà nước.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nêu trên, theo luận án thì *công khai được hiểu là trạng thái hoặc nguyên tắc trong đó các thông tin, hoạt động, quyết định và quá trình của cơ quan công quyền được công bố và truyền đạt một cách chính thức, công khai theo quy định, nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của các chủ thể có liên quan trong xã hội.*

2.1.1.2. Khái niệm minh bạch (transparency)

Minh bạch là một khái niệm đa chiều, được tiếp cận từ nhiều góc độ trong khoa học chính trị, quản trị công, pháp luật và đạo đức công vụ. Mặc dù có sự khác biệt trong diễn đạt, các quan điểm nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất rằng: minh bạch là trách nhiệm chủ động của cơ quan công quyền trong việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, dễ hiểu và dễ tiếp cận cho người dân và các chủ thể liên quan, nhằm bảo đảm khả năng giám sát và kiểm soát quyền lực nhà nước.

Ở *bình diện quốc tế*, minh bạch được xem như một trong những trụ cột của quản trị tốt (good governance). Theo OECD [124], minh bạch là “mức độ

mà công chúng có thể tiếp cận thông tin về các quyết định và hoạt động của chính quyền, qua đó đánh giá được trách nhiệm của cơ quan công quyền”. Theo Da Cruz và cộng sự (2015) [98] bổ sung rằng, trong bối cảnh số hóa, minh bạch không chỉ dừng ở việc “đăng tải dữ liệu”, mà đòi hỏi thông tin phải có giá trị sử dụng thực tế, tức là có thể truy cập, khai thác, phân tích và tái sử dụng - hướng tới minh bạch thực chất (substantive transparency) chứ không phải minh bạch hình thức (formal transparency).

Ở Việt Nam, nhiều học giả đã mở rộng nội hàm của khái niệm minh bạch theo hướng vừa pháp lý, vừa mang tính đạo đức công vụ. Nguyễn Văn Tiếc (2013) [63, tr.17-21] cho rằng minh bạch là sự công khai rõ ràng, không khuất tất, không gây cản trở cho người dân trong việc tiếp cận thông tin. Trần Thị Diệu Oanh (2015) [47] nhấn mạnh rằng minh bạch bao gồm cả tính dự đoán, tính dễ hiểu và khả năng giám sát từ bên ngoài. Nguyễn Thị Phương (2016) [52, tr.25-26] bổ sung yếu tố tin cậy, nhất quán, bình đẳng trong tiếp cận thông tin. Gần đây, Phan Trung Lý và Nguyễn Trung Thành (2021) [36] nhấn mạnh: minh bạch không chỉ là công khai, mà còn là sự chủ động, trung thực và có trách nhiệm trong công khai - đây là tiêu chuẩn cao của quản trị hiện đại, gắn với nguyên tắc giải trình (accountability) trong quản trị công.

Về mặt tư tưởng, trong hệ thống lý luận Mác - Lênin, minh bạch được xem là nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước kiểu mới. Trong “Nội chiến ở Pháp (1871)”, C.Mác ca ngợi mô hình Công xã Paris vì đã thực hiện “một chính quyền không hành động trong bóng tối mà công khai mọi hoạt động trước nhân dân” [38, tr.446] - ở đó, mọi cơ quan nhà nước đều chịu sự kiểm tra trực tiếp từ công chúng. Minh bạch, theo C.Mác, là phương thức chống lại tha hóa quyền lực, bảo đảm quyền lực được sử dụng “cho dân và vì dân”, chứ không phục vụ lợi ích nhóm. Tiếp nối tư tưởng đó, V.I. Lênin khẳng định, “Nhân dân phải được biết tất cả, kiểm tra tất cả và đánh giá tất cả” [33, tr.78-82], coi minh bạch là điều kiện tiên quyết để xây dựng chính quyền Xô-viết

của nhân dân. Trong Nhà nước và cách mạng, Ông phê phán mô hình nhà nước bí mật, quan liêu, nhấn mạnh rằng chính quyền phải hoạt động công khai và chịu sự giám sát của nhân dân, vì đó chính là “bản chất cách mạng của quyền lực mới”.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, minh bạch được chuyển hóa thành phạm trù đạo đức chính trị. Người nhiều lần nhấn mạnh cán bộ, đảng viên phải “quang minh chính đại, chí công vô tư” [39], Cụm từ “quang minh chính đại” trong văn hóa chính trị phương Đông là biểu tượng của tính trong sáng, công tâm, không vụ lợi và không che giấu. Hồ Chí Minh cho rằng minh bạch không chỉ là yêu cầu kỹ thuật trong quản lý mà là phẩm chất đạo đức và trách nhiệm chính trị của người cán bộ cách mạng - người “được quyền dân giao, phải chịu trách nhiệm trước dân”.

Từ các cách tiếp cận nêu trên, có thể khái quát *minh bạch là trạng thái hoặc nguyên tắc trong đó các hoạt động, quyết định, quy trình và thông tin của cơ quan công quyền, trên cơ sở được công khai, được thể hiện một cách rõ ràng, chính xác, có thể kiểm chứng, dễ hiểu và dễ tiếp cận, qua đó bảo đảm khả năng giám sát và trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền trước Nhân dân.*

Minh bạch khác với công khai ở chỗ: công khai thiên về hành vi - “làm cho người khác biết”, còn minh bạch thiên về chất lượng và nội dung thông tin - “làm cho người khác hiểu và tin”. Công khai là phương tiện, còn minh bạch là mục tiêu. Một chính quyền có thể công khai rất nhiều, nhưng nếu thông tin thiếu chính xác, khó hiểu hoặc không thể kiểm chứng thì vẫn chưa minh bạch. Vì vậy, công khai là điều kiện cần, nhưng minh bạch mới là điều kiện đủ để kiểm soát quyền lực, phòng ngừa tham nhũng và củng cố niềm tin của nhân dân.

Trong pháp luật Việt Nam hiện nay, khái niệm minh bạch được thể chế hóa rõ trong Luật Tiếp cận thông tin (2016) và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), coi việc “công khai, minh bạch thông tin, bảo đảm quyền được biết của

công dân” là một trong những nguyên tắc cơ bản của quản lý nhà nước. Đây chính là nền tảng pháp lý quan trọng để triển khai minh bạch hóa quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã, hướng tới chính quyền liêm chính, phục vụ và có trách nhiệm giải trình.

2.1.1.3. Chính quyền địa phương, chính quyền cấp xã

Cho đến nay, trên thế giới có nhiều cách hiểu khác nhau về chính quyền địa phương, do sự khác biệt về thể chế chính trị, lịch sử hình thành và mô hình tổ chức hành chính của từng quốc gia. Mặc dù vậy, điểm thống nhất chung là: chính quyền địa phương chính là hình thức tổ chức quyền lực nhà nước gắn với một cộng đồng dân cư nhất định, không thuộc thẩm quyền của chính quyền trung ương.

Thuật ngữ “chính quyền địa phương” có thể được hiểu theo hai nghĩa:

Theo nghĩa rộng, chính quyền địa phương là hệ thống các cơ quan nhà nước được tổ chức ở địa bàn lãnh thổ nhằm thực thi quyền lực nhà nước tại địa phương, bao gồm cả chức năng lập pháp, hành pháp và tư pháp ở phạm vi lãnh thổ nhất định.

Theo nghĩa hẹp, chính quyền địa phương được hiểu là hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, có chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật trong phạm vi lãnh thổ địa phương.

Trong khoa học hành chính, hầu hết các công trình nghiên cứu đều tiếp cận theo nghĩa hẹp, coi chính quyền địa phương là cơ cấu quyền lực được tổ chức ở các đơn vị hành chính lãnh thổ (tỉnh, huyện, xã) để thực hiện các nhiệm vụ do Hiến pháp và pháp luật quy định. Từ đó, có thể khái quát: chính quyền địa phương là một bộ phận hữu cơ của bộ máy nhà nước, được tổ chức tại các đơn vị hành chính, lãnh thổ nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi địa phương, phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội, nông thôn, đô thị, hải đảo hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Theo Trần Thị Diệu Oanh (2015) [47, tr.11], chính quyền địa phương là pháp nhân công quyền được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của

pháp luật, với chức năng cơ bản là tổ chức thực hiện các quyền quyết định của trung ương, đồng thời tự giải quyết các vấn đề của địa phương phù hợp với pháp luật và ý chí, nguyện vọng của cư dân địa phương. Nhìn chung, các quan niệm đều thống nhất rằng: chính quyền địa phương là cấp chính quyền bao gồm Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND), được thành lập để tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương; quyết định những vấn đề của địa phương theo luật định; đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên [53].

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (Điều 30) [54]: chính quyền cấp xã gồm HĐND và UBND xã, chịu trách nhiệm thi hành Hiến pháp và pháp luật, quyết định các vấn đề trong phạm vi được phân quyền và phân cấp, thực hiện nhiệm vụ ủy quyền, chịu trách nhiệm trước chính quyền cấp huyện, tổ chức huy động nguồn lực xã hội và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 [61], đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước ở địa phương, phù hợp với yêu cầu đổi mới thể chế, cải cách hành chính và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Một trong những điểm đổi mới căn bản của Luật 2025 là xác lập mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh và xã), thay cho mô hình ba cấp (tỉnh - huyện - xã) trước đây. Sự điều chỉnh này thể hiện xu hướng tinh gọn bộ máy, tăng tính tự chủ và trách nhiệm thực thi, đồng thời gắn kết trực tiếp giữa chính quyền cơ sở với cấp tỉnh trong quản lý, điều hành và cung ứng dịch vụ công.

Theo Điều 21, 22 và 23 của Luật 72/2025/QH15, chính quyền cấp xã tiếp tục được xác định là cấp hành chính cơ bản, gồm Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND): (1) HĐND xã là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, có quyền quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách địa phương, chủ

trương đầu tư, cũng như các biện pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự trên địa bàn; (2) UBND xã là cơ quan chấp hành của HĐND và cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương, chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết HĐND, quản lý toàn diện hành chính trên địa bàn theo hướng công khai, minh bạch, hiện đại, chuyển đổi số; (3) Chủ tịch UBND xã là người đứng đầu chính quyền hành chính ở cơ sở, trực tiếp lãnh đạo, điều hành và chịu trách nhiệm trước Nhân dân, HĐND xã và UBND cấp tỉnh về toàn bộ kết quả quản trị, điều hành kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách, nhân sự, quốc phòng, an ninh và chuyển đổi số của địa phương.

Đặc biệt, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã thiết lập rõ hơn nguyên tắc phân quyền, phân cấp gắn với trách nhiệm giải trình. Chính quyền cấp xã được trao thẩm quyền chủ động hơn trong quản lý đất đai, đầu tư công, an sinh xã hội và chuyển đổi số, song đồng thời phải chịu trách nhiệm giải trình công khai trước Nhân dân và cơ quan cấp trên về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Tóm lại, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã khẳng định một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng mô hình chính quyền cơ sở công khai, minh bạch, trách nhiệm và số hóa, qua đó củng cố cơ sở pháp lý cho việc đánh giá và thực thi các giải pháp bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL - đối tượng nghiên cứu trọng tâm của luận án này.

Theo đó, *Chính quyền cấp xã là cấp chính quyền địa phương được tổ chức tại đơn vị hành chính cơ sở gồm xã, phường (gọi chung là cấp xã), có tư cách pháp lý để thực hiện chức năng quản lý nhà nước, bảo đảm thi hành pháp luật và tổ chức đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trên địa bàn.*

2.1.1.4. Quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Ra quyết định đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của chính quyền cấp xã. Sự thành công của chính quyền cấp xã phụ thuộc rất nhiều vào các quyết định hiệu quả.

**** Khái niệm ra quyết định***

Ra quyết định là quá trình đưa ra lựa chọn từ một số phương án thay thế để đạt được kết quả mong muốn [104]. Điều này có nghĩa rằng, ra quyết định liên quan đến việc đưa ra lựa chọn từ một số phương án. Ra quyết định là quá trình liên quan đến nhiều thứ hơn, chứ không chỉ đơn thuần là lựa chọn cuối cùng trong số các phương án thay thế. Kết quả mong muốn được đề cập trong định nghĩa liên quan đến mục đích hoặc mục tiêu xuất phát từ hoạt động tinh thần mà người ra quyết định tham gia để đưa ra quyết định cuối cùng.

Ra quyết định là quá trình chủ thể lãnh đạo cân nhắc và lựa chọn hành động nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức một cách tốt nhất trong bối cảnh cụ thể [28, tr.109]. Điều này cho thấy, khi đề cập đến ra quyết định thì bản chất của nó là sự cân nhắc và lựa chọn các vấn đề cần giải quyết, cân nhắc và lựa chọn mục tiêu cần đạt được, cân nhắc và lựa chọn các phương án trong bối cảnh cụ thể.

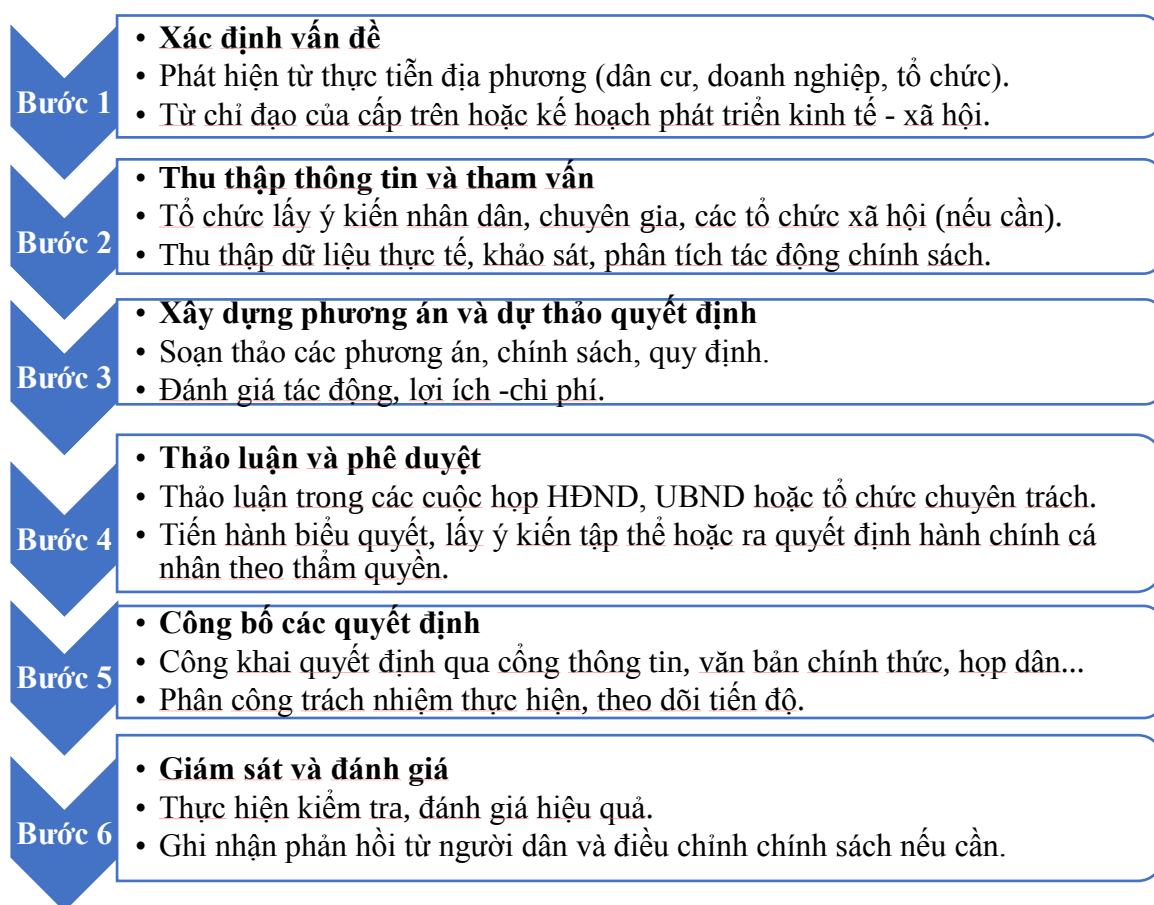
**** Quy trình ra quyết định***

Theo Towler, M. (2010) [142], ra quyết định hành chính là hoạt động mang tính duy lý. Theo lý thuyết hành chính hiện đại, tính duy lý được hiểu là việc lựa chọn phương án tối ưu trên cơ sở phân tích có hệ thống các thông tin, mục tiêu và hệ quả có thể xảy ra. Tuy nhiên, trong thực tiễn quản trị ở cấp xã, các quyết định thường bị giới hạn bởi năng lực, thời gian và thông tin không đầy đủ. Vì vậy, công khai, minh bạch được coi là cơ chế “mở rộng giới hạn duy lý”, giúp nâng cao chất lượng thông tin, giảm rủi ro và tăng trách nhiệm giải trình.

Ở Việt Nam, mô hình ra quyết định cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong đó, Hoàng Văn Hải và cộng sự (2013) cho rằng mô hình ra quyết định bao gồm các bước: (1) xác định vấn đề và mục tiêu; (2) phân tích nguyên nhân; (3) đề xuất các phương án; (4) Đánh giá các phương án và (5) chọn phương án tối ưu [18]. Theo Giáo trình Khoa học lãnh đạo (2021) [28,

tr.109], quy trình ra quyết định lãnh đạo gồm các hoạt động cơ bản như: xác định vấn đề và mục tiêu hành động; phân tích các vấn đề lãnh đạo; xây dựng phương án và lựa chọn phương án; tổ chức thực hiện phương án ưu tiên; giám sát và đánh giá; điều chỉnh chiến lược.

Kế thừa và vận dụng các nghiên cứu trước đó, luận án phân tích quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã được thực hiện ở các bước sau:



Mô hình 2.1: Mô hình ra quyết định của chính quyền cấp xã

(Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2024)

Bước 1. Xác định vấn đề: (1) Xuất phát từ yêu cầu từ thực tiễn (dân cư, doanh nghiệp, tổ chức), chỉ đạo của cấp trên hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; (2) Minh bạch bắt buộc: công khai “tờ trình tóm tắt” (vấn đề, mục tiêu, phạm vi, căn cứ pháp lý) trên bảng tin hoặc website của xã.

Bước 2. Thu thập thông tin và tham vấn: (1) Hoạt động: khảo sát thực tế,

lấy ý kiến nhân dân, chuyên gia, tổ chức xã hội; (2) Minh bạch bắt buộc: công bố kế hoạch tham vấn, mẫu hỏi, kênh góp ý, biên bản tổng hợp.

Bước 3. Xây dựng phương án và dự thảo quyết định: (1) Hoạt động: soạn thảo phương án, phân tích lợi ích - chi phí, lựa chọn tiêu chí; (2) Minh bạch bắt buộc: công khai dự thảo, phương án giải quyết, báo cáo tác động dễ đọc.

Bước 4. Thảo luận và phê duyệt: (1) Hoạt động: thảo luận tại HĐND, UBND hoặc tập thể chuyên trách; biểu quyết, ra quyết định hành chính theo thẩm quyền; (2) Minh bạch bắt buộc: công khai chương trình họp, danh sách người chịu trách nhiệm và kết quả biểu quyết.

Bước 5. Công bố các quyết định: (1) Hoạt động: ban hành văn bản chính thức, phân công trách nhiệm và theo dõi tiến độ; (2) Minh bạch bắt buộc: công khai toàn văn và bản tóm tắt, lịch tiến độ, đầu mối giải đáp.

Bước 6. Giám sát, đánh giá và điều chỉnh: (1) Hoạt động: kiểm tra nội bộ, giám sát của MTTQ và Ban giám sát đầu tư cộng đồng, tiếp nhận phản ánh; (2) Minh bạch bắt buộc: công khai bảng theo dõi tiến độ, báo cáo giải trình, công bố tỉ lệ phản ánh được xử lý.

Ba vấn đề trọng tâm của minh bạch xuyên suốt mô hình gồm: công khai tiến độ, công khai trách nhiệm và công khai kết quả. Đây là cơ sở để chính quyền cấp xã chuyển từ công khai hình thức sang minh bạch thực chất, góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, liêm chính và hiệu quả.

2.1.1.5. Khái niệm công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

**** Khái niệm công khai trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã:***

Từ cách tiếp cận về công khai đã phân tích, có thể thấy công khai trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là một dạng công khai đặc thù, gắn trực tiếp với chủ thể công khai thông tin là chính quyền cấp xã và đối tượng tiếp cận thông tin là người dân trên địa bàn.

Theo đó, công khai trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã được hiểu là việc chính quyền cấp xã nắm bắt, tiếp nhận và công bố thông tin về các quyết định quản lý nhà nước trong quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định, thông qua các hình thức và phương tiện theo quy định của pháp luật.

Nội hàm của công khai trong quá trình ra quyết định thể hiện ở ba phương diện cơ bản:

Thứ nhất, chính quyền cấp xã không chỉ công bố thông tin do mình tạo ra, mà còn tiếp nhận và phản ánh thông tin, ý kiến từ phía người dân trong quá trình chuẩn bị và ra quyết định, qua đó bảo đảm quyền được biết và quyền tham gia của Nhân dân.

Thứ hai, hình thức công khai được thực hiện đa dạng và linh hoạt, bao gồm: tổ chức họp dân, hội nghị, đối thoại; niêm yết tại trụ sở; thông báo bằng văn bản; đăng tải trên trang thông tin điện tử; truyền thanh cơ sở và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Thứ ba, việc công khai phải gắn với khả năng tiếp cận và giám sát của Nhân dân, bảo đảm người dân có điều kiện theo dõi, kiểm tra và phản hồi đối với các quyết định của chính quyền cấp xã.

Như vậy, *công khai trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là sự nắm bắt và công bố thông tin một cách chính thức, dễ tiếp cận về các hoạt động, quyết định, chính sách, quy trình và tài chính của chính quyền địa phương theo luật định, nhằm tạo điều kiện cho người dân biết, tham gia và giám sát hoạt động quản lý nhà nước ở cấp cơ sở.*

*** *Khái niệm minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã:***

Trên cơ sở khái niệm minh bạch đã được xác lập, luận án thống nhất cho rằng minh bạch không đồng nhất với công khai, mà là yêu cầu cao hơn, phản ánh chất lượng và mức độ thực chất của công khai.

Theo đó, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã được hiểu là sự rõ ràng, không che giấu, không mập mờ trong toàn bộ quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định, bảo đảm các thông tin được công bố dễ hiểu, có căn cứ, có thể kiểm chứng và giải trình.

Minh bạch đòi hỏi không chỉ công bố kết quả cuối cùng, mà còn làm rõ cơ sở, quy trình, tiêu chí và trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong quá trình ra quyết định. Qua đó, các quyết định của chính quyền cấp xã phải có khả năng bị kiểm tra, giám sát và đánh giá từ phía người dân và các chủ thể giám sát xã hội, góp phần hạn chế lạm quyền, phòng ngừa tiêu cực và nâng cao hiệu lực quản trị.

*** Khái niệm công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã:** Trên cơ sở phân biệt và làm rõ nội hàm của công khai và minh bạch, có thể hiểu *công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là tổng thể các hoạt động của chính quyền cấp xã nhằm bảo đảm mọi thông tin, nội dung, trình tự và kết quả của việc ban hành quyết định quản lý nhà nước ở cấp xã được công bố kịp thời, rõ ràng, chính xác, có thể kiểm chứng và dễ tiếp cận, qua đó tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia, giám sát và yêu cầu giải trình.*

2.1.2. Sự cần thiết của công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Trong điều kiện đổi mới mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả và dân chủ hóa thực chất, đặc biệt là việc chuyển sang mô hình chính quyền hai cấp sau khi bãi bỏ cấp huyện tại nhiều địa phương từ ngày 01/7/2025, yêu cầu công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã không chỉ là một đòi hỏi hành chính, mà còn là vấn đề có tính nền tảng về lý luận, thể chế và đạo đức công vụ, cụ thể:

Một là, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là điều kiện cốt lõi bảo đảm cho một nền quản trị địa phương hiện

đại, hiệu quả và dân chủ. Trong lý thuyết quản trị công mới (New Public Governance), công khai, minh bạch không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước mà còn khẳng định tính chính danh, chính đáng (legitimacy) của các quyết định hành chính. Đặc biệt ở cấp xã - nơi gần dân nhất, mỗi quyết định liên quan trực tiếp đến đời sống dân cư, việc công bố kịp thời, đầy đủ, dễ hiểu và đúng pháp luật các thông tin về dự thảo, nội dung và tác động của chính sách là yêu cầu không thể thiếu. Chính quyền cấp xã không chỉ là cấp hành chính mà còn là cấp thể hiện rõ nhất mối liên hệ trực tiếp giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Hai là, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã góp phần bảo đảm thực thi dân chủ ở cơ sở theo đúng tinh thần của Hiến pháp 2013 và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022. Khi người dân được biết, được bàn, được giám sát và phản hồi đối với các quyết định của chính quyền xã, thì các thiết chế dân chủ được thực hiện một cách thực chất, thay vì hình thức. Công khai là bước khởi đầu, minh bạch là phương thức bảo đảm tính thực chất của sự tham gia; còn sự tham gia chính là yếu tố tạo nên sự đồng thuận, đoàn kết và cộng đồng trách nhiệm trong phát triển của địa phương. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của Internet, nhu cầu thông tin của người dân ngày càng nhiều và càng cao cho nên thông tin hoạt động của chính quyền cấp xã phải được công khai theo nhiều hình thức, các thông tin được đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân. Nhu cầu thông tin của người dân là quyền tiếp cận thông tin được đảm bảo bởi các quy định pháp luật. Thông qua những thông tin được công khai, minh bạch đó, người dân thực hiện tốt quyền làm chủ của mình, đó là giám sát hoạt động ra quyết định của chính quyền địa phương nói chung, chính quyền cấp xã nói riêng. Thực tế cho thấy, nhiều quyết định của chính quyền cấp xã ban hành và được công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng chính thống nhưng không phù hợp với tâm tư, ý chí nguyện vọng của

nhân dân, ngay lập tức chịu sự phản ứng của dư luận xã hội. Chẳng hạn, trong bối cảnh dịch Covid-19, một số địa phương đã thực hiện chỉ thị phòng chống dịch không phù hợp với tình hình dịch bệnh tại thời điểm đó và được công khai trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội. Khi đó, người dân đã phản ứng và chính quyền địa phương đó đã điều chỉnh quyết định. Qua minh chứng này cho thấy, sự công khai, minh bạch thông tin các quyết định của chính quyền địa phương đã giúp người dân tham gia giám sát một cách đầy đủ hơn, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Ngoài ra, công khai, minh bạch nhằm bảo đảm “quyền được biết” của công dân. Ở cấp xã - nơi các quyết định hành chính tác động trực tiếp và thường nhật đến đời sống - “quyền được biết” phải được bảo đảm thực chất thông qua việc cung cấp thông tin đúng, đủ, kịp thời, dễ hiểu và dễ tiếp cận (niêm yết, trực tuyến, truyền thanh cơ sở, họp dân...). Khi quyền được biết được tôn trọng, người dân có cơ sở để hiểu, thực hiện quyền và nghĩa vụ, hạn chế tin đồn, giảm xung đột và nâng cao tính chính danh của chính quyền cơ sở. Bên cạnh, công khai, minh bạch bảo đảm cơ chế tham gia và giám sát của công dân ở cơ sở. Minh bạch không chỉ “mở” thông tin mà còn kích hoạt quy trình tham gia (góp ý dự thảo, phản hồi tác động, đối thoại công khai) và giám sát xã hội (Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể). Cơ chế này giúp sớm phát hiện sai sót, hiệu chỉnh chính sách theo thực tiễn và gia tăng đồng thuận xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, ngân sách, an sinh xã hội.

Ba là, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định là cơ chế quan trọng để kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực ở cấp cơ sở. Thực tế cho thấy, cấp xã là nơi dễ phát sinh tình trạng lạm quyền, lợi ích nhóm, lạm quyền trong các lĩnh vực như đất đai, hỗ trợ an sinh, ngân sách xã, tuyển dụng... Việc các quyết định không được minh bạch khiến người dân không thể giám sát, dẫn đến sự bất bình, mất niềm tin, thậm chí khiếu kiện kéo dài.

Ngược lại, khi mọi quyết định đều được công khai đúng quy định, có giải trình rõ ràng, thì cán bộ khó có cơ hội lợi dụng quyền hạn để trục lợi.

Bốn là, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã giúp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền cấp xã trong bối cảnh chuyển đổi số và chính quyền số. Trong môi trường số hóa, việc tiếp cận thông tin của người dân trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn bao giờ hết. Vì vậy, chính quyền cấp xã cần xây dựng các nền tảng thông tin công khai rõ ràng, thuận tiện trên cổng thông tin điện tử, bảng tin điện tử tại trụ sở hoặc hệ thống truyền thanh cơ sở. Đặc biệt, với các quyết định về quy hoạch, ngân sách, đầu tư công, quản lý đất đai, trợ cấp xã hội... việc công khai bằng văn bản, biểu mẫu và hình thức dễ hiểu, dễ tiếp cận là trách nhiệm bắt buộc chứ không còn là lựa chọn.

Năm là, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã góp phần tạo dựng và củng cố niềm tin của nhân dân vào chính quyền cơ sở. Trong bối cảnh áp lực xã hội ngày càng cao về chống tham nhũng, công bằng xã hội và quản lý hiệu quả nguồn lực công, người dân ngày càng kỳ vọng vào sự liêm chính, tận tụy và công khai của chính quyền cấp xã. Khi người dân thấy các quyết định đều được ban hành dựa trên quy trình minh bạch, có sự tham vấn và phản hồi công khai, thì sự tin tưởng và ủng hộ đối với chính quyền cũng ngày càng tăng.

Sáu là, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định còn là yêu cầu để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Khi các quyết định đều phải công khai, minh bạch, có truy vết trách nhiệm, cán bộ sẽ có động lực tự nâng cao năng lực, tránh né tư duy cục bộ, cảm tính, mệnh lệnh hành chính thuần túy. Đồng thời, đây cũng là tiêu chí đánh giá đạo đức công vụ, năng lực quản trị của đội ngũ cán bộ cấp xã trong thời đại mới.

Bảy là, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định tạo điều kiện thuận lợi để vận hành mô hình chính quyền hai cấp ổn định, hiệu quả và dân

chủ. Trong điều kiện giảm tầng nấc trung gian (không còn cấp huyện ở nhiều nơi), cấp xã phải trực tiếp gánh trách nhiệm vừa tổ chức thực hiện, vừa làm đầu mối cung cấp thông tin, báo cáo và phản hồi giữa dân - chính quyền - tỉnh. Muốn làm tốt vai trò này, công khai, minh bạch không thể bị xem nhẹ, đặc biệt là trong quá trình ban hành các quyết định của cấp xã.

Tóm lại, công khai, minh bạch không chỉ là yêu cầu pháp lý được quy định tại Hiến pháp 2013, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật Phòng chống tham nhũng (2018)... mà còn là yêu cầu chính trị - đạo đức và là tiêu chí đánh giá chất lượng quản trị nhà nước hiện đại. Trong điều kiện đổi mới mô hình tổ chức chính quyền, đặc biệt ở cấp xã - nơi gần dân nhất, việc bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định không chỉ nhằm gia tăng hiệu quả quản lý mà còn củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng một nền hành chính dân chủ, minh bạch, phục vụ nhân dân.

2.2. CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ: CHỦ THỂ, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, HÌNH THỨC, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

2.2.1. Chủ thể, đối tượng thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Việc xác định chủ thể và đối tượng thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có ý nghĩa quan trọng đối với công tác đánh giá thực trạng công khai, minh bạch ở cấp cơ sở. Theo Luật Chính quyền địa phương 2015, 2019, sửa đổi, bổ sung 2025 cho thấy, chủ thể và đối tượng thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định gồm:

Chủ thể thực hiện công khai, minh bạch: là những tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trực tiếp trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

Đối với tổ chức: Hội đồng nhân dân xã là cơ quan quyền lực cao nhất ở cấp xã ra các quyết định và tham gia giám sát việc ra quyết định của UBND xã, đặc biệt là các quyết định liên quan đến chính sách dân sinh. Đồng thời, yêu cầu UBND xã công khai các dự thảo, kết quả thực hiện quyết định. Cùng với đó, UBND cấp xã là cơ quan hành chính nhà nước, có quyền và trách nhiệm ra các quyết định về quản lý nhà nước trên địa bàn. Có trách nhiệm trực tiếp tổ chức công khai các quyết định về: ngân sách, dự án đầu tư, đất đai, các chính sách hỗ trợ, cấp giấy phép, thuế, dịch vụ công... Ngoài ra, các phòng, ban chuyên môn của UBND xã cũng là một trong những chủ thể quan trọng trong thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

Đối với cá nhân: Chủ tịch UBND cấp xã là người đứng đầu UBND xã, chịu trách nhiệm chính về tính minh bạch, hợp pháp trong quá trình ra quyết định. Đồng thời, quyết định công khai, trình bày thông tin cho dân và giám sát việc thực hiện. Ngoài ra, các công chức chuyên môn thuộc UBND xã là người trực tiếp thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định với sự giám sát của HĐND, Mặt trận Tổ quốc và đại diện cộng đồng dân cư theo chỉ đạo của lãnh đạo xã.

Đối tượng thực hiện công khai, minh bạch là những cá nhân, tổ chức chịu tác động hoặc liên quan đến quyết định. Trước hết là, người dân doanh nghiệp trên địa bàn xã là đối tượng chính được hưởng quyền lợi từ quyết định và có quyền giám sát, phản hồi. Các tổ chức chính trị - xã hội tại xã tham gia phản biện, giám sát việc ra quyết định, bảo đảm quyền lợi thành viên, đồng thời hỗ trợ UBND xã công khai thông tin đến cộng đồng. Ngoài ra, các cơ quan quản lý cấp trên cũng được xem là đối tượng thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã thông qua hoạt động giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch của UBND xã; yêu cầu báo cáo, đánh giá định kỳ và đề xuất khắc phục các sai sót.

2.2.2. Nội dung công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Thứ nhất, cơ sở pháp lý quy định nội dung công khai, minh bạch

Nội dung công khai, minh bạch trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Việt Nam đã được Luật hóa rõ ràng và có hệ thống, phản ánh bước tiến quan trọng trong quá trình thể chế hóa nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng” - nền tảng của dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Theo Điều 9 của Luật Phòng, chống tham nhũng (2018) [57], nội dung công khai, minh bạch bao gồm: (1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch trong việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân; (2) Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công, kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; công tác tổ chức, cán bộ; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; thủ tục hành chính và các nội dung khác mà pháp luật có quy định phải được công khai, minh bạch; (3) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện công khai, minh bạch trong nội bộ và đối với tổ chức, cá nhân có liên quan.

Tiếp đó, Luật Tiếp cận thông tin (2016) [55] quy định 14 loại thông tin phải được công khai rộng rãi (khoản 1, Điều 17) và khuyến khích cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình nắm giữ (khoản 2, Điều 17). Đồng thời, Luật phân biệt ba loại thông tin: công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện (Điều 5-7), qua đó cụ thể hóa quyền hiến định của công dân về tự do thông tin và giám sát nhà nước.

Về phạm vi áp dụng ở cấp cơ sở, Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (2007) [86] là văn bản đầu tiên quy định rõ trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc công khai cho nhân dân biết 11 nhóm nội dung, bao gồm: kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quy hoạch - đất đai,

công tác cán bộ, quỹ - nguồn vốn, các khoản thu phí - lệ phí, chính sách an sinh xã hội và các hoạt động giám sát, kiểm tra. Pháp lệnh đã thiết lập nền tảng pháp lý để người dân tham gia quản lý xã hội ở cấp cơ sở, tăng cường niềm tin và sự đồng thuận xã hội. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai còn hạn chế, việc công khai còn hình thức, năng lực cán bộ yếu và cơ chế giám sát thiếu hiệu quả.

Đến Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) [58], khung pháp lý này được mở rộng và nâng cao chất lượng. Điều 11, Chương II quy định 14 nhóm thông tin bắt buộc công khai, bao quát các lĩnh vực từ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách, quy hoạch - đầu tư công, tổ chức cán bộ, tài sản công,... Luật này nhấn mạnh yêu cầu minh bạch hóa các chính sách an sinh, cơ chế phân bổ nguồn lực, quy trình tiếp thu ý kiến nhân dân, cũng như trách nhiệm giải trình và công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, bỏ phiếu tín nhiệm. Về mặt khoa học chính trị, đây là bước hoàn thiện cơ chế thiết chế hóa mối quan hệ hai chiều giữa Nhà nước và công dân, vừa củng cố niềm tin chính trị - xã hội, vừa tạo không gian cho sự tham gia và phản biện của người dân vào quá trình hoạch định chính sách.

Theo UNDP (2023), nội dung công khai, minh bạch ở cấp địa phương được đo lường qua bốn trụ cột: (i) Tiếp cận thông tin; (ii) Công khai danh sách hộ nghèo; (iii) Công khai thu, chi ngân sách cấp xã/phường; và (iv) Công khai quy hoạch, bảng giá đất. Bộ chỉ số này phản ánh tương thích cao với quy định pháp luật, đồng thời là thước đo thực chứng về chất lượng công khai, minh bạch của chính quyền địa phương.

Thứ hai, các nội dung chủ yếu của công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Từ các cơ sở pháp lý nêu trên, có thể khái quát năm nhóm nội dung trọng tâm phản ánh tính công khai, minh bạch trong hoạt động ra quyết định của chính quyền cấp xã như sau:

(1) Công khai, minh bạch về kế hoạch, dự án và phát triển kinh tế - xã hội

Chính quyền cấp xã có trách nhiệm công khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tiêu chí lựa chọn dự án, quy trình tổ chức thực hiện và kết quả đạt được. Việc công khai này giúp nhân dân theo dõi định hướng phát triển, tham gia giám sát quá trình thực hiện, qua đó hạn chế tình trạng tùy tiện, lạm quyền và nâng cao tính minh bạch trong hoạch định chính sách ở cơ sở.

Công khai trong lĩnh vực này vừa là công cụ quản lý, vừa là biểu hiện cụ thể của dân chủ tham gia, nơi người dân có thể đóng góp ý kiến đối với định hướng phát triển của địa phương.

(2) Công khai, minh bạch về ngân sách, tài chính và tài sản công

Đây là một trong những lĩnh vực có rủi ro cao về tham nhũng và lợi ích nhóm, nên pháp luật yêu cầu thực hiện công khai, minh bạch chặt chẽ. UBND cấp xã phải công bố dự toán, quyết toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được HĐND phê chuẩn; báo cáo thu - chi định kỳ, việc sử dụng các quỹ, nguồn vay, tài trợ, đóng góp tự nguyện; thông tin về đầu tư, mua sắm, giao, thuê, chuyển đổi, thanh lý tài sản công.

Thực hiện tốt công khai, minh bạch trong tài chính góp phần tăng cường niềm tin xã hội, nâng cao trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị tài chính công, phù hợp tinh thần của Luật Ngân sách nhà nước (2015) và Luật Phòng, chống tham nhũng (2018).

(3) Công khai, minh bạch về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội

Chính quyền cấp xã cần công khai quy trình, tiêu chí, đối tượng và kết quả thực hiện các chính sách xã hội, như: xét duyệt hộ nghèo, hỗ trợ xây nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế, chính sách người có công, phân bổ cứu trợ khi thiên tai, dịch bệnh, hoặc trợ giúp đối tượng đặc biệt khó khăn.

Minh bạch trong lĩnh vực này bảo đảm tính công bằng xã hội, ngăn ngừa cơ chế “xin - cho”, đồng thời nâng cao sự tham gia và giám sát của người dân, giúp chính quyền cơ sở giải trình rõ ràng hơn về việc phân bổ nguồn lực công.

(4) Công khai, minh bạch về quy chế dân chủ cơ sở, công tác tổ chức cán bộ và thủ tục hành chính

Nội dung này liên quan trực tiếp đến quyền giám sát của nhân dân đối với bộ máy công quyền. Chính quyền cấp xã phải công khai quy chế dân chủ cơ sở, quyền hạn, nhiệm vụ và quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, kết quả thanh tra, kiểm tra, bỏ phiếu tín nhiệm, cùng danh mục thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết và trách nhiệm của người có thẩm quyền.

Đây là cơ chế bảo đảm tính minh bạch trong thực thi công vụ, phòng ngừa quan liêu, nhũng nhiễu, hách dịch, qua đó củng cố niềm tin giữa Nhà nước và nhân dân, đúng tinh thần của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) [58].

(5) Công khai, minh bạch về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá đất

Theo Luật Đất đai (2024) [59] và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) [58], mọi quyết định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, bồi thường và tái định cư phải được công khai đầy đủ, kịp thời và dễ tiếp cận. Ở cấp xã, hình thức công khai phổ biến là niêm yết tại trụ sở UBND, thông báo qua hệ thống truyền thanh hoặc tổ chức họp dân công khai.

Việc công khai này giúp người dân hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, tham gia giám sát quy trình, góp phần phòng ngừa tiêu cực trong quản lý đất đai - lĩnh vực vốn tiềm ẩn nhiều rủi ro về lợi ích nhóm.

Có thể khẳng định công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là điều kiện đảm bảo dân chủ thực chất, tăng cường trách nhiệm giải trình và củng cố niềm tin chính trị - xã hội.

Về mặt lý luận, đây là một biểu hiện cụ thể của quản trị công hiện đại, trong đó chính quyền không chỉ “quản lý dân” mà còn “phục vụ dân” - thực hành minh bạch hóa để người dân tham gia, giám sát, đánh giá và phản hồi.

Như vậy, năm nội dung trên tạo thành hệ thống cấu thành toàn diện cho việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định ở cấp xã, đảm bảo vừa tuân thủ pháp luật, vừa phù hợp với đặc trưng quản trị dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2.3. Hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Thứ nhất, cơ sở pháp lý quy định về hình thức công khai, minh bạch

Hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Các hình thức này đã được pháp luật Việt Nam quy định tương đối đầy đủ và ngày càng được mở rộng theo hướng hiện đại, đa kênh, phù hợp với trình độ dân trí và quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Theo Luật Phòng, chống tham nhũng (2018) [57], Điều 10 quy định về hình thức công khai trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau: a) Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; b) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị; c) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; d) Phát hành ấn phẩm; đ) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; e) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; g) Tổ chức họp báo; h) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền. Ngoài ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào nội dung, tính chất của thông tin và điều kiện cụ thể để lựa chọn hình thức công khai phù hợp.”

Theo Luật Tiếp cận thông tin (2016) [55], các hình thức công khai thông tin được mở rộng và cụ thể hóa, bao gồm: đăng tải trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng công báo; niêm yết tại trụ sở hoặc địa điểm công cộng; thông qua hoạt động tiếp công dân, họp báo, phát ngôn chính thức; hoặc các hình thức khác do cơ quan có trách nhiệm xác định nhằm tạo thuận lợi cho công dân. Luật này tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc thực thi “quyền được biết”

của công dân - một quyền dân chủ cơ bản trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đến Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) [58], các hình thức công khai được thể chế hóa đầy đủ hơn, phù hợp với thực tiễn chính quyền địa phương, đặc biệt ở cấp xã. Điều 12 quy định: công khai thông qua niêm yết thông tin; đăng tải trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của UBND cấp xã; phát tin trên hệ thống truyền thanh cơ sở; thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; gửi văn bản đến công dân; tổ chức hội nghị đối thoại giữa UBND với Nhân dân; thông qua hoạt động tiếp công dân, họp báo, phát ngôn chính thức; thông qua tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc qua mạng xã hội, viễn thông hợp pháp. Đây là lần đầu tiên pháp luật công nhận hình thức công khai qua mạng xã hội, phản ánh sự thích ứng của quản trị công với môi trường số.

Từ cơ sở pháp lý trên, có thể thấy hình thức công khai, minh bạch không chỉ là phương tiện truyền đạt thông tin, mà còn là cơ chế bảo đảm quyền giám sát xã hội, củng cố mối quan hệ hai chiều giữa Nhà nước và công dân, góp phần hiện thực hóa nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”.

Thứ hai, các hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Trên nền tảng pháp lý nêu trên, có thể khái quát năm nhóm hình thức chủ yếu mà chính quyền cấp xã hiện đang thực hiện trong quá trình ra quyết định, cụ thể:

(1) Niêm yết công khai tại trụ sở và các địa điểm công cộng

Đây là hình thức truyền thông và phổ biến nhất, được áp dụng tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, trụ sở ấp hoặc tổ dân phố. Các nội dung niêm yết bao gồm kế hoạch phát triển, quy hoạch sử dụng đất, ngân sách, các dự án đầu tư, và các quyết định liên quan đến quyền - nghĩa vụ của người dân.

Niêm yết công khai giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, đồng thời là căn cứ pháp lý để kiểm chứng, giải trình khi phát sinh khiếu nại hoặc

phản ánh. Dưới góc độ chính trị học, đây là hình thức dân chủ trực tiếp giúp người dân “thấy tận mắt, đọc tận nơi”, tăng cường minh bạch và niềm tin xã hội ở cấp xã.

(2) Đăng tải thông tin trên cổng hoặc trang thông tin điện tử

Đây là hình thức hiện đại, phù hợp với xu thế chuyển đổi số, được khuyến khích triển khai tại các xã, phường có điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin. Nội dung đăng tải thường gồm dự toán - quyết toán ngân sách, quy hoạch sử dụng đất, chương trình - dự án đầu tư công, kết quả lấy ý kiến nhân dân và các quyết định hành chính quan trọng.

Hình thức này giúp người dân chủ động tiếp cận thông tin mọi lúc, mọi nơi, giảm chi phí hành chính, đồng thời tạo điều kiện thiết lập kênh tương tác trực tuyến giữa chính quyền và công dân, góp phần thúc đẩy chính quyền điện tử và chính quyền số cấp xã.

(3) Công khai qua phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống truyền thanh cơ sở

Đây là hình thức phổ cập và có hiệu quả cao ở khu vực nông thôn - nơi hạ tầng số chưa đồng bộ. Thông qua báo chí, phát thanh xã hoặc hệ thống loa truyền thanh, chính quyền có thể công bố kịp thời các thông tin về quy hoạch, đất đai, dự án đầu tư, chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ thiên tai, dịch bệnh.

Hình thức này vừa giúp mở rộng phạm vi lan tỏa thông tin, vừa tăng cường hiệu quả tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân, góp phần hình thành nhận thức chính trị - pháp lý đúng đắn ở cơ sở.

(4) Thông báo trực tiếp qua văn bản, họp dân, đối thoại, tiếp công dân

Chính quyền cấp xã có thể thông báo trực tiếp đến các tổ chức, cá nhân liên quan hoặc tổ chức hội nghị, họp dân, đối thoại giữa UBND và Nhân dân để công khai nội dung các quyết định.

Đây là hình thức dân chủ đối thoại - thể hiện rõ nhất nguyên tắc “dân bàn, dân kiểm tra”. Thông qua đối thoại, người dân có cơ hội đặt câu hỏi, phản hồi và kiến nghị, giúp chính quyền giải trình và điều chỉnh quyết định phù hợp

thực tiễn, đồng thời tăng cường trách nhiệm giải trình và năng lực phản ứng chính sách của chính quyền xã.

(5) Công khai thông qua tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và mạng xã hội hợp pháp

Các tổ chức như Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... là cầu nối giữa chính quyền và nhân dân trong việc phổ biến thông tin, vận động, tuyên truyền các chủ trương, quyết định.

Song song đó, việc ứng dụng mạng xã hội và nền tảng viễn thông hợp pháp trong công khai thông tin là xu thế tất yếu, nhất là với nhóm công dân trẻ, thành thị, có thói quen tương tác qua môi trường số. Hình thức này kết hợp giữa minh bạch hóa thông tin và hiện đại hóa công cụ truyền thông chính trị, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị công và thúc đẩy sự tham gia xã hội tự nguyện.

Nhìn chung, hệ thống các hình thức công khai, minh bạch hiện nay đa dạng, linh hoạt và đang chuyển từ cơ chế “truyền đạt một chiều” sang “tương tác hai chiều” giữa chính quyền và công dân.

Tuy nhiên, xét trong bối cảnh mô hình chính quyền hai cấp, việc vận dụng các hình thức công khai cần hướng tới chuẩn hóa, số hóa và bảo đảm tính khả thi ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Luận án lựa chọn các hình thức công khai quy định tại Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) làm cơ sở phân tích, đánh giá, vì đây là văn bản thể hiện rõ nhất tinh thần dân chủ hóa, hiện đại hóa quản trị cấp xã, phù hợp với điều kiện phát triển mới của ĐBSCL nói riêng và Việt Nam nói chung

2.2.4. Tiêu chí đánh giá thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã

Cơ sở xác định tiêu chí đánh giá

Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã không chỉ dừng lại ở việc công bố thông tin để người dân tiếp nhận, mà còn

đòi hỏi các thông tin được công bố phải minh bạch, chính xác, chính thống và dễ dàng tiếp cận. Nói cách khác, công khai là điều kiện cần, còn minh bạch là điều kiện đủ để bảo đảm tính dân chủ, trách nhiệm và liêm chính trong hoạt động quản trị ở cơ sở.

Theo Vishwanath và Kaufmann (2001) [147], tính minh bạch thông tin được xác định thông qua các thuộc tính cơ bản: tính tiếp cận (accessibility), tính toàn diện (comprehensiveness), tính liên quan (relevance), chất lượng (quality) và độ tin cậy (reliability). Đây là những yếu tố cốt lõi để đo lường mức độ minh bạch trong quản trị công hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và chính phủ mở (open government).

Pháp luật Việt Nam cũng quy định rõ các nguyên tắc bảo đảm công khai, minh bạch. Luật Phòng, chống tham nhũng (2018) [57] khẳng định: “Việc công khai phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, theo trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật.” (Điều 10). Trong khi đó, Luật Tiếp cận thông tin (2016) [55], Điều 3, quy định: “Thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ; việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật”.

Bên cạnh các tiêu chí được xác lập trên cơ sở pháp lý và lý luận, nhiều nghiên cứu thực chứng trong nước hiện nay đã sử dụng Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) như một công cụ đánh giá mức độ công khai, minh bạch của chính quyền địa phương. PAPI đo lường năng lực quản trị qua sáu lĩnh vực trọng tâm, trong đó nội dung “Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định” được coi là trụ cột phản ánh trực tiếp tính dân chủ và trách nhiệm giải trình ở cấp cơ sở (UNDP, 2023) [82], cụ thể các tiêu chí được biểu hiện như sau:

**Bảng 2.1: Các tiêu chí đánh giá công khai, minh bạch
với các chỉ báo PAPI**

Nhóm tiêu chí công khai, minh bạch	Nội dung cụ thể	Chỉ báo tương ứng trong PAPI
Tham gia của người dân trong quá trình ra quyết định	Lấy ý kiến, phản hồi, đối thoại công khai	Mức độ người dân được tham vấn
Công bố và minh bạch phương án quyết định	Niên yết, thông báo, đăng tải phương án	Công khai ngân sách, quy hoạch, dự án công
Công bố kịp thời, đầy đủ	Thông tin được ban hành và cập nhật đúng hạn	Công khai ngân sách cấp xã, chi tiêu công
Thông tin rõ ràng, dễ tiếp cận	Ngôn ngữ, phương thức truyền đạt dễ hiểu, phổ biến	Tiếp cận thông tin, bảng niên yết thủ tục
Thông tin chính xác, chính thống	Nguồn thông tin được xác thực, kiểm chứng	Tính minh bạch và độ tin cậy dữ liệu
Khai thác thông tin thuận lợi	Người dân có thể truy cập, sử dụng lại thông tin	Mức độ thuận tiện truy cập dịch vụ công
Chất lượng và độ tin cậy thông tin	Đảm bảo tính đầy đủ, nhất quán và kịp thời	Độ tin cậy thông tin và phản hồi của chính quyền

Từ các cơ sở lý luận và pháp lý nêu trên, việc xác định tiêu chí đánh giá công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã cần tiếp cận theo ba giai đoạn tương ứng với vòng đời của một quyết định hành chính ở cấp xã, gồm: (1) Trước khi ban hành quyết định (tiền quyết định); (2) Khi quyết định được công bố và tổ chức thực hiện (giai đoạn công bố); (3) Sau khi quyết định được ban hành và thực hiện (hậu quyết định).

(1) Nhóm tiêu chí giai đoạn tiền quyết định - chuẩn bị và ban hành quyết định

Giai đoạn này tương ứng với khâu chuẩn bị, tham vấn, xây dựng và thông qua các quyết định của chính quyền cấp xã. Theo Điều 15 và Điều 17, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), cũng như Luật Tiếp cận thông tin (2016), có thể xác định các tiêu chí cơ bản sau:

Thứ nhất, mức độ tham gia thực chất của người dân trong quá trình chuẩn bị quyết định.

Tiêu chí này đánh giá khả năng và thực tế tham gia của nhân dân, tổ chức xã hội, Mặt trận Tổ quốc trong khâu thảo luận, đóng góp ý kiến đối với các chính sách, dự án, quy hoạch, phương án phát triển kinh tế - xã hội. Việc người dân được tham gia thông qua các hình thức như hội nghị đối thoại, lấy ý kiến cử tri, trưng cầu ý kiến công dân... thể hiện nguyên tắc “dân bàn, dân kiểm tra”. Đây là tiêu chí cốt lõi để đo lường tính dân chủ hóa và công khai quy trình ra quyết định.

Thứ hai, tính công khai và minh bạch trong thảo luận, lựa chọn phương án quyết định.

Tiêu chí này đo lường mức độ công khai trong việc đưa ra các phương án, công bố dự thảo, tổ chức họp lấy ý kiến và phản hồi ý kiến người dân. Việc tiếp thu, chỉnh sửa và phản hồi công khai là minh chứng cho tính minh bạch ở cấp độ quy trình.

Thứ ba, công bố rõ ràng căn cứ pháp lý, mục tiêu và phạm vi của quyết định dự kiến.

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2015, sửa đổi 2025), các quyết định hành chính của UBND xã phải căn cứ vào văn bản cấp trên, nghị quyết HĐND và quy định pháp luật hiện hành. Việc công khai tờ trình, căn cứ pháp lý và tác động dự kiến là tiêu chí phản ánh độ tin cậy thể chế và trách nhiệm giải trình.

(2) Nhóm tiêu chí giai đoạn công bố quyết định

Đây là giai đoạn trung tâm thể hiện rõ nhất tính công khai thông tin và khả năng tiếp cận của người dân. Theo Điều 11 và 12, Luật Tiếp cận thông tin (2016) và Điều 18 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), có thể xác định các tiêu chí sau:

Thứ nhất, công bố thông tin kịp thời, đầy đủ và không chọn lọc.

Tiêu chí này phản ánh mức độ tuân thủ thời hạn công khai, tránh tình trạng trì hoãn hoặc công bố không toàn diện. Công khai kịp thời giúp người dân nắm bắt sớm nội dung quyết định, bảo đảm quyền “dân biết” và khả năng giám sát xã hội.

Thứ hai, thông tin rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với trình độ dân trí.

Thông tin phải có cấu trúc logic, ngôn ngữ phổ thông, tránh thuật ngữ kỹ thuật khó hiểu. Đây là tiêu chí thể hiện tính thân thiện và trách nhiệm xã hội của chính quyền, bảo đảm mọi công dân, kể cả nhóm yếu thế đều tiếp cận được thông tin công.

Thứ ba, thông tin chính xác, chính thống và thống nhất.

Mọi thông tin công khai phải xuất phát từ nguồn chính thức của chính quyền cấp xã, có kiểm chứng, có mã số văn bản, ngày ký và người chịu trách nhiệm. Tính chính xác là tiêu chí trung tâm của minh bạch, bảo đảm người dân giám sát và phản biện hiệu quả.

Thứ tư, thông tin công khai qua nhiều kênh, dễ tiếp cận.

Theo Điều 34 Nghị định 13/2018/NĐ-CP (hướng dẫn Luật Tiếp cận thông tin), các xã có trách nhiệm niêm yết, đăng tải và phát qua phương tiện truyền thanh hoặc trang thông tin điện tử. Tiêu chí này đo lường độ mở thông tin đa kênh, khuyến khích chuyển đổi số và dữ liệu mở ở cơ sở.

Thứ năm, bảo đảm khả năng khai thác và sử dụng thông tin.

Không chỉ công bố, chính quyền còn phải bảo đảm người dân có thể tra cứu, tải, in, lưu trữ hoặc sử dụng thông tin phục vụ giám sát. Việc xây dựng cơ chế hướng dẫn, quy trình trả lời yêu cầu thông tin là tiêu chí phản ánh mức độ thực thi Luật Tiếp cận thông tin (2016) ở cấp xã.

Thứ sáu, công khai trách nhiệm tổ chức và cá nhân.

Mỗi quyết định cần nêu rõ người chịu trách nhiệm ký, người thực hiện và cơ chế giải trình. Đây là tiêu chí trách nhiệm giải trình - yếu tố trung tâm của quản trị hiện đại và kiểm soát quyền lực hành chính.

(3) Nhóm tiêu chí giai đoạn hậu quyết định - giám sát, đánh giá và phản hồi

Đây là giai đoạn thể hiện tính minh bạch về kết quả và hiệu quả phản hồi thông tin - khâu thường bị xem nhẹ trong thực tiễn. Theo Điều 22 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) và Luật Phòng, chống tham nhũng (2018), có thể xác định các tiêu chí sau:

Thứ nhất, công khai kết quả thực hiện và báo cáo giải trình.

Chính quyền cấp xã cần công bố tiến độ, kết quả triển khai, nguyên nhân chậm trễ, các biện pháp khắc phục. Tiêu chí này thể hiện nguyên tắc “công khai kết quả” - một trong “Ba công khai” do Tổng Bí thư Tô Lâm đề xuất, qua đó củng cố niềm tin xã hội.

Thứ hai, phản hồi và xử lý kiến nghị của người dân.

Minh bạch không chỉ dừng ở việc cung cấp thông tin mà còn bao gồm phản hồi thông tin. Tiêu chí này đo lường tần suất, chất lượng và thời gian xử lý phản ánh, kiến nghị, thể hiện năng lực hành chính và thái độ phục vụ.

Thứ ba, kiểm tra, giám sát và công khai kết quả kiểm tra.

Công tác kiểm tra nội bộ, giám sát của MTTQ, Ban giám sát đầu tư cộng đồng và cơ quan thanh tra phải được công khai. Việc này giúp người dân nhận thấy cơ chế kiểm soát quyền lực thực chất, chứ không chỉ hình thức.

Thứ tư, điều chỉnh chính sách sau đánh giá.

Tiêu chí này phản ánh tính học hỏi thể chế của chính quyền cấp xã: sau khi giám sát và tiếp nhận phản hồi, xã có điều chỉnh quyết định hay không. Đây là tiêu chí đánh giá minh bạch phản hồi.

Việc áp dụng hệ tiêu chí này cho phép đánh giá định tính và định lượng mức độ minh bạch của chính quyền cấp xã, tạo cơ sở khoa học cho việc so sánh giữa các địa phương và đề xuất giải pháp tăng cường công khai, minh bạch trong bối cảnh chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp sau năm 2025.

2.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ

2.3.1. Các yếu tố chủ quan

Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định ở cấp xã không chỉ lệ thuộc khuôn khổ pháp lý hay điều kiện kinh tế - xã hội, mà còn chịu chi phối mạnh mẽ bởi các yếu tố chủ quan gắn với con người và tổ chức. Nổi bật là: (i) nhận thức, ý thức trách nhiệm và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức; (ii) cơ chế tổ chức - điều hành và văn hóa công vụ; (iii) sự gương mẫu, quyết tâm chính trị và đạo đức công vụ của người đứng đầu, cụ thể:

Một là, nhận thức, ý thức trách nhiệm và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Thực tế cho thấy, ở đâu cán bộ có tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân tốt, hiểu rõ vai trò của minh bạch đối với quản trị địa phương thì ở đó công khai thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời và rõ ràng hơn. Ngược lại, nếu cán bộ còn e ngại trách nhiệm, thiếu kiến thức về quyền tiếp cận thông tin của công dân hoặc xem nhẹ vai trò phản biện xã hội thì công khai, minh bạch sẽ chỉ mang tính hình thức. Nhiều địa phương đã từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ cấp xã, song sự chênh lệch giữa các xã về trình độ, kỹ năng vẫn còn lớn, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công khai.

Hai là, cơ chế tổ chức, điều hành và văn hóa công vụ trong chính quyền cấp xã. Một bộ máy điều hành thiếu quy trình rõ ràng, phân công nhiệm vụ chồng chéo hoặc tác phong làm việc còn nặng tính hành chính, hình thức sẽ rất khó triển khai hiệu quả hoạt động công khai, minh bạch. Ngược lại, ở những địa phương mà UBND xã xây dựng được nền nếp công vụ rõ ràng, có quy chế công khai thông tin nội bộ, có lịch tiếp công dân, có bảng niêm yết quy trình thủ tục hành chính minh bạch thì việc công khai minh bạch được thực hiện hiệu quả và có chiều sâu. Văn hóa công vụ là yếu tố nền, quyết định mức độ thực thi quy định pháp lý về minh bạch.

Ba là, sự gương mẫu đạo đức công vụ, quyết liệt của người đứng đầu. Người đứng đầu cấp xã có vai trò định hướng, truyền cảm hứng và chịu trách nhiệm cuối cùng trong tổ chức thực hiện công khai, minh bạch. Nếu người đứng đầu chủ động thúc đẩy minh bạch, khuyến khích phản biện, công khai quyết toán ngân sách, công khai dự án đầu tư công, mời đại diện nhân dân tham gia giám sát... thì sẽ tạo ra khí thế và văn hóa minh bạch toàn xã. Ngược lại, nếu người đứng đầu còn tư duy khép kín, chỉ đạo theo cảm tính, hoặc xem công khai là nhiệm vụ đối phó thì rất khó hình thành cơ chế minh bạch thực chất.

Tóm lại, việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định ở cấp xã phụ thuộc rất lớn vào yếu tố con người, cụ thể là đội ngũ cán bộ, công chức và người đứng đầu. Những yếu tố chủ quan này không chỉ là điều kiện đầu vào cho một nền hành chính minh bạch mà còn quyết định tính bền vững và hiệu quả thực thi các quy định pháp luật. Vì vậy, muốn thúc đẩy minh bạch ở cấp xã cần bắt đầu từ nâng cao nhận thức, xây dựng văn hóa công vụ tích cực và phát huy vai trò gương mẫu của người đứng đầu chính quyền cấp xã.

2.3.2. Các yếu tố khách quan

Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã không chỉ phụ thuộc vào yếu tố chủ quan từ phía đội ngũ cán bộ, công chức hay người đứng đầu mà còn chịu sự chi phối mạnh mẽ từ các yếu tố khách quan có tính hệ thống. Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và tinh gọn bộ máy, những yếu tố khách quan này trở nên đặc biệt quan trọng, góp phần định hình mức độ, hình thức và hiệu quả công khai, minh bạch ở cấp xã. Có thể khái quát thành bảy nhóm yếu tố khách quan cơ bản như sau:

Một là, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về công khai, minh bạch. Đây là yếu tố nền tảng và có tính bắt buộc đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung, chính quyền cấp xã nói riêng. Từ Hiến pháp năm 2013

đến các đạo luật chuyên ngành như Luật Phòng, chống tham nhũng (2018), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đều quy định rõ nguyên tắc công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước và nghĩa vụ cung cấp thông tin cho người dân. Hệ thống văn bản dưới luật như các nghị định, thông tư hướng dẫn về công khai ngân sách, niêm yết thủ tục hành chính, công khai quy hoạch, đầu tư công... là cơ sở để chính quyền cấp xã triển khai cụ thể tại địa phương. Tuy nhiên, ở một số nơi, do việc hướng dẫn, kiểm tra thực hiện chưa đồng bộ nên công khai vẫn còn mang tính hình thức, chậm cập nhật, thiếu đầy đủ.

Hai là, sự phát triển của công nghệ thông tin và phương tiện truyền thông. Ứng dụng công nghệ số đang ngày càng trở thành công cụ hiệu quả hỗ trợ công khai, minh bạch. Tại nhiều xã, hệ thống truyền thanh cơ sở, các cổng/trang thông tin điện tử cấp xã, mạng xã hội của chính quyền đã được triển khai bước đầu và mang lại hiệu quả nhất định. Nhờ công nghệ, người dân có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin liên quan đến quy hoạch, chính sách hỗ trợ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính... thông qua mạng Internet hoặc các kênh truyền thông đại chúng. Tuy nhiên, hạ tầng số ở cấp xã còn thiếu đồng bộ, trình độ công nghệ của cán bộ còn hạn chế và chưa có cơ chế hỗ trợ tài chính phù hợp cho việc duy trì, cập nhật nội dung thông tin. Việc đầu tư hạ tầng số và nâng cao năng lực số cho cán bộ cấp xã là điều kiện then chốt để tăng cường công khai, minh bạch trong thời gian tới.

Ba là, cơ chế tiếp cận thông tin và truyền thông chính sách. Công khai, minh bạch chỉ thực sự có ý nghĩa khi người dân có khả năng và điều kiện tiếp cận thông tin một cách chủ động, thuận lợi và bình đẳng. Cơ chế tiếp cận thông tin ở cấp xã hiện nay chịu ảnh hưởng bởi cả quy định pháp lý (Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022) và điều kiện

thực tiễn (hạ tầng, phương tiện truyền thông, năng lực cán bộ). Ở nhiều địa phương, mặc dù các thông tin đã được niêm yết, đăng tải nhưng người dân vẫn gặp khó khăn trong việc tìm hiểu, tra cứu hoặc yêu cầu cung cấp thông tin. Nguyên nhân chủ yếu là do cơ chế công khai còn thiên về “một chiều”, chưa có hệ thống phản hồi hiệu quả. Nếu chính quyền cấp xã thiết lập được quy trình tiếp nhận - phản hồi thông tin công dân minh bạch, thông qua các kênh như tiếp công dân, hội nghị đối thoại, cổng thông tin điện tử hoặc mạng xã hội hợp pháp thì mức độ minh bạch sẽ được nâng cao rõ rệt.

Tiêu chí này phản ánh năng lực truyền thông chính sách và chất lượng thể chế tiếp cận thông tin công, là cầu nối giữa công khai trên văn bản và minh bạch trong thực tế.

Bốn là, vai trò giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Công khai, minh bạch chỉ phát huy hiệu quả khi gắn với giám sát xã hội, trong đó người dân và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở là lực lượng nòng cốt. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên... nếu phát huy tốt vai trò phản biện, tuyên truyền, kiểm tra thì sẽ tạo áp lực tích cực để chính quyền cấp xã thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung cần công khai. Trên thực tế, nhiều địa phương đã thực hiện tốt việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư trước khi quyết định đầu tư công, điều chỉnh quy hoạch, phân bổ ngân sách... góp phần tăng tính minh bạch và đồng thuận xã hội. Tuy nhiên, vai trò giám sát của nhân dân chưa đồng đều giữa các địa phương còn phụ thuộc vào năng lực và sự chủ động của các đoàn thể cơ sở.

Năm là, trình độ, năng lực và tính tích cực chính trị - xã hội của công dân.

Một trong những yếu tố quyết định tính hiệu quả của công khai, minh bạch ở cấp xã là mức độ chủ động, năng lực tiếp cận và ý thức chính trị của người dân. Công khai chỉ thực sự phát huy ý nghĩa khi người dân không chỉ tiếp nhận thông tin thụ động mà còn biết sử dụng thông tin để giám sát, phản biện và tham gia vào quá trình ra quyết định.

Về trình độ học vấn, kỹ năng số và hiểu biết pháp luật của người dân còn chênh lệch, đặc biệt giữa khu vực đô thị - nông thôn và giữa các nhóm dân tộc. Điều này ảnh hưởng đến khả năng hiểu và phản hồi các thông tin được công khai.

Bên cạnh đó, tính tích cực chính trị - xã hội của công dân thể hiện qua việc tham gia các hội nghị, đối thoại, phản biện, bầu cử hoặc giám sát cộng đồng, đây cũng là chỉ báo quan trọng về chất lượng dân chủ cơ sở. Khi người dân có niềm tin và năng lực tham gia, họ sẽ trở thành chủ thể đồng hành cùng chính quyền trong việc duy trì minh bạch và phòng ngừa tham nhũng. Yếu tố này phản ánh mối quan hệ hai chiều giữa công khai, minh bạch của chính quyền và năng lực công dân, là nền tảng của quản trị mở và xã hội dân chủ.

Sáu là, đặc điểm kinh tế - xã hội và truyền thống văn hóa của cộng đồng địa phương. Vùng có dân cư đông, phân bố rộng, trình độ học vấn không đồng đều, đời sống còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc Khmer. Điều này ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận, hiểu và sử dụng thông tin công khai từ phía người dân. Mặt khác, truyền thống làng xã, quan hệ thân tộc, văn hóa nể nang cũng ảnh hưởng đến cách thức tổ chức công khai thông tin và việc người dân mạnh dạn góp ý, phản biện các quyết định của chính quyền. Ở những nơi dân cư có trình độ cao, văn hóa chính trị tiên bộ, việc công khai thường bài bản, người dân quan tâm và chủ động giám sát hơn. Do vậy, công khai, minh bạch không chỉ là yêu cầu từ phía chính quyền mà cần được nuôi dưỡng trong môi trường văn hóa - xã hội phù hợp.

Tóm lại, các yếu tố khách quan như pháp luật, công nghệ, vai trò giám sát của nhân dân và đặc điểm xã hội - văn hóa có tác động trực tiếp và gián tiếp đến việc công khai, minh bạch trong quản trị cấp xã. Trong điều kiện hiện nay, việc hoàn thiện thể chế, thúc đẩy chuyển đổi số, phát huy vai trò Mặt trận và đoàn thể, đồng thời nâng cao nhận thức xã hội là những yếu tố then chốt để bảo đảm công khai, minh bạch trở thành nguyên tắc xuyên suốt trong mọi hoạt động của chính quyền cấp xã.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã trên các bình diện pháp lý, quản trị và thực tiễn. Trên cơ sở kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ, luận án đã khẳng định rằng công khai và minh bạch là nền tảng của một nền quản trị công hiện đại, là điều kiện bảo đảm thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa và kiểm soát quyền lực nhà nước ở cấp xã. Công khai, minh bạch không chỉ là yêu cầu pháp lý được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 mà còn là yêu cầu chính trị - đạo đức và là tiêu chí đánh giá năng lực quản trị của chính quyền địa phương.

Về mặt nội dung, chương 2 đã làm rõ năm nhóm nội dung cơ bản của công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã, bao gồm: (1): công khai, minh bạch về dự thảo các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế xã hội; (2): công khai, minh bạch về quy trình, tiêu chuẩn và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội; (3): công khai, minh bạch về quy chế dân chủ cơ sở, công tác cán bộ và thủ tục hành chính; (4): công khai, minh bạch về kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất; (5): công khai, minh bạch về thu/chi ngân sách cấp xã. Các nội dung này phản ánh đầy đủ những lĩnh vực chính yếu trong quản trị địa phương, qua đó thể hiện tính dân chủ, tính trách nhiệm và sự liêm chính của chính quyền cấp xã.

Về hình thức, công khai, minh bạch được thể hiện đa dạng qua nhiều kênh: niêm yết công khai tại trụ sở, đăng tải trên cổng thông tin điện tử, thông báo qua truyền thanh cơ sở, tổ chức đối thoại, hội nghị với nhân dân và thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể. Mỗi hình thức có ưu điểm và hạn chế riêng, song đều hướng đến mục tiêu chung là bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân, thúc đẩy tính minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình của chính quyền cấp xã.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án cũng đã xác lập hệ thống tiêu chí đánh giá việc thực hiện công khai, minh bạch, trong đó nhấn mạnh các yếu tố như: tính kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp cận, tính chính xác, độ tin cậy và khả năng khai thác thông tin. Các tiêu chí này được đối chiếu và ánh xạ với hệ thống chỉ báo PAPI nhằm tạo cơ sở khoa học và thực chứng cho việc đánh giá mức độ minh bạch ở cấp xã.

Ngoài ra, luận án đã nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện công khai, minh bạch, bao gồm cả chủ quan và khách quan. Về chủ quan, đó là nhận thức, năng lực và trách nhiệm của cán bộ, công chức; cơ chế tổ chức, văn hóa công vụ và vai trò gương mẫu, quyết tâm chính trị của người đứng đầu. Về khách quan, đó là khuôn khổ pháp lý, mức độ phát triển của công nghệ thông tin, vai trò giám sát của nhân dân và các đoàn thể, cùng với điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa địa phương. Những yếu tố này tạo nên bối cảnh tổng thể chi phối hiệu quả của việc thực thi công khai, minh bạch ở cấp xã.

Như vậy, Chương 2 đã cung cấp cơ sở lý luận, pháp lý và khung phân tích cần thiết để làm nền tảng cho Chương 3 - nơi luận án sẽ đi sâu đánh giá thực trạng công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã, trên cơ sở khảo sát, phân tích dữ liệu và đối chiếu với các tiêu chí đã xác lập.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH

3.1.1. Khái quát đặc điểm về đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, vị trí địa - chính trị, điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu

Vị trí địa - chính trị và đặc điểm không gian hành chính phân tán: ĐBSCL tiếp giáp bốn vùng quan trọng: phía Bắc giáp Campuchia, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp Vịnh Thái Lan và phía Nam hướng ra biển quốc tế. Vùng có hơn 200 km đường biên giới quốc gia, hơn 700 km bờ biển, cùng 147 đảo lớn nhỏ. Cấu trúc địa lý rộng, dân cư phân bố thưa, hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc vừa tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường thủy, vừa khiến việc quản lý hành chính, truyền tải thông tin công vụ và công khai thông tin gặp khó khăn.

Ở nhiều xã vùng biên giới, hải đảo hoặc khu vực xa trung tâm, hạ tầng viễn thông chưa đồng bộ, việc niêm yết, công bố và phản hồi thông tin thường bị gián đoạn, dẫn đến tính không đồng đều trong thực hiện công khai, minh bạch giữa các địa bàn. Vị trí địa - chính trị trọng yếu cũng làm tăng tính nhạy cảm của thông tin, đòi hỏi chính quyền phải bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu minh bạch và an ninh, quốc phòng. Trong bối cảnh đó, công khai, minh bạch ở vùng ĐBSCL không chỉ là yêu cầu quản trị địa phương mà còn là vấn đề chính trị - xã hội gắn với bảo vệ chủ quyền và ổn định biên giới.

Điều kiện tự nhiên và môi trường sống đặc thù: ĐBSCL là vùng châu thổ rộng lớn, bằng phẳng, với mạng lưới sông ngòi chằng chịt, đất đai màu mỡ, khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nóng ẩm, mưa nhiều và ít bão. Những

điều kiện này tạo thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái - các trụ cột kinh tế chính của địa phương.

Tuy nhiên, đặc điểm địa hình thấp, ngập nước theo mùa và hệ thống dân cư phân tán khiến công tác hành chính, quản trị gặp trở ngại. Việc tổ chức các hội nghị lấy ý kiến nhân dân, niêm yết công khai hoặc tiếp nhận phản hồi thường phải điều chỉnh linh hoạt theo mùa vụ, thời tiết và điều kiện đi lại. Một số xã vùng trũng hoặc ven sông chịu ngập sâu nhiều tháng trong năm, việc niêm yết thông tin công khai hoặc họp dân khó triển khai, khiến công khai bị gián đoạn hoặc chỉ thực hiện hình thức.

Tác động của điều kiện tự nhiên buộc chính quyền phải đổi mới phương thức công khai, minh bạch, từ niêm yết giấy sang công khai lưu động, công khai qua loa truyền thanh, qua mạng xã hội địa phương... Tuy nhiên, việc chuyển đổi đó đòi hỏi đầu tư hạ tầng, nhân lực và công nghệ, vốn là thách thức lớn đối với ngân sách xã vùng nông thôn.

Biến đổi khí hậu - nhân tố chi phối mạnh mẽ đến yêu cầu và nội dung công khai, minh bạch: Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2022), ĐBSCL là một trong ba đồng bằng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu trên thế giới, với khoảng 38% diện tích có nguy cơ ngập mặn thường xuyên nếu nước biển dâng 1 mét. Các hiện tượng như xâm nhập mặn, sụt lún, hạn hán, sạt lở bờ sông, bờ biển ngày càng gia tăng, gây thiệt hại lớn về hạ tầng, đất sản xuất và sinh kế của người dân.

Những biến động này làm cho hoạt động ra quyết định hành chính về quy hoạch, quản lý đất đai, đầu tư hạ tầng, phân bổ ngân sách, hỗ trợ tái định cư trở nên nhạy cảm và dễ phát sinh xung đột lợi ích. Khi các quyết định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xây dựng đê bao hoặc di dời dân cư không được công khai đầy đủ, minh bạch kịp thời, người dân dễ nghi ngờ, khiếu kiện, làm giảm niềm tin vào chính quyền. Do đó, biến đổi khí hậu không chỉ là vấn đề môi trường mà còn trở thành yếu tố

chính trị - hành chính, thúc đẩy yêu cầu minh bạch trong quản trị công lên mức cấp thiết.

Theo hướng tích cực, thách thức này cũng tạo ra áp lực cải cách: chính quyền buộc phải tăng cường công khai thông tin dự báo khí tượng, kế hoạch ứng phó thiên tai, phân bổ nguồn vốn chống sạt lở, xâm nhập mặn, để người dân hiểu, đồng thuận và giám sát. Minh bạch trong quản lý tài nguyên và môi trường vì thế trở thành tiêu chí phản ánh tính chính danh và năng lực quản trị bền vững của chính quyền cấp xã.

Có thể thấy vị trí địa - chính trị, điều kiện tự nhiên và biến đổi khí hậu của vùng ĐBSCL vừa là thách thức, vừa là phép thử đối với năng lực công khai, minh bạch của chính quyền cơ sở. Một mặt, vị trí chiến lược và môi trường sông nước phân tán khiến công khai thông tin gặp trở ngại về địa lý, hạ tầng và nhân lực. Mặt khác, những rủi ro khí hậu, môi trường và yêu cầu quốc phòng - an ninh lại buộc chính quyền phải công khai minh bạch hơn, khoa học hơn, có trách nhiệm hơn để củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận xã hội.

Thứ hai, tăng trưởng kinh tế và chất lượng cuộc sống

ĐBSCL là vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp - thủy sản, đóng góp quan trọng cho an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu nông sản. Năm 2023, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) vùng đạt khoảng 596 nghìn tỷ đồng, tăng 5,8%, chiếm gần 12% GDP cả nước. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng có xu hướng chậm lại, GRDP bình quân đầu người chỉ đạt 65,6 triệu đồng/năm (năm 2022), thấp hơn mức trung bình cả nước (81,6 triệu đồng) [3].

Những năm gần đây, vùng đạt nhiều kết quả tích cực trong giảm nghèo đa chiều: tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 8,6% (2016) xuống 3,1% (2023). Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 2,3 triệu đồng/tháng (2010) lên 6,3 triệu đồng/tháng (2022) [3]. Tuy vậy, đời sống một bộ phận người dân vẫn còn khó khăn; nhiều hộ phản ánh thu nhập giảm do chi phí sinh hoạt tăng và tác động của dịch bệnh. Tình trạng này khiến người dân ít quan tâm đến các hoạt động

chính quyền nếu chưa gắn liền với lợi ích thiết thực, ảnh hưởng đến mức độ tham gia và giám sát xã hội đối với công khai, minh bạch ở cơ sở.

Thứ ba, đặc điểm dân cư và văn hóa xã hội

ĐBSCL là vùng có quy mô dân số lớn và cơ cấu xã hội đa dạng. Năm 2023, dân số toàn vùng đạt hơn 17,46 triệu người, trong đó khoảng 72,6% sinh sống ở khu vực nông thôn[65], điều này cho thấy tỷ lệ dân cư nông thôn cao hơn đáng kể so với mặt bằng chung của cả nước, phản ánh đặc trưng nổi bật của một vùng kinh tế nông nghiệp - thủy sản truyền thống, với kết cấu cộng đồng gắn bó theo không gian làng - ấp - phum - sóc. Vùng có cơ cấu dân cư đa tộc người, trong đó người Kinh chiếm đa số, cùng cộng cư với người Khmer, Hoa và một số nhóm dân tộc thiểu số khác, tạo nên bức tranh văn hóa, xã hội phong phú, đa dạng và mang đậm bản sắc sông nước Nam Bộ.

Tuy nhiên, cơ cấu dân số vùng ĐBSCL đang có sự chuyển dịch theo xu hướng già hóa nhanh. Lực lượng lao động trẻ có xu hướng giảm, trong khi nhóm tuổi trung niên từ 30 - 49 chiếm tỷ lệ cao. Đáng chú ý, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2022 chỉ đạt khoảng 14,5%, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình cả nước. Thực trạng này cho thấy hạn chế về con người và năng lực tiếp cận tri thức mới của một bộ phận lớn dân cư trong vùng, đặc biệt tại khu vực nông thôn, ven biển và vùng sâu, vùng xa. Từ góc độ quản trị công, trình độ học vấn và năng lực tiếp cận thông tin thấp trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng hiểu, phân tích và phản hồi chính sách của người dân; làm giảm hiệu lực xã hội của các hoạt động công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

Bên cạnh yếu tố dân số - nhân lực, đặc điểm văn hóa - xã hội của vùng cũng có tác động sâu sắc đến tính chất và hiệu quả của hoạt động minh bạch. Văn hóa sông nước, tính cộng đồng cao, truyền thống “trọng tình, trọng nghĩa” và khuynh hướng đề cao sự hài hòa trong quan hệ xã hội là những nét đặc trưng nổi bật của cư dân ĐBSCL. Những giá trị này góp phần củng cố sự đoàn kết, giảm xung đột xã hội, tăng cường tính tương trợ và ổn định cộng đồng.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực quản trị nhà nước, đặc điểm này lại bộc lộ những hạn chế nhất định đối với việc thực thi dân chủ và minh bạch ở cấp xã.

Cụ thể, tâm lý “ngại va chạm”, “dĩ hòa vi quý”, “nể nang, trọng tình hơn lý” vẫn tồn tại khá phổ biến trong cộng đồng dân cư, khiến người dân ngại góp ý trực tiếp, ngại phản biện hoặc đặt câu hỏi đối với các quyết định của chính quyền, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, quy hoạch, bồi thường, hỗ trợ, bố trí vốn đầu tư công. Trong khi đó, chính quyền cấp xã ở không ít địa phương vẫn duy trì phong cách điều hành theo lối hành chính truyền thống, nặng về mệnh lệnh - thủ tục, nhẹ về đối thoại - giải trình. Điều này làm cho hoạt động công khai, minh bạch trở nên “một chiều”: thông tin được công bố nhưng thiếu tương tác, thiếu cơ chế phản hồi thực chất, dẫn đến tình trạng “có công khai nhưng chưa thực sự minh bạch”.

Sự chênh lệch về trình độ học vấn, mức sống và khả năng tiếp cận dịch vụ công giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa nhóm dân tộc đa số và dân tộc thiểu số, giữa vùng trung tâm và vùng ven biển càng làm gia tăng khoảng cách trong việc tiếp cận, hiểu và sử dụng thông tin. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng tham gia của người dân, mà còn tác động trực tiếp đến hiệu quả giám sát xã hội - yếu tố quan trọng bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của chính quyền cấp xã.

Tuy nhiên, cần khẳng định rằng, chính đặc điểm văn hóa cộng đồng này cũng chứa đựng tiềm năng lớn cho việc tăng cường minh bạch nếu được triển khai thực hiện đúng hướng. Tinh thần gắn kết cộng đồng, vai trò của các tổ chức tự quản, uy tín của người cao tuổi, chức sắc tôn giáo và người có ảnh hưởng trong cộng đồng là những kênh xã hội quan trọng có thể được huy động để thúc đẩy sự tham gia, lan tỏa thông tin và xây dựng “văn hóa minh bạch” ở cơ sở. Khi người dân cảm nhận rằng việc tham gia, giám sát là vì lợi ích chung của cộng đồng, phù hợp với đạo lý và truyền thống địa phương, họ sẽ sẵn sàng đồng hành cùng chính quyền trong quá trình xây dựng và thực thi quyết định.

Như vậy, đặc điểm dân cư và văn hóa - xã hội của ĐBSCL vừa là điều kiện nền tảng, vừa là nhân tố cản trở tiềm ẩn đối với quá trình thực hiện công khai, minh bạch trong ra quyết định ở cấp xã. Điều này đặt ra yêu cầu phải xây dựng các giải pháp mang tính đặc thù vùng: nâng cao dân trí, tăng cường giáo dục pháp luật, phát triển năng lực công dân, đồng thời đổi mới phương thức truyền thông công vụ theo hướng gần gũi, dễ hiểu và phù hợp với tâm lý - văn hóa bản địa. Chỉ khi đó, công khai, minh bạch mới thực sự trở thành một chuẩn mực hành vi chính trị - hành chính được người dân chấp nhận, ủng hộ và chủ động tham gia thực hiện.

Thứ tư, giáo dục, thông tin và truyền thông

Trình độ dân trí ở ĐBSCL có tiến bộ đáng kể: tỷ lệ biết chữ của dân số từ 15 tuổi trở lên đạt 93,9% [66]. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật vẫn thấp, ảnh hưởng đến năng lực tiếp nhận và xử lý thông tin công khai.

Hệ thống thông tin - truyền thông phát triển nhanh, với mạng viễn thông phủ sóng rộng, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng hiện đại. Các đài truyền thanh cơ sở, cổng thông tin điện tử và mạng xã hội hợp pháp trở thành kênh truyền tải quan trọng giúp người dân tiếp cận, giám sát hoạt động của chính quyền địa phương. Dù vậy, sự chênh lệch giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa các nhóm dân tộc vẫn tạo ra rào cản trong tiếp cận thông tin công khai, đòi hỏi chính quyền cấp xã phải đa dạng hóa hình thức công khai, phù hợp với trình độ, ngôn ngữ và văn hóa của từng cộng đồng dân cư.

Thứ năm, quốc phòng và an ninh

Với vị trí địa - chiến lược đặc biệt, ĐBSCL là khu vực trọng yếu trong chiến lược quốc phòng - an ninh quốc gia. Hơn 200 km biên giới đất liền và 700 km bờ biển khiến khu vực này vừa tiềm năng phát triển kinh tế biển, vừa đòi hỏi xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội. Trong nhiều năm qua, “thế trận lòng dân” ở vùng Tây Nam Bộ được củng cố, trở thành nền tảng cho sự ổn

định chính trị và đồng thuận xã hội - yếu tố quan trọng bảo đảm cho việc triển khai các chính sách công khai, minh bạch ở cấp cơ sở.

Thứ sáu, đặc điểm thể chế - hành chính

Một đặc trưng quan trọng của vùng ĐBSCL là tính đa dạng về mô hình tổ chức hành chính và mức độ phân cấp quản lý. Vùng có nhiều đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số nhỏ, phân bố rộng, địa hình phức tạp, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước và tổ chức cung cấp thông tin công khai đến người dân. Tỷ lệ xã loại II, loại III chiếm đa số; hầu hết chính quyền cấp xã có biên chế mỏng, năng lực hành chính hạn chế, trang thiết bị phục vụ công tác công khai thông tin còn thiếu đồng bộ. Sau khi thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, 2025) theo mô hình hai cấp, vai trò của cấp xã càng trở nên trọng yếu, vừa là đầu mối thực hiện, vừa là cấp chịu trách nhiệm trực tiếp giải trình trước dân. Đặc điểm này tạo bối cảnh thể chế đặc thù, ảnh hưởng lớn đến khả năng thực thi công khai, minh bạch trong quản trị địa phương.

3.1.2. Đặc điểm của chính quyền cấp xã ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Chính quyền cấp xã là cấp hành chính cơ sở, nơi trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đồng thời là “tế bào” của hệ thống chính trị, gắn bó mật thiết với đời sống hằng ngày của người dân. Trong bối cảnh vùng ĐBSCL đang tiến hành tái cơ cấu đơn vị hành chính, thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển đổi mô hình phát triển, chính quyền cấp xã thể hiện nhiều đặc điểm riêng về thể chế, chủ thể, thiết chế phục vụ và điều kiện thực thi. Các đặc điểm này có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định.

Thứ nhất, về thể chế và mô hình tổ chức chính quyền

Chính quyền cấp xã ở ĐBSCL được tổ chức theo quy định thống nhất của pháp luật, có đầy đủ hai thiết chế: Hội đồng nhân dân (HĐND) - cơ quan

quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân và Ủy ban nhân dân (UBND) - cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Mô hình hai thiết chế này bảo đảm cho cấp xã có đầy đủ chức năng ban hành nghị quyết, quyết định, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

Sự ổn định của mô hình tổ chức là nền tảng cho việc triển khai công khai, minh bạch các quyết định hành chính. Đặc biệt, trong bối cảnh thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi năm 2025) theo mô hình hai cấp quyền hạn và trách nhiệm giải trình của cấp xã được mở rộng, yêu cầu minh bạch trong quản lý trở thành nguyên tắc bắt buộc nhằm bảo đảm tính công khai, hợp pháp và hiệu lực hành chính.

Thứ hai, về chủ thể thực thi - đội ngũ cán bộ, công chức

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở ĐBSCL có số lượng tương đối đầy đủ, được quan tâm bồi dưỡng, nhưng chưa đồng đều về trình độ chuyên môn, năng lực hành chính và kỹ năng số. Một bộ phận còn hạn chế trong ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng truyền thông công vụ và tư duy phục vụ.

Tuy nhiên, mặt tích cực là phần lớn cán bộ đã ý thức rõ hơn vai trò của công khai, minh bạch trong quản trị địa phương, nhất là các đại biểu HĐND chuyên trách - lực lượng trung gian giữa nhân dân và chính quyền.

Ở góc độ chính trị học, đội ngũ này chính là “chủ thể quyền lực thực thi” ở cấp cơ sở, quyết định chất lượng của các quá trình dân chủ, trong đó có công khai, minh bạch. Do đó, năng lực hành chính, đạo đức công vụ và văn hóa trách nhiệm của cán bộ là yếu tố có tính quyết định đối với hiệu quả quản trị địa phương.

Thứ ba, về thiết chế phục vụ và nguồn lực hành chính

Hệ thống thiết chế phục vụ hoạt động quản lý, bao gồm trụ sở làm việc, hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở vật chất truyền thông, bộ phận một cửa và cổng thông tin điện tử ở nhiều xã của vùng còn hạn chế, thiếu đồng bộ. Một số

xã chưa có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chưa đủ trang thiết bị để duy trì hệ thống công khai điện tử hoặc công bố thông tin trực tuyến.

Nguồn lực tài chính hạn hẹp, kinh phí hoạt động chủ yếu dựa vào ngân sách phân bổ theo đầu dân số, dẫn đến việc thực hiện công khai, minh bạch bị chậm trễ, thiếu đa dạng hình thức.

Điều này đặt ra yêu cầu phải tăng cường đầu tư hạ tầng số, hiện đại hóa thiết chế công vụ và phát triển đội ngũ kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động minh bạch hóa thông tin - một hướng tiếp cận mang tính “thể chế hóa công nghệ” trong quản trị công.

Thứ tư, về điều kiện địa bàn và dân cư

Địa bàn hành chính cấp xã ở vùng ĐBSCL rộng, bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc, dân cư phân tán, giao thông không thuận lợi. Đặc điểm này làm hạn chế khả năng truyền đạt thông tin công khai và tổ chức đối thoại trực tiếp giữa chính quyền với người dân.

Các hình thức công khai truyền thống như niêm yết tại trụ sở, họp dân ở ấp hoặc phát thanh định kỳ khó bảo đảm độ phủ thông tin toàn diện. Do đó, các xã cần đẩy mạnh hình thức công khai hiện đại như sử dụng mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh thông minh để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho mọi đối tượng.

Thứ năm, về quan hệ chính quyền - nhân dân và văn hóa chính trị địa phương

Mối quan hệ giữa chính quyền và nhân dân ở vùng ĐBSCL được hình thành trên nền tảng văn hóa cộng đồng nông thôn - sông nước, đặc trưng bởi tinh thần gắn bó, trọng nghĩa, trọng tình và đề cao hòa khí. Đây là điều kiện quan trọng, giúp củng cố niềm tin và sự đồng thuận trong thực thi chính sách, song đồng thời cũng tạo nên những ràng buộc cảm tính ảnh hưởng đến tính khách quan và minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

Ở cấp xã, truyền thống “tình làng nghĩa xóm” giúp việc vận động, tuyên truyền chính sách diễn ra thuận lợi, tăng khả năng chấp hành và hợp tác của

người dân. Tuy nhiên, văn hóa “nể nang - dĩ hòa vi quý” lại có thể làm giảm hiệu quả phản biện, khiến dân chủ cơ sở mang tính hình thức, người dân ngại góp ý và chính quyền thiếu áp lực minh bạch hóa thông tin. Quan hệ thân quen trong cộng đồng nếu không được kiểm soát bằng thể chế công khai, minh bạch dễ chuyển thành chủ nghĩa thân hữu, làm suy yếu niềm tin công chúng.

Trong bối cảnh hiện nay, chính quyền cấp xã cần chuyển từ quản lý dựa trên quan hệ cảm tính sang quản trị dựa trên pháp quyền, dung hòa giữa “văn hóa tình cảm” và “văn hóa pháp luật”. Điều này đòi hỏi minh bạch hóa quy trình, tiêu chí, kết quả và trách nhiệm giải trình trong mọi quyết định hành chính. Khi đó, mối quan hệ chính quyền - nhân dân sẽ chuyển từ “sự tin cậy truyền thống” sang “sự tin cậy thể chế”, qua đó nâng cao tính chính danh, hiệu lực và hiệu quả quản trị công ở cấp cơ sở

Thứ sáu, về chức năng, nhiệm vụ quản lý đặc thù

Cấp xã ở ĐBSCL chủ yếu quản lý trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, phòng chống thiên tai, và ứng phó biến đổi khí hậu - những lĩnh vực có tính rủi ro cao, thường xuyên phải xử lý vấn đề bồi thường, hỗ trợ, và phân bổ nguồn lực công. Chính vì vậy, yêu cầu công khai, minh bạch hóa thông tin trong lập kế hoạch, phê duyệt dự án, hỗ trợ thiên tai, giải phóng mặt bằng... là đặc biệt cấp thiết nhằm phòng ngừa tiêu cực, bảo đảm công bằng và tăng đồng thuận xã hội.

Như vậy, chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL mang những đặc điểm vừa mang tính phổ quát của cấp hành chính cơ sở, vừa có tính đặc thù vùng miền. Sự đầy đủ về thể chế, tính gắn kết cộng đồng và nhận thức chính trị của cán bộ là nền tảng tích cực; sự hạn chế về công nghệ, địa bàn rộng, dân cư phân tán và năng lực hành chính chưa đồng đều là thách thức lớn. Để bảo đảm công khai, minh bạch thực chất trong quá trình ra quyết định, cần tiếp cận đồng bộ trên cả bốn phương diện: hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực chủ thể, hiện đại hóa thiết chế phục vụ và cải thiện điều kiện thực thi, hướng tới một nền quản trị công khai - minh bạch - hiệu lực tại cấp xã.

3.2. THỰC TRẠNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.2.1. Nội dung công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long

Quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là một chuỗi hoạt động thực hiện các quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã. Như phân tích ở chương 2, chính quyền cấp xã có rất nhiều hoạt động ra quyết định thuộc phạm vi cấp xã theo quy định của pháp luật, nhưng trong phạm vi nghiên cứu của luận án, các quyết định của chính quyền cấp xã đảm bảo tính công khai, minh bạch chủ yếu tập trung vào năm nội dung như sau:

3.2.1.1. Công khai, minh bạch về kế hoạch, dự án và phát triển kinh tế - xã hội

Chính quyền cấp xã có thẩm quyền ra quyết định liên quan đến kế hoạch, dự án và phát triển kinh tế - xã hội. Theo Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022 và Luật Tiếp cận thông tin, chính quyền cấp xã phải công khai các chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước. Mục đích của việc công khai này là giúp cho người dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận được các thông tin về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đồng thời, tại Khoản 1 Điều 25, nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về “dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã”. Ngoài ra, còn có các nội dung khác liên quan như phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, quy hoạch sử dụng đất, đề án phát triển ngành nghề cấp xã ... cũng được đưa ra lấy ý kiến. Điều này góp phần công khai, minh bạch các chiến lược, dự án và chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thời gian qua, các địa phương vùng ĐBSCL đã có sự chủ động trong lấy ý kiến của nhân dân về các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo tinh thần của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022. Điều này vừa góp phần tăng cường sự tham gia của người dân vào các quyết định của chính quyền địa phương, vừa đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã. Việc thực hiện lấy kiến của người dân về dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được chính quyền địa phương triển khai đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nhờ đó, người dân được tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo của chính quyền cấp xã trước khi ban hành. Để có cơ sở đánh giá về sự tham gia ý kiến đóng góp vào các dự thảo của chính quyền cấp xã, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 300 người dân với câu hỏi “Ông/Bà có từng tham gia lấy ý kiến vào các dự thảo chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương trong 12 tháng qua? Và kết quả khảo sát cho thấy, có 55,3% người dân tham gia khảo sát đã khẳng định có tham gia trong 12 tháng qua và còn lại không có tham gia. Trong đó, người dân ở thị trấn, phường có tỷ lệ tham gia cao hơn so với ở nông thôn, cụ thể là có 56,2% người dân thị trấn, phường tham gia so với 45,4% của người dân ở các xã. Nhưng chỉ có 45,8% người dân có đóng góp ý kiến trong các cuộc họp lấy ý kiến góp ý cho dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, trong đó có 49,2% người dân thị trấn, phường tham gia đóng góp ý kiến so với 38,2% người dân ở các xã. Đồng thời, nghiên cứu cũng khảo sát 150 cán bộ cấp xã ở một số địa phương cho thấy, có 60,2% cán bộ tham gia khảo sát khẳng định địa phương có kế hoạch thực hiện lấy kiến nhân dân về các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả khảo sát này cho thấy, có hơn ½ tổng số người tham gia khảo sát khẳng định có tham gia các cuộc họp lấy ý kiến và đóng góp ý kiến vào các dự thảo. Có thể nói, chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL cơ bản đã thực hiện theo quy định về công khai, minh bạch trong quá trình ra

quyết định. Đó là chủ động nắm bắt ý kiến của người dân để xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội một cách hiệu quả hơn. Tuy vẫn còn $\frac{1}{4}$ tổng số người tham khảo sát chưa tham gia trực tiếp vào đóng góp ý kiến cho các dự thảo này. Điều này cho thấy, việc lấy ý kiến công khai, minh bạch các dự thảo chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vẫn chưa đạt kết quả như mong đợi sở dĩ là do một bộ phận người dân chưa quan tâm đến các nội dung này và cộng với hình thức lấy ý kiến người dân chưa phù hợp với trình độ, nhận thức của người dân.

Thực hiện công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã không chỉ nắm bắt lấy ý kiến của nhân dân mà còn công bố các quyết định sau khi tham khảo ý kiến của người dân một cách rộng rãi. Mục đích của hành động này là cung cấp thông tin cho người dân, vừa đảm bảo tính công khai, vừa đảm bảo tính minh bạch trong quá trình ra quyết định. Bởi vì, việc công bố các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển đã thông qua nhân dân để cho người dân giám sát thực hiện các các quyết định đó. Thời gian qua, chính quyền cấp xã, trong đó có Chủ tịch UBND cấp xã đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn trực thuộc ủy ban và phối hợp các MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội để công khai các quyết định về chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội một cách rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau. Kết quả cho thấy, UBND cấp xã vùng ĐBSCL đã công khai những chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các tiêu chí, tiêu chuẩn xây dựng phường văn minh đô thị, các dự án, các chế độ an sinh xã hội, các quy định, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính... Trong quá trình thực hiện, luôn coi trọng phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, coi trọng tính công khai, dân chủ. Vì thế, các quyết định của chính quyền cấp xã đã được người dân tiếp cận thông tin một cách đầy đủ. Để đánh giá thực hiện công khai, minh bạch về các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền cấp xã, nghiên cứu cũng đã khảo sát 300 người dân và kết quả cho thấy, có 50,3% người dân tham gia khảo

sát khẳng định là họ có biết các dự án, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của chính cấp xã ban hành. Trong đó, có 53,2% người dân ở thị trấn, phường và có 46,5% người dân ở các xã biết (biết = nhận thức sự tồn tại) đến các chương trình, kế hoạch này. Câu hỏi đặt ra, người dân đọc (đọc = tiếp cận văn bản) và biết được các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có hiểu (hiểu = tự đánh giá hiểu) được hay không? Đây là một trong những tiêu chí để đánh giá tính công khai, minh bạch của các quyết định do chính quyền cấp xã ban hành. Kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có 42,3% người dân tham khảo sát khẳng định họ hiểu khi đọc và hiểu nội dung trong các kế hoạch, dự án, chương trình; trong khi đó có 48,3% người dân ở thị trấn, phường và 40,5% người dân ở các xã hiểu được nội dung trong các văn bản đó. Có thể thấy, việc biết và hiểu các nội dung trong các quyết định của chính quyền địa phương luôn tồn tại khoảng cách khá lớn. Điều này ảnh hưởng đến tính minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

3.2.1.2. Công khai, minh bạch về ngân sách, tài chính và tài sản công

Việc thực hiện công khai thu - chi ngân sách cấp xã là biện pháp nhằm công khai, minh bạch các khoản chi, góp phần để cán bộ, công chức và người dân phát huy quyền làm chủ trong thực hiện quyền kiểm tra, giám sát quá trình quản lý và sử dụng vốn, tài sản Nhà nước, từ đó phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm chế độ quản lý tài chính, bảo đảm sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Vì thế, công khai thu - chi ngân sách của địa phương là một trong những nội dung quy định của pháp luật. Tại khoản 2, Điều 11 Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022 đã quy định: “Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện

các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có)”. Quy định này là cơ sở pháp lý để chính quyền cấp xã thực hiện công khai, minh bạch vấn đề thu chi ngân sách ở địa phương.

Tại Điều 15 của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở quy định, người dân được quyền tham gia bàn bạc và quyết định liên quan đến “việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác” và tại Điều 12 và Điều 13 quy định các nội dung nhân dân được “*tham gia ý kiến*”, trong đó có dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách xã và việc quản lý, sử dụng các loại quỹ, khoản đóng góp của dân. Cũng theo Điều 16 của Luật Ngân sách và theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính cũng quy định cụ thể nguyên tắc công khai ngân sách, trong đó nhấn mạnh đến trách nhiệm công khai dự toán, quyết toán và các nội dung quan trọng khác liên quan đến ngân sách cấp xã để nhân dân biết, giám sát. Điều này cho thấy, việc lấy ý kiến của người dân về những vấn đề liên quan ngân sách cấp xã là một trong những hoạt động công khai của chính quyền cấp xã. Thời gian qua, các địa phương đã chủ động có kế hoạch thực hiện lấy ý kiến công khai của người dân về những khoản đóng góp, sử dụng các loại quỹ. Nhiều địa phương thực hiện công khai hoạt động huy động người dân đóng góp ngày công, hiến đất hoặc huy động phần đóng góp vật chất, thực hiện các công trình phúc lợi công cộng cùng với người dân trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Đây là dấu hiệu có sự tham gia của dân trong việc quyết định một phần về quy hoạch, đầu tư, sử dụng ngân sách nhỏ cấp xã. Chính quyền cấp xã ở vùng ĐBSCL nhiều nơi thực hiện các hình thức lấy ý kiến dân cư, như họp cộng đồng dân cư, tổ chức đối thoại, thông qua đại diện hộ gia đình. Để đánh giá về hoạt động công khai lấy ý kiến người dân về các nội dung liên quan đến

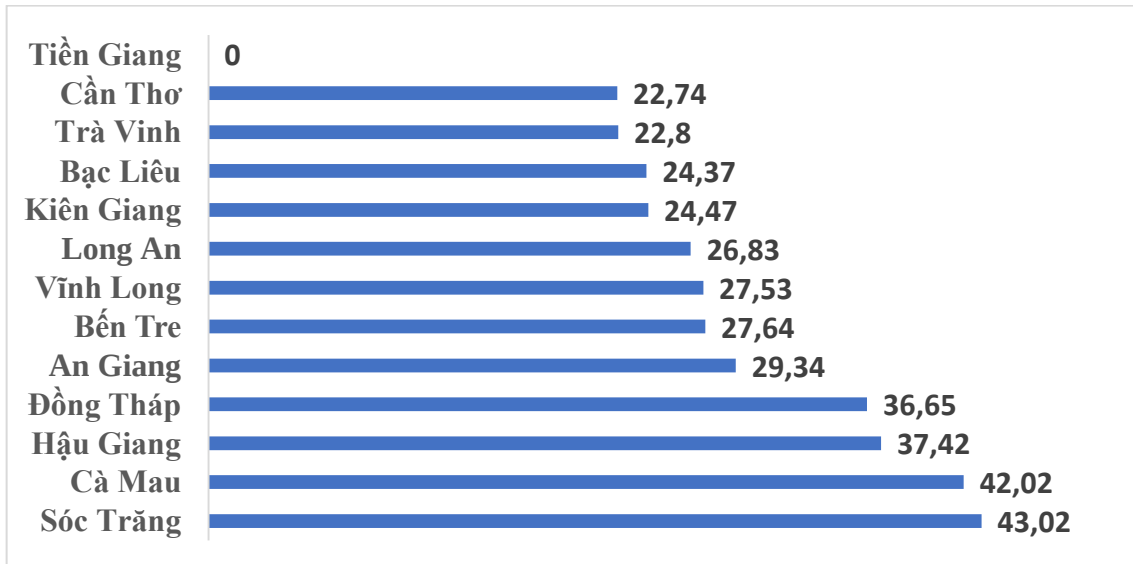
ngân sách xã, nghiên cứu đã khảo sát 150 cán bộ và kết quả cho thấy, có 59,7% cán bộ cấp xã đã khẳng định chính quyền cấp xã có niêm yết các nội dung liên quan đến ngân sách xã như thu, chi, phân bổ ngân sách để lấy kiến ý người dân. Mặc dù vậy, việc công khai lấy ý kiến này thực hiện khác nhau ở các địa phương và các thông tin về thu, chi ngân sách cấp xã vẫn chưa được công khai một cách đầy đủ, rõ ràng. Theo một số cán bộ cấp xã cho rằng, việc công khai lấy ý kiến người dân về các nội dung thu, chi ngân sách xã thường chỉ công khai thông tin tổng thể, chưa chi tiết, cụ thể vì nếu cụ thể, chi tiết thì rất nhiều thông tin. Chính vì thế, chỉ có 38,9% người dân khẳng định có ý kiến đóng góp cho nội dung này. Điều này cho thấy, chính quyền địa phương cấp xã có thực hiện công khai, minh bạch lấy ý kiến người dân về nội dung liên quan đến ngân sách cấp xã nhưng sự tham gia đóng góp ý kiến của người dân còn hạn chế. Sở dĩ là do người dân có thể không hiểu hết các nội dung này hoặc thiếu thông tin cụ thể.

Việc công khai, minh bạch thu, chi và ngân sách cấp xã không chỉ công khai lấy ý kiến người dân mà còn phải công bố công khai theo quy định. Theo báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân cơ sở của các địa phương, thời gian qua, công khai việc huy động, quản lý các loại quỹ, các khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án của cấp trên; các khoản huy động nhân dân, nhà hảo tâm, mạnh thường quân đóng góp xây dựng cầu, sửa chữa các tuyến lộ, hỗ trợ học sinh nghèo, hỗ trợ hộ nghèo, gia đình chính sách; vốn ngân hàng Chính sách xã hội cho vay phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Thực hiện tốt việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại cơ quan một cửa để người dân liên hệ làm việc được biết mức thu phí, lệ phí cho mỗi thủ tục và hồ sơ cần chuẩn bị cho mỗi loại thủ tục; từ đó tạo sự đồng thuận của nhân dân trong công tác giải quyết thủ tục hành chính, góp phần giải quyết thủ tục nhanh gọn, nâng cao mức độ hài lòng của nhân dân trong giải quyết thủ tục hành chính và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức đối với nhân dân. Việc công khai, minh bạch này của

chính quyền địa phương cấp xã đã giúp người dân biết được tình trạng thu, chi ngân sách của địa phương mình.

Để đánh giá thực trạng công khai, minh bạch ngân sách, tài chính và tài sản công (căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017) [56] của chính quyền cấp xã, nghiên cứu đã sử dụng kết quả đánh giá về “Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam PAPI 2023 (công bố 2024) và kết quả cho thấy, tỷ lệ người dân trả lời thu, chi ngân sách của địa phương được công khai chiếm dưới 50% tổng số người dân tham gia khảo sát. Trong đó, tỉnh Sóc Trăng, Cà Mau là có tỷ lệ cao nhất (trên 40%) và các tỉnh/thành phố có tỷ lệ thấp nhất là thành phố Cần Thơ (22,74%), tỉnh Trà Vinh (22,80%) (toàn bộ kết quả tác giả thực hiện khảo sát trước khi sáp nhập nên các đơn vị hành chính cấp tỉnh vẫn còn là tỉnh cũ) (xem Biểu 3.1). Điều này cho thấy, công khai thông tin về thu, chi ngân sách ở các địa phương khác nhau.

Đơn vị tính: Phần trăm



Biểu 3.1: Tỷ lệ người dân trả lời “Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai”

Nguồn: UNDP, PAPI 2024

Công khai, minh bạch thu, chi ngân sách xã còn được đánh giá qua thông qua việc người dân có tiếp cận được thông tin này và biết được tính

chính xác của thông tin. Theo UNDP (2024), tỷ lệ người dân của các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL có đọc được thông tin chỉ dao động dưới 40,0% tổng số người tham gia khảo sát; trong khi đó, người dân tin tưởng vào tính chính xác của các thông tin từ chính quyền cấp xã chiếm tỷ lệ khá cao, dao động từ 73,0% đến dưới 90% [84]. Điều này cho thấy, người dân luôn tin tưởng vào độ tin chính xác thông tin được chính quyền địa phương công bố, tuy nhiên, tỷ lệ người dân đọc được thông tin liên quan đến thu, chi ngân sách cấp xã chiếm còn khá khiêm tốn.

Để củng cố cho kết quả trên, nghiên cứu cũng đã tiến hành khảo sát 300 người dân ở một số xã ở ĐBSCL cho thấy, có 37,7% người tham gia khảo sát có biết công khai thu chi ngân sách của xã được chính quyền địa phương công bố; có 40,3% người dân tham gia đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách và có 55,3% người dân tin vào tính chính xác của thông tin về thu - chi ngân sách đã công bố. Điều này cho thấy, người dân ở ĐBSCL biết được thông tin thu - chi ngân sách của chính quyền cấp xã nhưng tỷ lệ người dân đọc được thông tin này còn khá khiêm tốn. Rõ ràng, người dân tiếp cận thông tin thu - chi ngân sách của xã không phải dễ dàng hoặc cũng có thể người dân ít quan tâm đến thông tin này vì nó không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của họ. Cũng có thể là thông tin này ít được công bố trên trang thông tin điện tử của địa phương. Thực tế cho thấy, nghiên cứu đã khảo sát ngẫu nhiên một số trang thông tin điện tử của một số xã/ phường của thành phố Cần Thơ, Cà Mau, Vĩnh Long, Trà Vinh cho thấy, các trang thông tin điện tử các xã/phường chưa thể hiện rõ thông tin thu - chi ngân sách của địa phương.

Câu hỏi đặt ra rằng, người dân có hiểu được thông tin về thu - chi ngân sách xã? Và kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có 40,3% người dân tham gia khảo sát có hiểu được thông tin về thu - chi ngân sách cấp xã được công bố công khai. Điều này cho thấy, người dân có thể tiếp cận thông tin nhưng hiểu được các thông tin liên quan đến ngân sách là một điều khó khăn. Sở dĩ là do một bộ phận người dân còn hạn chế về trình độ học vấn, chuyên môn, đặc biệt đồng

bào Khmer ở vùng nông thôn cho nên đọc để hiểu hết các thông tin này không phải dễ dàng. Mặt khác, các công bố về thu - chi ngân sách còn sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn cho nên đã gây khó khăn cho người dân khi tiếp cận các thông tin này.

Cùng với công khai, minh bạch thu - chi ngân sách xã, việc công khai tài sản công [56] cũng là một trong những nội dung quan trọng của chính quyền cấp xã. Tuy nhiên, khi tài sản công (nhà, đất, trang thiết bị) được thanh lý, bàn giao, nhiều xã chưa công bố danh mục, giá trị thanh lý một cách chi tiết, tạo kẽ hở cho lạm quyền. Việc công bố, kê khai và công khai thông tin tài sản công ở cấp xã còn rất hạn chế, không đồng đều. Không ít xã/phường chưa có hoặc chỉ có công khai theo hình thức giấy tờ treo ở trụ sở, chưa cập nhật hệ thống thông tin quốc gia về tài sản công đầy đủ; việc công khai online còn ít. Thực tế cho thấy, các thông tin công bố công khai về tài sản (đất của trụ sở làm việc của UBND xã), thông tin mua sắm tài sản công của các xã ít được công bố công khai một cách rộng rãi. Vì thế, đa số người dân khi tham gia khảo sát trả lời biết được thông tin này chỉ chiếm 20,7%. Có thể nói, công khai, minh bạch tài sản công của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL còn nhiều hạn chế.

3.2.1.3. Công khai, minh bạch về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh

Tại Khoản 8 Điều 11 của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022 và Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH quy định: công khai các thông tin liên quan đến quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội. Tại khoản 9 Điều 25 Luật này cũng quy định: “Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần lấy ý kiến”. Theo đó, việc lấy ý kiến nhân dân về đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội là một trong những nội dung cần được công khai theo thẩm quyền của chính quyền cấp xã. Thực tế cho thấy, các chính sách an sinh (trợ cấp xã

hội, hỗ trợ hộ nghèo, chính sách người có công) theo quy định phải công khai danh sách đối tượng đề nghị, tiêu chí, mức hỗ trợ để cộng đồng xác minh. Do đó, để tạo sự công bằng và minh bạch, nhiều địa phương đã tổ chức họp dân để rà soát, bình xét đối tượng thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội, hộ nghèo. Việc thực hiện lấy ý kiến người dân về rà soát, bình xét góp phần tạo ra sự minh bạch và công bằng trong quá trình ra quyết định liên quan đến thực hiện kết quả chính sách an sinh xã hội. Điều này đã phản ánh qua kết quả khảo sát 150 cán bộ cấp xã rằng, có 73,2% người tham gia khảo sát đã khẳng định chính quyền cấp xã có lấy ý kiến người dân về đối tượng thụ hưởng chính sách, danh sách hộ nghèo. Vì thế, có 70,2% người dân tham gia khảo sát đã khẳng định họ có ít nhất tham gia vào cuộc họp rà soát, bình xét đối tượng thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội, chính sách giảm nghèo ở địa phương trong 12 tháng qua. Trong đó, người dân ở các xã chiếm tỷ lệ 75,2% so với 65,0% của người dân ở các phường/thị trấn. Trong số đó, có 53,3% người dân khẳng định là họ có tham gia đóng góp ý kiến về đối tượng thụ hưởng các chính sách. Sở dĩ người dân tham gia tích cực vào nội dung là do họ nhận thức một cách đầy đủ về lợi ích của mình trong thụ hưởng các chính sách hỗ trợ từ nhà nước, địa phương. Qua đó, giúp đã tạo ra sự công khai, minh bạch trong công tác rà soát, bình xét đối tượng thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội.

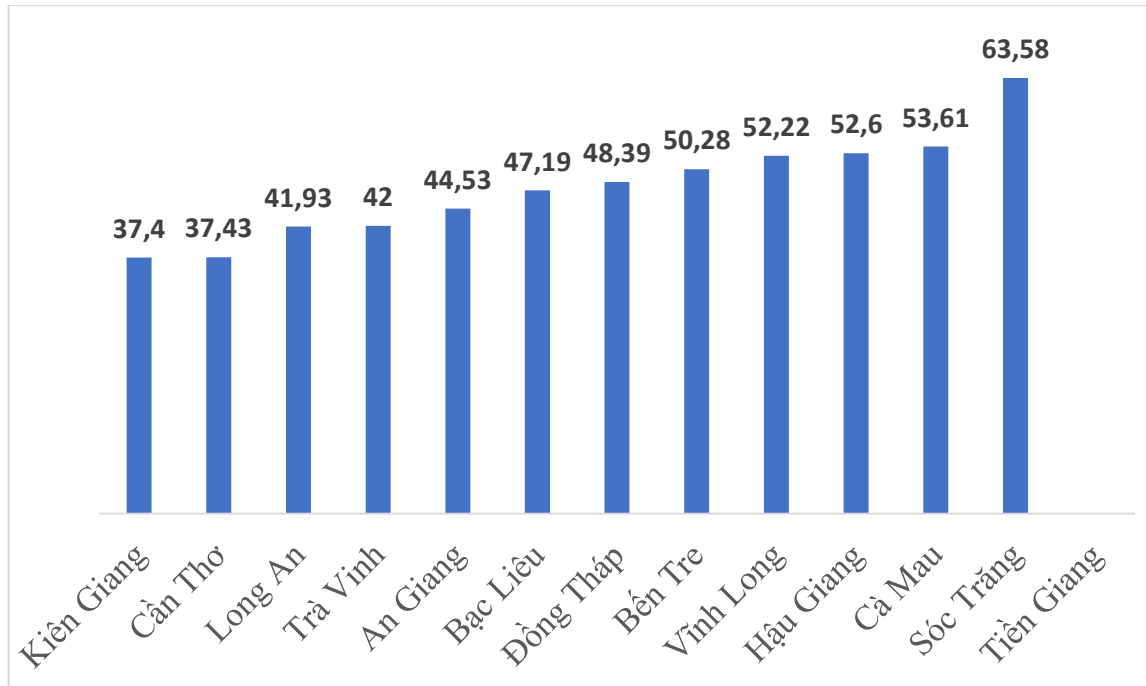
Danh sách hộ nghèo là một trong những kết quả được thực hiện nghiêm túc trong quá trình rà soát, bình xét có sự tham gia của người dân. Tại điểm a, khoản 4 Điều 4 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg năm 2021 đã quy định về vấn đề niêm yết thông báo công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc. Cũng theo quy định tại khoản 7 Điều 11 của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022, “chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình

mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn cấp xã”. Các quy định này là cơ sở pháp lý để UBND cấp xã thực hiện công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo.

Trong thời gian qua, chính quyền cấp xã ở ĐBSCL đã triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người có công với cách mạng, người nghèo, chính sách tôn giáo, dân tộc. Quy trình xem xét các chế độ cho người có công, bình xét hộ nghèo, cận nghèo đều được triển khai thực hiện dân chủ công khai như: Hợp dân xét xây dựng nhà tình nghĩa; bình xét hộ nghèo đúng quy trình, thông qua Ban Chỉ đạo. Đồng thời, niêm yết danh sách tại cơ quan xã và trụ sở các ấp để dân tiếp cận. Có thể nói, thực hiện công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo đã được chính quyền cấp xã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Điều này giúp cho người dân có thể thực hiện tốt công tác giám sát đối với các quyết định của chính quyền cấp xã.

Đánh giá về công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo của chính quyền cấp xã, nghiên cứu đã sử dụng bộ tiêu chí của UNDP về tỷ lệ người dân biết được danh sách hộ nghèo công bố công khai. Kết quả ở Biểu số liệu 3.2 cho thấy, người dân các tỉnh ở ĐBSCL biết được danh sách hộ nghèo được niêm yết chiếm tỷ lệ dao động từ 37,4% đến 63,58%; trong đó tỷ lệ người dân biết đến danh sách hộ nghèo ở tỉnh Sóc Trăng chiếm cao nhất (63,58%), tiếp đến là tỉnh Cà Mau (53,61%) và thấp nhất là tỉnh Kiên Giang, thành phố Cần Thơ. Điều này cho thấy, mặc dù chính quyền cấp xã đã niêm yết công khai danh sách hộ nghèo nhưng tỷ lệ người dân biết được danh sách hộ nghèo có sự khác nhau giữa các địa phương. Ngoài ra, tỷ lệ người dân ở các tỉnh ĐBSCL cho rằng “có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo” dao động từ 25,8% đến 62,24% và “có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo” cũng chiếm tỷ lệ dao động từ 19,97% đến 48,4% [84]. Điều này cho thấy công khai giúp phát hiện sai sót, nhưng cũng cần cơ chế giải trình - khiếu nại và thời hạn xử lý.

Đơn vị tính: Phần trăm



Biểu 3.2: Tỷ lệ người trả lời cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua

Nguồn: UNDP, PAPI 2024

Kết quả này đã phản ánh tình trạng sai sót trong công tác bình xét danh sách hộ nghèo ở các địa phương. Sở dĩ có sự khác biệt giữa các địa phương là do sự quan tâm của người dân đối với vấn đề này hoặc có thể là việc niêm yết danh sách hộ nghèo của chính quyền địa phương chưa phát huy tính hiệu quả. Tỷ lệ người dân đánh giá có sự sai sót trong danh sách hộ nghèo đã góp phần giải thích cho một bộ phận người dân chưa tham gia vào quy trình rà soát, bình xét hộ nghèo. Điều này cho thấy, nếu không có công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo thì người dân sẽ không biết có sự sai sót, nhầm lẫn trong đối tượng thụ hưởng các chính sách giảm nghèo, mặc dù phần lớn người dân có tham gia vào công tác rà soát, bình xét hộ nghèo. Có thể nói, việc công khai danh sách hộ nghèo đã tạo ra sự minh bạch trong kết quả thực hiện an sinh xã hội ở địa phương.

Để củng cố cho kết quả trên, nghiên cứu cũng đã tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 300 người dân ở một số xã thuộc các tỉnh ở ĐBSCL năm 2024 và kết quả

khảo sát cho thấy, có 60,3% người dân tham gia khảo sát đã cho rằng họ có biết quy trình, tiêu chí thụ hưởng và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội được công bố công khai trong 12 tháng qua; có 62,3% người dân tham gia khảo sát đã khẳng định họ có biết chính quyền địa phương công khai danh sách hộ nghèo; có 31,7% người dân trả lời “Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo” và có 32,0% người dân trả lời “Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo” là đúng. Điều này cho thấy, công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo của chính quyền cấp xã ở ĐBSCL đã thực hiện một cách nghiêm túc, góp phần tạo ra sự minh bạch trong hoạt động thực hiện chính sách an sinh xã hội và vì thế đã giúp cho người dân tiếp cận được thông tin danh sách hộ nghèo khá đầy đủ hơn. Vì thế, có 60,1% người dân đã khẳng định họ hiểu được các thông tin liên quan đến quy trình, tiêu chí xét đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội.

Như vậy, kết quả khảo sát của nghiên cứu có sự thống nhất với kết quả của UNDP (2024) về công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo. Kết quả trên đã phản ánh, quy trình, tiêu chí, kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là danh sách hộ nghèo đã được người dân tiếp nhận chiếm tỷ lệ cũng tương đối cao. Chính quyền cấp xã đã thực hiện tốt công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ người dân chưa có sự tham gia vào quy trình ra soát, bình xét đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội, chính sách giảm nghèo và vẫn còn tình trạng nhầm lẫn, sai sót trong danh sách đối tượng hộ nghèo. Có thể nói, việc công khai, minh bạch danh sách, đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội nói chung, hộ nghèo nói riêng đã góp phần phát hiện kịp thời tình trạng sai sót, nhầm lẫn trong đối tượng thụ hưởng.

3.2.1.4. Công khai, minh bạch về quy chế dân chủ cơ sở, công tác tổ chức cán bộ, thủ tục hành chính

Trong bối cảnh thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, các xã vùng ĐBSCL đã có nhiều chuyển biến trong việc công khai, minh bạch

thông tin. Tuy nhiên, thực trạng cho thấy sự chênh lệch khá lớn giữa các địa phương, nhất là giữa khu vực trung tâm và vùng sâu, vùng xa.

Về quy chế thực hiện dân chủ, nhiều xã đã ban hành văn bản theo mẫu chung, tổ chức hội nghị nhân dân để phổ biến. Tại khoản 7 Điều 25 của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022 quy định: Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã, phường, thị trấn (nếu có) là một trong những nội dung mà cần lấy ý kiến của nhân dân trước khi chính quyền cấp xã ra quyết định. Theo đó, chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL đã xây dựng kế hoạch công khai dự thảo các quy chế thực hiện dân chủ cơ sở một cách rộng rãi trong nhân dân. Do đó, kết quả khảo sát cho thấy, có 60,7% cán bộ cấp xã khẳng định chính quyền cấp xã đã công khai lấy ý kiến người dân về quy chế thực hiện dân chủ cơ sở và có 45,3% người dân khẳng định họ có tham gia vào các cuộc họp đóng góp ý kiến vào các dự thảo do chính quyền địa phương soạn thảo, trong số này chỉ có 40,2% có đóng góp ý kiến. Sau khi lấy ý kiến nhân dân, chính quyền cấp xã đã ban hành và công bố quy chế thực hiện dân chủ cơ sở tại trụ sở làm việc của UBND xã hoặc công khai trên cổng thông tin điện tử của địa phương. Thực tế cho thấy, tại quận Ninh Kiều (Cần Thơ), một số phường đã ứng dụng công nghệ thông tin, công khai quy chế dân chủ cơ sở, quy chế của lĩnh vực trên Cổng thông tin điện tử, giúp người dân tiếp cận dễ dàng. Điều này đã phản ánh qua kết khảo sát cho thấy, có 50,2% người dân khẳng định đã từng đọc qua quy chế dân chủ cơ sở tại trụ sở hoặc trang thông tin điện tử của địa phương. Tuy vậy, ở nhiều xã vùng sâu của An Giang hay Sóc Trăng, việc công khai mới dừng ở bảng tin nhà văn hóa ấp, thiếu tính cập nhật, khiến thông tin chưa đến được với người dân một cách kịp thời. Cho nên, kết quả khảo sát cho thấy, 58,2% người dân ở các phường/thị trấn và 41,0% người dân ở các xã tham gia khảo sát khẳng định họ có đọc được quy chế dân chủ cơ sở tại trụ sở hoặc trang thông tin điện tử của địa phương.

Về nhiệm vụ, quyền hạn và quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, một số địa phương đã làm khá tốt. Chẳng hạn, UBND xã Mỹ Khánh (thành phố Cần Thơ) đã công khai danh sách cán bộ, số điện thoại và nhiệm vụ cụ thể trên website xã. Nhưng ở nhiều xã khác, đặc biệt là khu vực nông thôn tỉnh Sóc Trăng, việc niêm yết quy tắc ứng xử còn mang tính hình thức, chưa có cơ chế giám sát và đánh giá độc lập từ phía người dân, khiến quy định chưa thực sự phát huy hiệu quả.

Về kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và bỏ phiếu tín nhiệm, tình trạng công khai còn hạn chế. Ở tỉnh An Giang, khi tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm các chức danh lãnh đạo xã, kết quả thường chỉ được báo cáo trong HĐND xã mà ít khi thông báo rộng rãi cho nhân dân. Trong khi đó, tại một số xã/ phường của thành phố Cần Thơ, việc công bố kết quả kiểm tra đã được thực hiện công khai trên bảng tin điện tử, dù chưa đầy đủ nhưng đã tạo được tín hiệu tích cực trong việc nâng cao trách nhiệm giải trình.

Về công khai danh sách cán bộ trúng cử do dân bầu, đây là một trong những nội dung phải công khai theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022. Theo đó, các xã/phường vùng ĐBSCL cũng đã chủ động công khai danh sách này tại trụ sở làm việc của UBND xã/phường. Nhờ đó, tỷ lệ người dân khẳng định họ có biết kết quả bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố được niêm yết công khai chiếm tỷ lệ tương đối cao. Chẳng hạn, tỷ lệ người dân biết điều này ở tỉnh Sóc Trăng chiếm 62,95%, tỉnh Cà Mau là 67,94%, Hậu Giang là 54,25%; mặc dù vậy, vẫn còn một số địa phương có tỷ lệ người dân biết thông tin này chiếm dưới 50% như thành phố Cần Thơ là 43,74%, tỉnh Vĩnh Long là 46,18%, tỉnh Bến Tre là 49,6% [84]. Có thể nói, có sự khác biệt giữa các địa phương về việc biết thông tin về kết quả bầu cử trưởng thôn/ tổ trưởng tổ dân phố. Điều này có thể giải thích là do việc công khai kết quả này chưa hiệu quả hoặc cũng có thể là người dân không quan tâm đến kết quả này. Rõ ràng, sự quan tâm của người dân về các loại thông tin cũng là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đến hiệu quả của công khai, minh bạch.

Về danh mục thủ tục hành chính (TTHC), thời hạn giải quyết và trách nhiệm cán bộ, nhiều xã đã triển khai mô hình “một cửa” và niêm yết công khai. Qua khảo sát các trang thông tin điện tử của một số xã, phường thuộc vùng ĐBSCL cho thấy, hầu hết các trang thông tin điện tử địa phương đều công khai các thủ tục hành chính. Thậm chí, có công khai tiến độ xử lý hồ sơ và công khai gửi nhận văn bản. Theo đó, kết quả khảo sát cho thấy, có 70,6% người dân tham gia khảo sát khẳng định họ có biết chính quyền cấp xã công khai nội dung này. Điều này đã giúp cho người dân tiếp nhận thông tin một cách đầy đủ và dễ dàng hơn trong quá trình làm thủ tục hành chính. Chẳng hạn, tại thị xã Ngã Năm (tỉnh Sóc Trăng), bộ phận một cửa điện tử cho phép người dân tra cứu trực tuyến thời hạn giải quyết hồ sơ. Tuy nhiên, không ít xã khác chỉ dừng lại ở việc dán thông báo trên bảng tin, thiếu cập nhật khi có thay đổi, khiến người dân phải đi lại nhiều lần, gây phiền hà.

Về các khoản thu phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác, tình trạng chưa minh bạch còn khá phổ biến. Kết quả khảo sát cho thấy, có 78,2% cán bộ khẳng định có công bố công khai các khoản phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác ở trụ sở làm việc của UBND cấp xã. Thực tiễn cũng cho thấy, một số xã ở An Giang đã thực hiện công khai thu - chi các khoản đóng góp xây dựng đường nông thôn tại hội nghị nhân dân, giúp người dân giám sát trực tiếp. Nhưng ở nhiều nơi khác, danh sách thu và quyết toán chỉ công khai một phần, thậm chí nhập nhằng giữa khoản bắt buộc và khoản “tự nguyện”, làm dấy lên bức xúc trong dân.

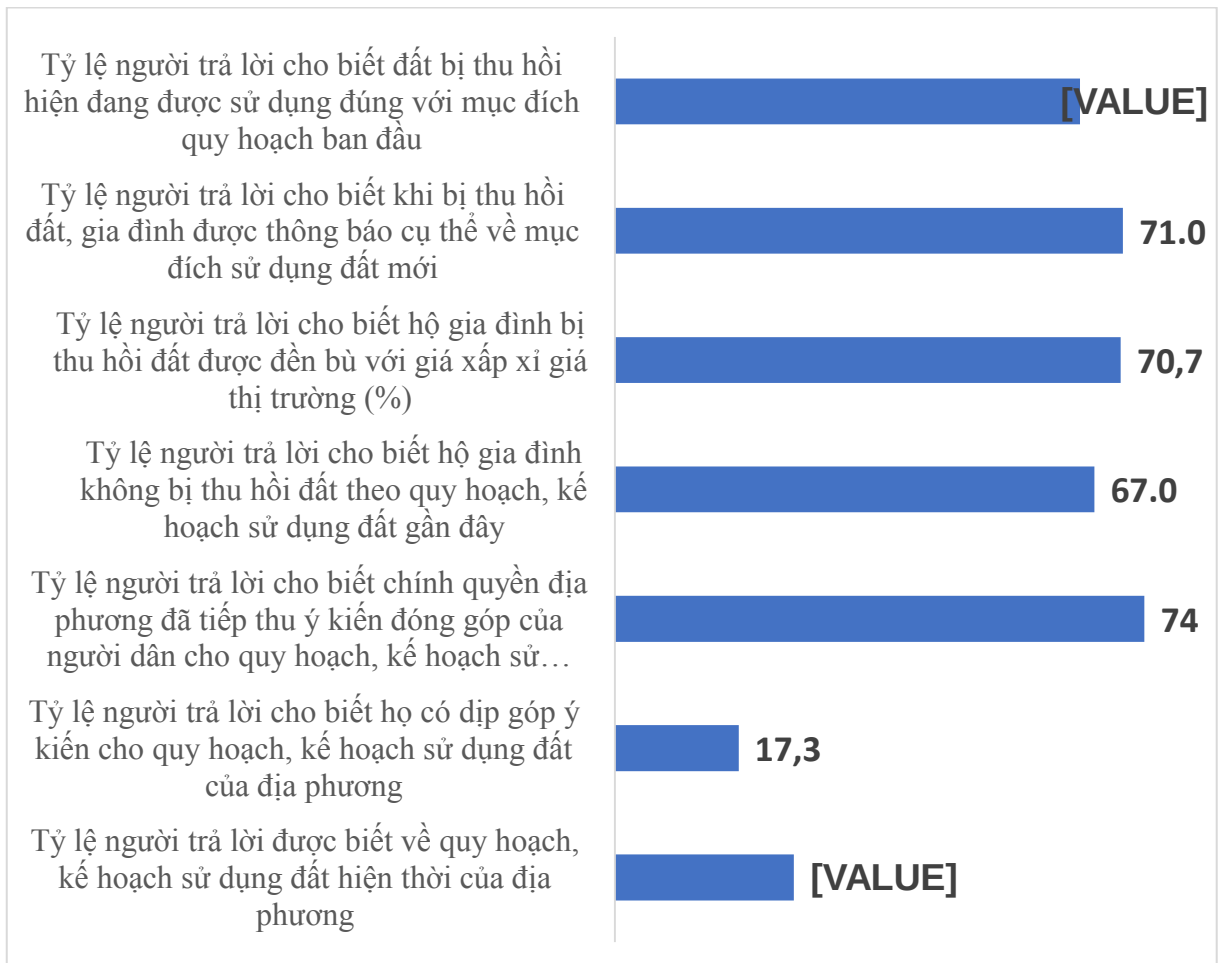
Như vậy, thực trạng công khai, minh bạch về quy chế dân chủ cơ sở, công tác tổ chức cán bộ, thủ tục hành chính ở cấp xã vùng ĐBSCL đã được các địa phương thực hiện khá tốt, đặc biệt tại các xã có điều kiện kinh tế khá hơn hoặc được sự quan tâm của cấp trên. Tuy nhiên, nhìn chung vẫn còn hạn chế về tính đầy đủ, kịp thời và chi tiết.

3.2.1.5. Công khai, minh bạch về kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất

Tại khoản 3, Điều 11 của Luật Thực hiện dân chủ năm 2022, các nội dung được công khai trực tiếp để người dân biết gồm: “Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã...”. Theo quy định của Luật Đất đai năm năm 2013, bổ sung 2024 (Đặc biệt ở Luật năm 2024: Điều 18: Quy định về “Quyền tiếp cận thông tin đất đai của công dân”, Điều 24: Nêu cụ thể “người dân được tiếp cận các thông tin đất đai”, Điều 75: Về “Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”, Điều 225: Về “Công bố, công khai thủ tục hành chính về đất đai”, Điều 233: Về việc “công khai thông tin vi phạm pháp luật đất đai và kết quả xử lý”) cũng đã quy định về công khai, minh bạch quy hoạch và sử dụng đất. Các quy định này cũng là cơ sở pháp lý quan trọng buộc chính quyền cấp xã phải công khai, minh bạch cho người dân biết đến thông tin này.

Thời gian qua, chính quyền cấp xã đã thực hiện đầy đủ các quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch thông tin quy hoạch, sử dụng đất của địa phương. Theo đó, chính quyền cấp xã xây dựng bản đồ quy hoạch, sử dụng đất ở địa phương, lấy ý kiến của nhân dân về dự thảo kế hoạch quy hoạch và sử dụng đất trên địa bàn xã. Đồng thời, phát huy vai trò của Ban giám sát đầu tư công cộng trong thực hiện giám sát các công trình xây dựng ở các địa phương. Kết quả cho thấy, các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đảm bảo thực hiện đúng quy trình, công khai, minh bạch trong quy hoạch, triển khai thực hiện. Ban giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng chất các công trình, dự án được triển khai ở cơ sở. Việc xây dựng và thực hiện Quy ước ấp tiếp tục được quan tâm, góp phần nâng cao tính tự quản ở cộng đồng dân cư. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh luôn gắn với thực hiện dân chủ cơ

sở, được cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Ngoài ra, chính quyền cấp xã ở ĐBSCL cũng tổ chức cuộc đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo UBND với nhân dân chịu ảnh hưởng của việc thu hồi đất để phục vụ cho các công trình công cộng. Chẳng hạn, năm 2023, UBND xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh thành phố Cần Thơ đã đối thoại trực tiếp với 70 hộ dân bị ảnh hưởng tuyến đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc trăng [85]. Như vậy, chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL đã chủ động tham khảo ý kiến của người dân trong xây dựng kế hoạch sử dụng, quy hoạch đất nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quy hoạch, sử dụng đất ở địa phương, qua đó người dân có thể biết được thông tin quy hoạch, sử dụng đất ở địa phương.



Biểu 3.3: Nội dung công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát (%)

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 người dân của tác giả, 2024

Nghiên cứu cũng đã khảo sát 300 đối tượng ở một số xã được lựa chọn ngẫu nhiên và kết quả ở biểu 3.3 cho thấy, tỷ lệ người dân trả lời biết được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của địa phương chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ tổng số người tham gia khảo sát và tỷ lệ người dân trả lời cho biết họ có dịp đóng góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương chỉ chiếm 17,3%. Điều này cho thấy, việc người biết thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhưng không đồng nghĩa rằng, họ có dịp đóng góp ý kiến cho vấn đề này. Bên cạnh đó, các nội dung gồm: biết hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây; hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường; khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất mới; đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu, chiếm tỷ lệ cũng khá cao, dao động từ 65,0% đến 74,0% (xem biểu 3.3). Có thể nói, thông tin thu hồi đất, sử dụng đất và bồi thường thu hồi đất ở các địa phương khảo sát được công khai một cách đầy đủ hơn. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra rằng, “Ông/Bà có hiểu thông tin về kế hoạch sử dụng, quy hoạch đất không” thì chỉ có 25,0% người dân tham khảo sát khẳng định họ có hiểu nội dung này (do bản đồ tỷ lệ nhỏ, khó đọc, thuật ngữ kỹ thuật khó hiểu). Có thể nói, việc công khai thông tin liên quan đến đất đai đã được chính quyền địa phương cấp xã vùng ĐBSCL thực hiện nghiêm túc nhưng thông tin đó vẫn còn khó khăn với nhận thức và trình độ của người dân ở các địa phương, đặc biệt là ở nông thôn. Điều này được phản ánh qua kết quả khảo sát cho thấy, có 30,2% người dân ở các phường/thị trấn và 18,3% người dân các xã ở nông thôn hiểu được thông tin này.

Như vậy, người dân vùng ĐBSCL ít được tham gia đóng góp ý kiến cho bản kế hoạch quy hoạch, sử dụng đất ở địa phương. Điều này đã cho thấy giữa biết thông tin và việc đóng góp ý kiến cho kế hoạch sử dụng đất ở địa phương là câu chuyện hoàn toàn khác nhau. Có nghĩa là, biết thông tin nhưng

chưa chắc được đóng góp ý kiến. Trong khi đó, người dân cho biết hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây, hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường, khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất mới, đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu, chiếm tỷ lệ khá cao. Sở dĩ là do, theo người dân tham gia phỏng vấn sâu cho rằng, nếu hộ gia đình của họ bị vướng vào quy hoạch thì chính quyền địa phương ở xã có thông báo.

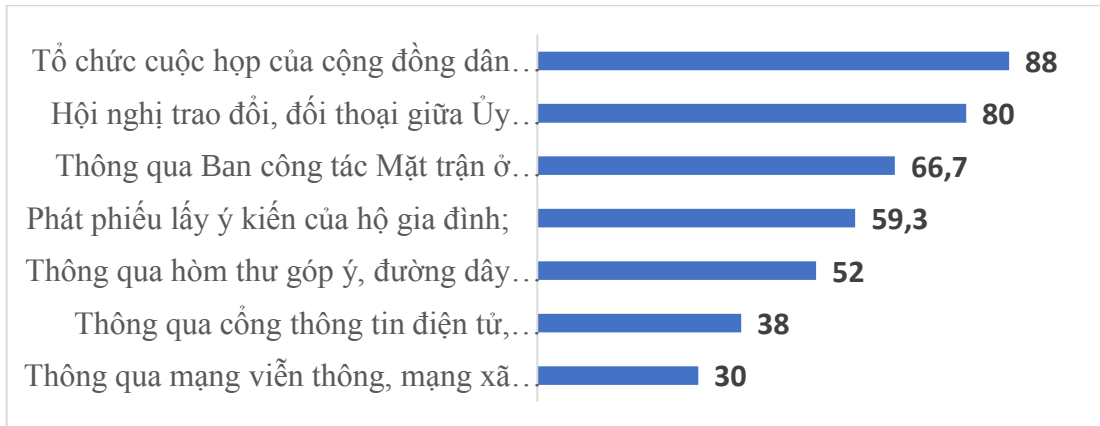
3.2.2. Hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long

Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định là một chu trình gồm nhiều giai đoạn: trước khi ban hành (tham vấn, lấy ý kiến), khi công bố (thông tin, tuyên truyền, niêm yết) và sau khi ban hành (giải trình, phản hồi, giám sát cộng đồng). Việc xác định rõ các hình thức ở từng giai đoạn không chỉ giúp nâng cao hiệu quả dân chủ cơ sở mà còn phản ánh mức độ thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định ở chính quyền cấp xã.

3.2.2.1. Hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã trước khi ban hành các quyết định

Hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã (tham vấn, lấy ý kiến nhân dân) là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp nhận thông tin của người dân. Việc lấy ý kiến là một trong những bước đầu tiên quan trọng để chính quyền cấp xã đưa ra các quyết định. Do đó, hình thức lấy ý kiến của nhân dân góp phần tạo ra sự minh bạch trong các quyết định của chính quyền cấp xã. Tại Điều 25 và 26 của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022 đã quy định các hình thức lấy ý kiến của người dân về các quyết định của chính quyền cấp xã.

Đơn vị tính: Phần trăm



Biểu 3.4: Hình thức lấy ý kiến của người dân về các quyết định của chính quyền cấp xã

Nguồn: Kết quả khảo sát 150 cán bộ địa phương vùng ĐBSCL, 2024

Theo đó, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 150 người dân với câu hỏi “Địa phương của mình đã lấy ý kiến người dân bằng những hình thức nào? Và kết quả khảo sát cho thấy, có 88,0% cán bộ tham gia khảo sát cho rằng địa phương lấy ý kiến người dân thông qua tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư, đây là hình thức chiếm tỷ lệ cao nhất; tiếp đến là thông qua hội nghị, đối thoại với dân (80,0%) và thấp nhất là lấy ý kiến thông qua các trang thông tin điện tử hoặc mạng xã hội hợp pháp. Điều này cho thấy, hình thức lấy ý kiến người dân thường được chính quyền địa cấp xã thực hiện chủ yếu là thông qua các họp dân trực tiếp; trong khi đó, lấy ý kiến thông qua mạng xã hội và trang thông tin điện tử còn khá hạn chế.

Nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện hạ tầng số còn lạc hậu. Bên cạnh đó trình độ công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế, nhất là ở nhóm nông dân, người cao tuổi.

3.2.2.2. Hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã khi các quyết định được công bố

Công khai, minh bạch khi công bố quyết định bao gồm nhiều lĩnh vực: kinh tế - xã hội, an sinh, ngân sách, đất đai và công tác cán bộ.

+ *Hình thức công khai, minh bạch các dự thảo, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền cấp xã*

Người dân tiếp nhận thông tin các dự thảo, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ chính quyền cấp xã đã trở thành một mối quan tâm lớn của nghiên cứu này. Bởi lẽ, thông qua hình thức công khai, minh bạch này giúp cho người biết đến những thông tin đó ngày càng nhiều và rõ ràng hơn. Khi đó, người dân mới phát huy vai trò làm chủ của mình trong giám sát hoạt động của chính quyền cấp xã. Kết quả khảo sát ở biểu số liệu tại biểu 3.5 cho thấy, có 73,3% người dân cho rằng họ tiếp cận thông tin thông qua các cuộc họp; có 70,7% cho rằng họ tiếp cận thông tin qua loa truyền thanh ở địa phương và thấp nhất là tiếp cận thông tin qua trang web/trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã (chiếm 25,0%). Điều này cho thấy, dự thảo, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ chính quyền cấp xã chủ yếu thông qua các kênh trực tiếp như họp, qua loa truyền thanh. Trong khi đó, các thông tin về dự thảo, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được niêm yết tại trụ sở, đặc biệt trang thông tin điện tử thì người dân rất khó tiếp cận hơn. Sở dĩ là do, người dân cho rằng, họ ít có dịp đến trụ sở xã hoặc nhà thông tin thôn/khóm, ấp để xem các thông tin này. Đồng thời, không ít trong số họ thừa nhận rằng họ không biết đến trang thông tin điện tử của xã. Chỉ có một số phận thanh niên thành thạo internet thì có thể vào các trang của địa phương xem thông tin. Vì thế, hình thức công khai, minh bạch từ chính quyền cấp xã chủ yếu từ các kênh truyền thống. Như vậy, hình thức tiếp cận thông tin có ý nghĩa quan trọng đối với thực hiện công khai, minh bạch thông tin về dự thảo, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ chính quyền cấp xã. Việc tiếp cận thông tin dễ dàng hay không phụ thuộc vào các hình thức truyền tải thông tin. Vì thế, kết quả nghiên cứu này là cơ sở để chính quyền cấp xã lựa chọn hình thức công khai, minh bạch thông tin về dự thảo, chương

trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện, nhận thức của người dân vùng ĐBSCL trong thời gian tới, góp phần nâng cao cơ hội tiếp nhận thông tin của người dân, qua đó phát huy dân chủ cơ sở một cách hiệu quả hơn.

Đơn vị tính: Phần trăm



Biểu 3.5: Hình thức công khai thông tin từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát (%)

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 người dân của tác giả, 2024

+ *Hình thức công khai, minh bạch quy trình, tiêu chí và kết quả chính sách an sinh xã hội*

Như đã phân tích, nghiên cứu phân tích nội dung công khai, minh bạch chủ yếu tập trung vào công khai danh sách hộ nghèo vì đây là nội dung gần gũi với người dân. Hình thức công khai danh sách hộ nghèo được nghiên cứu đánh giá thông qua kết quả ở biểu 3.6 cho thấy, danh sách hộ nghèo được công khai không chỉ quy định tại Quyết định 24/2021/QĐ-TTg mà còn nhiều thức khác như thông qua các cuộc họp, trang điện tử của xã.

Đơn vị tính: Phần trăm



Biểu 3.6: Hình thức công khai danh sách hộ nghèo từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát (%)

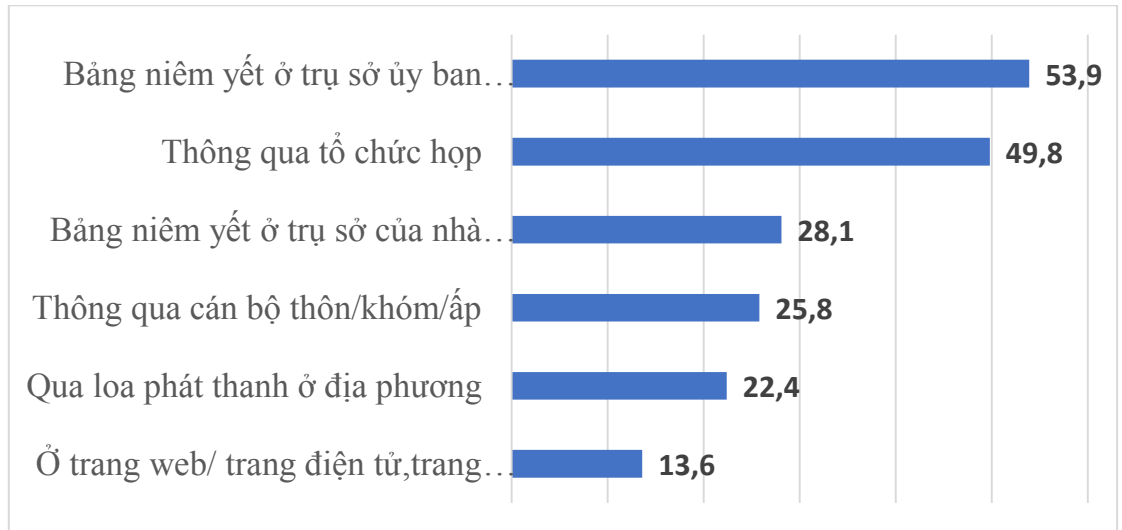
Nguồn: Kết quả khảo sát 300 người dân của tác giả, 2024

Trong đó, người dân biết được danh sách hộ nghèo thông qua bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm chiếm tỷ lệ cao nhất (74,3%); tiếp đến các cuộc họp (73,3%), qua loa truyền thanh của địa phương (70,0%) và thấp nhất là trang điện tử của xã (23,3%). Rõ ràng, người dân biết thông tin danh sách hộ nghèo cũng chủ yếu thông qua kênh truyền thống. Trong khi đó, thông tin hộ nghèo trên các trang điện tử của xã hội chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn. Điều này cho thấy, các kênh truyền thống chiếm ưu thế trong việc thực hiện công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo của chính quyền cấp xã. Sở dĩ là do, các kênh truyền thống này dễ dàng tiếp cận và người dân thuận tiện trong việc tìm kiếm thông tin; trong khi đó kênh thông tin qua trang điện tử thấp do người dân không thành thạo mạng internet. Thực tế cho thấy, một số địa phương vẫn chưa có trang thông tin điện tử hoặc nếu có thì thông tin rất nghèo nàn, đơn điệu, thiếu tính hấp dẫn. Cộng với trình độ, kỹ năng tiếp cận internet của một bộ phận người dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng biên giới còn hạn chế. Vì thế, việc tiếp cận thông tin qua trang điện tử còn khá hạn chế.

+ *Hình thức công khai, minh bạch thu, chi ngân sách xã*

Câu hỏi đặt ra rằng: người dân tiếp cận thông tin về thu - chi ngân sách của xã thông qua hình thức gì? Theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở năm 2022, hình thức công khai thu - chi ngân sách của xã có nhiều kênh được thể hiện ở biểu 3.7. Trong đó, người dân biết thông tin thu - chi ngân sách của xã thông qua bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã chiếm tỷ lệ cao nhất (53,9%), tiếp đến thông qua tổ chức các họp (49,8%) và thấp nhất là trang điện tử của xã (chiếm 13,6%). Các kênh còn lại trong biểu 3.7 chỉ chiếm tỷ lệ dưới 30,0%. Rõ ràng, người dân tiếp cận thông tin thu chi ngân sách ở xã cũng thông qua kênh truyền thống, đó là thông qua bảng niêm yết và các cuộc họp. Sở dĩ là do, theo người dân cho rằng, họ chỉ có đến trụ sở UBND xã làm việc hoặc xin làm giấy tờ thì họ có dịp “nhìn” qua các bảng niêm yết, chứ họ ít đến trụ sở của xã để mà xem thông tin thu - chi ngân sách của xã. Một số bộ phận người dân cũng khẳng định khi đi họp ở xã hoặc tiếp xúc cử tri thì các lãnh đạo xã thông tin về ngân sách của xã. Nhìn từ phía cán bộ, đa số cán bộ tham gia phỏng vấn đều cho rằng, thông tin thu - chi ngân sách ít được người dân biết thông qua các hình thức khác, đặc biệt là trang thông tin điện tử của xã, lý do vì người dân tham gia phỏng vấn chưa rành công nghệ và hơn nữa, thông tin về thu - chi ngân sách của xã là những con số, nhiều nội dung thu - chi cho nên phát trên loa đài truyền thanh hoặc cán bộ thôn/khóm/ấp cũng thể thông tin một cách đầy đủ.

Đơn vị tính: Phần trăm



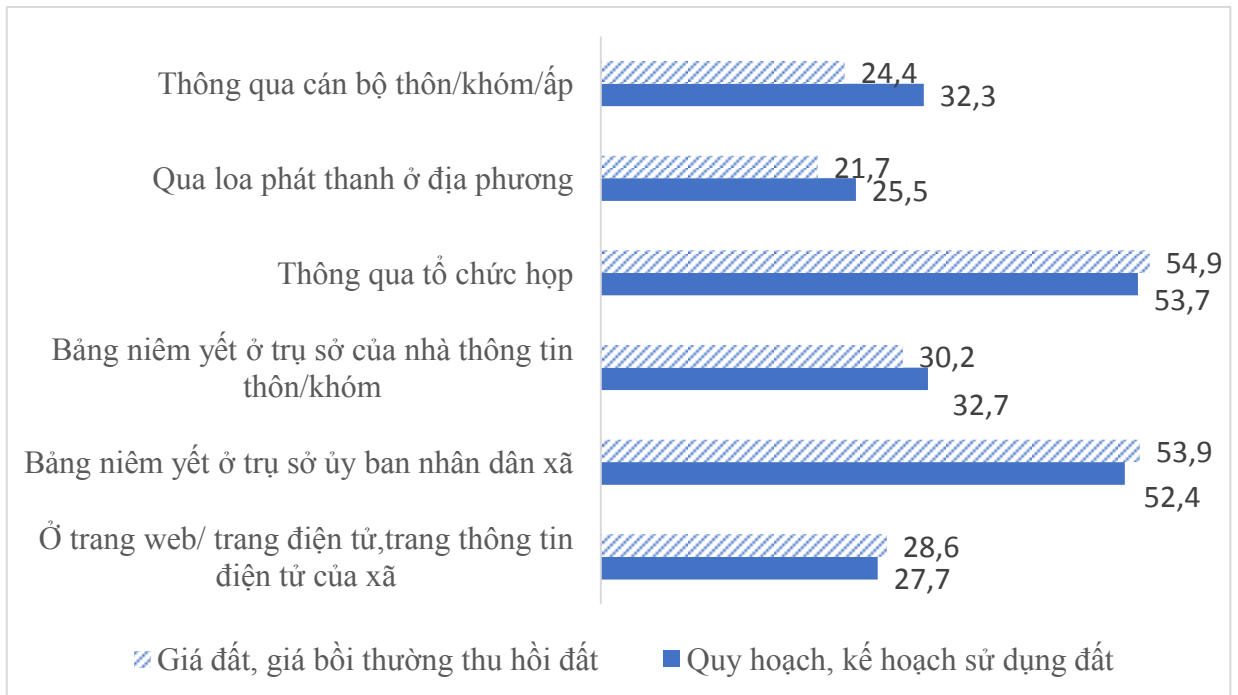
Biểu 3.7: Hình thức công khai thu - chi ngân sách cấp xã từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát (%)

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 người dân của tác giả, 2024

+ Hình thức công khai, minh bạch kế hoạch sử dụng, quy hoạch đất và giá đất

Hình thức công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá bồi thường thu hồi đất đã được quy định tại Luật Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở năm 2022. Trong thời gian qua, chính quyền cấp xã ở ĐBSCL đã tích cực công khai, minh bạch về thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá bồi thường thu hồi đất theo nhiều hình thức, góp phần đảm bảo cho người dân biết và bàn bạc liên quan đến thông tin này. Câu hỏi đặt ra, người dân ở ĐBSCL biết được thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá bồi thường thu hồi đất thông qua kênh thông nào? Kết quả ở biểu 3.8 cho thấy, có hơn $\frac{1}{2}$ người dân tham khảo sát đều cho rằng họ biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá bồi thường thu hồi đất thông qua bảng niêm yết ở trụ sở UBND xã/phường và thông qua các cuộc họp và các hình thức còn lại chỉ chiếm khoảng $\frac{1}{4}$ tổng số người tham gia khảo sát. Thực tế cho thấy, thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá bồi thường thu hồi đất thường được công

khai tại trụ sở UBND xã/phường. Vì thế, người dân phỏng vấn sâu cho biết, đa số họ biết thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá bồi thường thu hồi đất chủ yếu tại bảng niêm yết ở Ủy ban nhân dân xã vì ở đó các thông tin về quy hoạch, sử dụng và giá bồi thường được thể hiện một cách đầy đủ hơn. Hơn nữa, tâm lý của người dân khi muốn biết về thông tin quy hoạch, sử dụng đất và giá bồi thường thì họ đến trực tiếp Ủy ban nhân dân xã để hỏi hoặc xem bảng niêm yết hoặc thông qua các cuộc họp dân. Do đó, hình thức bảng niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và thông qua các cuộc họp đã trở thành hình thức công khai thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giá bồi thường thu hồi đất khá phổ biến đối với người dân.



Biểu 3.8: Nội dung công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ quan điểm của người dân ở ĐBSCL tham gia khảo sát (%)

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 người dân của tác giả, 2024

+ *Hình thức công khai, minh bạch về quy chế dân chủ cơ sở, công tác cán bộ và thủ tục hành chính*

Thực hiện công khai, minh bạch là nguyên tắc cốt lõi của quy chế dân chủ cơ sở nhằm bảo đảm quyền “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Số

liệu khảo sát cho thấy các hình thức công khai hiện nay khá đa dạng nhưng hiệu quả không đồng đều, phản ánh cả ưu điểm lẫn hạn chế trong tổ chức thực hiện. Trong đó, hình thức được người dân tiếp cận nhiều nhất là thông qua các cuộc họp dân (53,3%). Đây là kênh trực tiếp, giúp người dân vừa tiếp nhận thông tin vừa trao đổi, phản hồi, tăng cường tính đối thoại và đồng thuận xã hội. Mặc dù vậy, hạn chế là tần suất họp chưa thường xuyên, mức độ tham gia còn lệ thuộc vào điều kiện sinh hoạt và nhận thức của từng nhóm dân cư. Hình thức niêm yết công khai tại nhà thông tin thôn/khóm (40%) và tại trụ sở UBND xã (50,2%) cũng là hình thức chính thức, có cơ sở pháp lý rõ ràng, đặc biệt đối với các thủ tục hành chính, công tác cán bộ (quy hoạch, bổ nhiệm, tuyển dụng...). Song, hiệu quả còn hạn chế vì người dân ít có thói quen đến trụ sở để tìm hiểu; văn bản niêm yết thường khô khan, khó tiếp cận với số đông. Ngoài ra, công khai thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp (43,3%) và qua loa truyền thanh (42,3%) vẫn đóng vai trò quan trọng, nhất là ở nông thôn. Đây là kênh gần gũi, tiết kiệm, phù hợp với người dân lớn tuổi. Tuy nhiên, thông tin thường ngắn gọn, thiếu tính hệ thống, đôi khi mang tính chọn lọc hoặc phụ thuộc vào năng lực, trách nhiệm của cán bộ.

3.2.2.3. Hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã sau khi ban hành quyết định

Giai đoạn sau khi ban hành quyết định là khâu quan trọng nhất trong chu trình công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã, bởi đây là lúc thể hiện rõ mức độ thực chất của minh bạch hóa. Nếu giai đoạn trước khi ban hành và công bố tập trung vào việc “người dân được biết”, thì giai đoạn này thể hiện người dân được kiểm tra, được giám sát và chính quyền phải giải trình - một biểu hiện cao hơn của dân chủ trong quản trị công.

Ở cấp xã, các hình thức giải trình, phản hồi và giám sát cộng đồng hiện nay khá đa dạng, được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm:

Tiếp xúc cử tri, hòm thư góp ý, đường dây nóng, cổng phản ánh điện tử: Đây là những hình thức phổ biến nhất, giúp chính quyền nắm bắt ý kiến, phản

hồi và kiến nghị của người dân về việc thực thi các chính sách đã ban hành. Trong thực tiễn, nhiều xã/phường ở Cần Thơ, Đồng Tháp, Trà Vinh đã triển khai đường dây nóng, hộp thư điện tử hoặc nhóm Zalo cộng đồng dân cư để tiếp nhận phản ánh nhanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, môi trường, an sinh xã hội. Tuy nhiên, các hình thức này chủ yếu vẫn mang tính tự phát, thiếu quy trình tiếp nhận - xử lý - công bố kết quả phản hồi theo chuẩn thống nhất.

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo Thông tư 04/2015/TT-BKHĐT đóng vai trò quan trọng trong việc theo dõi, giám sát các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn xã. Đây là kênh giám sát mang tính pháp lý và cộng đồng cao, giúp tăng cường minh bạch trong quản lý đầu tư công, tránh thất thoát, lãng phí. Tuy nhiên, do năng lực chuyên môn của thành viên ban giám sát còn hạn chế, cùng với thiếu kinh phí hoạt động, nên hiệu quả giám sát chưa đồng đều giữa các địa phương.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là thiết chế trung tâm trong giám sát và phản biện xã hội. Mặt trận thường tổ chức các hội nghị giám sát, tổng hợp ý kiến cử tri, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền. Vai trò của Mặt trận là cầu nối giữa nhân dân với chính quyền, góp phần tạo nên “minh bạch xã hội” - tức minh bạch không chỉ dựa vào công bố thông tin, mà còn thông qua sự kiểm chứng của cộng đồng và tổ chức chính trị - xã hội.

Tuy nhiên, khảo sát thực tế cho thấy, hoạt động phản hồi và giải trình của chính quyền cấp xã ở ĐBSCL vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều xã chưa xây dựng được quy trình giải trình chuẩn hóa, thiếu hệ thống lưu trữ công khai phản hồi, và chưa có cơ chế bắt buộc chính quyền phải phản hồi trong thời hạn nhất định. Việc tổ chức tiếp xúc cử tri hoặc đối thoại với dân thường xuyên được tiến hành nhưng chủ yếu theo hình thức định kỳ hành chính, ít khi được công khai kết quả giải trình, khiến hiệu quả minh bạch giảm sút.

Một thách thức khác là thiếu nền tảng công nghệ phục vụ giải trình điện tử. Mặc dù nhiều địa phương đã có trang thông tin điện tử hoặc cổng dịch vụ công, song phần “phản ánh, kiến nghị” thường hoạt động hình thức, ít được cập

nhật. Người dân nông thôn, đặc biệt người lớn tuổi và nhóm yếu thế, còn hạn chế kỹ năng sử dụng công nghệ, dẫn đến tỷ lệ phản hồi trực tuyến thấp. Chính vì vậy, giải trình trực tuyến chưa thực sự trở thành công cụ giám sát hai chiều giữa người dân và chính quyền.

Từ góc độ lý luận về chính trị học quản trị công, có thể thấy rằng: giải trình là yếu tố quyết định để chuyển hóa công khai (disclosure) thành minh bạch (transparency). Công khai mà không đi kèm với giải trình, phản hồi và trách nhiệm khắc phục thì vẫn chỉ dừng lại ở mức “thông tin một chiều”. Vì vậy, để bảo đảm minh bạch thực chất, chính quyền cấp xã cần thiết lập chu trình phản hồi khép kín - trong đó, thông tin được công khai, người dân có thể đặt câu hỏi, cơ quan nhà nước phải trả lời, và kết quả trả lời được công bố công khai.

Để nâng cao hiệu quả giai đoạn này, các cấp xã vùng ĐBSCL cần:

Thứ nhất, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận - xử lý - phản hồi kiến nghị của người dân, quy định rõ thời hạn và trách nhiệm của từng cá nhân, cơ quan.

Thứ hai, ứng dụng công nghệ số trong công tác giải trình: xây dựng chuyên mục “Phản hồi và giải trình” trên cổng thông tin điện tử xã, tích hợp với hệ thống Chính quyền điện tử và Mặt trận Tổ quốc.

Thứ ba, tăng cường vai trò giám sát của Mặt trận, Hội đồng nhân dân và các tổ chức xã hội, đặc biệt trong theo dõi phản hồi sau công khai.

Thứ tư, nâng cao năng lực truyền thông công vụ và văn hóa giải trình của cán bộ xã, giúp việc tiếp nhận và phản hồi không còn mang tính hình thức, mà trở thành biểu hiện thường xuyên của quản trị hiện đại.

Tóm lại, giai đoạn “sau khi ban hành” là thước đo chân thực của sự minh bạch. Chỉ khi người dân có thể theo dõi, đặt câu hỏi và buộc chính quyền phải giải trình một cách công khai, trách nhiệm và hiệu quả quản trị mới được nâng cao. Đây chính là nền tảng để hướng tới minh bạch hóa thực chất và dân chủ hóa quá trình ra quyết định ở cấp cơ sở.

Các hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL đã hình thành tương đối đầy đủ, phản ánh sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Tuy nhiên, cơ cấu kênh thông tin còn thiên lệch về hình thức trực tiếp; công khai điện tử mới ở mức khởi đầu. Khoảng cách giữa ‘công khai hình thức’ và ‘minh bạch thực chất’ vẫn tồn tại, nhất là khi thiếu cơ chế giải trình và phản hồi hai chiều. Việc hoàn thiện thể chế công khai, minh bạch theo hướng số hóa, đa dạng hóa phương thức tiếp cận và nâng cao năng lực truyền thông công vụ ở cấp xã là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

3.3. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.3.1. Đánh giá thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL trong thời gian qua đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Điều này đã được thể hiện qua thực trạng nội dung và hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã. Nhìn chung, việc thực hiện công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã có những ưu điểm và hạn chế như sau:

3.3.1.1. Thành tựu

Thứ nhất, nội dung công khai, minh bạch cơ bản được thực hiện đúng quy định pháp luật và ngày càng đi vào nền nếp

Thời gian qua, UBND cấp xã vùng ĐBSCL đã thực hiện khá tốt các giải pháp tiếp tục thực hiện “Năm dân vận chính quyền” gắn với thực hiện những nội dung về quy chế dân chủ ở cơ sở; nghiêm túc thực hiện việc thông báo công khai cho cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn những việc cần biết như: công khai quy hoạch và thực hiện quy hoạch, các danh mục xây dựng giao thông nông thôn, thủy lợi, các khoản thu - chi ngân sách xã, chi tiêu nội bộ và các khoản đóng góp của nhân dân, các khoản thu phí, lệ phí, các chính sách an

sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, bộ thủ tục hành chính thông qua Tổ một cửa... đều được UBND cấp xã thực hiện nghiêm túc và nhận được đồng thuận của nhân dân. Chẳng hạn, các xã thuộc huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã triển khai cổng thông tin điện tử với đầy đủ thông tin về các dự án và chính sách hỗ trợ người dân. Thông qua cổng này, người dân có thể theo dõi các quyết định của chính quyền và tham gia ý kiến trực tiếp. Ở Vĩnh Long, một số xã đã áp dụng mô hình “Một cửa liên thông”, giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin và dịch vụ công, giảm thiểu thủ tục rườm rà và tạo điều kiện thuận lợi trong việc phản hồi ý kiến. Thật vậy, kết quả khảo sát đã chứng minh cho thực tế đó, có 90,7% cán bộ tham gia khảo sát đã khẳng định công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã đã thực hiện tương đối nghiêm túc trở lên và có 73,3% cán bộ đã khẳng định việc công khai, minh bạch đó đã tạo ra sự hưởng ứng của người dân. Có thể nói, việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã, mà cụ thể là công khai thông tin về chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy trình, đối tượng và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội, khai thu - chi ngân sách của địa phương; quy hoạch, kế hoạch sử dụng và giá đất; quy chế dân chủ cơ sở, thủ tục hành chính, có góp phần tạo sự hưởng ứng của nhân dân.

Thứ hai, thông tin công khai, minh bạch ngày càng đầy đủ, bao quát nhiều lĩnh vực gắn trực tiếp với quyền lợi của người dân

Các nội dung công khai, minh bạch được quy định khá toàn diện, bao gồm: dự toán và quyết toán ngân sách; quy hoạch và sử dụng đất; đầu tư công trình công cộng; chính sách an sinh xã hội; huy động đóng góp của dân; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo... Những lĩnh vực này đều gắn trực tiếp với quyền lợi, nghĩa vụ của người dân ở cơ sở. Việc công khai đã mở rộng không gian thông tin, giúp người dân tiếp cận và nắm bắt đầy đủ hơn về hoạt động quản lý của chính quyền cấp xã. Đánh giá từ phía cán bộ cho thấy, có 64,2% người tham khảo sát khẳng định thông tin liên quan đến các quyết định thuộc thẩm

quyền đã được chính quyền cấp xã công khai là đầy đủ. Có thể thấy, thông tin công khai đầy đủ đã mở ra cơ hội để người dân tham gia bàn bạc, góp ý, thậm chí trực tiếp quyết định ở những vấn đề quan trọng như huy động đóng góp, xây dựng công trình phúc lợi. Đây là bước tiến quan trọng trong việc thực hiện dân chủ cơ sở, góp phần phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong quản lý xã hội, đúng với tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Thứ ba, hình thức công khai, minh bạch đa dạng, linh hoạt và ngày càng dễ tiếp cận

Các xã, phường vùng ĐBSCL đã áp dụng nhiều hình thức công khai, từ truyền thống đến hiện đại: họp dân, tiếp xúc cử tri, sinh hoạt chi bộ, niêm yết tại trụ sở UBND và nhà văn hóa, phát thanh qua loa truyền thanh, hội nghị đoàn thể, cũng như công bố thông tin qua website hoặc mạng xã hội của địa phương.

Thực tế khảo sát ở một số xã cho thấy, xã Nhơn Nghĩa, Huyện Phong Điền, Cần Thơ thường xuyên tổ chức các cuộc họp để lấy ý kiến về các dự án phát triển kinh tế. Người dân được mời tham gia và bày tỏ quan điểm, tạo cơ hội cho sự tương tác giữa chính quyền và cộng đồng. Xã Vĩnh Phước, Huyện Vĩnh Thạnh, Cần Thơ đã triển khai phát thanh thông tin qua loa phường, giúp người dân nắm bắt kịp thời các quyết định và thông báo quan trọng liên quan đến đời sống cộng đồng. Ở Sóc Trăng, chính quyền địa phương xã Mỹ Phước tổ chức các hội nghị định kỳ để người dân đóng góp ý kiến về các dự án phát triển hạ tầng, từ đó tăng cường sự tham gia của cộng đồng. Ở Cà Mau, chính quyền địa phương xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi đã tổ chức các buổi gặp mặt thường xuyên để người dân có thể trực tiếp gặp gỡ, trao đổi ý kiến với lãnh đạo xã. Những ý kiến này được ghi nhận và đưa vào quá trình ra quyết định. Như vậy, tất cả hoạt động công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã ở một số địa phương khảo sát đã đảm bảo cho người dân tiếp cận khá đầy đủ các quyết định của chính quyền cấp xã.

Theo tiêu chí đánh giá, tính công khai, minh bạch các quyết định của chính quyền cấp xã được thể hiện việc dễ dàng tiếp cận thông tin này. Theo đó,

kết quả khảo sát của nghiên cứu này cho thấy, điểm trung bình của người dân đánh giá về mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin thông qua các hình thức trên là 3,3/5 điểm và của cán bộ là 3,6/5 điểm. Trong đó, hình thức “Thông qua bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm” và “thông qua các cuộc họp” là một trong những hình thức được người dân và cán bộ đánh giá dễ dàng tiếp cận thông tin với số điểm trung bình cao nhất (xem bảng bảng giá mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin thông qua các hình thức công, khai minh bạch theo quan điểm của người dân và cán bộ bên dưới). Rõ ràng, người dân tiếp cận thông tin từ các quyết định của chính quyền cấp xã thông qua các hình thức ở mức độ khá dễ dàng. Mỗi hình thức công khai có mức độ tiếp cận dễ dàng khác nhau. Điều này cho thấy, chính quyền cấp xã đã nỗ lực trong việc công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định thông qua nhiều hình thức, nhằm giúp cho người dân tiếp nhận các thông tin một cách hiệu quả nhất. Như vậy, các hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ban hành quyết định đã giúp cho các quyết định của chính quyền cấp xã được người dân tiếp cận một cách nhanh và hiệu quả.

Bảng 3.1: Bảng đánh giá mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin thông qua các hình thức công, khai minh bạch theo quan điểm của người dân và cán bộ (%)

Hình thức công khai, minh bạch	Người dân	Cán bộ
Trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	2,9	3,2
Thông qua bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	3,5	3,6
Thông qua bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	3,7	3,8
Thông qua các cuộc họp	3,4	3,9
Thông qua loa truyền thanh	3,2	3,7
Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	3,3	3,7

Nguồn: Kết quả khảo sát 300 người dân và 150 cán bộ xã của tác giả, 2024

Thứ tư, chỉ số công khai, minh bạch ở cấp xã đạt mức chấp nhận được và có xu hướng cải thiện

Chỉ số này là một thước đo phản ánh mức độ chính quyền thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin, giải trình và tạo cơ hội cho người dân tiếp cận, giám sát, tham gia đối với các quyết định quản lý, điều hành ở cấp cơ sở. Theo đánh giá của UNDP (2024) là 5,04/10 điểm. Nếu tính theo đo lường trụ cột công khai, minh bạch quyền cấp xã của UNDP thì chỉ số này năm 2024 có tăng nhẹ so với năm 2022 (4,91/10 điểm). Kết quả đánh giá chỉ số công khai, minh bạch của nghiên cứu là tổng số điểm về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã ở vùng ĐBSCL là 5,1/10 điểm. Con số này cho thấy chính quyền cấp xã mới chỉ đáp ứng khoảng 50% yêu cầu tối thiểu về công khai, minh bạch. Điều này đồng nghĩa rằng vẫn còn nhiều hạn chế trong việc cung cấp thông tin cho người dân. Như vậy, kết quả khảo sát của nghiên cứu đã phản ánh hiệu quả hoạt động công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã đã cơ bản đáp ứng yêu cầu. Mặc dù chỉ số này còn khiêm tốn nhưng nó cũng đã giúp cho người dân không chỉ tham gia mà còn biết được nội dung của các quyết định của chính quyền địa phương cấp xã, góp phần thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ cơ sở.

**** Nguyên nhân của thành tựu***

Thứ nhất, công khai, minh bạch được xác lập trong quan điểm, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước

Quan điểm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” được thể chế hóa đồng bộ qua nhiều văn bản: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật Ngân sách nhà nước (2015), Luật Đất đai (2024)... Hệ thống pháp luật này đã tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai dân chủ và minh bạch hóa ở cơ sở, giúp chính quyền địa phương có cơ sở pháp lý rõ ràng để thực hiện công khai trong mọi

quyết định hành chính. Đây là cơ sở pháp lý chủ yếu và quan trọng để chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định.

Thứ hai, sự chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền và vai trò điều phối của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể

Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở các cấp đã phát huy hiệu quả vai trò điều phối, hướng dẫn và kiểm tra. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đều phối hợp chặt chẽ, coi công khai, minh bạch là tiêu chí quan trọng trong đánh giá năng lực lãnh đạo và quản lý.

Cách làm ở một số địa phương như An Giang, Hậu Giang, Bến Tre cho thấy, nơi nào cấp ủy quan tâm, người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo thì nơi đó công khai, minh bạch được thực hiện thực chất hơn, người dân tin tưởng và đồng thuận cao hơn.

Thứ ba, chính quyền cấp xã chủ động, linh hoạt trong lựa chọn hình thức và nội dung công khai

Chính quyền cấp xã ở ĐBSCL đã nghiên cứu đầy đủ các văn bản pháp luật quy định về hình thức công khai, minh bạch các bước trong quá trình ban hành các quyết định của chính quyền. Lựa chọn các hình thức công khai phù hợp với điều kiện thực tiễn của cấp xã và đảm bảo người dân tiếp cận thông tin một cách thuận lợi, dễ dàng. Phân tích những mặt ưu và hạn chế của các hình thức công khai, minh bạch để có sự lựa chọn phù hợp. Theo đó, kết quả khảo sát cho thấy, có 72,0% cán bộ cho rằng, việc người dân tiếp cận các quyết định của chính quyền cấp xã là do chính quyền cấp xã thường xuyên phổ biến trong các cuộc họp; có 71,3% cán bộ cũng cho rằng chính quyền cấp xã đã phát thông tin của các quyết định trên loa truyền thanh cho nên giúp người dân biết được các quyết định từ chính quyền. Sở dĩ là vì, đa số cán bộ tham gia khảo sát đều thấy được sự thuận lợi của các hình thức công khai, minh bạch này. Như vậy, những nỗ lực, chủ động của chính quyền cấp xã thực hiện công khai, minh

bạch trong quá trình ban hành các quyết định đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân biết thông tin một cách kịp thời và hiệu quả. Do đó, tiếp tục phát huy sự chủ động của chính quyền cấp xã trong việc đưa ra các hình thức công khai, minh bạch là một trong những giải pháp để thực hiện có hiệu quả hoạt động công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

Thứ tư, chính quyền đặt lợi ích của người dân làm trung tâm trong thực thi công khai, minh bạch.

Theo kết quả các nghiên cứu trước đó, việc thực hiện công khai, minh bạch có liên quan đến lợi ích của người dân. Chính quyền cấp xã càng có quan tâm đến lợi ích của người dân thì càng có quyết tâm thực hiện công khai, minh bạch. Để củng cố cho kết luận này, nghiên cứu đã khảo sát 150 cán bộ về các điều kiện đảm bảo thuận lợi cho người dân tiếp nhận thông tin và kết quả cho thấy, có 56,7% cán bộ cho rằng, chính quyền cấp xã đã luôn quan tâm đến lợi ích của nhân dân là điều kiện để họ thực hiện công khai, minh bạch một cách đầy đủ. Sở dĩ là vì đa số cán bộ tham gia khảo sát giải thích rằng: việc công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định của chính quyền cấp xã giúp cho người dân biết và tham gia đóng góp ý kiến, giám sát các hoạt động của chính quyền, từ đó đảm bảo quyền lợi và phát huy quyền làm chủ của người dân. Như vậy, chính quyền cấp xã thực hiện đầy đủ lợi ích của người dân là một trong những điều kiện để tăng cường công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định.

Thứ năm, người dân ngày càng quan tâm và có nhu cầu tiếp cận thông tin về hoạt động của chính quyền

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, nhận thức và thái độ của người dân đối với các hoạt động của chính quyền cấp xã có ảnh hưởng nhất định đối với thực hiện công khai, minh bạch, bởi vì nó liên quan trực tiếp đến lợi của họ. Thực tế cho thấy, lợi ích là một trong những điều kiện để thôi thúc con người ta quan tâm đến một sự vật, sự kiện xã hội. Theo đó, người dân quan tâm và có

nhu cầu ngày càng nhiều về thông tin từ chính quyền cấp xã là nguyên nhân của thực hiện có hiệu quả công khai, minh bạch, bởi vì việc quan tâm này là thể hiện lợi ích của người dân mà chính quyền cấp xã phải thực hiện để đảm bảo lợi ích đó của người dân. Vì thế, kết quả khảo sát cán bộ cho thấy, việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là do người dân địa phương có quan tâm chiếm 42,0%; người dân có nhu cầu thông tin ngày càng nhiều cho nên cần phải công khai, minh bạch chiếm 59,3%. Như vậy, sự quan tâm và nhu cầu của người dân về thông tin của chính quyền cấp xã đã đặt ra yêu cầu chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL thực hiện tốt công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định.

Thứ sáu, sự phát triển của công nghệ thông tin và Internet tạo thuận lợi cho minh bạch hóa thông tin

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ rõ rằng: sự phát triển của công nghệ và internet là một trong những nguyên nhân để chính quyền cấp xã thực hiện công khai, minh bạch, giúp người tiếp cận thông tin của nhà nước một cách dễ dàng hơn. Ở ĐBSCL, trong thời gian qua, việc tiếp cận internet của người dân ở ĐBSCL có xu hướng tăng từ 1,87/3,33 điểm năm 2021 lên 2,16/3,33 điểm năm 2023 [83]. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet dao động từ 62,2% đến 87,8%, trong đó tỷ lệ này ở các tỉnh Bạc Liêu, Long An chiếm tỷ lệ cao nhất (trên 80,0%) và thấp nhất là tỉnh Trà Vinh, Bến Tre (dưới 63,0%) [83]. Điều này cho thấy, người dân ở ĐBSCL đã tiếp cận được internet ngày càng nhiều và có sự khác biệt giữa các địa phương. Đây là một trong những điều kiện để người dân tiếp cận thông tin trên các trang điện tử của địa phương.

Nhìn chung, chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong thực hiện công khai, minh bạch: hệ thống pháp lý hoàn thiện hơn; sự chỉ đạo của cấp ủy, Mặt trận và các đoàn thể ngày càng đồng bộ; chính quyền cơ sở năng động hơn; người dân tích cực hơn; và hạ tầng công nghệ ngày càng thuận lợi hơn. Tuy nhiên, các thành tựu này mới ở mức

nền tảng, chưa đồng đều giữa các địa phương, đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện thể chế, hiện đại hóa hình thức công khai và tăng cường năng lực giải trình để bảo đảm minh bạch thực chất, dân chủ thực hành và quản trị công hiệu quả hơn ở cấp cơ sở.

3.3.1.2. Hạn chế

Mặc dù chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL đã đạt được một số kết quả tích cực cho hoạt động thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở cơ sở; song nhìn tổng thể, hoạt động này vẫn còn không ít hạn chế, thể hiện trên nhiều phương diện, cụ thể:

Thứ nhất, công khai, minh bạch trong giai đoạn lấy ý kiến người dân còn hình thức, thiếu tính thường xuyên

Mặc dù các quy định về lấy ý kiến nhân dân trước khi ban hành quyết định đã được cụ thể hóa tại Điều 15 và Điều 17 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), cùng các văn bản hướng dẫn thi hành, nhưng thực tế triển khai tại nhiều xã vẫn còn mang tính hình thức, chiếu lệ. Việc lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất, thu - chi ngân sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thường chỉ lồng ghép trong các cuộc họp dân, hội nghị cử tri hoặc kỳ tiếp xúc đại biểu HĐND, mà chưa trở thành một quy trình bắt buộc có theo dõi, tổng hợp, phản hồi và lưu trữ kết quả.

Khảo sát thực tế và phỏng vấn sâu cho thấy phần lớn cán bộ xã thừa nhận việc lấy ý kiến nhân dân “làm theo đợt” khi có yêu cầu hoặc dự án cụ thể, không diễn ra định kỳ. Bên cạnh đó, người dân - nhất là ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào Khmer và các nhóm dân cư yếu thế - thường thiếu thông tin nền để góp ý hiệu quả, chưa hiểu rõ phạm vi và ý nghĩa pháp lý của việc lấy ý kiến, dẫn đến chất lượng phản hồi thấp. Một bộ phận cán bộ xã còn xem đây là “thủ tục cần hoàn thành”, chứ chưa coi là hoạt động dân chủ thực chất, làm mất đi giá trị của công khai, minh bạch trong giai đoạn tiền quyết định.

Thứ hai, mức độ tham gia và phản biện xã hội của người dân còn thấp, thiếu chủ động

Thực tế cho thấy, dù tỷ lệ người dân tham dự các cuộc họp, hội nghị xã tương đối cao, nhưng tỷ lệ phát biểu, góp ý thực chất lại rất thấp. Phần lớn người dân chỉ “nghe” mà không “nói”, chủ yếu do tâm lý e ngại va chạm, sợ bị quy chụp hoặc cho rằng ý kiến của mình không có giá trị quyết định. Điều này đặc biệt phổ biến ở các xã vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc, nơi truyền thống “dĩ hòa vi quý” và “tình làng nghĩa xóm” chi phối mạnh mẽ đời sống cộng đồng.

Theo kết quả khảo sát PAPI (2024), chỉ số “người dân được tham vấn trước khi chính quyền xã ra quyết định” tại các tỉnh vùng ĐBSCL vẫn ở mức thấp (khoảng 1,8/4 điểm). Điều này phản ánh mức độ dân chủ trực tiếp chưa cao và vai trò phản biện xã hội chưa phát huy. Nguyên nhân chủ yếu là thiếu cơ chế bảo đảm phản hồi, thiếu quy trình tổng hợp và công khai kết quả tiếp thu ý kiến nhân dân. Trong nhiều trường hợp, ý kiến của người dân không được phản ánh ngược trở lại, dẫn đến tình trạng “người dân nói - chính quyền không nghe”, làm giảm niềm tin và động lực tham gia.

Thứ ba, nội dung công khai thiếu rõ ràng, khó hiểu và thiếu minh chứng cụ thể

Một trong những hạn chế phổ biến là công khai hình thức nhưng không minh bạch về nội dung. Nhiều xã vẫn chỉ dừng lại ở việc niêm yết quyết định, dự toán ngân sách hoặc danh mục dự án mà không kèm theo thuyết minh, bản đồ, biểu đồ minh họa, hoặc diễn giải dễ hiểu cho người dân. Ngôn ngữ hành chính - pháp lý sử dụng trong các văn bản thường quá kỹ thuật, trừu tượng, không phù hợp với trình độ dân trí trung bình của cư dân nông thôn.

Không ít xã chỉ công khai một phần thông tin (ví dụ: dự toán chi thường xuyên nhưng không công bố nguồn huy động xã hội hóa, tài trợ hoặc các khoản phí, lệ phí). Tình trạng “chọn lọc thông tin” này khiến người dân

khó có cơ sở kiểm chứng và giám sát. Hình thức công khai qua bảng niêm yết tuy phổ biến nhưng thiếu hướng dẫn giải thích, thiếu cơ chế phản hồi và không cập nhật thường xuyên, khiến công khai, minh bạch trở nên mang tính tượng trưng. Đây là biểu hiện rõ nét của “minh bạch hình thức” - có công khai nhưng không giúp người dân hiểu, tiếp cận và giám sát được bản chất của quyết định hành chính.

Thứ tư, hình thức công khai theo kiểu hiện đại còn hạn chế, chưa bắt kịp tiến trình chuyển đổi số

Mặc dù chủ trương chuyển đổi số quốc gia đã được Chính phủ đẩy mạnh theo Nghị quyết 13-NQ/TW năm 2022 [6] và Nghị quyết 78/NQ-CP năm 2023 [9], song tại cấp xã vùng ĐBSCL, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công khai, minh bạch vẫn còn nhiều bất cập. Phần lớn xã chưa có trang thông tin điện tử riêng; nếu có thì nội dung nghèo nàn, không được cập nhật thường xuyên, thiếu chuyên mục phản hồi và tương tác với người dân.

Theo khảo sát, điểm trung bình người dân đánh giá khả năng tiếp cận thông tin qua website xã chỉ đạt 2,9/5 điểm, thấp nhất trong các hình thức công khai. Có đến 64,7% người dân cho rằng thông tin “khó hiểu”, 56,7% nhận định “không thuận tiện để xem”, phản ánh khoảng cách lớn giữa ngôn ngữ hành chính - pháp lý và năng lực số của người dân nông thôn. Ngoài ra, hạ tầng công nghệ thông tin ở một số xã ven biển, vùng sâu còn yếu; mạng internet không ổn định, thiếu cán bộ phụ trách kỹ thuật. Do vậy, công khai điện tử chưa thể thay thế niêm yết truyền thống, khiến tính bao phủ và hiệu quả truyền thông hạn chế.

Về lâu dài, đây là thách thức lớn đối với việc xây dựng chính quyền số cấp xã, bởi công khai, minh bạch điện tử không chỉ là phương tiện công bố thông tin mà còn là nền tảng để thực hiện dân chủ trực tuyến, tương tác và tiếp nhận phản hồi hai chiều.

Thứ năm, công tác triển khai, tuyên truyền và phối hợp giữa các chủ thể còn thiếu đồng bộ, thiếu giám sát độc lập

Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định tại một số xã chưa được tổ chức bài bản, thiếu kế hoạch dài hạn và chưa gắn với chương trình cải cách hành chính, phong trào thi đua dân vận - dân chủ cơ sở. Nhiều xã chưa có cơ chế phân công rõ ràng giữa cấp ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể, dẫn đến trùng lặp trách nhiệm, thiếu đầu mối giám sát độc lập. Một số Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở hoạt động mang tính hình thức, họp không định kỳ, chưa có cơ chế kiểm tra chéo hoặc công khai kết quả kiểm tra.

Đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận và tuyên truyền tại cơ sở còn thiếu kiến thức về kỹ năng truyền thông công vụ, chưa được bồi dưỡng về kỹ thuật “diễn giải chính sách bằng ngôn ngữ của người dân”. Chính vì vậy, thông điệp tuyên truyền thường khô khan, xa rời thực tiễn, thiếu sức thuyết phục. Công tác phối hợp giữa chính quyền xã và các tổ chức chính trị - xã hội (MTTQ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ) còn rời rạc, chưa hình thành mạng lưới truyền thông cộng đồng thống nhất.

Nguyên nhân sâu xa là do thiếu cơ chế khuyến khích và đánh giá thi đua gắn với kết quả công khai, minh bạch; kinh phí truyền thông còn hạn chế và vai trò giám sát độc lập của nhân dân chưa được thể chế hóa bằng chỉ tiêu bắt buộc. Từ đó, công khai, minh bạch tuy được đề cập nhiều trong khẩu hiệu và văn bản chỉ đạo, nhưng vẫn chưa trở thành nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trong quản trị cấp xã.

Tóm lại, các hạn chế trên không chỉ phản ánh sự chênh lệch giữa quy định pháp luật và thực thi ở cơ sở, mà còn cho thấy công khai, minh bạch ở cấp xã vùng ĐBSCL chưa thực sự trở thành giá trị văn hóa công vụ, chưa gắn với cơ chế trách nhiệm và đo lường hiệu quả cụ thể. Đây chính là những “điểm nghẽn thể chế và thực thi” cần được khắc phục bằng những nhóm giải pháp toàn diện ở Chương 4.

*** Nguyên nhân của hạn chế**

Những hạn chế trong thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL không chỉ xuất phát từ các yếu tố riêng lẻ, mà là kết quả của sự tương tác phức hợp giữa yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan, giữa yêu cầu quản trị hiện đại với năng lực thể chế và điều kiện thực thi ở cấp xã. Xét một cách sâu xa, các nguyên nhân này phản ánh những “điểm nghẽn” của quản trị địa phương cấp xã trong bối cảnh chuyển đổi mô hình chính quyền và chuyển đổi số.

Thứ nhất, sự lệch pha giữa nhận thức quản trị hiện đại và tư duy hành chính truyền thống ở cấp xã

Một nguyên nhân mang tính nền tảng là nhận thức chưa đầy đủ và chưa thống nhất về bản chất của công khai, minh bạch trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã. Trong khi các văn bản pháp luật và quan điểm của Đảng đã xác định công khai, minh bạch là nguyên tắc quản trị, gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình, thì trong thực tiễn, nhiều cán bộ vẫn tiếp cận công khai, minh bạch chủ yếu như một thủ tục hành chính phải tuân thủ.

Sự lệch pha này dẫn đến cách thức triển khai mang tính đối phó: công khai để “đủ hồ sơ”, “đúng quy định”, nhưng chưa hướng tới mục tiêu cốt lõi là giúp người dân hiểu, giám sát và tham gia. Khi công khai không gắn với quyền lực và trách nhiệm giải trình, nó dễ bị giản lược thành niêm yết văn bản, thông báo hình thức hoặc công bố thông tin chọn lọc. Đây là biểu hiện của minh bạch hình thức, phản ánh hạn chế trong tư duy quản trị công hiện đại ở cấp xã.

Thứ hai, hạn chế về năng lực thực thi làm suy giảm tính thực chất của công khai, minh bạch

Năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là khâu trung gian quyết định việc chuyển hóa quy định pháp luật thành thực tiễn quản trị. Tuy nhiên, khảo sát cho thấy nhiều cán bộ cấp xã còn thiếu các năng lực cốt lõi của minh bạch hiện đại, bao gồm: năng lực diễn giải chính sách bằng ngôn ngữ dễ hiểu; năng lực truyền thông công vụ; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và đặc

biệt là năng lực giải trình trước nhân dân. Chính sự thiếu hụt này khiến công khai thông tin thường mang tính sao chép, máy móc, không được “dịch” sang ngôn ngữ của người dân, làm giảm khả năng tiếp cận và giám sát xã hội. Tâm lý e ngại trách nhiệm, sợ bị chất vấn hoặc bị quy trách nhiệm cá nhân càng làm cho cán bộ có xu hướng công khai an toàn, tránh các nội dung nhạy cảm. Như vậy, hạn chế về năng lực không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến động cơ và thái độ thực thi minh bạch.

Thứ ba, khung thể chế về công khai, minh bạch còn thiếu tính vận hành và đo lường

Mặc dù hệ thống pháp luật về công khai, minh bạch đã tương đối đầy đủ, song cách thiết kế thể chế hiện nay vẫn thiên về nguyên tắc, thiếu tính vận hành cụ thể. Nhiều quy định chưa xác định rõ: công khai cái gì, công khai đến mức nào, trong thời hạn bao lâu, ai chịu trách nhiệm cá nhân và chế tài xử lý khi không thực hiện hoặc thực hiện hình thức.

Việc thiếu hệ thống chỉ báo, tiêu chí định lượng và cơ chế đánh giá độc lập làm cho công khai, minh bạch khó trở thành một tiêu chuẩn quản trị bắt buộc. Trong bối cảnh đó, các địa phương ít chịu áp lực cải thiện chất lượng công khai, minh bạch, bởi kết quả thực hiện chưa được gắn chặt với đánh giá cán bộ, thi đua - khen thưởng hoặc trách nhiệm giải trình cá nhân. Đây là nguyên nhân sâu xa khiến công khai, minh bạch thiếu tính bền vững và phụ thuộc nhiều vào ý chí chủ quan của người đứng đầu.

Thứ tư, điều kiện bảo đảm thực thi chưa theo kịp yêu cầu minh bạch trong bối cảnh chuyển đổi số

Một nguyên nhân sâu xa khác là sự bất tương xứng giữa yêu cầu minh bạch hiện đại và điều kiện bảo đảm thực thi ở cấp xã. Chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số đặt ra yêu cầu cao về công khai điện tử, dữ liệu mở, tương tác hai chiều và minh bạch theo thời gian thực. Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ, nguồn lực tài chính và nhân lực kỹ thuật ở nhiều xã vùng ĐBSCL còn yếu và thiếu đồng bộ. Sự bất tương xứng này khiến các hình thức công khai

truyền thống không còn đáp ứng được yêu cầu, trong khi công khai điện tử lại chưa đủ điều kiện để phát huy hiệu quả. Hệ quả là công khai, minh bạch rơi vào trạng thái “nửa vời”, vừa không sâu về nội dung, vừa hạn chế về phạm vi tiếp cận.

Thứ năm, vai trò giám sát và tham gia của người dân chưa đủ mạnh để tạo áp lực minh bạch

Công khai, minh bạch chỉ thực sự có hiệu quả khi đi kèm với giám sát xã hội và sự tham gia chủ động của người dân. Tuy nhiên, ở vùng ĐBSCL, trình độ học vấn, kỹ năng số và hiểu biết pháp luật của người dân còn chênh lệch; văn hóa cộng đồng “trọng tình, ngại va chạm” làm giảm động lực phản biện công khai.

Bên cạnh đó, cơ chế tiếp nhận và phản hồi ý kiến của chính quyền cấp xã chưa rõ ràng, thiếu tính bắt buộc, khiến người dân không thấy được tác động thực chất của việc góp ý. Khi phản hồi xã hội yếu, công khai, minh bạch mất đi áp lực cải thiện từ bên ngoài và dễ trở thành hoạt động mang tính hình thức.

Do vậy, tổng hợp các phân tích trên cho thấy, những hạn chế trong thực hiện công khai, minh bạch ở cấp xã vùng ĐBSCL bắt nguồn từ sự chưa tương thích giữa yêu cầu quản trị công hiện đại với năng lực thể chế, con người và điều kiện thực thi ở cơ sở. Công khai, minh bạch chưa được vận hành như một trụ cột của quản trị địa phương, mà vẫn chủ yếu được thực hiện theo logic hành chính - tuân thủ. Việc khắc phục các hạn chế này đòi hỏi cách tiếp cận tổng thể, đồng bộ từ hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực cán bộ, đầu tư hạ tầng số đến phát huy vai trò giám sát và tham gia của người dân - đây chính là cơ sở khoa học để luận án đề xuất các nhóm giải pháp ở Chương 4.

3.3.1.3. Tác động của thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền địa phương cấp xã đối với quản trị địa phương

Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc nâng cao chất

lượng quản trị địa phương và thúc đẩy phát triển bền vững ở vùng ĐBSCL. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh những tác động tích cực về chính trị, xã hội và hành chính vẫn còn tồn tại những ảnh hưởng tiêu cực nếu việc công khai, minh bạch chưa được thực hiện đầy đủ và thực chất.

**** Tác động tích cực***

Thứ nhất, công khai, minh bạch góp phần nâng cao uy tín và củng cố niềm tin của nhân dân đối với chính quyền cấp xã

Theo các nghiên cứu trước đây, việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã không chỉ giúp cho người dân biết thông tin mà còn củng cố niềm tin của người dân đối với chính quyền cấp xã. Thời gian qua, chính quyền cấp xã đã tích cực thực hiện công khai, minh bạch thông qua việc thực hiện quy chế ở cơ sở đã tác động rất lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giữ vững, sản xuất nông nghiệp phát triển khá, kinh tế tập thể từng bước được phát triển và nâng lên về chất lượng; diện tích sản xuất lúa chất lượng cao, bao tiêu sản phẩm; thương mại dịch vụ phát triển ổn định; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, gắn với phong trào thi đua “Dân vận khéo” và Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được duy trì và thực hiện tốt; công tác xây dựng Đảng và chính quyền thực hiện khá tốt, đã ghi nhận nhiều ý kiến của nhân dân đóng góp xây dựng Đảng và chính quyền. Sở dĩ là do, theo cán bộ phỏng vấn sâu cho rằng, việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã không chỉ giúp cho người dân biết đến hoạt động của chính quyền địa phương mà còn giúp cho người dân tin tưởng vào chỉ đạo của chính quyền, qua đó họ tích cực phối hợp với chính quyền cấp xã thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Để củng cố cho kết luận này, nghiên cứu đã tiến hành khảo 150 cán bộ cho thấy, 80,7% cán bộ thừa nhận việc công

khai, minh bạch giúp cho người dân biết được hoạt động của chính quyền cấp xã; có 72,7% cán bộ cho rằng việc công khai, minh bạch đã làm tăng cường mối quan hệ giữa người dân với chính quyền cấp xã. Điều này cho thấy, công khai, minh bạch là phương tiện để tạo ra sự gắn kết giữa nhân dân với chính quyền cấp xã, góp phần thực hiện tốt việc phát huy vai trò của dân chủ cơ sở.

Thứ hai, công khai, minh bạch phát huy vai trò làm chủ và tăng cường giám sát xã hội của nhân dân

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong” hoặc “Có dân là có tất cả, mất dân là mất hết, “Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả. Nếu không được lòng dân thì ta không thể làm tốt công tác” [44, tr.142]. Rõ ràng, nhân dân đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động xây dựng và bảo vệ chính quyền, bởi vì “ Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại” [43, tr.297]. Thực hiện những lời di huấn đó của Hồ Chí Minh, chính quyền cấp xã ở vùng ĐBSCL đã có nhiều hoạt động để phát huy vai trò của nhân dân, trong đó có hoạt động công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định của chính quyền cấp xã đã thể hiện sự minh bạch, người dân có quyền tiếp cận thông tin, qua đó góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo tinh thần của Pháp lệnh thực hiện dân chủ cơ sở và Luật Thực hiện dân chủ cơ sở. Để góp phần củng cố cho kết luận trên, nghiên cứu đã khảo sát người dân và cán bộ về vai trò của việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định của chính quyền cấp xã. Kết quả khảo sát cho thấy, có 74,0% cán bộ đã thừa nhận việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã đã giúp cho người dân tham gia giám sát hoạt động của chính quyền cấp xã. Có 76,7% cán bộ đã cho rằng, việc thực hiện công khai, minh bạch đã phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Vì thế, 70,0% cán bộ đã cho khẳng định việc công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định của chính quyền cấp xã đã góp phần làm tăng cường sự quan tâm của người dân đối với hoạt động chính quyền. Như vậy, những phát hiện của nghiên cứu khẳng định được việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã đã phát huy vai trò làm chủ nhân dân ở địa phương, góp phần thực hiện có hiệu quả quy định nhà nước về thực hiện dân chủ cơ sở. Đồng thời, các bằng chứng nghiên cứu này đã góp phần khẳng định: dân chủ là một trong những đặc trưng ưu việt của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thứ ba, công khai, minh bạch góp phần nâng cao chất lượng, hiệu lực và tính liêm chính trong hoạt động quản trị của chính quyền cấp xã.

Thực hiện công khai, minh bạch trong ban hành quyết định đã giúp các cơ quan chính quyền cấp xã tuân thủ tốt hơn quy trình pháp lý, tăng cường trách nhiệm giải trình và phòng ngừa sai phạm. Kết quả khảo sát 150 cán bộ cho thấy: 62,0% cho rằng công khai, minh bạch giúp hạn chế sai phạm trong ban hành quyết định; 67,3% cho rằng nó phát huy trách nhiệm của người đứng đầu; và 71,3% nhận định công khai, minh bạch nâng cao trách nhiệm của chính quyền cấp xã đối với nhân dân.

Việc người dân được tiếp cận và giám sát rộng rãi các quyết định của chính quyền đã hình thành cơ chế “phản hồi hai chiều” giữa chính quyền và cộng đồng, qua đó tăng tính liêm chính, giảm thiểu tham nhũng vặt, và củng cố niềm tin đối với chính quyền. Đây là một bước tiến quan trọng trong xây dựng chính quyền cơ sở liêm chính, hành động và phục vụ nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

*** Tác động tiêu cực**

Bên cạnh những kết quả tích cực, việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định vẫn tồn tại một số tác động tiêu cực nếu được triển khai không đầy đủ hoặc mang tính hình thức.

Thứ nhất, thiếu công khai thực chất làm hạn chế quyền tiếp cận thông tin và sự tham gia của người dân, khiến nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” chưa được thực hiện đầy đủ. Khi thông tin về quy hoạch, ngân sách hoặc các quyết định hành chính không được minh bạch, người dân khó phản biện, dẫn đến quyết định thiếu đồng thuận, giảm tính khả thi.

Thứ hai, thiếu minh bạch trong thủ tục và tài chính công dễ tạo môi trường cho tiêu cực và “tham nhũng vặt” ở cơ sở. Việc không niêm yết rõ ràng các khoản phí, lệ phí, hay các khoản đóng góp tự nguyện có thể khiến người dân bị gây khó dễ, tạo tâm lý bức xúc, giảm uy tín của chính quyền.

Thứ ba, hạn chế công khai còn làm giảm hiệu lực của các chính sách phát triển. Nhiều dự án hạ tầng, chương trình nông nghiệp hoặc ứng phó biến đổi khí hậu ở ĐBSCL cần sự tham gia của người dân. Khi quá trình ra quyết định thiếu minh bạch, người dân ít gắn bó, thậm chí phản đối, làm chậm tiến độ và giảm chất lượng triển khai.

Như vậy, thiếu công khai, minh bạch không chỉ làm suy giảm niềm tin và tính chính danh chính trị của chính quyền cấp xã, mà còn là yếu tố kìm hãm năng lực quản trị và phát triển bền vững của địa phương.

Có thể khẳng định, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định là một trong những tiêu chí cốt lõi của quản trị địa phương hiện đại. Khi được thực hiện đúng và đầy đủ, nó góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, nâng cao hiệu quả điều hành, tăng cường trách nhiệm giải trình và phòng ngừa tham nhũng ở cấp cơ sở. Ngược lại, nếu công khai chỉ mang tính hình thức, không đi kèm cơ chế phản hồi và giám sát, thì sẽ làm suy giảm hiệu quả quản trị và niềm tin xã hội. Do đó, tăng cường công khai, minh bạch không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn là động lực chiến lược để xây dựng chính quyền cấp xã dân chủ, liêm chính và phục vụ phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

3.3.2. Một số mâu thuẫn đặt ra đối với thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long

3.3.2.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã ngày càng cao với điều kiện đảm bảo thực hiện tốt công khai, minh bạch ở một số địa phương còn hạn chế

Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là một trong những hoạt động để thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Dân chủ là mục tiêu, là động lực phát triển đất nước; cần xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, mỗi ngành, trên tất cả các lĩnh vực. Do đó, Đảng đã yêu cầu: “thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Điều này cho thấy, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đã trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua. Hơn nữa, trong những năm qua, các thế lực luôn công kích vào thực hiện dân chủ ở Việt Nam nói chung, ở ĐBSCL nói riêng. Các thế lực thù địch cũng tìm mọi cách để xuyên tạc thực hành dân chủ một cách trắng trợn, thô bạo. Vì thế, yêu cầu đảm bảo công khai, minh bạch trong quá trình ban hành quyết định của chính quyền cấp xã đã trở thành bức thiết hơn bao giờ hết, bởi lẽ việc thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động của chính quyền cấp xã theo quy định pháp luật là cơ sở để thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; mặt khác nó còn góp phần củng cố bảo vệ nền tảng của Đảng và đấu tranh, phản bác lại các luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch.

Mặc dù vậy, điều kiện thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, trong đó có công khai, minh bạch trong quá trình ban hành quyết định của chính quyền cấp xã chưa đảm bảo. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm các trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động công khai, minh bạch chưa được thực sự quan tâm đúng mức. Kinh phí đầu tư cho công tác thông tin tuyên truyền còn nhiều khó khăn, nhất là việc đầu tư thiết bị và ứng dụng công nghệ mới. Ở cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, cơ sở vật chất và phương tiện tuyên truyền vẫn còn thiếu, chưa được trang bị phương tiện hiện đại và có tính đồng bộ; chủ yếu được hình thành từ nguồn trên cấp và nguồn do cơ sở tự bảo đảm, do đó thường mang tính chắp vá, chủ yếu liên quan đến sửa chữa nhỏ. Thật vậy, qua quan sát ở một số địa phương thuộc vùng ĐBSCL cho thấy, cơ sở vật chất của một số xã, đặc biệt các xã vùng xa, giáp với biên giới còn hạn chế, chưa thể đáp ứng yêu cầu công khai, minh bạch. Hệ thống internet ở một xã vùng xa, giáp với biên giới Campuchia chưa được bao phủ. Hệ thống loa đài truyền thanh của các địa phương chất lượng giảm xuống do một thời gian dài chưa được bảo trì, sửa chữa. Thậm chí, bảng niêm yết ở các nhà thông tin ở một địa phương đã hư hỏng nhưng vẫn chưa được sửa chữa. Có thể nói, điều kiện vật chất của một số địa phương ở ĐBSCL để thực hiện công khai, minh bạch chưa được quan tâm một cách thỏa đáng. Theo đó, sự hạn chế này đã làm cho công khai, minh bạch quá trình ban hành các quyết định của chính quyền cấp xã chưa được hiệu quả.

Vì thế, nâng cao chất lượng các điều kiện hạ tầng để thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định của chính quyền cấp xã ở ĐBSCL là một trong những vấn đề đặt ra cần được giải quyết trong thời gian tới, góp phần giải quyết sự mâu thuẫn giữa yêu cầu công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã ngày càng cao với việc đảm bảo điều kiện để thực hiện hoạt động này.

Bởi lẽ, cơ sở hạ tầng là điều kiện để đảm bảo cho hoạt động công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã được thông suốt. Nếu cơ sở hạ tầng yếu kém thì chất lượng công khai, minh bạch cũng ảnh hưởng không nhỏ. Kết quả là việc thực hiện dân chủ dân cơ sở của chính quyền cấp xã cũng bị hạn chế.

3.3.2.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã với cơ chế thực hiện còn nhiều hạn chế, bất cập

Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là yêu cầu tất yếu trong quá trình xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ, đồng thời là yếu tố quan trọng củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Thực tiễn cho thấy, mức độ công khai, minh bạch trong hoạt động của bộ máy chính quyền có mối quan hệ thuận chiều với mức độ tin cậy xã hội và hiệu quả quản trị địa phương. Ở vùng ĐBSCL, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, dân trí và nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân ngày càng cao, đòi hỏi chính quyền cấp xã phải công khai nhiều hơn, minh bạch hơn, kịp thời hơn trong việc ban hành và triển khai các quyết định hành chính.

Tuy nhiên, trong khi yêu cầu về minh bạch tăng nhanh, cơ chế thực hiện công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã vẫn còn nhiều bất cập. Một số cấp ủy, người đứng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc công khai thông tin trong quá trình ra quyết định. Việc thực hiện các quy định pháp luật về công khai, minh bạch còn mang tính hình thức, chủ yếu dừng ở khâu “niêm yết thông tin” mà thiếu các cơ chế phản hồi, đối thoại và giải trình hai chiều. Nhiều địa phương chưa xây dựng được quy trình chuẩn, thiếu hướng dẫn cụ thể và chưa gắn công khai, minh bạch với trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu.

Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị cơ sở (chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, ban giám sát cộng đồng...)

còn lỏng lẻo. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách chưa được thực hiện đồng bộ, dẫn đến tình trạng người dân chưa hiểu rõ nội dung, mục đích của các quyết định, dễ phát sinh khiếu nại, bức xúc. Một số địa phương còn thiếu sự phối hợp trong công khai các công trình xây dựng, dự án đầu tư, khiến thông tin không thống nhất giữa các ngành và địa bàn, làm giảm hiệu quả minh bạch. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ và các quy định về công khai, minh bạch chưa được tiến hành thường xuyên, thiếu cơ chế xử lý trách nhiệm khi vi phạm.

Đáng lưu ý hơn, một bộ phận cán bộ, đảng viên ở cấp cơ sở có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, còn e ngại việc công khai vì lo “bị soi xét”, “mất uy tín”, hoặc “vạch áo cho người xem lưng”. Tâm lý này dẫn đến hiện tượng bùng bít thông tin, chỉ công khai những nội dung có lợi, né tránh các vấn đề nhạy cảm liên quan đến tài chính, quy hoạch, nhân sự. Hệ quả là, công khai, minh bạch chưa thực chất, làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước và niềm tin của nhân dân vào chính quyền cơ sở.

Như vậy, có thể thấy rõ mâu thuẫn giữa yêu cầu minh bạch ngày càng cao với cơ chế thực hiện còn yếu và thiếu đang là rào cản lớn đối với việc nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở vùng ĐBSCL. Để khắc phục, cần hoàn thiện cơ chế pháp lý, tăng cường giám sát của Mặt trận và các đoàn thể, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu chính quyền cấp xã. Chỉ khi đó, công khai, minh bạch mới trở thành một chuẩn mực vận hành thực chất của quản trị cấp xã, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân và phát huy dân chủ ở cơ sở.

3.3.2.3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu hiện đại hóa hình thức công khai, minh bạch với điều kiện bảo đảm thực hiện còn hạn chế ở một số địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trong bối cảnh chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử, yêu cầu hiện đại hóa các hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định

của chính quyền cấp xã ngày càng trở nên cấp thiết. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật Phòng, chống tham nhũng (2018) và Luật Đất đai (2024) đều nhấn mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, đăng tải công khai thông tin trên cổng hoặc trang thông tin điện tử, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận, phản hồi và giám sát hoạt động của chính quyền một cách nhanh chóng, minh bạch. Thực hiện các quy định này, nhiều chính quyền cấp xã ở vùng ĐBSCL nỗ lực đa dạng hóa hình thức công khai: niêm yết văn bản tại trụ sở, thông tin qua hệ thống loa truyền thanh, họp dân, đồng thời bước đầu triển khai công khai trực tuyến qua trang thông tin điện tử, mạng xã hội hoặc các nhóm tương tác cộng đồng.

Tuy nhiên, mâu thuẫn nổi lên là giữa yêu cầu hiện đại hóa hình thức công khai, minh bạch với điều kiện thực hiện còn hạn chế. Một mặt, xu hướng chuyển đổi số đòi hỏi việc công khai phải dựa trên nền tảng kỹ thuật hiện đại, có khả năng cập nhật và tương tác liên tục; mặt khác, ở nhiều địa phương vùng sâu, vùng xa, kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền Internet và trình độ sử dụng công nghệ của người dân vẫn còn rất thấp. Thực tế khảo sát cho thấy, nhiều xã chưa có trang thông tin điện tử riêng hoặc nếu có thì hoạt động không thường xuyên, thiếu cập nhật; hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, phương tiện trình chiếu, truyền thông hạn chế. Đặc biệt, người dân ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số - nhất là đồng bào Khmer còn gặp khó khăn trong việc đọc, hiểu và khai thác thông tin từ các văn bản pháp luật, quyết định của chính quyền. Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 47,5% người dân đánh giá việc tiếp cận thông tin về quá trình ra quyết định qua cổng thông tin điện tử của xã là “không dễ dàng”, trong khi tỷ lệ người dân có phản hồi, góp ý trực tuyến còn rất thấp.

Mâu thuẫn này không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn mang tính xã hội và văn hóa thông tin. Ở nhiều nơi, chính quyền đã có ý thức hiện đại hóa hình thức công khai nhưng người dân lại thiếu điều kiện, kỹ năng hoặc thói quen

tương tác trên môi trường số. Bên cạnh đó, ngôn ngữ hành chính còn phức tạp, chưa được chuyển tải theo cách dễ hiểu, dễ tiếp cận, khiến việc công khai thông tin dù đúng quy định nhưng chưa đạt hiệu quả thực chất.

Như vậy, có thể thấy rằng yêu cầu hiện đại hóa công khai, minh bạch đã vượt trước năng lực đáp ứng của cơ sở, tạo ra khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn. Để khắc phục mâu thuẫn này, cần đồng bộ nhiều giải pháp: đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin ở cấp xã; tăng cường hỗ trợ vùng đặc thù, vùng dân tộc; đào tạo kỹ năng số cho cán bộ cơ sở và người dân; đồng thời, thiết kế lại nội dung công khai theo hướng thân thiện, dễ hiểu, đa ngữ (đối với vùng có đồng bào dân tộc thiểu số). Chỉ khi đó, công khai, minh bạch mới thực sự phát huy ý nghĩa trong bối cảnh chuyển đổi số, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa “minh bạch hiện đại” và “năng lực thực thi ở cơ sở”.

3.3.2.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu dân chủ hiện đại đối với công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định và truyền thống văn hóa xã hội của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long còn lạc hậu

Ở vùng nông thôn Nam Bộ nói chung và ĐBSCL nói riêng, truyền thống văn hóa cộng đồng lâu đời đã hình thành nên những đặc trưng nổi bật của quan hệ xã hội như “tình làng nghĩa xóm”, “dĩ hòa vi quý”, coi trọng sự hài hòa, giữ thể diện và giải quyết vấn đề “trong dòng họ, xóm giềng”. Truyền thống này tạo nên nền tảng xã hội gắn kết, nhân văn, song lại có thể trở thành rào cản đối với việc thực thi dân chủ hiện đại - nơi công khai, minh bạch được xem là nguyên tắc bắt buộc của quản trị nhà nước.

Trong khi đó, quản trị hiện đại đòi hỏi các quyết định của chính quyền phải rõ ràng về quy trình, minh bạch về nội dung và trách nhiệm giải trình, giảm thiểu yếu tố cảm tính, thân quen hay thiên vị. Những giá trị pháp quyền này đôi khi xung đột với hệ giá trị truyền thống dựa trên “tình cảm”, “nể nang”,

đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như phân bổ nguồn lực công, bồi thường - hỗ trợ - tái định cư, hay tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ ở cơ sở.

Mâu thuẫn giữa hai hệ giá trị này khiến chính quyền cấp xã thường ở thế lưỡng nan: nếu thực hiện công khai, minh bạch triệt để thì có thể bị xem là “thiếu tình”, “phơi bày nội bộ”, gây phản ứng trong cộng đồng; nhưng nếu quá coi trọng sự hòa hiếu, nể nang thì lại vi phạm nguyên tắc pháp quyền, làm giảm tính khách quan và minh bạch trong ra quyết định. Chính vì vậy, ở nhiều địa phương, công khai, minh bạch vẫn còn dừng lại ở hình thức, mang tính tượng trưng, chưa thực sự phát huy hiệu quả kiểm soát quyền lực và nâng cao trách nhiệm giải trình.

Giải quyết mâu thuẫn này đòi hỏi phải kết hợp hài hòa giữa văn hóa cộng đồng và chuẩn mực quản trị hiện đại. Chính quyền cấp xã cần khai thác các giá trị tích cực của văn hóa địa phương - như tinh thần đoàn kết, gắn bó, tôn trọng lẫn nhau - để biến chúng thành công cụ truyền thông, thuyết phục và đồng thuận xã hội trong thực thi chính sách. Đồng thời, cần tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao năng lực ứng xử hành chính của đội ngũ cán bộ, từng bước hình thành “văn hóa pháp quyền” trong môi trường văn hóa cộng đồng, giúp công khai, minh bạch trở thành nhu cầu tự thân và giá trị được cộng đồng chấp nhận.

3.3.2.5. Mâu thuẫn giữa quy định pháp lý bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã với kết quả thực hiện thực tế còn hạn chế

Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều quy định pháp lý nhằm bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, trong đó có chính quyền cấp xã. Luật Tiếp cận thông tin (2016) quy định mọi công dân đều bình đẳng trong quyền được biết, được cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời và minh bạch. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) tiếp tục khẳng định: công dân có quyền

được tham gia ý kiến, quyết định và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, đồng thời chính quyền có trách nhiệm công khai thông tin và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng tạo khuôn khổ cho việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã.

Tuy nhiên, giữa quy định và kết quả thực thi vẫn tồn tại một khoảng cách đáng kể. Theo Báo cáo PAPI - UNDP (2024) [84], chỉ số công khai, minh bạch trong hoạch định và thực thi chính sách của chính quyền cấp xã tại vùng ĐBSCL chỉ đạt 5,04/10 điểm, thấp hơn mức trung bình cả nước. Nghiên cứu thực địa cũng cho thấy, điểm công khai, minh bạch trong các lĩnh vực như quy hoạch - sử dụng đất, ngân sách xã, hay đầu tư công còn thấp (dao động từ 0,8-1,3 điểm trên thang 2 điểm), trong khi chỉ có chính sách an sinh xã hội đạt mức tương đối cao (1,8/2 điểm). Điều đó phản ánh tình trạng thiếu đồng đều giữa các lĩnh vực và thiếu bền vững trong thực thi công khai, minh bạch ở cấp xã.

Thực tế cho thấy, tại nhiều địa phương, việc công khai mới chỉ dừng ở “bề mặt thông tin”, chưa đi sâu vào nội dung thực chất. Nhiều bảng niêm yết ở ấp, khóm thiếu cập nhật; các trang thông tin điện tử xã hoạt động hình thức; thông tin công bố đơn điệu, không kèm dữ liệu phân tích, giải trình hoặc phản hồi. Một số cán bộ cơ sở còn tâm lý đối phó, xem công khai là “nhiệm vụ hành chính”, không phải công cụ quản trị. Hậu quả là khoảng cách giữa “pháp lý trên giấy” và “minh bạch thực tế” ngày càng lớn, làm giảm niềm tin và hiệu quả giám sát của người dân.

Giải quyết mâu thuẫn này đòi hỏi phải chuyển trọng tâm từ “ban hành quy định” sang “bảo đảm thực thi”. Cần tăng cường kiểm tra, đánh giá độc lập về mức độ thực hiện công khai, minh bạch ở cấp xã; hoàn thiện các chỉ số đo lường hiệu quả thực hiện dân chủ cơ sở; quy định rõ hơn trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu và chế tài khi không thực hiện đúng quy định. Bên

cạnh đó, việc chuẩn hóa quy trình công khai - minh bạch, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và sự tham gia của Mặt trận, đoàn thể, báo chí, cộng đồng dân cư sẽ là giải pháp căn bản để thu hẹp khoảng cách giữa quy định và thực thi.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của luận án đã phân tích toàn diện thực trạng thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL trên các phương diện: nội dung, hình thức, kết quả, hạn chế, nguyên nhân và những mâu thuẫn chủ yếu trong thực tiễn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian qua chính quyền cấp xã ở vùng ĐBSCL đã có nhiều nỗ lực trong việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Việc công khai, minh bạch đã trở thành yêu cầu bắt buộc trong quản lý nhà nước, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở và tăng cường sự đồng thuận xã hội.

Tuy nhiên, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vẫn còn nhiều hạn chế, cả về điều kiện vật chất, cơ chế tổ chức thực hiện, trình độ cán bộ và nhận thức của người dân. Một số nội dung công khai còn hình thức; công tác phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chưa thật sự chặt chẽ; việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm; hạ tầng truyền thông cơ sở yếu; hoạt động giám sát, phản hồi của người dân còn mờ nhạt. Những yếu tố đó làm giảm tính thực chất của công khai, minh bạch, khiến quá trình thực thi vẫn còn khoảng cách đáng kể so với yêu cầu của quản trị hiện đại.

Trên cơ sở khảo sát và phân tích, luận án đã chỉ ra năm mâu thuẫn cơ bản trong thực hiện công khai, minh bạch ở cấp xã vùng ĐBSCL hiện nay: (1) Mâu thuẫn giữa yêu cầu ngày càng cao về công khai, minh bạch với điều kiện bảo đảm thực hiện còn hạn chế; (2) Mâu thuẫn giữa yêu cầu công khai, minh

bạch với cơ chế thực hiện chưa đồng bộ và thiếu hiệu lực; (3) Mâu thuẫn giữa yêu cầu hiện đại hóa hình thức công khai, minh bạch với năng lực tiếp cận thông tin của người dân còn thấp; (4) Mâu thuẫn giữa yêu cầu dân chủ hiện đại và truyền thống văn hóa - xã hội đặc thù của vùng ĐBSCL; (5) Mâu thuẫn giữa quy định pháp lý bảo đảm công khai, minh bạch với kết quả thực hiện thực tế còn hạn chế. Năm mâu thuẫn này phản ánh sự chênh lệch giữa yêu cầu khách quan của quá trình dân chủ hóa đời sống chính trị ở cơ sở với năng lực chủ quan của hệ thống chính trị cấp xã trong bối cảnh phát triển chưa đồng đều giữa các địa phương. Chúng cũng cho thấy công khai, minh bạch ở vùng ĐBSCL không chỉ là vấn đề thể chế, mà còn là vấn đề văn hóa, nhận thức và năng lực tổ chức thực thi.

Từ việc nhận diện các mâu thuẫn đó, có thể khẳng định rằng: mặc dù hệ thống pháp lý và chính trị cho việc thực hiện công khai, minh bạch ở cấp xã đã được hình thành tương đối đầy đủ, song vẫn cần được tiếp tục hoàn thiện về cơ chế, phương thức và điều kiện bảo đảm thực thi. Đây là tiền đề quan trọng để chương 4 của luận án tập trung đề xuất quan điểm, định hướng và các nhóm giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL, đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền địa phương hiện đại, minh bạch, phục vụ nhân dân trong giai đoạn mới.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THỜI GIAN TỚI

4.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ DỰ BÁO XU HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL chịu ảnh hưởng đồng thời của nhiều yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội và công nghệ. Những yếu tố này vừa tạo thuận lợi, vừa tiềm ẩn những rào cản nhất định, quyết định mức độ thực chất của công khai, minh bạch trong thời gian tới. Dự báo sự tác động tích cực và tiêu cực của các yếu tố này có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định hướng ưu tiên và giải pháp phù hợp nhằm tăng cường thực thi công khai, minh bạch ở cấp cơ sở.

4.1.1. Các yếu tố thuận lợi

Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và tiến trình cải cách hành chính trong giai đoạn hiện nay đang tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi để tăng cường thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL. Những yếu tố này không chỉ tạo động lực về nguồn lực, thể chế và công nghệ, mà còn thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức và hành vi của cả chính quyền và người dân. Dưới đây là bốn nhóm yếu tố thuận lợi có tác động nổi bật:

Thứ nhất, điều kiện kinh tế - xã hội phát triển ổn định là nền tảng quan trọng cho công khai, minh bạch

Trong giai đoạn gần đây, vùng ĐBSCL duy trì mức tăng trưởng GRDP ổn định, bình quân trên 6%/năm, với cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo

hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, giảm dần phụ thuộc vào nông nghiệp thuần túy. Hệ thống hạ tầng giao thông, đô thị và dịch vụ công cộng được đầu tư mạnh mẽ thông qua các dự án trọng điểm như cao tốc Trung Lương - Cần Thơ, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, cảng Trần Đề, hệ thống thủy lợi và logistics vùng. Quá trình này đã tăng năng lực quản trị địa phương, củng cố năng lực tài chính của chính quyền cấp xã thông qua nguồn thu ổn định và các chương trình hỗ trợ từ cấp trên.

Sự phục hồi sau đại dịch COVID-19, cùng các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi sinh kế nông dân... đã giúp các xã có thêm nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị hành chính và hoạt động công khai. Khi ngân sách xã ổn định, chính quyền có điều kiện mở rộng hoạt động tuyên truyền, hội nghị đối thoại, in ấn tài liệu phổ biến chính sách và duy trì cổng thông tin điện tử phục vụ công khai trực tuyến.

Trình độ dân trí, mức sống và khả năng tiếp cận thông tin của người dân ngày càng cao đã làm gia tăng nhu cầu được biết, được bàn, được giám sát. Chính sức ép xã hội này buộc chính quyền cơ sở phải thực hiện công khai - minh bạch một cách thường xuyên, đầy đủ và dễ hiểu hơn. Có thể nói, phát triển kinh tế - xã hội chính là điều kiện nền tảng để công khai, minh bạch trở thành nhu cầu nội sinh của hệ thống chính trị cơ sở.

Thứ hai, chuyển đổi số quốc gia mở ra cơ hội hiện đại hóa và chuẩn hóa công khai, minh bạch

Chương trình chuyển đổi số quốc gia (Quyết định số 749/QĐ-TTg năm 2020 [74] và các Nghị quyết 13-NQ/TW [6], 78/NQ-CP năm 2023 [9]) đang thúc đẩy toàn bộ hệ thống chính quyền hướng tới mô hình “chính quyền số - công dân số - xã hội số”. Đối với cấp xã, đây là động lực và công cụ mạnh mẽ nhất để thay đổi phương thức công khai, từ niêm yết giấy sang công khai trực tuyến, dữ liệu mở và minh bạch thực chất.

Các nền tảng dùng chung như Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống quản lý văn bản điện tử, cơ sở dữ liệu dân cư, danh mục dữ liệu mở và các ứng dụng di động của tỉnh/huyện đã giúp cấp xã tiết kiệm chi phí, giảm thủ tục thủ công, đồng thời chuẩn hóa quy trình xử lý và công bố thông tin. Mô hình “chính quyền số cấp xã” đang được thí điểm ở một số địa phương như Cần Thơ, Long An, Vĩnh Long, Hậu Giang cho thấy tính khả thi cao trong việc minh bạch hóa dữ liệu, giảm thời gian giải quyết thủ tục và nâng cao trách nhiệm giải trình của cán bộ.

Chuyển đổi số giúp chính quyền cấp xã tăng năng lực quản trị thông tin, tăng tốc độ truyền tải, đồng thời mở rộng kênh tương tác hai chiều với người dân. Thông tin được công khai không chỉ ở dạng văn bản mà còn bằng biểu đồ, hình ảnh, video, giúp dễ tiếp cận hơn. Đây là bước tiến hướng tới hình thành “xã thông minh” - nơi người dân có thể tra cứu, phản hồi và giám sát mọi hoạt động của chính quyền một cách chủ động và thuận tiện. Như vậy, chuyển đổi số không chỉ là phương tiện kỹ thuật, mà là đòn bẩy thể chế của minh bạch hiện đại.

Thứ ba, mô hình chính quyền địa phương hai cấp tạo điều kiện tăng cường trách nhiệm công khai và giải trình

Chủ trương thí điểm mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại một số địa bàn đặc thù, trong đó có vùng ĐBSCL, là bước cải cách tổ chức bộ máy hành chính quan trọng. Mô hình này giúp giảm tầng trung gian, rút ngắn quy trình ra quyết định, phân định rõ thẩm quyền giữa các cấp, đồng thời gắn trách nhiệm giải trình trực tiếp với người đứng đầu cấp xã. Khi quyền hạn và trách nhiệm được phân định cụ thể, công khai, minh bạch trở thành công cụ kiểm soát nội bộ bắt buộc, giúp hạn chế đùn đẩy, né tránh và tăng tốc độ ban hành quyết định.

Ngoài ra, việc bỏ cấp trung gian (huyện) trong một số mô hình thử nghiệm cũng giúp cấp tỉnh có thể giám sát trực tiếp cấp xã qua hệ thống

thông tin điện tử, đảm bảo dữ liệu công khai thống nhất và cập nhật theo thời gian thực. Khi đó, người dân dễ dàng truy cập thông tin, so sánh giữa các xã và gửi phản ánh trực tuyến, tạo nên chu trình minh bạch - phản hồi - giải trình khép kín.

Mô hình hai cấp giúp quy trình ra quyết định trở nên gọn, nhanh và rõ trách nhiệm, hạn chế “vùng mờ trách nhiệm” trong quản lý nhà nước, qua đó tăng hiệu quả công khai, minh bạch và kiểm soát quyền lực. Về dài hạn, đây là mô hình phù hợp với xu thế “chính quyền tinh gọn - liêm chính - phục vụ”.

Thứ tư, nhận thức và sự tham gia của người dân ngày càng được nâng cao

Trong những năm gần đây, việc thực thi Luật Tiếp cận thông tin (2016) và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022) đã mở rộng quyền tiếp cận, phản hồi và giám sát của người dân. Các hoạt động truyền thông chính sách, phong trào “dân biết - dân bàn - dân làm - dân kiểm tra - dân giám sát - dân thụ hưởng” (6 dân) được phổ biến rộng rãi qua báo chí, mạng xã hội, loa phát thanh và các tổ chức chính trị - xã hội. Nhờ vậy, nhận thức của người dân về quyền được thông tin và quyền tham gia quản lý nhà nước đã chuyển từ thụ động sang chủ động.

Sự phát triển của mạng xã hội địa phương (như các trang “Cổng thông tin xã”, “Diễn đàn người dân phản ánh”) cũng mở rộng không gian phản hồi xã hội, giúp thông tin được lan tỏa nhanh hơn và minh bạch hơn. Ở nhiều địa phương, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong giám sát, phản biện ngày càng được phát huy, góp phần thúc đẩy chính quyền công khai nhiều hơn về các dự án, ngân sách, quy hoạch.

Khi người dân chủ động yêu cầu thông tin, tham gia thảo luận và phản biện, công khai, minh bạch không còn là “nhiệm vụ hành chính” của chính quyền mà trở thành nhu cầu xã hội khách quan. Chính quyền buộc phải điều chỉnh hành vi quản trị theo hướng công khai, đối thoại và giải trình, qua đó củng cố niềm tin công và gia tăng tính chính danh của hệ thống chính trị cơ sở.

Do đó, sự phát triển kinh tế - xã hội, tiến trình chuyển đổi số, mô hình tổ chức chính quyền hai cấp và sự trưởng thành trong nhận thức của người dân đang tạo nên “môi trường chính sách thuận lợi” để công khai, minh bạch ở cấp xã vùng ĐBSCL phát triển bền vững. Các yếu tố này vừa tạo nền tảng vật chất - thể chế, vừa hình thành động lực xã hội - hành vi, giúp chính quyền cấp xã chuyển từ công khai hình thức sang minh bạch thực chất, có trách nhiệm và có sự tham gia.

4.1.2. Các yếu tố khó khăn, rào cản

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức mang tính dài hạn. Các thách thức này không chỉ xuất phát từ nội bộ của hệ thống chính quyền cơ sở, mà còn do điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội đặc thù của vùng. Việc nhận diện sớm và phân tích đầy đủ những khó khăn này là cơ sở quan trọng để xây dựng giải pháp phù hợp, khả thi trong thời gian tới.

Thứ nhất, hạn chế về nguồn lực kinh tế - xã hội và nhân lực hành chính cơ sở

Dù tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng đã được cải thiện, song chênh lệch phát triển giữa nội bộ các vùng ở ĐBSCL vẫn còn lớn, đặc biệt ở các xã vùng sâu, vùng xa, ven biển, nơi ngân sách eo hẹp và cơ cấu thu phụ thuộc phần lớn vào cấp trên. Các xã này phải dành nguồn lực ưu tiên cho các nhiệm vụ cấp bách như phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm an sinh xã hội. Do đó kinh phí dành cho hoạt động công khai, minh bạch thường chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong dự toán.

Không ít địa phương vẫn thiếu nhân lực có chuyên môn về pháp chế, truyền thông và công nghệ thông tin, khiến công tác công khai còn mang tính hình thức, thiếu tính hệ thống. Cán bộ phụ trách nhiều lĩnh vực cùng lúc (tư pháp, văn phòng, văn hóa), trong khi công việc công khai, giải trình đòi hỏi

chuyên sâu, cập nhật và liên tục. Việc thu hút nhân sự trẻ có trình độ về công nghệ, dữ liệu hoặc truyền thông công vụ về công tác tại cấp xã vẫn gặp khó khăn do chế độ đãi ngộ hạn chế.

Nguồn lực hạn chế kéo theo chất lượng công khai thấp, nội dung nghèo nàn, phương thức lạc hậu. Hoạt động công khai đôi khi chỉ nhằm “đủ thủ tục” chứ chưa phục vụ thực chất nhu cầu thông tin và giám sát của người dân. Điều này khiến minh bạch trở thành hình thức, khó phát huy vai trò là “công cụ quản trị và phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực” ở cấp cơ sở.

Thứ hai, rào cản trong quá trình chuyển đổi số và năng lực số của cả chính quyền lẫn người dân

Chuyển đổi số là hướng đi tất yếu để nâng cao hiệu quả công khai, minh bạch, song chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL hiện đối diện nhiều rào cản kỹ thuật và con người. Hạ tầng viễn thông chưa đồng đều, mạng internet yếu ở nhiều vùng nông thôn, trong khi chi phí đầu tư thiết bị, phần mềm và bảo trì hệ thống còn cao so với khả năng tài chính của xã. Nhiều cán bộ chưa được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng quản lý dữ liệu, bảo mật thông tin hay vận hành các công thông tin điện tử.

Về phía người dân, khoảng cách số (digital divide) thể hiện rõ qua việc nhiều người dân, nhất là người lớn tuổi và đồng bào dân tộc thiểu số, không có điều kiện hoặc kỹ năng sử dụng thiết bị điện tử để tiếp cận thông tin trực tuyến. Họ vẫn phụ thuộc vào loa phát thanh, bảng niêm yết hoặc các cuộc họp dân - trong khi chính quyền lại chuyển dần sang hình thức công khai điện tử. Điều này tạo ra nguy cơ công khai trở thành “một chiều”, chỉ phục vụ nhóm dân cư có điều kiện sống tốt, bỏ quên nhóm yếu thế.

Nếu khoảng cách số không được thu hẹp, chuyển đổi số có thể gia tăng bất bình đẳng thông tin, làm suy giảm hiệu quả của công khai, minh bạch và niềm tin của công chúng. Ngoài ra, việc thiếu chính sách bảo mật dữ liệu và quy trình bảo vệ thông tin cá nhân có thể khiến người dân e ngại khi tương tác

với chính quyền qua môi trường mạng, làm giảm độ tin cậy của các kênh công khai trực tuyến.

Thứ ba, thách thức trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Mô hình chính quyền hai cấp được kỳ vọng giúp tinh gọn bộ máy, song trong giai đoạn đầu thực hiện có thể nảy sinh xung đột về chức năng và thẩm quyền, đặc biệt trong lĩnh vực công khai, minh bạch. Việc rút cấp huyện khỏi chuỗi quản trị làm thay đổi cơ chế phối hợp, giám sát và truyền đạt thông tin, khiến một số xã chưa kịp thích ứng với phương thức làm việc mới. Nếu không được hướng dẫn cụ thể, sẽ dễ xuất hiện tình trạng chồng chéo trách nhiệm, “thừa báo cáo nhưng thiếu thông tin thực chất”.

Bên cạnh đó, khi quyền ra quyết định tập trung nhiều hơn ở cấp xã, yêu cầu về trách nhiệm giải trình và công khai dữ liệu trở nên cao hơn, trong khi năng lực tổ chức và giám sát nội bộ chưa được nâng cấp tương xứng. Nhiều xã vẫn chưa có bộ phận chuyên trách theo dõi, tổng hợp và công bố thông tin, dẫn đến tình trạng thông tin công khai không đầy đủ, không kịp thời, thậm chí không thống nhất với dữ liệu của cấp tỉnh.

Nếu không được điều chỉnh kịp thời, mô hình hai cấp có thể dẫn đến “khoảng trống thể chế” trong công khai, minh bạch: cấp xã chịu trách nhiệm chính nhưng thiếu hướng dẫn và giám sát từ cấp trên, còn cấp tỉnh lại khó bao quát khối lượng dữ liệu lớn từ cơ sở. Điều này có nguy cơ làm giảm hiệu quả kiểm soát quyền lực và tính minh bạch trong quá trình ra quyết định.

Thứ tư, hạn chế về nhận thức và hành vi tham gia của người dân

Mặc dù quyền tiếp cận thông tin và tham gia giám sát đã được luật hóa, nhưng thói quen chính trị - xã hội của người dân vùng ĐBSCL vẫn còn nặng tính “an phận”, “ngại phản biện”, “ngại va chạm”. Nhiều người chưa tin rằng ý kiến của mình có thể ảnh hưởng đến quyết định của chính quyền. Sự e dè này

bắt nguồn từ tâm lý “sợ phiền phức”, “ngại va chạm với chính quyền”, cũng như thiếu kỹ năng trình bày và phản biện.

Bên cạnh đó, người dân vùng nông thôn thường ưu tiên thời gian cho lao động, sản xuất nên ít tham gia vào các cuộc họp dân hay hoạt động tham vấn công khai. Việc sử dụng mạng xã hội để phản hồi thông tin cũng chưa phổ biến do hạn chế kỹ năng số và e ngại bị lộ danh tính. Khi người dân thụ động, công khai, minh bạch trở thành quá trình “đơn phương từ phía chính quyền”, thiếu phản hồi hai chiều và thiếu áp lực xã hội tích cực.

Hạn chế trong nhận thức và hành vi tham gia khiến công khai, minh bạch khó đạt được mục tiêu “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Không có sự tham gia chủ động của nhân dân, minh bạch sẽ thiếu sức sống, dễ rơi vào hình thức và chính quyền thiếu nguồn thông tin phản biện để điều chỉnh chính sách sát thực tiễn.

Từ những khó khăn trên có thể thấy: công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL đang đối diện bốn nhóm thách thức trọng yếu: (1) giới hạn về nguồn lực vật chất và nhân lực, (2) rào cản chuyển đổi số và năng lực công nghệ, (3) vướng mắc thể chế trong mô hình chính quyền hai cấp và (4) hạn chế trong nhận thức và văn hóa tham gia của người dân. Các yếu tố này tác động qua lại, hình thành “vòng xoáy cản trở” giữa năng lực - thể chế - xã hội, làm giảm hiệu quả của minh bạch thực chất.

4.2. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

4.2.1. Gắn công khai, minh bạch với sự lãnh đạo của Đảng, quán triệt quan điểm “Ba công khai” của Tổng Bí thư Tô Lâm

Công khai, minh bạch là một trong những nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và là phương thức thể hiện bản chất Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, Đảng luôn xác định

công khai, minh bạch là phương tiện bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là điều kiện kiểm soát quyền lực nhà nước. Ở cấp xã - cấp chính quyền gần dân nhất - công khai, minh bạch không chỉ là yêu cầu về quản trị, mà còn là tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo và uy tín chính trị của Đảng ở cơ sở, cụ thể:

Tư tưởng về công khai, minh bạch của Đảng ta được hình thành và phát triển trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. C.Mác và V.I.Lênin đều khẳng định rằng, quyền lực của nhân dân chỉ có thể được bảo đảm khi các hoạt động của bộ máy nhà nước được đặt dưới sự giám sát công khai của quần chúng và rằng “ánh sáng là kẻ thù của bóng tối” - một chính quyền dân chủ không thể tồn tại trong sự bí mật, che giấu [37]. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Cán bộ, đảng viên phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; phải quang minh chính đại” [40]. Kế thừa tư tưởng ấy, Đảng Cộng sản Việt Nam trong các kỳ Đại hội, đặc biệt từ Đại hội X đến Đại hội XIII, đã xác định rõ: “Thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ và phục vụ nhân dân trong hoạt động của các cơ quan và công chức nhà nước” [14]. Đây là định hướng chỉ đạo mang tính chiến lược, coi công khai, minh bạch vừa là biện pháp nâng cao hiệu quả quản trị, vừa là công cụ chính trị bảo đảm dân chủ và phòng ngừa tham nhũng.

Tại Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Tổng Bí thư Tô Lâm đã đề nghị quán triệt quan điểm hành động mới của Đảng: “Ba trọng tâm - Ba công khai - Một thước đo.” Trong đó, “Ba công khai” gồm: (1) Công khai tiến độ, (2) Công khai trách nhiệm, (3) Công khai kết quả để xã hội cùng giám sát, cùng đồng hành [73]. Quan điểm này không chỉ kế thừa các nguyên tắc dân chủ cơ sở truyền thống (“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”), mà còn thể chế hóa yêu cầu đổi mới tư duy lãnh đạo chính trị của Đảng trong điều kiện chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng.

Công khai tiến độ thể hiện tính kịp thời và minh bạch trong tổ chức thực hiện chính sách, giúp nhân dân giám sát quá trình thực thi quyền lực. Công khai trách nhiệm là nội dung then chốt của cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước, đòi hỏi xác định rõ “ai chịu trách nhiệm, chịu trách nhiệm đến đâu, trong giai đoạn nào”. Công khai kết quả là biểu hiện của dân chủ thực chất, khi người dân có quyền biết, quyền giám sát và quyền đánh giá hiệu quả các quyết định hành chính.

Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định rằng, “Ba công khai” chính là kim chỉ nam chính trị cho cải cách thể chế và thực thi dân chủ ở cơ sở, hướng tới “một thước đo duy nhất” là mức sống và niềm tin của Nhân dân [73]. Như vậy, có thể thấy, “Ba công khai” là sự phát triển mạnh mẽ trong tư duy lãnh đạo của Đảng về dân chủ và minh bạch hóa quyền lực - từ chỗ coi công khai là yêu cầu đạo đức, tiến tới coi đó là nguyên tắc chính trị - thể chế bắt buộc trong quản trị hiện đại.

Ở cấp xã, vai trò lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định bảo đảm cho công khai, minh bạch đi vào thực chất. Cấp ủy, người đứng đầu Đảng ủy xã chính là chủ thể định hướng, giám sát và chịu trách nhiệm cao nhất về toàn bộ quá trình ra quyết định ở địa phương. Khi Đảng lãnh đạo toàn diện nhưng không bao biện làm thay chính quyền, mà thông qua chủ trương, nghị quyết, kiểm tra, giám sát để định hướng hoạt động của chính quyền xã thì công khai, minh bạch trở thành một phương thức lãnh đạo hiệu quả, hiện đại và dân chủ. Thực tế cho thấy, tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL, những nơi cấp ủy Đảng chú trọng công khai tiến độ, công khai trách nhiệm và công khai kết quả trong quá trình ra quyết định đều đạt được mức độ đồng thuận xã hội cao hơn, hạn chế tiêu cực và củng cố lòng tin của nhân dân. Ngược lại, ở những nơi thiếu minh bạch, quyền lực hành chính bị “cục bộ hóa”, dân chủ cơ sở dễ bị hình thức hóa, dẫn đến khoảng cách niềm tin giữa dân và chính quyền.

Do đó, gắn công khai, minh bạch với vai trò lãnh đạo của Đảng không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà là tất yếu chính trị để giữ vững bản chất dân chủ của chế độ, đồng thời tăng cường tính chính danh, uy tín và sự đồng thuận của nhân dân đối với hệ thống chính trị.

Với đặc điểm văn hóa cộng đồng đậm nét, quan hệ “tình - lý” còn chi phối mạnh mẽ đời sống xã hội, việc triển khai công khai, minh bạch ở cấp xã vùng ĐBSCL cần đặc biệt dựa trên sự lãnh đạo thống nhất và gương mẫu của Đảng. Quan điểm “Ba công khai” giúp chính quyền cơ sở chuyển đổi từ công khai hình thức sang minh bạch thực chất, từ dân chủ biểu kiến sang dân chủ thực chất, thông qua ba cơ chế: (1) công khai bằng dữ liệu và nền tảng số; (2) công khai gắn với chế độ giải trình; (3) công khai gắn với đánh giá niềm tin và mức sống của dân. Đây là định hướng phù hợp với yêu cầu xây dựng chính quyền hai cấp từ năm 2025, khi xã trở thành “mắt xích cuối cùng” của chuỗi thực thi chính sách công. Cấp xã không chỉ là nơi hành chính, mà còn là nơi kiểm chứng trực tiếp mức độ thành công của công khai, minh bạch trong lãnh đạo, quản lý và phục vụ nhân dân.

Như vậy, công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL phải được thực hiện dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và hiện nay quan điểm “Ba công khai” của Tổng Bí thư Tô Lâm đã trở thành chỉ dẫn chính trị mới, mang tính hành động, nhằm chuyển hóa nguyên tắc dân chủ thành cơ chế thể chế hóa cụ thể, thiết thực. Đây không chỉ là phương tiện kiểm soát quyền lực mà còn là con đường để Đảng củng cố lòng tin của nhân dân, nâng cao tính chính danh của chính quyền cơ sở, hướng tới mục tiêu Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vì nhân dân phục vụ.

4.2.2. Gắn công khai, minh bạch với phương thức đổi mới quan hệ Nhà nước - Nhân dân

Nhân dân là lực lượng quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Việt Nam và điều này đã được thể hiện qua chiều dài lịch sử của dân tộc ta. Sinh

thời, chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải lấy “dân làm gốc”, “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân” [42, tr.453]; “trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân” [42, tr.453]. Vì thế, trách nhiệm của nhà nước, cán bộ, đảng viên luôn vì lợi ích của nhân dân để phục vụ với tinh thần “nước là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... *Nói tóm lại: mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân*” [41, tr.232]. Theo đó, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng luôn quán triệt: “trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “*dân là gốc*”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” [10]. Như vậy, “nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa” [14, tr.27-28].

Xuất phát từ vai trò “dân là gốc”, “dân là trung tâm”, chính quyền cấp xã là cơ quan nhà nước thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Cho nên, mọi hoạt động của chính quyền cấp xã là thực thi quyền lực công cộng có mục đích phục vụ lợi ích chung cho cộng đồng dân cư. Theo đó, việc thúc đẩy dân chủ cơ sở là trách nhiệm của chính quyền cấp xã, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Biện pháp thúc đẩy dân chủ cơ sở hiệu quả là phải đảm bảo tính công khai, minh bạch quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã. Khi hoạt động của chính quyền cấp xã được công khai, minh bạch, người dân sẽ có đầy đủ thông tin cần thiết mỗi khi cần có việc giải quyết tại cơ quan công quyền. Thực tế cho thấy,

những quy định của pháp luật về lĩnh vực mà dân quan tâm, chức năng, thẩm quyền, cơ quan giải quyết, thời gian, thủ tục giải quyết công việc tại cơ quan ở địa phương. Những quy định pháp luật đảm bảo công khai, minh bạch là chất liệu để người dân có thể so sánh, đối chiếu với việc thực thi nhiệm vụ, chức trách trên thực tế của cán bộ, công chức đối với những quy định và đưa ra những phán xét của cá nhân.

Có thể nói, để đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và phát huy tinh thần “dân là gốc”, “dân là trung tâm”, chính quyền cấp xã với tư cách là cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ đảm bảo quyền và lợi ích của người dân. Vì thế, thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã phải gắn với phương thức thay đổi mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân. Nếu trước đây, chính quyền cấp xã thường chỉ cung cấp thông tin một chiều, khó tiếp cận thì trong tình hình mới hiện nay, chính quyền cấp xã phải chuyển sang nền hành chính phục vụ, người dân được cung cấp thông tin, được quyền yêu cầu cung cấp thông tin, hiểu rõ thông tin, tham gia quá trình xây dựng và giám sát thông tin. Việc thay đổi phương thức về quan hệ giữa nhà nước và người dân là biểu hiện của một nền hành chính hiện đại, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân. Như vậy, thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã gắn với phương thức đổi mới quan hệ giữa Nhà nước và người dân có ý nghĩa quan trọng đối với tăng cường vai trò của người dân vào kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của chính quyền cấp xã, góp phần xây dựng chính quyền địa phương liêm chính hơn, củng cố uy tín và niềm tin của nhân dân đối với chính quyền.

4.2.3. Gắn công khai, minh bạch với bảo đảm quản trị địa phương tốt

Chính quyền địa phương gắn với quản trị địa phương đã trở thành mối quan tâm của Đảng và Nhà nước. Vì thế, quản trị địa phương được hiểu là sự

tham gia, hướng tới sự đồng thuận, trách nhiệm giải trình, minh bạch, tạo sự công bằng và quan tâm đến tất cả các đối tượng trong xã hội. Có thể nói, quản trị địa phương luôn hướng đến bảo đảm cuộc sống và tự do của người dân, tạo môi trường cho sự tham gia một cách dân chủ, đối thoại công dân, sự phát triển bền vững về kinh tế và môi trường. Đồng thời, là cơ sở để xây dựng một nền quản trị địa phương phản ứng nhanh nhạy trước những đòi hỏi của người dân, hoạt động tốt hơn với chi phí ít hơn và chịu trách nhiệm giải trình một cách hiệu quả trước người dân

Theo UNDP, quản trị ở cấp địa phương có những vai trò rất quan trọng, như:

1) Địa phương chủ động trong xây dựng năng lực địa phương để dự đoán và ứng phó với những thách thức phát triển mới nổi như di cư, đô thị hóa và suy thoái môi trường. 2) Khuyến khích sự tham gia tích cực của các tổ chức xã hội, khu vực tư nhân và công chúng trong quá trình ra quyết định ở địa phương và kiến nghị với trung ương. 3) Cho phép địa phương lập kế hoạch và giám sát dựa trên dữ liệu và bằng chứng một cách hiệu quả, sáng tạo ở cấp địa phương. 4) Giúp chính quyền trung ương xây dựng chiến lược, kế hoạch phân cấp quyền lực cho chính quyền địa phương [17].

Có thể nói, quản trị địa phương có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã. Vì thế, quản trị địa phương theo hướng chuyển dần từ “quản lý” sang “quản trị”. Nhìn chung, quản trị địa phương theo hướng hiện đại, hiệu quả gắn liền với các nguyên tắc về quản trị tốt trong Nhà nước pháp quyền cùng với các yếu tố quan trọng là công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, nền quản trị tốt luôn lấy dân làm trung tâm. Cơ sở để hình thành một nền quản trị tốt là minh bạch, công bằng, hiệu quả... Vì thế, việc công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết

định của chính quyền cấp xã là một trong những cơ sở để tạo ra một nền quản trị địa phương tốt. Cho nên, Đảng Cộng sản Việt Nam yêu cầu: “bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi tầng lớp nhân dân (trong đó nhấn mạnh ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số)” [14, tr.272]. Mặc dù vậy, phát hiện của nghiên cứu cho thấy, việc công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã còn nhiều bất cập. Trước hết, vẫn còn tình trạng một số xã chưa thực sự công khai, minh bạch các quyết định, chính sách liên quan đến người dân. Việc cung cấp thông tin về ngân sách, các dự án đầu tư công vẫn chưa đầy đủ, kịp thời, cho nên tiếp cận thông tin của người dân về ngân sách xã còn khá hạn chế. Không ít địa phương vẫn áp dụng lối làm việc hành chính mệnh lệnh, thiếu tính công khai, dân chủ. Ngoài ra, nhiều nơi vẫn còn tình trạng đưa ra quyết định quan trọng mà chưa lấy ý kiến đầy đủ của các tổ chức đoàn thể, chuyên gia và người dân. Việc tham vấn, lấy ý kiến các bên liên quan vẫn mang tính hình thức. Số liệu báo cáo thiếu trung thực, thiếu độ tin cậy vẫn là vấn nạn. Hình thức công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định chưa hiệu quả. Người dân tiếp cận thông tin thông qua các kênh hiện đại chiếm tỷ lệ chưa cao. Rõ ràng, việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL chưa hiệu quả đã trở thành cản trở đối với xây dựng một nền quản trị địa phương tốt.

Do đó, việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL gắn với đảm bảo quản trị địa phương tốt đã trở thành một trong những yêu cầu quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Điều này không chỉ chính quyền cấp xã thực hiện có hiệu quả những quyền hạn, nhiệm vụ, dịch vụ cần cung cấp, mà còn tạo ra nền quản trị địa phương hướng tới bảo đảm cuộc sống và tự do của cư dân địa phương, khoảng không gian dân chủ để người dân tham gia vào việc công, đối thoại với chính quyền, sự phát triển bền vững của địa phương, chất lượng cuộc sống của cư dân.

4.2.4. Gắn công khai, minh bạch với điều kiện bảo đảm vật chất - kỹ thuật và thể chế thực thi

Cho đến nay, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều quy định pháp luật để phát huy dân chủ cơ sở, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Sở dĩ là vì, dân chủ là bản chất, đặc trưng của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, là “chiếc chìa khóa vàng” để phát huy sự sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân. Theo đó, việc đảm bảo quyền của người dân “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và thụ hưởng” là yêu cầu đặc ra đối với xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian tới. ĐBSCL được xác định là vùng kinh tế - xã hội có địa chính trị quan trọng của cả nước, các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách để chống phá khối đại đoàn kết dân tộc ở vùng đất này. Do đó, thực hiện tốt phát huy dân chủ cơ sở ở vùng đất Tây Nam bộ cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng được đặt ra trong tình hình mới hiện nay. Vùng ĐBSCL đã và đang chuyển đổi nhanh, chịu sự tác động mạnh mẽ của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa, cho nên nhận thức của nhân dân ở vùng đất chín rồng này ngày càng cao, nhu cầu thông tin về hoạt động của chính quyền địa phương cũng ngày càng đa dạng và phong phú. Vì thế, chính quyền cấp xã cần phải công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết để người dân biết rõ thông tin này. Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị quan trọng này thì đòi hỏi phải có điều kiện để đảm bảo. Theo đó, Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nhấn mạnh: “Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực...” [6]. Đồng thời, “xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp” [6]. Rõ ràng, xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và

phát triển mạnh chính quyền cấp xã điện tử là một trong những điều kiện được đảm bảo để thực hiện phát huy dân chủ cơ sở.

Xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn trên, trong thời gian tới, thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL cần phải gắn với hoàn thiện điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, điều kiện chính trị và pháp lý. Có nghĩa là, việc thực hiện công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã cần phải có đầy đủ cơ sở vật chất, đẩy mạnh chuyển đổi số hoạt động chính quyền cấp xã, rà soát và điều chỉnh lại những quy định pháp lý về công khai, minh bạch chưa phù hợp. Có như vậy, việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã sẽ đạt được kết quả tốt hơn trong thời gian.

4.3. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG THỜI GIAN TỚI

4.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng theo quan điểm “Ba công khai” của Tổng Bí thư Tô Lâm, củng cố văn hóa liêm chính - minh bạch trong đội ngũ cán bộ, bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ chế giám sát định kỳ

Rõ ràng điều kiện bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã chính là bộ đỡ thể chế giúp toàn bộ hệ thống vận hành bền vững. Ở cấp xã vùng ĐBSCL, bộ đỡ ấy gồm bốn cấu phần đan xen: cơ sở chính trị - pháp lý, nguồn lực tài chính - nhân lực, văn hóa công vụ và cơ chế kiểm tra - giám sát - đánh giá.

Mục tiêu là tạo sự ổn định thể chế để công khai, minh bạch trở thành quy phạm hành vi chứ không chỉ là yêu cầu thủ tục; đồng thời bảo đảm khả năng tự điều chỉnh của hệ thống khi bối cảnh, công nghệ và nhu cầu xã hội thay đổi, cụ thể:

Một là, hoàn thiện cơ sở chính trị - pháp lý: từ nguyên tắc đến quy trình khả thi

Trong mọi mô hình quản trị hiện đại, công khai, minh bạch không thể chỉ dừng lại ở những tuyên bố mang tính đạo lý hay định hướng chính trị chung, mà cần được thể chế hóa thành các quy tắc hành vi, quy trình cụ thể và cơ chế ràng buộc trách nhiệm đối với từng chủ thể trong bộ máy quyền lực. Đối với chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL - nơi trực tiếp thực thi các quyết định tác động đến đời sống của người dân nên việc hoàn thiện cơ sở chính trị - pháp lý cho công khai, minh bạch có ý nghĩa như việc “đặt nền móng” cho toàn bộ hệ thống giải pháp còn lại.

Trên bình diện chính trị, quan điểm “Ba công khai” mà Tổng Bí thư Tô Lâm nhiều lần nhấn mạnh (công khai chủ trương, công khai tổ chức thực hiện và công khai kết quả kiểm tra, giám sát) không chỉ là một phương châm lãnh đạo, mà đang dần hình thành như một chuẩn mực đạo đức - chính trị mới đối với đội ngũ cán bộ trong điều kiện xây dựng Đảng và Nhà nước liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân. Việc đưa tinh thần này vào trong nội dung cụ thể của cơ chế công khai ở cấp xã sẽ góp phần củng cố văn hóa liêm chính, chống lại xu hướng “công khai hình thức” và thúc đẩy một mô hình minh bạch thực chất, gắn với trách nhiệm chính trị của người đứng đầu.

Trên bình diện pháp lý, Luật Tổ chức chính quyền địa phương (năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (năm 2022) đã đã tạo ra khung pháp lý quan trọng cho việc bảo đảm quyền được biết, quyền tham gia và quyền giám sát của Nhân dân ở cấp xã. Tuy nhiên, các quy định này vẫn mang tính khung, cần được cụ thể hóa và “nội luật hóa” xuống các văn bản quy phạm pháp luật và quy định nội bộ ở cấp tỉnh và cấp xã để có thể đi vào đời sống quản trị hằng ngày. Đây chính là khoảng trống mà giải pháp hoàn thiện cơ sở chính trị - pháp lý hướng tới khắc phục.

Một nội dung trọng tâm là chuẩn hóa “*bộ đầu mục công khai*” ở cấp xã. Thực tiễn nghiên cứu của luận án cho thấy, nguyên nhân phổ biến của tình trạng công khai tùy tiện hoặc không đầy đủ không chỉ do thiếu nguồn lực, mà chủ yếu là do thiếu một danh mục bắt buộc và thống nhất về nội dung phải công khai. Vì vậy, cần xây dựng một bộ đầu mục bắt buộc áp dụng cho cấp xã, bao gồm: (1) ngân sách và quyết toán ngân sách; (2) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và phương án bồi thường; (3) danh mục đầu tư công và tiến độ thực hiện; (4) chính sách an sinh xã hội; (5) thủ tục hành chính; (6) công tác cán bộ liên quan trực tiếp đến cộng đồng dân cư. Mỗi đầu mục cần được gắn với: mốc thời gian công bố, thời hạn lưu trữ (đặc biệt là lưu trữ số), cá nhân hoặc bộ phận chịu trách nhiệm và kênh công khai cụ thể (bảng tin truyền thống, cổng thông tin điện tử, họp dân, hệ thống loa truyền thanh thông minh...). Việc chuẩn hóa này không chỉ giúp cán bộ “biết phải công khai những gì”, mà còn giúp người dân “biết mình có quyền được biết điều gì”.

Ngoài ra, cần nội luật hóa quy trình giải trình sau công bố như một phần bắt buộc của hoạt động công khai. Trên thực tế, nhiều xã chỉ dừng lại ở giai đoạn “niệm yết xong là xong”, mà chưa có cơ chế tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin từ người dân. Do đó, mỗi nội dung công khai phải kèm theo một “cửa sổ phản hồi” rõ ràng, trong đó quy định cụ thể các bước: tiếp nhận - phân loại - xử lý - trả lời - lưu vết. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh xây dựng chính quyền số, bởi dấu vết điện tử sẽ là căn cứ kiểm tra, đánh giá và giám sát sau này, bảo đảm nguyên tắc “không chỉ công khai, mà phải giải trình được”.

Bên cạnh cơ chế bắt buộc, cần đồng thời thiết lập cơ chế chế tài và khuyến khích song song. Việc quy định rõ trách nhiệm và hình thức xử lý đối với các hành vi công khai chậm trễ, không đầy đủ hoặc sai lệch là điều kiện quan trọng để tăng tính ràng buộc. Tuy nhiên, nếu chỉ có “kỷ luật” mà thiếu “động lực tích cực”, thì việc thực hiện dễ rơi vào tâm lý e dè, đối phó. Vì vậy,

bên cạnh chế tài, cần xây dựng cơ chế khen thưởng và xếp hạng minh bạch đối với những xã thực hiện tốt, gắn với chỉ số cải cách hành chính, thi đua - khen thưởng, thậm chí là tiêu chí xét danh hiệu, nâng cao uy tín chính trị của tập thể và cá nhân người đứng đầu. Khi đó, minh bạch không còn là gánh nặng, mà trở thành một “giá trị cạnh tranh lành mạnh” trong quản trị cơ sở.

Cuối cùng, để bảo đảm tính bền vững của giải pháp, việc thực hiện công khai, minh bạch cần được lồng ghép một cách chính thức vào hệ thống báo cáo và đánh giá hằng năm về cải cách hành chính, xây dựng chính quyền và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đây không chỉ là một tiêu chí bổ sung, mà phải được xác định là tiêu chí bắt buộc khi thẩm định kết quả quản trị của chính quyền cấp xã. Việc lồng ghép này sẽ tạo ra sự thống nhất giữa “nói” và “kiểm tra”, giữa “quy định” và “đánh giá”, bảo đảm rằng công khai, minh bạch không bị đẩy ra ngoài lề của hệ thống đánh giá chính sách.

Hai là, bảo đảm nguồn lực tài chính và nhân lực: phân bổ đủ, dùng đúng, giám sát chặt chẽ

Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã không chỉ là một yêu cầu về mặt nguyên tắc, mà còn là một hoạt động quản trị cụ thể, đòi hỏi sự đầu tư thường xuyên và bài bản về nguồn lực tài chính, nhân lực và công nghệ. Nếu thiếu các điều kiện bảo đảm này, công khai minh bạch rất dễ rơi vào tình trạng “đầu tư hình thức”, mang tính phong trào hoặc chỉ được thực hiện theo từng đợt khi có kiểm tra, đánh giá từ cấp trên. Thực tiễn tại nhiều địa phương ở ĐBSCL cho thấy, không ít xã đã từng triển khai trang thông tin điện tử, bảng niêm yết thông minh hoặc tổ chức lấy ý kiến trực tuyến nhưng sau một thời gian ngắn lại ngừng hoạt động hoặc cập nhật cầm chừng do thiếu kinh phí duy trì và thiếu cán bộ đủ năng lực vận hành. Vì vậy, bảo đảm nguồn lực cho công khai, minh bạch cần được coi là một trụ cột quan trọng và lâu dài trong chính sách quản trị cơ sở.

Trước hết, cần thiết lập một mức chi tối thiểu (trần ngân sách) dành cho công khai, minh bạch và chuyển đổi số ở cấp xã. Việc quy định tỷ lệ chi tối thiểu (chẳng hạn từ 1-2% chi thường xuyên hằng năm của ngân sách cấp xã) không chỉ có ý nghĩa tài chính, mà còn mang giá trị chính trị, cam kết thể chế đối với mục tiêu minh bạch hóa quản trị. Khoản ngân sách này cần được ưu tiên phân bổ cho các xã vùng sâu, vùng xa, vùng chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu - nơi mà khả năng tự huy động nguồn lực còn hạn chế nhưng lại có nhu cầu minh bạch rất cao trong các vấn đề liên quan đến đất đai, hỗ trợ người dân, tái định cư và an sinh xã hội.

Cụ thể, nguồn kinh phí này có thể được sử dụng cho các nội dung thiết yếu như: đầu tư hạ tầng số (máy tính, máy in, thiết bị kết nối mạng, hệ thống lưu trữ dữ liệu); xây dựng và duy trì cổng thông tin điện tử cấp xã; cải tiến bảng niêm yết thông tin theo hướng thân thiện, dễ đọc; tổ chức các hoạt động đối thoại, tham vấn cộng đồng; biên soạn tài liệu hướng dẫn người dân tiếp cận thông tin và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phụ trách công khai, minh bạch. Việc xác định rõ danh mục chi tiêu này giúp tránh tình trạng sử dụng kinh phí tùy tiện, không đúng mục tiêu hoặc phân tán, kém hiệu quả.

Thứ hai, cần liên thông và lồng ghép các nguồn lực từ nhiều chương trình, đề án đang triển khai ở địa phương. Hiện nay, các xã ở ĐBSCL đang đồng thời thụ hưởng nhiều chương trình trọng điểm như Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030, các chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu... Thay vì phân tán nguồn lực cho những mục tiêu biệt lập, cần thiết kế cơ chế lồng ghép, trong đó công khai, minh bạch được xem là tiêu chí xuyên suốt và bắt buộc của các chương trình này. Đồng thời, có thể khuyến khích hình thức đối tác công - tư hoặc xã hội hóa ở quy mô phù hợp đối với các hạng mục như xây dựng hạ tầng số, phát triển phần mềm quản lý thông tin, công cụ truyền thông công khai tại địa phương.

Thứ ba, nguồn lực con người đóng vai trò quyết định chất lượng của công khai, minh bạch. Do đó, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cấp xã cần được thực hiện một cách có hệ thống và dài hạn. Thay vì bồi dưỡng chung chung, các chương trình đào tạo cần tập trung đúng vào những năng lực thiết yếu như: quản trị dữ liệu công khai; kỹ năng biên soạn và tóm lược thông tin ngân sách, quy hoạch, đầu tư công bằng ngôn ngữ dễ hiểu; kỹ năng công bố thông tin trên nền tảng số; kiến thức về an toàn, bảo mật dữ liệu và đặc biệt là kỹ năng giải trình, đối thoại, tiếp nhận - xử lý phản hồi của người dân.

Các nhóm cán bộ cần ưu tiên bồi dưỡng gồm: cán bộ tài chính - kế toán xã; cán bộ địa chính - xây dựng; cán bộ văn phòng - tư pháp; cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và người đứng đầu UBND cấp xã. Việc đầu tư cho các nhóm nhân sự trực tiếp xử lý thông tin không chỉ nâng cao hiệu quả công việc, mà còn từng bước xây dựng một “văn hóa minh bạch” ngay trong đội ngũ cán bộ cơ sở - nơi mà thái độ, hành vi của cán bộ có tác động rất lớn đến niềm tin của người dân.

Thứ tư, để tránh tình trạng “có chi nhưng không hiệu quả”, cần gắn chặt việc phân bổ ngân sách với kết quả thực hiện công khai, minh bạch. Theo đó, những xã thực hiện tốt các tiêu chí như: công khai đúng hạn; thông tin đầy đủ, cập nhật; phản hồi kiến nghị nhanh; tỷ lệ khiếu nại, tố cáo liên quan đến thiếu minh bạch giảm; mức độ hài lòng của người dân tăng... sẽ được ưu tiên bố trí ngân sách trong năm tiếp theo hoặc được xem xét hỗ trợ thêm cho các hoạt động nâng cao năng lực. Ngược lại, những xã để xảy ra tình trạng công khai hình thức, chậm trễ hoặc sử dụng kinh phí không đúng mục tiêu cần được kiểm điểm trách nhiệm cá nhân, đồng thời điều chỉnh cơ chế phân bổ nguồn lực theo hướng ràng buộc chặt chẽ hơn.

Cơ chế “ngân sách gắn với kết quả” không chỉ tạo động lực tích cực cho cán bộ cơ sở, mà còn góp phần hình thành một vòng phản hồi chính sách, trong

đó minh bạch không chỉ là mục tiêu, mà trở thành tiêu chí đánh giá năng lực quản trị của chính quyền cấp xã.

Ba là, xây dựng văn hóa công vụ và đạo đức minh bạch: từ “mệnh lệnh” đến “tự giác”

Nếu thể chế và nguồn lực là “khung xương” của minh bạch, thì văn hóa công vụ chính là “hệ giá trị mềm” làm nên sức sống bền vững của công khai, minh bạch trong quản trị địa phương. Thực tiễn ở cấp xã vùng ĐBSCL cho thấy, nhiều hạn chế của công khai không xuất phát từ thiếu quy định, mà từ thái độ, hành vi và chuẩn mực ứng xử của chính đội ngũ cán bộ cơ sở. Khi minh bạch vẫn bị nhìn như yêu cầu mang tính cưỡng chế từ bên ngoài, nó dễ bị thực hiện một cách đối phó, hình thức. Ngược lại, khi minh bạch trở thành chuẩn mực nội tại, gắn với danh dự, uy tín và đạo đức nghề nghiệp thì chính cán bộ sẽ là chủ thể chủ động kiến tạo và duy trì minh bạch, bất kể có hay không sự giám sát thường xuyên của cấp trên.

Ở cấp xã vùng ĐBSCL - nơi đặc điểm văn hóa cộng đồng, quan hệ “tình - lý”, sự gần gũi xã hội và tính quen biết đan xen rất mạnh nên yêu cầu xây dựng văn hóa công vụ càng trở nên cấp thiết. Nếu không có một “bộ lọc giá trị” rõ ràng, cán bộ rất dễ rơi vào trạng thái nể nang, né tránh sự thật hoặc “linh hoạt quá mức” trong thực thi công vụ. Do đó, cần chuẩn hóa một hệ giá trị văn hóa công vụ ở cấp xã, lấy liêm chính - công khai - phục vụ - tôn trọng Nhân dân làm trục xuyên suốt. Hệ giá trị này không chỉ dừng ở khẩu hiệu, mà phải được thể hiện cụ thể trong quy tắc ứng xử, chuẩn mực giao tiếp, tác phong làm việc và các nghi thức hành chính thường nhật, như: cách tiếp dân, thái độ khi giải quyết kiến nghị, tinh thần trách nhiệm trong các buổi đối thoại công khai hay các hoạt động như “ngày chính quyền lắng nghe Nhân dân”.

Khi các biểu hiện văn hóa ấy trở thành thông lệ và được duy trì thường xuyên, chúng sẽ tạo ra một “không gian đạo đức” trong hoạt động công vụ, từ đó làm thay đổi nhận thức của cán bộ: từ chỗ coi công khai là “nghĩa vụ phải

làm” sang coi đó là “việc nên làm và muốn làm”. Đây chính là sự chuyển hóa quan trọng từ cơ chế mệnh lệnh sang cơ chế tự giác - nền tảng sâu xa của minh bạch bền vững.

Để hiện thực hóa điều này, cần đưa tiêu chí công khai - minh bạch - liêm chính vào hệ thống đánh giá cán bộ cấp xã một cách thực chất, thay vì chỉ dừng lại ở các tiêu chí chung chung về hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả thực hiện công khai các nội dung thuộc trách nhiệm cá nhân và tập thể cần trở thành tiêu chí “cứng” trong xếp loại, bình xét thi đua, đánh giá tín nhiệm, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ. Ở chiều ngược lại, những trường hợp cố tình che giấu thông tin, công khai dối phò hoặc vi phạm nguyên tắc liêm chính phải bị trừ điểm tín nhiệm và không được xem xét ở những vị trí lãnh đạo, quản lý cao hơn. Khi danh dự, con đường thăng tiến nghề nghiệp gắn trực tiếp với mức độ minh bạch, cán bộ sẽ có động lực mạnh mẽ để thay đổi hành vi theo hướng tích cực.

Song song với đó cần phát động rộng rãi phong trào “Cán bộ cấp xã liêm chính, gần dân, phục vụ dân” gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây không chỉ là phong trào thi đua thông thường, mà là quá trình xây dựng hình mẫu cán bộ mới ở cơ sở: biết lắng nghe, dám công khai, sẵn sàng giải trình và luôn hành động vì lợi ích của người dân. Những mô hình tốt như “xã minh bạch - thân thiện”, “chính quyền gần dân”, “tường minh ngân sách thôn, ấp”, “bản đồ đất đai số cho dân xem” cần được kịp thời biểu dương, nhân rộng như những thực hành điển hình của văn hóa minh bạch. Cách làm này góp phần chuyển minh bạch từ khái niệm pháp lý sang hình ảnh cụ thể, có sức lan tỏa xã hội.

Đặc biệt, trong bối cảnh số hóa quản trị ngày càng sâu rộng, cán bộ cấp xã cũng cần được bồi dưỡng về đạo đức số và văn minh số trong hoạt động công khai. Minh bạch không đồng nghĩa với tùy tiện công bố mọi thông tin. Trái lại, cần bảo đảm sự tôn trọng dữ liệu cá nhân, bảo vệ đời sống riêng tư, tuân thủ quy định về an toàn thông tin và tránh việc công bố thông tin có thể

gây tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Việc xây dựng ý thức đạo đức số giúp cán bộ thực hiện minh bạch một cách nhân văn, đúng mực và có trách nhiệm.

Tóm lại, xây dựng văn hóa công vụ và đạo đức minh bạch chính là quá trình “chuyển hóa bên trong” của bộ máy chính quyền cấp xã. Khi cán bộ hành động vì danh dự nghề nghiệp, vì uy tín trước Nhân dân và vì chuẩn mực đạo đức công vụ, thì minh bạch không còn là gánh nặng, mà trở thành phẩm chất tự nhiên của nền hành chính cơ sở.

Bốn là, cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ: khép kín vòng tròn “công khai - phản hồi - điều chỉnh”

Một thực tế phổ biến trong quản trị công là: không có giám sát thì không có minh bạch bền vững. Công khai có thể được thực hiện một lần, một năm, hoặc khi có yêu cầu, nhưng nếu thiếu cơ chế kiểm tra, đánh giá định kỳ, thì những hoạt động đó rất dễ rơi vào hình thức, thiếu tính liên tục và không tạo được áp lực cải thiện chất lượng. Vì vậy, bên cạnh thể chế, nguồn lực và văn hóa công vụ, việc xây dựng một cơ chế giám sát - đánh giá khép kín, đa tầng và có tính công khai cao là giải pháp không thể thiếu để bảo đảm công khai, minh bạch đi vào thực chất.

Trước hết, cần hình thành cấu trúc giám sát hai tầng: tầng trên (cấp tỉnh) và tầng dưới (cấp xã và cộng đồng). Ở tầng thứ nhất, các cơ quan thanh tra, kiểm tra của tỉnh cần đưa nội dung công khai, minh bạch vào chương trình kiểm tra định kỳ và đột xuất, đặc biệt tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực như đất đai, đầu tư công, quản lý ngân sách, chính sách an sinh xã hội. Quan trọng hơn, kết quả kiểm tra không chỉ dừng ở kết luận nội bộ, mà cần được công bố trên cổng thông tin điện tử để người dân biết, theo dõi và tạo ra áp lực cải thiện thực chất đối với chính quyền cấp xã. Ở tầng thứ hai, chính quyền cấp xã phải thực hiện tự đánh giá định kỳ (hàng quý hoặc 6 tháng) về mức độ công khai của mình, thông qua các chỉ báo cụ thể như: số nội dung

phải công khai, số nội dung đã công khai đúng hạn, số kiến nghị do thiếu thông tin, tỷ lệ phản hồi đúng thời gian quy định... Những báo cáo này không chỉ gửi lên cấp trên mà còn phải được công khai tại địa phương, để chính người dân - đối tượng thụ hưởng trực tiếp tham gia giám sát kết quả.

Song hành với chính quyền, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở là hết sức quan trọng. Đây là các chủ thể gần dân, có uy tín và có khả năng phản biện độc lập. Việc tổ chức các diễn đàn giám sát xã hội, tối thiểu 1-2 lần mỗi năm, nơi người dân trực tiếp đặt câu hỏi với chính quyền về các vấn đề công khai, minh bạch, không chỉ tăng cường trách nhiệm giải trình, mà còn củng cố niềm tin chính trị ngay từ cơ sở.

Bên cạnh đó, cần chuẩn hóa thước đo đánh giá minh bạch hành chính ở cấp xã, thông qua việc lồng ghép các chỉ số về công khai, minh bạch vào hệ thống đánh giá cải cách hành chính, đồng thời tham chiếu các câu phần liên quan của PAPI (minh bạch, trách nhiệm giải trình), PAR Index và các bộ chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị công khác. Việc lượng hóa minh bạch thành các chỉ số cụ thể cho phép theo dõi tiến bộ theo thời gian, so sánh giữa các địa phương, từ đó tạo ra động lực cạnh tranh lành mạnh trong hệ thống chính quyền cơ sở.

Cuối cùng, cơ chế khen thưởng - kỷ luật gắn với kết quả minh bạch cần được thực hiện một cách nghiêm túc, công khai và minh bạch. Những xã đứng đầu về minh bạch cần được biểu dương, ưu tiên nguồn lực và coi là mô hình điểm để nhân rộng. Ngược lại, những xã liên tục xếp hạng thấp phải tổ chức kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu, xem xét điều chỉnh tổ chức, nhân sự nếu cần thiết. Khi “bảng xếp hạng minh bạch” trở thành một công cụ quản trị công khai trước xã hội, chính nó sẽ tạo ra sức ép cải thiện mạnh mẽ hơn bất kỳ chỉ thị hành chính nào.

Tóm lại, cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ chính là “bộ não phản hồi” của hệ thống minh bạch. Khi vòng tròn công khai - phản hồi - điều

chính được khép kín và vận hành thường xuyên, minh bạch sẽ không còn là điểm nhấn ngắn hạn, mà trở thành một chu trình học tập và hoàn thiện liên tục của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL.

4.3.2. Hoàn thiện khung pháp lý, chuẩn hóa quy trình công khai, gắn với trách nhiệm giải trình và chế tài xử lý

Công khai, minh bạch là một trong những nguyên tắc nền tảng của quản trị nhà nước hiện đại, thể hiện trực tiếp bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ở cấp cơ sở - nơi chính quyền tiếp xúc trực tiếp và thường xuyên nhất với Nhân dân vì thế công khai, minh bạch không chỉ là một yêu cầu mang tính pháp lý, mà còn là chuẩn mực chính trị - hành chính, phản ánh mức độ dân chủ hóa trong quản trị và năng lực điều hành của bộ máy chính quyền địa phương. Mức độ công khai, minh bạch vì vậy trở thành một tiêu chí quan trọng để đánh giá sự trong sạch, vững mạnh và mức độ “của dân, do dân, vì dân” của chính quyền cấp xã.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực tiễn tại các địa phương thuộc vùng ĐBSCL cho thấy, mặc dù hệ thống pháp luật về công khai, minh bạch đã có bước tiến đáng kể trong những năm gần đây, song hoạt động công khai ở cấp xã vẫn còn phân tán, thiếu chuẩn hóa, mang nặng tính hình thức và chưa gắn chặt với cơ chế trách nhiệm giải trình cá nhân, tập thể. Điều này dẫn tới hiện tượng “công khai trên danh nghĩa” nhưng chưa bảo đảm “minh bạch trong thực tế”, làm suy giảm hiệu lực quản trị, hạn chế năng lực giám sát và làm giảm niềm tin của Nhân dân vào chính quyền cơ sở.

Vì vậy, luận án xác định nhóm giải pháp hoàn thiện khung thể chế và chuẩn hóa quy trình công khai chính là nền tảng cốt lõi, có ý nghĩa định hướng và chi phối hiệu quả của các nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy, nguồn lực con người và chuyển đổi số trong quản trị công sau này. Nhóm giải pháp này được triển khai theo ba nội dung trọng tâm sau:

Một là, rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về công khai, minh bạch ở cấp xã theo hướng cụ thể, khả thi và có thể kiểm chứng

Về phương diện pháp lý, trách nhiệm công khai trong hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã đã được quy định khá rõ trong nhiều đạo luật quan trọng.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm “thực hiện công khai trong hoạt động quản lý nhà nước, bảo đảm dân chủ, minh bạch và chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương” (Điều 33, khoản 3). Đây không chỉ là một quy định hành chính thuần túy mà còn là sự khẳng định về trách nhiệm chính trị và trách nhiệm pháp lý của chính quyền cơ sở trước cộng đồng dân cư của mình.

Song song đó, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 đã xác định rõ các nhóm thông tin mà cơ quan nhà nước có nghĩa vụ công khai rộng rãi, bao gồm những lĩnh vực cốt lõi như: ngân sách nhà nước, quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất, đầu tư công, chính sách an sinh xã hội, thủ tục hành chính, quản lý cán bộ, công chức... (Điều 10, Điều 17). Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 tiếp tục nâng tầm yêu cầu công khai bằng việc quy định: “Chính quyền cấp xã có trách nhiệm công khai đầy đủ, kịp thời, minh bạch các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, ngân sách, dự án và các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của Nhân dân” (Điều 5, khoản 1). Quy định này thể hiện rõ sự chuyển biến từ “khuyến khích” sang “bắt buộc” trong cơ chế minh bạch ở cơ sở, đồng thời thể chế hóa sâu sắc hơn phương châm: Nhân dân biết, Nhân dân bàn, Nhân dân làm, Nhân dân kiểm tra.

Tuy nhiên, điểm hạn chế hiện nay không nằm ở chỗ thiếu quy định, mà ở sự thiếu đồng bộ và cụ thể hóa giữa các cấp, đặc biệt là giữa quy định pháp luật trung ương và văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện ở địa phương. Do đó, luận án đề xuất một số giải pháp triển khai theo hướng cụ thể hóa và chuẩn hóa hơn:

Thứ nhất, rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và quy chế nội bộ hiện hành tại cấp tỉnh, xã để phát hiện và loại bỏ những quy định

chồng chéo, hình thức, thiếu tính khả thi; đồng thời thống nhất về phạm vi, thời hạn và hình thức công khai đối với từng nhóm nội dung.

Thứ hai, xây dựng và ban hành một danh mục chuẩn hóa các nội dung bắt buộc phải công khai ở cấp xã, bao gồm tối thiểu các nhóm: (i) ngân sách - thu, chi, quyết toán; (ii) quy hoạch - sử dụng đất, giá đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; (iii) đầu tư công, xây dựng cơ bản; (iv) chính sách an sinh xã hội; (v) thủ tục hành chính và kết quả giải quyết công việc; (vi) công tác cán bộ và hoạt động giám sát của cộng đồng.

Thứ ba, chuyển đổi dần phương thức công khai từ hình thức niêm yết giấy truyền thống sang công khai điện tử gắn với dữ liệu mở, theo mô hình “hai tầng thông tin”: tầng thứ nhất là bản tóm tắt, giản lược, dễ hiểu dành cho người dân; tầng thứ hai là bản đầy đủ, chi tiết phục vụ cho công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra chuyên môn. Việc công khai phải được lưu vết số (digital footprint) để có thể kiểm chứng theo thời gian.

Thứ tư, cá thể hóa trách nhiệm: mỗi nội dung công khai đều phải gắn với tên, chức danh và chữ ký số của cán bộ chịu trách nhiệm, bảo đảm nguyên tắc “rõ người - rõ việc - rõ trách nhiệm”, từ đó nâng cao năng lực giải trình và hạn chế tình trạng đùn đẩy trách nhiệm khi có sai sót.

Về lâu dài, kết quả thực hiện công khai, minh bạch không chỉ là một nội dung báo cáo hành chính thông thường, mà cần trở thành một chỉ số phản ánh năng lực thể chế của chính quyền cấp xã, gắn chặt với chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 76/QĐ-TTg) [75], cũng như các bộ chỉ số đo lường hiệu quả quản trị như PAPI, PAR Index, PCI.

Hai là, thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và chế tài thực thi theo hướng đa tầng, có tính ràng buộc và tạo động lực cải thiện

Trên thực tế, một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến công khai, minh bạch ở cấp xã còn mang tính hình thức là do thiếu cơ chế giám sát hiệu quả và chế tài đủ mạnh. Niêm yết có thể được thực hiện “cho xong nghĩa vụ”,

nhưng không có ai đánh giá chất lượng nội dung, mức độ dễ tiếp cận hay hiệu quả thực tế đối với người dân.

Do đó, cần xây dựng một cơ chế giám sát đa tầng, trong đó có sự kết hợp giữa giám sát chính thức của các cơ quan nhà nước và giám sát xã hội của Nhân dân:

Ở tầng thứ nhất: giám sát nội bộ và cộng đồng: Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở cần được tăng cường quyền hạn và điều kiện để thực hiện giám sát độc lập về công khai, minh bạch của chính quyền xã. Đồng thời, bắt buộc UBND cấp xã phải công khai báo cáo định kỳ (6 tháng, 12 tháng) về tình hình công khai, số lượng nội dung đã công bố, tỷ lệ đúng hạn, số kiến nghị của người dân và kết quả xử lý. Việc công bố này tạo điều kiện để Nhân dân đối chiếu, phản hồi và tham gia kiểm soát quyền lực một cách trực tiếp.

Ở tầng thứ hai: chuẩn hóa quy trình kiểm tra và báo cáo: Mỗi lĩnh vực quản lý nhạy cảm như đất đai, ngân sách, đầu tư công, trợ cấp xã hội cần có bộ tiêu chí và quy trình kiểm tra riêng, trong đó không chỉ đo lường số lượng văn bản công khai mà phải đánh giá cả tính kịp thời, tính đầy đủ, tính chính xác và mức độ dễ tiếp cận của thông tin. Đây chính là cơ sở để hình thành một “thước đo mềm” về minh bạch hành chính ở cấp xã.

Ở tầng thứ ba: chế tài và động lực thực thi: Việc công khai phải gắn với hậu quả pháp lý rõ ràng. Những xã vi phạm quy định về công khai, chậm cung cấp thông tin hoặc công bố sai lệch, không đầy đủ phải bị xử lý trách nhiệm hành chính, thậm chí xem xét trách nhiệm người đứng đầu theo nguyên tắc trách nhiệm cá nhân. Ngược lại, các xã thực hiện tốt công khai, minh bạch cần được biểu dương, khen thưởng, ưu tiên về nguồn lực và đưa vào danh sách mô hình “chính quyền cơ sở kiểu mẫu”.

Cơ chế thưởng - phạt rõ ràng sẽ tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa các địa phương, thúc đẩy quá trình tự cải thiện và tự điều chỉnh từ bên trong bộ máy.

Ba là, quy trình hóa quan điểm “Ba công khai” thành chuẩn mực hành động của chính quyền cấp xã

Một điểm mới có giá trị định hướng chính trị quan trọng là quan điểm “Ba công khai” do Tổng Bí thư Tô Lâm nêu tại Hội nghị Trung ương 13 khóa XIII, bao gồm: công khai tiến độ, công khai trách nhiệm và công khai kết quả. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính chỉ đạo chung mà có thể được cụ thể hóa thành nguyên tắc quản trị hành chính hiện đại ở cấp cơ sở.

Theo đó, luận án đề xuất chuyển hóa “Ba công khai” thành một quy trình hành động gồm bốn bước tổ chức - thông tin - giải trình khép kín ở cấp xã:

Bước một, công khai tiến độ thực hiện công việc, giúp người dân biết chính quyền đang làm gì, đang xử lý vấn đề ở giai đoạn nào.

Bước hai, công khai chủ thể chịu trách nhiệm, xác định rõ cá nhân hoặc tập thể phụ trách, để người dân biết “ai làm” và “ai chịu trách nhiệm”.

Bước ba, công khai kết quả thực hiện, giúp người dân biết kết quả cuối cùng, mức độ hoàn thành và sự khác biệt giữa kế hoạch và thực tế.

Bước bốn, tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh, tạo kênh phản hồi hai chiều, thể hiện tinh thần cầu thị, học hỏi và tự hoàn thiện của chính quyền cơ sở.

Cách tiếp cận này không chỉ cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW (2022) về phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng biến đổi khí hậu mà còn phù hợp với xu hướng quản trị hiện đại được nhấn mạnh trong Nghị quyết 78/NQ-CP (2023) của Chính phủ về đổi mới mô hình quản trị địa phương dựa trên trách nhiệm giải trình và minh bạch hóa quyền lực.

Thông qua đó, công khai, minh bạch không chỉ dừng lại ở việc “công bố thông tin”, mà trở thành một phương thức điều hành và tương tác xã hội, trong đó niềm tin của Nhân dân được xem là thước đo cao nhất đối với hiệu quả quản trị.

Tóm lại, nhóm giải pháp về hoàn thiện thể chế và chuẩn hóa quy trình là trực nền tảng mang tính quyết định đối với toàn bộ hệ thống đảm bảo công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL. Khi

khung pháp lý được cụ thể hóa rõ ràng, quy trình công khai được chuẩn hóa và số hóa, trách nhiệm được cá thể hóa đến từng cán bộ, đồng thời cơ chế giám sát - giám định xã hội được vận hành đồng bộ, thì công khai, minh bạch sẽ chuyển từ “nghĩa vụ áp đặt” thành “nguyên tắc hành động thường nhật”.

Mục tiêu đến năm 2030 là hình thành mô hình “chính quyền cấp xã minh bạch - liêm chính - phục vụ”, nơi mọi quyết định hành chính đều được công bố kịp thời, có người chịu trách nhiệm, có kênh phản hồi của Nhân dân và có chủ thể giám sát độc lập, góp phần củng cố nền tảng chính trị - xã hội vững chắc ở vùng ĐBSCL trong giai đoạn phát triển mới.

4.3.3. Nâng cao năng lực, đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã

Nếu thể chế là nền móng của công khai, minh bạch thì chủ thể thực hiện chính là yếu tố quyết định hiệu quả triển khai trong thực tế. Dù có hành lang pháp lý hoàn thiện đến đâu, nếu đội ngũ cán bộ, công chức, người đứng đầu và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở không đủ năng lực, trách nhiệm và liêm chính thì công khai, minh bạch vẫn sẽ dừng ở hình thức.

Trong bối cảnh chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL đang chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng chính quyền số, chính quyền phục vụ, việc nâng cao năng lực và xây dựng văn hóa minh bạch cho đội ngũ cán bộ trở thành điều kiện tiên quyết để “dân biết - dân bàn - dân kiểm tra - dân giám sát - dân thụ hưởng” thực sự đi vào đời sống. Nhóm giải pháp này hướng đến việc phát triển con người và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị cơ sở, nhằm biến công khai - minh bạch thành hành vi công vụ tự nhiên và bền vững, để thực hiện được giải pháp này cần:

Một là, củng cố năng lực và đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã

Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung 2019), cán bộ, công chức “tận tụy phục vụ Nhân dân, chịu trách nhiệm trong thực thi nhiệm

vụ và chịu sự giám sát của Nhân dân” (Điều 8, khoản 2). Bên cạnh đó, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022 cũng khẳng định người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải “công khai, minh bạch thông tin, bảo đảm Nhân dân được biết, được bàn và được giám sát” (Điều 6).

Thực tế vùng ĐBSCL cho thấy, phần lớn cán bộ cấp xã xuất thân tại địa phương, có ưu thế gần dân nhưng hạn chế về trình độ chuyên môn, kỹ năng sử dụng công nghệ và năng lực truyền thông chính sách. Điều này khiến công khai còn nặng về thủ tục, thiếu tính giải trình và không gắn với công nghệ số. Vì vậy, cần thực hiện đồng bộ bốn hướng sau:

Thứ nhất, tăng cường đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao kỹ năng công khai, minh bạch. Các khóa học nên tập trung vào: soạn thảo văn bản dễ hiểu, trình bày dữ liệu mở, kỹ năng công khai trên cổng thông tin điện tử và kỹ năng tương tác trực tuyến với người dân.

Thứ hai, định kỳ tổ chức tập huấn pháp luật và đạo đức công vụ, nhấn mạnh giá trị công khai như một biểu hiện của liêm chính và phục vụ Nhân dân. Cán bộ xã cần hiểu rằng minh bạch không phải là “bị kiểm soát”, mà là “được tin cậy”.

Thứ ba, thiết lập hồ sơ công vụ điện tử cá nhân, gắn với chỉ số tự đánh giá mức độ công khai, minh bạch - có thể hiểu là “chỉ báo hành vi trách nhiệm”. Hồ sơ này giúp cấp trên giám sát, đồng thời khuyến khích cán bộ tự soi, tự sửa, tự học hỏi.

Thứ tư, lồng tiêu chí công khai - minh bạch vào đánh giá thi đua, khen thưởng và kỷ luật hằng năm. Ai công khai tốt được cộng điểm tín nhiệm, ai vi phạm bị trừ điểm hoặc xem xét trách nhiệm.

Cùng với đó, cần quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 26-NQ/TW (2018) [2] về xây dựng đội ngũ cán bộ “đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”, trong đó lấy kết quả phục vụ Nhân dân và niềm tin của Nhân

dân làm thước đo. Đây là nền tảng đạo đức chính trị để công khai - minh bạch trở thành chuẩn mực hành vi, chứ không phải mệnh lệnh hành chính.

Hai là, phát huy vai trò người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công khai, minh bạch

Người đứng đầu chính quyền cấp xã (Bí thư, Chủ tịch UBND xã) có vai trò trung tâm, quyết định đến chất lượng công khai, minh bạch. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022, Điều 39, đã quy định: “Người đứng đầu chính quyền cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật và Nhân dân về việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch.”

Từ thực tiễn, luận án đề xuất ba hướng trọng tâm:

Một là, ràng buộc trách nhiệm cá nhân trong mọi quyết định hành chính. Mỗi quyết định, mỗi báo cáo hoặc dự án đầu tư công phải có người chịu trách nhiệm chính danh, công khai họ tên, chức vụ, đầu mối liên hệ. Trách nhiệm không thể “chia đều”, mà phải “đi cùng quyền hạn”.

Hai là, tăng cường đối thoại và giải trình công khai. Mỗi xã nên duy trì ít nhất hai cuộc đối thoại định kỳ mỗi năm giữa người đứng đầu với Nhân dân, thông qua các hình thức như “họp báo xã”, “ngày chính quyền lắng nghe dân”, hoặc diễn đàn trực tuyến. Mọi kiến nghị, phản ánh cần được công bố công khai tiến độ và kết quả xử lý.

Ba là, gắn công khai - minh bạch với đánh giá năng lực lãnh đạo. Cán bộ đứng đầu không thực hiện công khai đúng quy định hoặc để xảy ra khiếu nại do thiếu minh bạch, phải bị xem xét trách nhiệm, không quy hoạch vào chức danh cao hơn.

Song song, thực hiện nghiêm Kết luận số 14-KL/TW (2021) [5] về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, cần xây dựng cơ chế để người đứng đầu được khuyến khích đổi mới, dám chịu trách nhiệm, dám công khai sáng kiến. Các mô hình “Xã minh bạch - gần dân - phục vụ dân” cần được thí điểm, nhân rộng và khen thưởng kịp thời.

Ba là, phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; đồng thời là lực lượng giám sát, phản biện xã hội được xác lập theo Quyết định số 217-QĐ/TW (2013) của Bộ Chính trị [4]. Trong lĩnh vực công khai, minh bạch ở cấp xã, vai trò này đặc biệt quan trọng vì MTTQ là chủ thể trung gian bảo đảm sự “gặp nhau” giữa tiếng nói của dân và hành động của chính quyền. Cụ thể:

Một là, thiết lập cơ chế giám sát độc lập của MTTQ cấp xã đối với các quyết định có tác động dân sinh như quy hoạch, đất đai, đầu tư công, ngân sách, an sinh. Kết quả giám sát được công khai định kỳ 6 tháng/lần, công bố trên bảng tin và nền tảng số địa phương.

Hai là, tổ chức “Diễn đàn Nhân dân giám sát chính quyền” ít nhất hai lần mỗi năm, do MTTQ chủ trì, mời đại diện UBND, HĐND, các đoàn thể và người dân cùng tham dự. Đây là kênh phản ánh, đối thoại và đề xuất điều chỉnh chính sách ở cấp cơ sở.

Ba là, tăng cường năng lực kỹ thuật cho Ban giám sát đầu tư cộng đồng (theo Thông tư 04/2015/TT-BKHĐT) [7]. Cần trang bị công cụ điện tử, mẫu biểu, phần mềm giám sát trực tuyến để giúp cộng đồng theo dõi tiến độ dự án, phản ánh kịp thời sai phạm.

Bốn là, phối hợp chặt chẽ giữa MTTQ - HĐND xã - báo chí địa phương để công khai kết quả giám sát và phản biện, tránh tình trạng “giám sát kín, phản hồi muộn”.

Các mô hình thực tiễn như “Hộp thư Nhân dân”, “Công phản ánh hiện trường”, “Bản đồ minh bạch ngân sách xã” nên được mở rộng thí điểm tại các xã trọng điểm của ĐBSCL, hình thành mạng lưới dữ liệu mở phục vụ giám sát xã hội.

Đây không chỉ là công cụ kỹ thuật mà là biểu hiện sinh động của “dân chủ trực tiếp” trong quản trị địa phương, góp phần củng cố lòng tin và tạo sự đồng thuận xã hội.

Bốn là, cơ chế phối hợp giữa chính quyền, Đảng ủy, MTTQ và các đoàn thể trong bảo đảm công khai, minh bạch

Một thực tế đáng chú ý là ở nhiều xã vùng ĐBSCL, công tác phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị cơ sở vẫn còn chông chéo, thiếu thống nhất. Để khắc phục, cần ban hành “Quy chế phối hợp ba bên” (UBND - Đảng ủy - MTTQ xã) với các nguyên tắc rõ ràng: (1) UBND xã: chịu trách nhiệm trực tiếp công bố thông tin, báo cáo định kỳ và giải trình kết quả trước Nhân dân; (2) Đảng ủy xã: đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công khai, bảo đảm đúng chủ trương, đường lối của Đảng; (3) MTTQ và các đoàn thể: thực hiện phản biện, giám sát độc lập, tổng hợp ý kiến Nhân dân gửi cấp ủy và chính quyền xem xét.

Việc xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng, minh bạch sẽ tạo nên chu trình chính trị khép kín: công khai - giám sát - phản hồi - điều chỉnh, qua đó bảo đảm mọi quyết định ở cấp xã đều được soi sáng bởi dân chủ và trách nhiệm.

Tóm lại, nhóm giải pháp về chủ thể thực hiện là trực động lực của toàn bộ hệ thống công khai, minh bạch ở chính quyền cấp xã. Khi đội ngũ cán bộ có năng lực, liêm chính và được đào tạo bài bản; khi người đứng đầu dám công khai, dám chịu trách nhiệm; khi Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát huy vai trò giám sát, phản biện và khi cơ chế phối hợp giữa các chủ thể được thể chế hóa đồng bộ - thì công khai, minh bạch không còn là khẩu hiệu mà trở thành văn hóa hành chính mới.

Đặc biệt, ở vùng ĐBSCL - nơi truyền thống cộng đồng, tính “tình - lý” và sự gắn bó giữa dân với chính quyền rất sâu sắc - việc chuyển hóa dân chủ hình thức thành dân chủ thực chất phải bắt đầu từ con người và cách hành xử của người cán bộ công quyền. Đây chính là nền tảng vững chắc để hướng tới

“chính quyền xã minh bạch, gần dân, phục vụ dân”, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân trong thời kỳ mới.

4.3.4. Đầu tư hạ tầng số, hệ thống công khai điện tử, cổng dữ liệu mở và nền tảng tương tác người dân - chính quyền.

Trong quản trị hiện đại, công khai và minh bạch không thể được bảo đảm nếu thiếu điều kiện vật chất và hạ tầng kỹ thuật tương ứng. Ở cấp xã - nơi gần dân nhất nhưng cũng có hạn chế lớn nhất về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ và nguồn nhân lực - yếu tố vật chất, kỹ thuật và chuyển đổi số trở thành điều kiện tiên quyết để “hành chính công minh bạch” trở thành hiện thực.

Đối với vùng ĐBSCL, thách thức lớn nhất không chỉ là kinh tế - xã hội còn chênh lệch giữa các địa phương, mà còn là “khoảng cách số” giữa nông thôn và đô thị, giữa trung tâm và vùng sâu, vùng biên. Do đó, nhóm giải pháp này hướng đến mục tiêu xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật và hạ tầng số đồng bộ, bảo đảm cho công khai, minh bạch được thực hiện liên tục, thống nhất và có thể kiểm chứng; đồng thời, thúc đẩy chuyển đổi từ hình thức niêm yết truyền thống sang môi trường công khai số hóa, tiến tới mô hình “chính quyền điện tử cấp xã - minh bạch, phục vụ và thân thiện”, cụ thể:

Một là, tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và phương tiện công khai số ở cấp xã

Trong điều kiện quản trị hiện đại, đặc biệt là ở cấp cơ sở, công khai và minh bạch không thể chỉ dựa vào hình thức niêm yết thủ công mà phải được bảo đảm bằng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, ổn định và có khả năng vận hành lâu dài. Vì vậy, yêu cầu đầu tiên của nhóm giải pháp này là tăng cường đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin và các phương tiện công khai số tại chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL.

Cụ thể, mỗi xã cần được bảo đảm kết nối internet băng thông rộng, ổn định, có khả năng liên thông dữ liệu với cấp tỉnh; đồng thời được trang bị tối thiểu các thiết bị phục vụ công khai như máy tính, máy in, máy quét, màn hình

niêm yết điện tử, hệ thống loa truyền thanh thông minh và các thiết bị trình chiếu phục vụ đối thoại, họp dân, lấy ý kiến cộng đồng. Đây là những điều kiện vật chất cơ bản để chính quyền cấp xã có thể thực hiện công khai thường xuyên, kịp thời và đúng quy định.

Việc đầu tư hạ tầng số ở cấp xã không chỉ có ý nghĩa kỹ thuật, mà còn là biểu hiện cụ thể của cam kết chính trị trong việc đưa minh bạch trở thành một năng lực vận hành thực tế của bộ máy công quyền cơ sở, đặc biệt tại những địa bàn còn nhiều khó khăn, hạn chế về điều kiện vật chất như vùng ĐBSCL.

Hai là, xây dựng và vận hành các nền tảng công khai số, cổng dữ liệu mở và hệ thống công bố thông tin trực tuyến

Nếu hạ tầng công nghệ là “phần cứng” của minh bạch, thì các nền tảng dữ liệu và hệ thống công khai điện tử chính là “phần mềm” quyết định khả năng vận hành minh bạch trong thực tiễn. Do đó, một nội dung trọng tâm của nhóm giải pháp này là xây dựng, tích hợp và vận hành các nền tảng công khai thông tin đặc thù cho cấp xã, trên cơ sở kết nối với hệ thống dữ liệu của cấp trên và các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Các địa phương cần chú trọng phát triển hoặc tích hợp “cổng công khai thông tin cấp xã”, trong đó tập trung các nhóm dữ liệu cốt lõi như: ngân sách - quyết toán ngân sách, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, danh mục - tiến độ đầu tư công, chính sách an sinh xã hội, thủ tục hành chính và kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh của người dân. Thông tin công khai cần được chuẩn hóa về cấu trúc, có mã định danh, có thời hạn lưu trữ và được cập nhật theo chu kỳ rõ ràng, giúp người dân có thể truy cập, tra cứu và giám sát một cách thuận tiện.

Việc hình thành hệ thống công khai điện tử ở cấp xã không chỉ góp phần nâng cao tính minh bạch, mà còn tạo lập dấu vết số cho mọi quyết định hành chính, giúp công tác kiểm tra, đánh giá và truy xuất trách nhiệm trở nên khả thi và chính xác hơn trong dài hạn.

Ba là, đa dạng hóa hình thức công khai, kết hợp hài hòa giữa phương thức truyền thống và phương thức số

Trong bối cảnh vùng ĐBSCL có đặc trưng dân cư phân tán, trình độ dân trí và khả năng tiếp cận công nghệ không đồng đều giữa các nhóm dân tộc, vùng nông thôn - đô thị, việc công khai thông tin nếu chỉ dựa vào một kênh truyền thống hoặc một nền tảng điện tử duy nhất sẽ không bảo đảm tính bao quát và công bằng thông tin. Vì vậy, chính quyền cấp xã cần xây dựng mô hình công khai đa kênh, kết hợp linh hoạt giữa công khai trực tiếp và công khai trực tuyến, giữa truyền thống và hiện đại.

Các kênh truyền thống như bảng niêm yết tại trụ sở UBND, cuộc họp dân, loa truyền thanh cơ sở, đối thoại trực tiếp vẫn có vai trò nền tảng trong bối cảnh nông thôn ĐBSCL. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả, cần kết hợp với kênh số hóa như cổng thông tin điện tử xã, nhóm mạng xã hội chính thống (Zalo, Facebook), ứng dụng di động của chính quyền địa phương, bản đồ thông tin công khai, cổng phản ánh hiện trường, loa truyền thanh thông minh. Mô hình “công khai kép” - nghĩa là cùng lúc công bố thông tin trên bảng niêm yết và nền tảng số, vừa mở rộng phạm vi tiếp cận, vừa tăng khả năng truy xuất và kiểm chứng thông tin, phù hợp với tiêu chí minh bạch của Chính phủ điện tử.

Đặc biệt, việc chuẩn hóa quy trình công khai đa kênh có ý nghĩa quan trọng: cần quy định rõ loại thông tin nào được công khai qua hình thức nào (văn bản, biểu đồ, video, dữ liệu mở), thời hạn công khai bao lâu và đơn vị chịu trách nhiệm quản trị kênh thông tin. Đây là cơ sở để hạn chế tính tùy tiện, bảo đảm thống nhất trong hệ thống hành chính và hình thành “chu trình minh bạch hành chính số” ở cấp xã. Khi người dân được tiếp cận thông tin thuận tiện, phù hợp với năng lực sử dụng công nghệ của mình, hiệu quả giám sát xã hội và niềm tin vào chính quyền sẽ tăng lên rõ rệt.

Bốn là, bảo đảm cơ chế tài chính cho đầu tư hạ tầng số và công cụ công khai điện tử

Nhóm giải pháp này tập trung vào kỹ thuật phân bổ và huy động nguồn lực cho hạ tầng - công nghệ - thiết bị công khai số. Công khai, minh bạch chỉ thực sự bền vững khi có nguồn lực tài chính ổn định và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Trong điều kiện ngân sách hạn hẹp ở cấp xã, việc bố trí chi cho hoạt động công khai, minh bạch thường mang tính “phụ trợ” và thiếu tính định mức. Do đó, cần thiết phải thiết lập cơ chế tài chính chuyên biệt cho công khai, minh bạch gắn với chuyển đổi số.

Trước hết, cần quy định tỷ lệ tối thiểu trong chi thường xuyên của ngân sách xã (khoảng 1-2%) dành cho duy trì và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, cập nhật phần mềm, sửa chữa thiết bị và vận hành các cổng công khai điện tử. Đây không chỉ là chi phí kỹ thuật, mà là đầu tư cho quản trị công khai và niềm tin xã hội. Bên cạnh đó, chính quyền cấp xã có thể tận dụng nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia (như Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số), đồng thời huy động xã hội hóa và hợp tác công - tư trong cung cấp thiết bị, đường truyền và phần mềm hỗ trợ công khai.

Việc ưu tiên đầu tư cho các xã vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển chịu tác động của biến đổi khí hậu là cần thiết để thu hẹp khoảng cách số và bảo đảm công bằng thông tin giữa các nhóm dân cư. Khi hạ tầng số được củng cố, dữ liệu hành chính được chuẩn hóa, việc công khai minh bạch sẽ trở nên liên tục, tự động và có thể kiểm chứng. Đồng thời, chính quyền cấp xã có thể tích hợp dữ liệu công khai vào các hệ thống đánh giá hiệu quả quản trị như PAPI, PAR Index hoặc WGI, qua đó phản ánh rõ hơn năng lực điều hành minh bạch ở cấp cơ sở.

Tóm lại, nhóm giải pháp về đầu tư hạ tầng số, hệ thống công khai điện tử và các công cụ kỹ thuật phục vụ minh bạch đóng vai trò là “đòn bẩy công

nghệ” cho toàn bộ tiến trình nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL. Khi các điều kiện vật chất, kỹ thuật được bảo đảm đầy đủ, đồng bộ và được vận hành hiệu quả, công khai không chỉ là yêu cầu về mặt thể chế mà trở thành một hoạt động thường nhật, có khả năng truy xuất và giám sát rộng rãi. Đây chính là nền tảng quan trọng để hiện thực hóa mô hình “chính quyền cấp xã minh bạch, phục vụ và thân thiện” trong điều kiện chuyển đổi số và hiện đại hóa nền hành chính nhà nước hiện nay.

Tiểu kết chương 4

Luận án đã giải quyết được nhiệm vụ nghiên cứu là đề xuất quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả công khai, minh bạch quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã ở vùng ĐBSCL. Luận án đã đưa ra dự báo 4 yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ đến thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL. Theo đó, thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có hiệu quả phụ thuộc vào sự tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi số, cải cách bộ máy chính quyền địa phương và nhận thức của người dân. Dự báo này là cơ sở để Luận án đề xuất quan điểm và giải pháp. Luận án đã chỉ ra 4 quan điểm: Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã gắn với sự lãnh đạo của Đảng dưới ánh sáng quan điểm “Ba công khai” của Tổng Bí thư Tô Lâm, gắn với phương thức đổi mới quan hệ giữa chính quyền và người dân, gắn với sự tham gia của người dân, gắn với quản trị địa phương tốt và gắn với đảm bảo điều kiện thực hiện. Có thể nói, các quan điểm này đã trở thành tiền đề cho Luận án đưa ra những đề xuất giải pháp.

Luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện nhằm tăng cường thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL trên cơ sở khoa học, thực tiễn và thể chế. Các giải pháp được cấu trúc theo bốn nhóm logic tương tác chặt chẽ với nhau, tạo thành một khung

hành động tổng thể bảo đảm tính khả thi, đồng bộ và bền vững: (1) nhóm giải pháp điều kiện bảo đảm thực hiện (chính trị, pháp lý, văn hóa công vụ): Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng theo quan điểm “Ba công khai” của Tổng Bí thư Tô Lâm, củng cố văn hóa liêm chính - minh bạch trong đội ngũ cán bộ, bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ chế giám sát định kỳ; (2) nhóm giải pháp thể chế: Hoàn thiện khung pháp lý, chuẩn hóa quy trình công khai, gắn với trách nhiệm giải trình và chế tài xử lý; (3) nhóm giải pháp chủ thể thực hiện: Nâng cao năng lực, đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; (4) nhóm giải pháp điều kiện vật chất - hạ tầng kỹ thuật và chuyển đổi số: Đầu tư hạ tầng số, hệ thống công khai điện tử, cổng dữ liệu mở và nền tảng tương tác người dân - chính quyền. Những giải pháp này đồng thời là cơ sở thực tiễn và khoa học của luận án tiếp tục khái quát những kết luận chủ yếu, đóng góp mới của nghiên cứu nhằm bảo đảm công khai, minh bạch không chỉ là một yêu cầu quản trị, mà trở thành chuẩn mực văn hóa chính trị của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

KẾT LUẬN

Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã là một nguyên tắc cơ bản của nền quản trị hiện đại và là biểu hiện trực tiếp của bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Công khai, minh bạch không chỉ bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, mà còn là công cụ quan trọng để tăng cường trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với bộ máy chính quyền cơ sở. Ở cấp xã - cấp chính quyền gần dân nhất - minh bạch càng có ý nghĩa đặc biệt, bởi đây là nơi trực tiếp tổ chức và thực thi các quyết định liên quan mật thiết đến đời sống hằng ngày của người dân.

Thực tiễn nghiên cứu cho thấy, trong những năm qua, chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL đã tích cực triển khai các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch và dân chủ ở cơ sở. Một số nội dung như công khai ngân sách, chính sách an sinh xã hội, quy hoạch, thủ tục hành chính đã có chuyển biến tích cực, được người dân ghi nhận. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới - với yêu cầu chuyển đổi số mạnh mẽ, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và mô hình chính quyền địa phương hai cấp - hoạt động công khai, minh bạch ở nhiều xã vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định. Việc công khai đôi khi còn mang tính hình thức, phương thức truyền đạt thông tin chưa đa dạng, năng lực số của cán bộ và người dân còn hạn chế, trong khi yêu cầu về minh bạch, giám sát và trách nhiệm giải trình từ phía Nhân dân ngày càng cao.

Xuất phát từ thực trạng đó, luận án đã xây dựng hệ thống quan điểm và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng ĐBSCL trong thời gian tới. Các giải pháp được thiết kế theo hướng tiếp cận toàn diện, gồm: hoàn thiện thể chế và quy định pháp lý; tăng cường vai trò, năng

lực và trách nhiệm của các chủ thể thực thi; đầu tư điều kiện vật chất, hạ tầng số và công nghệ thông tin; đồng thời nâng cao nhận thức, kỹ năng và mức độ tham gia của người dân vào hoạt động giám sát và phản biện xã hội. Đây là những giải pháp có tính hệ thống, phù hợp với đặc thù của vùng ĐBSCL, đồng thời gắn kết chặt chẽ với định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách hành chính và phát triển chính phủ số hiện nay.

Có thể khẳng định rằng, công khai, minh bạch không chỉ là trách nhiệm của chính quyền cấp xã mà còn là kết quả của sự tương tác hai chiều giữa Nhà nước và Nhân dân. Hiệu quả của công khai, minh bạch phụ thuộc vào quyết tâm chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức, sự phối hợp của hệ thống chính trị cơ sở và sự chủ động tham gia của người dân. Với sự chỉ đạo quyết liệt từ Trung ương, sự đổi mới trong tư duy quản trị của chính quyền địa phương và sự ủng hộ của người dân ngày càng cao nên luận án tin tưởng rằng trong thời gian tới, vùng ĐBSCL sẽ có bước phát triển mới về chất lượng quản trị, trong đó công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định ở cấp xã sẽ tiếp tục được củng cố và nâng lên, góp phần xây dựng nền hành chính dân chủ, liêm chính, hiện đại và phát triển bền vững.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Mai Hùng, Võ Thị Phiến (2023), “Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí quản lý nhà nước điện tử*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/11/09/bao-dam-cong-khai-minh-bach-trong-hoach-dinh-chinh-sach-o-viet-nam-hien-nay>.

2. Võ Thị Phiến (2025), “Bảo đảm công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã trong cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức, bộ máy hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, <https://lyluanchinhtri.vn/bao-dam-cong-khai-minh-bach-cua-chinh-quyen-cap-xa-trong-cuoc-cach-mang-ve-sap-xep-to-chuc-bo-may-hien-nay-6931.html>.

3. Võ Thị Phiến (2025), “Đảm bảo sự tham gia của người dân trong thúc đẩy thực hiện công khai, minh bạch của cơ quan hành chính nhà nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, <https://lyluanchinhtri.vn/bao-dam-su-tham-gia-cua-nguoi-dan-trong-thuc-day-thuc-hien-cong-khai-minh-bach-cua-co-quan-hanh-chinh-nha-nuoc-6993.html>.

4. Võ Thị Phiến (2025), “Đảm bảo công khai, minh bạch - một trong những giải pháp nâng cao năng lực quản trị và hành chính công của chính quyền cấp xã thành phố Cần Thơ trong cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức, bộ máy hiện nay”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học do Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Viện Kinh tế - Xã hội thành phố Cần Thơ*.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Bùi Thị Thuận Ánh (2024), “Quyền tiếp cận thông tin đất đai ở Việt Nam hiện nay và một số kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Công Thương*, số 6.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2018), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Chương trình tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2013), *Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12 tháng 12 năm 2013 ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2021), *Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết 13-NQ/TW, ngày 2/4/2022 về việc “Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*, Hà Nội.
7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), *Thông tư số 04/2015/TT-BKHĐT ngày 28 tháng 5 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát và đánh giá đầu tư của cộng đồng*, Hà Nội.
8. CIEM (2021), *Báo cáo nghiên cứu thử nghiệm Bộ chỉ số minh bạch ngân sách cấp xã*, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Hà Nội.

9. Chính phủ (2023), *Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
10. Nguyễn Trọng Chuẩn (2024), *Vai trò trung tâm của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc - Những bài học lịch sử và các giá trị cần tiếp tục vận dụng sáng tạo trong giai đoạn phát triển mới của đất nước*, tại trang tapchiconsan.org.vn, [truy cập ngày 28/9/2024].
11. Nguyễn Đăng Dung (2016), “Về Luật Tổ chức chính quyền địa phương”, *Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội*, tập 32, Số 3, tr.1-8.
12. Nguyễn Tuấn Dũng (2018), “Vai trò của Chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế tư nhân -kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh và bài học cho tỉnh Đồng Nai”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai*, số 10, tr.76-83.
13. Nguyễn Thùy Dương (2022), “Một số vấn đề đặt ra về mô hình chính quyền địa phương ở thành phố Thủ Đức”, *Tạp chí Khoa học phát triển nhân lực*, số 1(07), tr.64-73.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
15. Minh Đức (2003), “Công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích của nhân dân”, *Tạp chí Hướng nghiệp*, số 11, tr.34-35.
16. Nguyễn Khắc Giang (2025), *Vietnam's Bureaucratic Reforms: Opportunities and Challenges*, The Vietnam Centre for Economic and Strategic Studies (VESS), Hà Nội.
17. Vũ Công Giao, Nguyễn Hoàng Anh, Đặng Minh Tuấn và Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên) (2017), *Quản trị tốt: Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Hoàng Văn Hải (chủ biên), Nguyễn Viết Lộc và Nguyễn Ngọc Thắng (2013), *Ra quyết định quản trị*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Hồng Hải (2016), *Bảo đảm minh bạch trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước*, tại trang tcnn.vn, [truy cập ngày 16/4/2024].
20. Lê Thị Hạnh, Lê Lan Anh (2022), “Hoàn thiện tổ chức chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 313, tr.74-79.
21. Bùi Quang Hậu (2016), “Công khai, minh bạch - yếu tố tạo đồng thuận xã hội”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (4), tr.50-53.
22. Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Quỳnh Nga (2022), “Đổi mới tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương ở tỉnh theo hướng hiện đại, hiệu quả”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 322, tr.23-29.
23. Lê Thị Thiều Hoa (2021), “Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu Lập Pháp*, số 17(441), tr.21-30.
24. Trương Cộng Hòa, Lê Thị Phương Thảo (2022), “Nguyên tắc pháp quyền trong hoạt động của chính quyền địa phương đáp ứng yêu cầu quản lý quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 316, tr.19-25.
25. Đào Mạnh Hoàn (2023), “Những vấn đề đặt ra đối với tổ chức và hoạt động của chính quyền thị xã, thành phố thuộc tỉnh”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 333, tr.42-46.
26. Đào Mạnh Hoàn, Nguyễn Phúc Thiện (2023), “Đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền thị xã, thành phố thuộc tỉnh ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 329 (6), tr.35-38.
27. Phạm Thị Hoàn (2023), “Mô hình chính quyền địa phương đô thị ở một số quốc gia Châu Á và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 332, tr.119-122.

28. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Khoa học lãnh đạo (dành cho chương trình cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
29. Nguyễn Tuấn Khanh (2008), “Công khai, minh bạch trong hoạt động của bộ máy Nhà nước trong việc bảo đảm quyền được thông tin của công dân ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 2, tr.16-23.
30. Nguyễn Tuấn Khanh (2008), “Công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (153), 35-40.
31. Trịnh Thị Lan, Trần Thị Hồng Yến (2021), “Vai trò của chính quyền địa phương đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng người Khmer tỉnh An Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 5, tr.17-28.
32. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
33. V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
34. Văn Lương (2011), “Cần công khai, minh bạch trong quản lý”, *Tạp chí Điện lực*, tháng 6, tr.23.
35. Phan Trung Lý, Nguyễn Thành Trung (2021), “Các yếu tố ảnh hưởng đến tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (304), tr.10-18.
36. Phan Trung Lý, Nguyễn Trung Thành (2021), *Công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. C.Mác, Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. C.Mác, Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 17, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.446.
39. Hồ Chí Minh (1947), *Sửa đổi lối làm việc*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

40. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
41. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
42. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
43. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
44. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
45. Hứa Thị Hồng Minh (2019), “Trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, số 201 (08), tr.59-63.
46. Nguyễn Hồng Nhung (2010), “Vai trò của chính quyền địa phương trong thực hiện các cam kết quốc gia về hợp tác kinh tế Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng”, *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*, số 10 (174), tr.8-20.
47. Trần Thị Diệu Oanh (2015), *Về minh bạch hóa trong hoạt động chính quyền địa phương* (sách chuyên khảo), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
48. Trần Thị Diệu Oanh (2017), “Về minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (258), tr.46-51.
49. PAPI (2023), *Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam - Báo cáo PAPI 2023*, Trung tâm nghiên cứu Cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
50. Vũ Đăng Phúc, Nguyễn Thị Thanh Nga (2021), “Kiểm soát chính quyền địa phương trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam*, số 63(4), tr.29-33.

51. Vũ Văn Phúc (2022), “Mở rộng dân chủ và phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ của Đảng ta”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, số 3, tr.4-9.
52. Nguyễn Thị Phương (2016), *Vấn đề minh bạch hóa hoạt động quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
53. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2014)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 77/2015/QH13, thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
55. Quốc hội (2016), *Luật Tiếp cận thông tin*, số 104/2016/QH13, Hà Nội.
56. Quốc hội (2017), *Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017, Luật số 15/2017/QH14 (QH khóa XIV, kỳ họp 3, 21/6/2017, hiệu lực 01/01/2018)*, Hà Nội.
57. Quốc hội (2018), *Luật Phòng, chống tham nhũng*, số 36/2018/QH14, thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2018, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, Hà Nội.
58. Quốc hội (2022), *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, số 10/2022/QH15, Hà Nội.
59. Quốc hội (2024), *Luật Đất đai*, số 31/2024/QH15, Hà Nội.
60. Quốc hội (2025), *Luật Phòng Chống tham nhũng 2005*, Hà Nội.
61. Quốc hội (2025), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Luật số 72/2025/QH15, thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh*, Hà Nội.

63. Nguyễn Văn Tiếc (2013), “Hoàn thiện thể chế về công khai, minh bạch trong quản lý hành chính nhà nước”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, số 7, tr.17-21.
64. Hồ Thủy Tiên, Hoàng Mạnh Khánh (2020), “Minh bạch thông tin và các yếu tố ảnh hưởng- Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*, số 56, tr.38-56.
65. Tổng cục Thống kê (2023), *Kết quả điều tra mức sống dân cư năm 2022*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
66. Tổng Cục Thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2023*, Nxb Thống Kê, Hà Nội.
67. Lâm Quốc Tuấn, Lưu Thúy Hồng (2019), “Phát huy dân chủ, công khai, minh bạch- giải pháp phòng, chống tham nhũng trong công tác cán bộ”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 4, tr.58-63.
68. Trương Ngọc Tuấn (2016), “Vai trò của chính quyền địa phương trong thực hiện chính sách tôn giáo ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Công tác Tôn giáo*, số 12, tr.9-12.
69. Kiều Đăng Tuyên (2017), “Công khai, minh bạch - thước đo giá trị phổ quát của loài người”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (6), tr.23-28.
70. Nguyễn Văn Thanh (2007), “Nâng cao tính công khai, minh bạch của nền hành chính trong công tác phòng, chống tham nhũng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* (2), tr.16-19.
71. Trịnh Xuân Thắng (2012), “Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước thông qua việc công khai, minh bạch hoạt động của bộ máy nhà nước”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, số 11, tr.7-11.
72. Nguyễn Đình Thọ (2016), “Vai trò của chính quyền địa phương đối với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại tỉnh Hà Tĩnh”, *Tạp chí Khoa học*, số 8, tr.19-41.

73. Thông tấn xã Việt Nam (2025), *Tổng Bí thư Tô Lâm đề nghị quán triệt Ba trọng tâm - Ba công khai - Một thước đo*, tại trang <https://infographics.vn>, [truy cập ngày 10/10/2025].
74. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, Hà Nội.
75. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2021 phê duyệt “Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030”*, Hà Nội.
76. Văn Tất Thu (2009), “Vị trí, vai trò của chính quyền địa phương trong hệ thống các cơ quan Nhà nước”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 10, tr.3-9.
77. Trần Thị Thủy (2019), “Công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền cấp xã ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (281), tr.56-60.
78. Trần Thị Thủy (2019), “Đánh giá tính công khai, minh bạch trong quản lý cấp xã theo Luật Tiếp cận thông tin 2016”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (274), tr.28-33.
79. Vũ Quang Trung (2023), “Vai trò của chính quyền địa phương đối với đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt”, *Tạp chí Công Thương*, số 4, tr.13-17.
80. UCLG, famsi, FCM (2016), *The role of local government in territorial economic development*, Tài liệu chính sách của UCLG (United cities and local Governments).
81. UNDP (2022), *Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) - Báo cáo quốc gia 2022*, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Hà Nội.
82. UNDP & Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2023), *Báo cáo Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023*, Hà Nội.
83. UNDP (2023), *PAPI 2023*, Hà Nội.

84. UNDP tại Việt Nam (2024), *Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam - Báo cáo PAPI 2024*, UNDP Việt Nam, Hà Nội.
85. Ủy ban nhân dân xã Thanh Quới (2023), *Báo cáo Kết quả việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2023, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*.
86. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2007), *Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, số 34/2007/PL-UBTVQH11*, Hà Nội.
87. Nguyễn Thế Vinh (2022), “Xây dựng chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 5 (285), tr.15-26.
88. Nguyễn Thế Vinh (2023), “Xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 334 (11/2023), tr.42-46
89. Đặng Thị Yến (2022), “Vai trò của chính quyền cơ sở trong công tác phòng, chống dịch covid-19 ở Việt Nam”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, số 3, tr.30-33.

*** Tài liệu nước ngoài**

90. Bauhr, M., and M. Grimes. 2014. “Indignation or Resignation: The Implications of Transparency for Societal Accountability.” *Governance: An International Journal of Policy, Administration and Institutions* 27 (2): 291-320. doi:10.1111/gove.2014.27.issue-2.
91. Bertot, J. C., Jaeger, P. T., & Grimes, J. M. (2010), *Using ICTs to create a culture of transparency: E-government and social media as openness and anti-corruption tools for societies*. *Government Information Quarterly*, 27(3), 264-271.
92. Birkinshaw, P. (2006) Transparency as a Human Right. In: C. Hood, D. Heald (eds.) *Transparency: The Key To Better Governance?* New York: Oxford University Press.

93. Brokaj, R. (2014), "Local government's role in the sustainable tourism development of a destination", *European Scientific Journal* November 2014 edition vol.10, No.31, p.103-117.
94. Bushman, R. M., Piotroski, J. D., & Smith, A. J. (2004), *What determines corporate transparency?* *Journal of Accounting Research*, 42(2), 207-252.
95. Cinjel, N.D & Weinoh, O. (2023), *Decentralization and Local Government: Models, Principles and Purposes*, Local Government Administration and Rural Development in Nigeria, ISBN: 978-978-780-874-0.
96. City of Kitchener (2000), *Opportunities 2000 Response*, Kitchener, December.
97. Cruz, C., Tavares, A. F., & Marques, R. C. (2015), *The transparency of local government websites: The Portuguese case*. *Government Information Quarterly*, 32(3), 470-478.
98. Cruz, F.N., Tavares. F.A., Marques. C.R., Jorge. S., & Sousa, L. (2015), *Measuring local government transparency*, <http://eprints.lse.ac.uk/62312/>, Pages 866-893.
99. Cuillier, D., & Piotrowski, S. J. (2009), *Internet Information-Seeking and Its Relation to Support for Access to Government Records*, *Government Information Quarterly*, 26(3), tr.441-449.
100. Da Cruza, F.N., Tavaresb. F.A, Marquesc, C.R., Jorged, S., & de Sousaef., L. (2015), *Measuring Local Government Transparency*, *Public Management Review*, DOI: 10.1080/14719037.2015.1051572.
101. Da Cruz, N.F., Tavares, A.F. & Marques, R.C. (2016), *Measuring Local Government Transparency*. *Public Management Review*, 18(6): 866-893. DOI: 10.1080/14719037.2015.1051572.
102. Daniel, S., Kieran, C., Joseph, F., Jan Marco, L.,Lorraine. M. (2017), "Openness With and Without Information Technology: A

- Framework and a Brief History". *Journal of Information Technology*. 32 (4):297-305. doi:10.1057/s41265-017-00493. hdl:10379/13819
103. Dubnick, M.J. 1998. Clarifying accountability: An ethical theory framework. New-York, NY: Federation Press.
 104. Eisenfuhr, F. (2011), *Decision making*, New York, NY: Springer.
 105. G. Barabasev. *Các cơ quan tự quản của các nhà nước hiện đại (Mỹ, Anh)* M. 1971, tr.102
 106. Gokhale, S. D. (2000), *Local Self-Government and Democratic Decentralization in India*, New Delhi: Deep & Deep Publications.
 107. Grimmelikhuijsen, S. G., & Meijer, A. J. (2014), *Effects of transparency on the perceived trustworthiness of a government organization*. *Journal of Public Administration Research and Theory*, 24(1), 137-157.
 108. Heald, D. (2006), *Transparency as an instrumental value*. In C. Hood & D. Heald (Eds.), *Transparency: The key to better governance?* Oxford: Oxford University Press.
 109. Hood, C., and D. Heald 2006. "Transparency: The Key to Better Governance?" In *Proceedings of the British Academy* (135), Oxford: Oxford University Press.
 110. Institute for Local Government (2015), *Principles of Local Government Public Engagement*, Institute for Local Government (ca-ilg.org)
 111. Jaeger, P. T., & Bertot, J. C. (2010), *Transparency and Technological Change: Ensuring Equal and Sustained Public Access to Government Information*, *Government Information Quarterly*, 27(4), tr.371-376.
 112. Jorge, S., Sá, P., Pattaro, A. F., & Lourenço, R. P. (2011), *Local government financial transparency in Portugal and Italy: A comparative exploratory study*. *Public Money & Management*, 31(6), 393-398.

113. Kim, S., & Lee, J. (2012), *E-Participation, Transparency, and Trust in Local Government*, Public Administration Review, 72(6), tr.819-828.
114. Krah, R., Mair, P., & Wasserman, S. (2020), *Digital transparency and public engagement in local governance*. Information Polity, 25(2), 217-233.
115. LSPs, Sustainable community Strategies and LAAs (2005), Local decision - making and sustainable development, www.sd-commission.org.uk/pages/local-government.htm.
116. Lundgren, A. (2017), Openness and Transparency in Political Decision Making - An Empirical Study through an Institutional Lens. Romanian Journal of Regional Science, 11(1), 102-123.
117. Manirojana, T. (2016), *Transparency and Accountability in Local Governance: The Case of Thailand*, Journal of Public Administration and Policy Research, 8(2), tr.18-29.
118. MAV, VLGA, LGV, LGPro (2012), Good Governance guide, www.goodgovernanceguide.org.au
119. Meijer, A. J., Curtin, D., & Hillebrandt, M. (2012), *Open government: Connecting vision and voice*. International Review of Administrative Sciences, 78(1), 10-29.
120. Moon, M. J. (2002), *The Evolution of E-Government among Municipalities: Rhetoric or Reality?*, Public Administration Review, 62(4), 424-433.
121. MUFG Research (2025), *Vietnam: Doi Moi 2.0 - The Most Ambitious Structural Reforms Since 1986*, Tokyo: MUFG Bank Economic Intelligence Unit.
122. Musa, G. J., et al. (2015), *The role of ICT in promoting transparency in governance*. Journal of Public Administration and Governance, 5(4), 56-72.

123. Ode, J. (1994), *Transparency and Democratic Legitimacy*, JCMS: Journal of Common Market Studies, 32(3), tr.343-368. DOI: 10.1111/j.1468-5965.1994.tb00502.x.
124. OECD (2002), *Public Sector Transparency and Accountability: Making it Happen*. Paris: OECD Publishing.
125. OECD (2016), *Open government: The global context and the way forward*. OECD Publishing.
126. OECD (2019), *Government at a Glance 2019*. OECD Publishing.
127. OECD (2021), *Public integrity indicators*, OECD Publishing.
128. OECD (2024), *Government at a Glance 2024: Open Government and Transparency Indicators*, Paris: OECD Publishing.
129. Open Government Partnership (2019), *Global Report on Open Data and Government Transparency*, Washington, DC.
130. Open Government Partnership (2019), *Open Government Partnership Global Report: Democracy Beyond the Ballot Box. Volume I*. Washington, DC: Open Government Partnership.
131. Open Government Partnership - OGP (2023), *Open Data and Fiscal Transparency in Local Governance*, Washington, D.C.
132. Pina, V., Torres, L., & Royo, S. (2007), *Are ICTs Improving Transparency and Accountability in the EU Regional and Local Governments?*, Public Administration, 85(2), tr.449-472.
133. Piotrowski, S. J., & Bertelli, A. (2010), *Measuring Municipal Transparency*, Public Administration Review, 70(5), tr.901-913.
134. Razin, E (2000), *The Impact of Local Government Organization on Development and Disparities - A Comparative Perspective*, Environment and Planning C: Politics and Space, Vol 18, Issue 1. <https://doi.org/10.1068/c9865>

135. Sandu. A., (2016), Openness and transparency in public administration, European Journal of Business and Social Sciences, Vol. 5, No. 02, May 2016, pp.57-71.
136. Sansom, G, (2013), *Principles for Effective Local Government Legislation*, Commonwealth Secretariat Local Government Reform Series No 4, Commonwealth Secretariat.
137. Schnackenberg, A.K., & Tomlinson, E.C. (2014), Organizational transparency a new perspective on managing trust in organization stakeholder relationships. *Journal of Management*, 5(3): 34-55. DOI: 10.1177/0149206314525202.
138. Sharma,et al (2003), Public administration in theory and practice. Kitab Mahal
139. Stivers, C. 2008. *Governance in Dark Times: Practical Philosophy for Public Service*. Washington, DC: Georgetown University Press.
140. Tolbert, C. J., & Mossberger, K. (2006), *The Effects of E-Government on Trust and Confidence in Government*, *Public Administration Review*, 66(3), tr.354-369.
141. Torjman, S., Leviten- Reid, E., (2003), “*The social role of lacial government*”, The Caledon Institute of Social Policy.
142. Towler, M. (2010), *Rational decision making: An introduction*. New York, NY: Wiley.
143. Transparency International (2015), *Transparency and Accountability in Public Administration: Global Report 2015*, Berlin.
144. United Nations (2020), *E-Government Survey 2020: Digital Government in the Decade of Action for Sustainable Development*, New York: UN DESA.
145. United Cities and Local Governments (2025), *The Role of Local and Regional Governments in Advancing Human Rights and the SDGs*. Briefing No. 25. Geneva: UCLG.

146. Valle-Cruz, D., Almazan., S.R, and Garcia, G.R.J., (2016), Citizens' perceptions of the impact of information technology use on transparency, efficiency and corruption in local governments. *Information Polity* 21 (3), p321-334.
147. Vishwanath, T., & Kaufmann, D. (2001), *Toward Transparency: New Approaches and Their Application to Financial Markets*, The World Bank Research Observer, 16(1), 41-57.
148. Welch, E. W., Hinnant, C. C., & Moon, M. J. (2005), *Linking Citizen Satisfaction with E-Government and Trust in Government*, *Journal of Public Administration Research and Theory*, 15(3), tr.371-391.
149. World Bank (2017), *Open Budgets: Evidence and Lessons*, Washington, DC: World Bank.
150. World Bank (2018), *World Development Report 2018: Learning to Realize Education's Promise*. Washington, DC: World Bank.

PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 1****HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV****PHIẾU KHẢO SÁT****(Dành cho cán bộ)****Kính gửi Ông/Bà!**

Để phục vụ cho luận án tiến sĩ “Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”, chúng tôi tiến hành xin ý kiến về “những nội dung công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã”.

Những thông tin của Ông/Bà được bảo mật và chỉ phục vụ cho luận án, chúng tôi rất mong Ông/Bà bỏ chút thời gian tham gia trả lời các câu hỏi dưới đây:

I. Nội dung thông tin về công khai, minh bạch

Câu 1: Ông/Bà cho biết chính quyền cấp xã có công khai thực hiện lấy ý kiến người dân về các nội dung dưới đây không?

Stt	Nội dung	Có	Không
1	Có đóng góp dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương	☐	☐
2	Có đóng góp ý kiến vào thu chi ngân sách, đóng góp của người dân không	☐	☐
3	Có đóng góp ý kiến về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội (đối tượng thụ hưởng, rà soát, bình xét...)	☐	☐
4	Có đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ cơ sở	☐	☐
5	Có đóng góp ý kiến về kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất	☐	☐

Câu 2a: Theo Ông/Bà các thông tin liên quan đến các quyết định của chính quyền cấp xã được công bố thì có dễ hiểu đối với người dân không?

1. Dễ hiểu ☐

2. Tương đối dễ hiểu ☐

3. Khó hiểu ☐

Câu 2.b: Ông/Bà đánh giá như thế nào về thông tin của các nội dung dưới đây khi công bố công khai?

Stt	Nội dung	Đầy đủ	Chưa đầy đủ
1	Có đóng góp dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương	☐	☐
2	Có đóng góp ý kiến vào thu chi ngân sách, đóng góp của người dân không	☐	☐
3	Có đóng góp ý kiến về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội (đối tượng thụ hưởng, rà soát, bình xét...)	☐	☐
4	Có đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ cơ sở	☐	☐
5	Có đóng góp ý kiến về kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất	☐	☐

Câu 3a: Việc lấy ý kiến công khai từ phía người dân có được người dân hưởng ứng không?

1. Có ☐

2. Không ☐

Câu 3b: Công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định của chính quyền địa phương hiện nay được thực hiện như thế nào?

1. Rất không nghiêm túc ☐

2. Không nghiêm túc ☐

3. Tương đối nghiêm túc ☐

4. Nghiêm túc ☐

5. Rất nghiêm túc ☐

II. Hình thức công khai, minh bạch thông tin

Câu 4: Ông/Bà cho biết hình thức nào dưới đây mà người dân dễ dàng tiếp cận thông tin từ chính quyền cấp xã?

Stt	Hình thức	Rất không dễ dàng	Không dễ dàng	Tương đối dễ dàng	Dễ dàng	Rất dễ dàng
1	Ở trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
4	Thông qua tổ chức họp	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
5	Qua loa phát thanh ở địa phương	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
7	Khác(ghi rõ):.....	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5

Câu 5: Ông/Bà cho biết lý do nào làm khả năng tiếp cận thông tin từ chính quyền cấp xã của người dân gặp khó khăn trong thời gian qua? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Do trình độ người dân hạn chế
- ☐2.Do thông tin được niêm yết những nơi không thuận tiện
- ☐3.Do địa phương không có trang điện tử
- ☐4.Do điều kiện internet ở địa phương còn hạn chế
- ☐5.Do thông tin của chính quyền khó hiểu
- ☐6.Do thông tin của chính quyền khó khai thác
- ☐7.Do bản thân người dân không quan tâm
- ☐8.Do chính quyền địa phương không muốn công khai, minh bạch thông tin
- ☐9.Do cơ sở hạ tầng của địa phương còn hạn chế nên chưa ứng dụng công nghệ
- ☐10.Khác (ghi rõ).....

Câu 6: Ông/Bà cho biết lý do nào tạo điều kiện thuận lợi cho tiếp cận thông tin từ chính quyền cấp xã trong thời gian qua? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Do chính quyền luôn phát thông tin trên loa phát thanh

- ☐2. Do chính quyền cấp xã thường xuyên phổ biến trong các cuộc họp
- ☐3. Do bản thân người dân quan tâm
- ☐4. Do gia đình của bà con có lắp đặt internet nên truy cập thông tin dễ dàng
- ☐5. Do người dân thường xuyên lui tới nhà thông tin để xem thông tin
- ☐6. Do có người nhà, người thân làm việc trong cơ quan nhà nước
- ☐7. Do người đứng đầu chính quyền quan tâm đến thực hiện công khai, minh bạch
- ☐8. Do nhu cầu thông tin của người dân ngày càng nhiều.
- ☐9. Do sự phát triển công nghệ
- ☐10. Khác (ghi rõ):.....

III. Vai trò của công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định

Câu 7: Ông/Bà đánh giá công khai, minh bạch quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có vai trò gì đối với người dân? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1. Người dân biết được hoạt động chính quyền cấp xã
- ☐2. Người dân tham gia giám sát hoạt động của chính quyền cấp xã
- ☐3. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân
- ☐4. Tăng mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với nhân dân
- ☐5. Tăng cường sự quan tâm của người dân đối với hoạt động chính quyền
- ☐6. Khác (ghi rõ):.....

Câu 8: Ông/Bà đánh giá công khai, minh bạch hoạt động ra quyết định của chính quyền cấp xã có vai trò như thế nào đối với người dân?

- 1. Rất không quan trọng ☐ 2. Không quan trọng ☐
- 3. Tương đối quan trọng ☐ 4. Quan trọng ☐ 5. Rất quan trọng ☐

Câu 9: Ông/Bà đánh giá công khai, minh bạch các bước trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có vai trò gì đối với chính quyền địa phương? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1. Xây dựng chính quyền liêm chính
- ☐2. Hạn chế được những sai phạm trong việc ra các quyết định
- ☐3. Phát huy trách nhiệm của người đứng đầu với trách nhiệm giải trình

- ☐4. Tăng mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với nhân dân
- ☐5. Tăng cường sự quan tâm của người dân đối với hoạt động chính quyền
- ☐6. Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền của người dân
- ☐7. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dân
- ☐8. Khác (ghi rõ):

Câu 10: Ông/Bà đánh giá công khai, minh bạch quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có vai trò như thế nào đối với chính quyền địa phương?

1. Rất không quan trọng ☐ 2. Không quan trọng ☐
3. Tương đối quan trọng ☐ 4. Quan trọng ☐ 5. Rất quan trọng ☐

Câu 11: Theo Ông/Bà làm thế nào để người dân có thể biết được thông tin từ chính quyền cấp xã trong thời gian tới?

- ☐1. Thường xuyên cung cấp thông tin của chính quyền qua các cuộc họp
- ☐2. Đổi mới hình thức công khai thông tin theo hướng dễ biết, dễ hiểu
- ☐3. Xây dựng trang điện tử và chất lượng thông tin trên trang điện tử
- ☐4. Thông tin về chính sách, pháp luật của chính quyền cần ngắn gọn, dễ hiểu
- ☐5. Tạo điều kiện cho người dân trong sử dụng internet
- ☐6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin
- ☐7. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ có khả năng sử dụng công nghệ cao
- ☐8. Khác (ghi rõ):

IV. Thông tin cá nhân

1. Giới tính: 1. Nam 2. Nữ
2. Năm sinh:
3. Ông/Bà đã công tác ở đây được bao nhiêu năm:
4. Vị trí công tác của Ông/Bà:
1. Cấp trưởng ☐ 2. Cấp phó ☐ 3. Chuyên viên ☐

Xin trân trọng cảm ơn Ông/Bà đã nhiệt tình tham gia!

PHỤ LỤC 2
PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU
(Dành cho cán bộ)

Kính gửi Ông/Bà!

Để phục vụ cho luận án tiến sĩ *“Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”*, chúng tôi sẽ trao đổi với Ông/Bà trong khoảng 45-60 phút xoay quanh chủ đề này. Thông tin của Ông/Bà chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, nó được hoàn toàn đảm bảo tính bí mật.

Cuộc phỏng vấn này tập trung vào các nội dung chủ yếu như sau: (1) Đánh giá nội dung và hình thức công khai, minh bạch; (2) Thuận lợi và khó khăn trong quá trình tiếp nhận thông tin của chính quyền cấp xã; (3) Lợi ích của việc công khai, minh bạch lấy ý kiến và công bố công khai các quyết định thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp xã.

Bây giờ chúng ta cùng nhau trao đổi nhé.

A. Nội dung phỏng vấn

- Trong 12 tháng qua, địa phương của mình có kế hoạch lấy kiến ý của người dân về các quyết định chính quyền cấp xã hay không? Thường lấy kiến ý thông qua hình thức gì?

- Người dân có nhiệt tình tham gia của góp ý các quyết định đó như thế nào? Lý do tại sao người dân chưa thiết tha tham gia?

- Địa phương mình thường công khai công khai các quyết định thuộc thẩm quyền chính quyền cấp xã như thế nào? Hình thức thường được thực hiện nhất? Việc công khai trên các trang thông tin điện tử cấp xã có được triển khai không?

- Ông/Bà có thể cho biết những thuận lợi nào giúp cho người dân biết thông tin của chính quyền cấp xã được công bố một cách hiệu quả? Nhu cầu thông tin ngày càng cao của người dân có phải là động lực để chính quyền cấp xã phải tăng cường công khai, minh bạch hay không?

- Ông/Bà cho biết người dân thường gặp khó khăn gì khi tiếp nhận các thông tin từ chính quyền cấp xã đã công khai? Trình độ người dân và điều kiện kinh tế của địa phương còn hạn chế có ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã hiện nay?

- Việc thực hiện công khai, minh bạch các quyết định đó thì người dân hưởng ứng như thế nào? Có thay đổi mối quan hệ giữa dân và chính quyền như thế nào?

- Việc công bố các quyết định với những thông tin không rõ ràng, đầy đủ có ảnh hưởng như thế nào đối với niềm tin của nhân dân ở chính quyền địa phương? Từ trước đến giờ, có những vụ việc gì xảy ra bức xúc trong dư luận xã hội mà liên quan đến thiếu minh bạch thông tin trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã hay không? Cách thức xử lý thế nào?

- Công tác phối hợp giữa chính quyền cấp xã với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã như thế nào?

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy, người đứng đầu trong thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã?

- Theo Ông/Bà, chính quyền cấp xã cần phải làm gì để thực hiện tốt hơn về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định thuộc thẩm quyền của mình?

B.Thông tin cá nhân

+ Giới tính:

+ Tuổi:

+ Địa bàn sinh sống:

+ Công việc hiện tại:

+ Vị trí công tác:

PHỤ LỤC 3
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV
PHIẾU KHẢO SÁT
(Dành cho người dân)

Kính gửi Ông/Bà!

Để phục vụ cho luận án tiến sĩ “Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”, chúng tôi tiến hành xin ý kiến về “những nội dung công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã”.

Những thông tin của Ông/Bà được bảo mật và chỉ phục vụ cho luận án, chúng tôi rất mong Ông/Bà bỏ chút thời gian tham gia trả lời các câu hỏi dưới đây:

I. Nội dung thông tin về công khai, minh bạch

Câu 1: Trong 12 tháng qua, Ông/Bà có được chính quyền địa phương huy động tham gia lấy ý kiến về các nội dung dưới đây không?

Stt	Nội dung	Có	Không
1	Dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương	☐	☐
2	Tham gia góp ý vào thu chi ngân sách, đóng góp của người dân không	☐	☐
3	Tham gia góp ý về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội (đối tượng thụ hưởng, rà soát, bình xét...)	☐	☐
4	Tham gia góp ý về quy chế dân chủ cơ sở	☐	☐
5	Kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất	☐	☐

Câu 2: Nếu có tham gia thì Ông/Bà có đóng góp ý kiến của mình cho các nội dung này không?

Stt	Nội dung	Có	Không
1	Có đóng góp dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương	☐	☐
2	Có đóng góp ý kiến vào thu chi ngân sách, đóng góp của người dân không	☐	☐

3	Có đóng góp ý kiến về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội (đối tượng thụ hưởng, rà soát, bình xét...)	☐	☐
4	Có đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ cơ sở	☐	☐
5	Có đóng góp ý kiến về kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất	☐	☐

Câu 3: Ông/Bà có biết được những nội dung dưới đây trong 12 tháng qua?

Stt	Hoạt động	Có	Không
A	Chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương		
1	Ông/Bà có biết các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được công bố công khai	☐	☐
2	Ông/Bà có hiểu được các thông tin trong các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	☐	☐
3	Ông/Bà dễ dàng tiếp cận được các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	☐	☐
B	<i>Ngân sách, tài chính và tài sản công</i>		
1	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai các khoản thu, chi của xã, việc mua sắm tài sản phục vụ làm việc của cán bộ	☐	☐
2	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai các khoản đóng góp của người dân	☐	☐
3	Ông/Bà có tin vào tính chính xác của các thông tin về thu chi, mua sắm tài sản của chính quyền địa phương không	☐	☐
4	Ông/Bà đọc có hiểu những thông tin về thu - chi của xã không	☐	☐
5	Thông tin công khai về thu - chi, mua sắm có đầy đủ hay không	☐	☐
C	<i>Quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh</i>		
1	Ông/Bà có biết quy trình, tiêu chí, kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội	☐	☐
2	Ông/Bà cho biết “Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo”, đúng hay không đúng?	☐	☐
3	Ông/Bà cho biết “Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo”, đúng hay không?	☐	☐
4	Ông/Bà có biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua	☐	☐
5	Các thông tin liên quan đến quy trình, tiêu chí xét đối tượng thụ hưởng có dễ hiểu đối với ông/bà không?	☐	☐

D	Quy chế dân chủ cơ sở, công tác tổ chức cán bộ, thủ tục hành chính		
1	Ông/Bà có từng đọc được quy chế quy dân chủ cơ sở do địa phương ban hành	☐	☐
2	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai danh sách cán bộ, số điện thoại của cán bộ	☐	☐
3	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương có công khai về kết quả, kiểm tra, xử lý vi phạm và bỏ phiếu tín nhiệm cán bộ	☐	☐
4	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương có công khai danh sách cán bộ trúng cử do dân bầu không	☐	☐
5	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai thủ tục hành chính không	☐	☐
6	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai các khoản lệ phí khi thực hiện các thủ tục hành chính	☐	☐
7	Ông/Bà có tin tưởng chính xác của các thông tin này	☐	☐
8	Ông/Bà có hiểu được nội dung của quy chế dân chủ cơ sở không	☐	☐
Đ	Kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất		
1	Ông/bà có tin vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố	☐	☐
2	Ông/Bà có biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của địa phương	☐	☐
3	Ông/Bà có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	☐	☐
4	Ông/Bà cho biết chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	☐	☐
5	Ông/Bà có biết hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây	☐	☐
6	Ông/Bà có biết hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường	☐	☐
7	Ông/Bà cho biết khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất mới	☐	☐
8	Ông/Bà có biết đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu	☐	☐
9	Ông/Bà có biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương	☐	☐
10	Ông/Bà có hiểu được thông tin về kế hoạch sử dụng, quy hoạch đất không	☐	☐

II. Hình thức công khai, minh bạch thông tin

Câu 4: Ông/Bà biết thông tin về chương trình, dự án và kết hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Ở trang web/trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã
- ☐2.Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã
- ☐3.Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm
- ☐4.Thông qua tổ chức họp
- ☐5.Qua loa truyền thanh ở địa phương
- ☐6.Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp
- ☐7.Khác (ghi rõ):.....

Câu 5: Ông/Bà biết thông tin về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội của địa phương thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Ở trang web/trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã
- ☐2.Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã
- ☐3.Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm
- ☐4.Thông qua tổ chức họp
- ☐5.Qua loa truyền thanh ở địa phương
- ☐6.Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp
- ☐7.Khác (ghi rõ):.....

Câu 6: Ông/Bà biết thông tin về thu chi ngân sách của địa phương thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Ở trang web/trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã
- ☐2.Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã
- ☐3.Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm
- ☐4.Thông qua tổ chức họp
- ☐5.Qua loa phát thanh ở địa phương
- ☐6.Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp
- ☐7.Khác (ghi rõ):.....

Câu 7: Ông/Bà biết thông tin về kế hoạch sử dụng đất của địa phương thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Ở trang web/trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã
- ☐2.Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã
- ☐3.Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm
- ☐4.Thông qua tổ chức họp
- ☐5.Qua loa truyền thanh ở địa phương
- ☐6.Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp
- ☐7.Khác (ghi rõ):.....

Câu 8: Ông/Bà biết thông tin về giá đất, giá bồi thường đất của địa phương thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Ở trang web/trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã
- ☐2.Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã
- ☐3.Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm
- ☐4.Thông qua tổ chức họp
- ☐5.Qua loa phát thanh ở địa phương
- ☐6.Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp
- ☐7.Khác (ghi rõ):.....

Câu 9: Ông/Bà biết thông tin về quy chế dân chủ cơ sở, công tác cán bộ, thủ tục hành chính thông qua các hình thức nào dưới đây? (Có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Ở trang web/trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã
- ☐2.Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã
- ☐3.Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm
- ☐4.Thông qua tổ chức họp
- ☐5.Qua loa phát thanh ở địa phương
- ☐6.Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp
- ☐7.Khác (ghi rõ):.....

Câu 10: Ông/Bà cho biết hình thức nào dưới đây mà Ông/Bà dễ dàng tiếp cận thông tin từ chính quyền địa phương?

Stt	Hình thức	Rất không dễ dàng	Không dễ dàng	Tương đối dễ dàng	Dễ dàng	Rất dễ dàng
1	Ở trang web/trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
4	Thông qua tổ chức họp	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
5	Qua loa truyền thanh ở địa phương	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5
7	Khác(ghi rõ):.....	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4	☐ 5

Câu 11: Ông/Bà cho biết lý do nào làm khả năng tiếp cận thông tin từ chính quyền địa phương của mình gặp khó khăn trong thời gian qua? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Do trình độ hạn chế
- ☐2.Do thông tin được niêm yết những không thuận tiện
- ☐3.Do địa phương không có trang điện tử
- ☐4.Do điều kiện internet ở địa phương còn hạn chế
- ☐5.Do thông tin của chính quyền khó hiểu
- ☐6.Do thông tin của chính quyền khó khai thác
- ☐7.Do bản thân người dân không quan tâm
- ☐8.Do chính quyền địa phương không muốn công khai, minh bạch thông tin
- ☐9.Do cơ sở hạ tầng của địa phương còn hạn chế nên chưa ứng dụng công nghệ
- ☐10.Khác (ghi rõ):.....

Câu 12: Ông/Bà cho biết lý do nào tạo điều kiện thuận lợi cho tiếp cận thông tin từ chính quyền cấp xã trong thời gian qua? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

- ☐1.Do chính quyền cấp xã luôn phát thông tin trên loa truyền thanh

- ☐2.Do chính quyền cấp xã thường xuyên phổ biến trong các cuộc họp
- ☐3.Do bản thân người dân quan tâm
- ☐4.Do gia đình của bà con có lắp đặt internet nên truy cập thông tin dễ dàng
- ☐5.Do người dân thường xuyên lui tới nhà thông tin để xem thông tin
- ☐6.Do có người nhà, người thân làm việc trong cơ quan nhà nước
- ☐7.Do người đứng đầu chính quyền quan tâm đến thực hiện công khai, minh bạch
- ☐8.Do nhu cầu thông tin của người dân ngày càng nhiều
- ☐9.Do sự phát triển công nghệ
- ☐10.Khác (ghi rõ).....

Câu 13: Theo Ông/Bà làm thế nào để người dân có thể biết được thông tin từ chính quyền cấp xã trong thời gian tới?

- 1.Thường xuyên cung cấp thông tin của chính quyền qua các cuộc họp
- 2.Đổi mới hình thức công khai thông tin theo hướng dễ biết, dễ hiểu
- 3.Xây dựng trang điện tử và chất lượng thông tin trên trang điện tử
- 4.Thông tin về chính sách, pháp luật của chính quyền cần ngắn gọn, dễ hiểu
- 5.Tạo điều kiện cho người dân trong sử dụng internet
- 6.Khác (ghi rõ):.....

III. Thông tin cá nhân

- 1.Giới tính: 1.Nam☐ 2.Nữ☐
- 2.Năm sinh:.....
- 3.Ông/Bà đã học hết lớp mấy:.....
- 4.Gia đình Ông/Bà nhóm mức sống nào: 1.Nghèo☐ 2.Trung bình☐
- 3.Khá giả☐
- 5.Ông/Bà có tham gia các tổ chức nào dưới đây ở địa phương?
 - ☐1.Đoàn thanh niên
 - ☐2.Hội phụ nữ
 - ☐3.Cựu chiến binh
 - ☐4.Hội người cao tuổi

☐5.Hội nông dân

☐6.Khác (ghi rõ):.....

6.Công việc chính của Ông/Bà hiện nay là:

☐1.Làm nông

☐2.Làm dịch vụ tự do

☐3.Buôn bán

☐4.Làm thuê

☐5.Nội trợ

☐6.Cán bộ hưu trí

☐7.Khác (ghi rõ):.....

Xin trân trọng cảm ơn Ông/Bà đã nhiệt tình tham gia!

PHỤ LỤC 4

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho người dân)

Kính gửi Ông/Bà!

Để phục vụ cho luận án tiến sĩ “Công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”, chúng tôi sẽ trao đổi với Ông/Bà trong khoảng 45-60 phút xoay quanh chủ đề này. Thông tin của Ông/Bà chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu nghiên cứu khoa học, nó được hoàn toàn đảm bảo tính bí mật.

Cuộc phỏng vấn này tập trung vào các nội dung chủ yếu như sau: (1) Thuận lợi và khó khăn trong quá trình tiếp nhận thông tin của chính quyền địa phương cấp xã; (2) Lợi ích của việc công khai, minh bạch lấy ý kiến và công bố công khai các quyết định thuộc thẩm quyền của chính quyền cấp xã.

Bây giờ chúng ta cùng nhau trao đổi nhé.

A. Nội dung phỏng vấn

- Trong 12 tháng qua, Ông/Bà có thường xuyên tham gia các cuộc họp do chính quyền cấp xã mời hay không? Nếu không thì tại sao không tham gia?

- Ông/Bà có thường trình bày ý kiến của mình trước những nội dung mà chính quyền cấp xã yêu cầu Ông/Bà góp ý. Tại sao?

- Ông/Bà đánh giá như thế nào các thông tin mà chính quyền cấp xã đã thực hiện công bố công khai? Ông/Bà có hài lòng với những thông tin đó? Vì sao?

- Theo Ông/Bà những hình thức công khai, minh bạch các thông tin của chính quyền cấp xã có phù hợp như thế nào đối với bản thân và người dân địa phương?

- Ông/Bà có thể cho biết những thuận lợi nào giúp cho mình biết thông tin của chính quyền cấp xã được công bố một cách hiệu quả?

- Ông/Bà cho biết gặp khó khăn gì khi tiếp nhận các thông tin từ chính quyền cấp xã đã công khai?

- Khi tiếp nhận những thông tin đó thì Ông/Bà có niềm tin với độ chính xác của thông tin đó không? Vì sao?

- Ông/Bà có cảm thấy mình được tôn trọng, thể hiện quyền công dân của mình khi tham gia đóng góp ý kiến? khi biết được thông tin của chính quyền cấp xã? Tại sao?

-Theo Ông/Bà, chính quyền cấp xã cần phải làm gì để thực hiện tốt hơn về công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định thuộc thẩm quyền của mình.

B.Thông tin cá nhân

+ Giới tính:

+ Tuổi

+ Địa bàn sinh sống

+ Công việc hiện tại.

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU KHẢO SÁT CHO CÁN BỘ

Câu 1: Ông/Bà cho biết chính quyền cấp xã có công khai thực hiện lấy ý kiến người dân về các nội dung dưới đây không?			
Stt	Nội dung	Có	Không
1	Có đóng góp dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương	60,2	39,8
2	Có đóng góp ý kiến vào thu chi ngân sách, đóng góp của người dân không	59,7	40,3
3	Có đóng góp ý kiến về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội (đối tượng thụ hưởng, rà soát, bình xét...)	73,2	26,8
4	Có đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ cơ sở	60,7	39,3
5	Có đóng góp ý kiến về kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất	59,7	40,3
Câu 2a: Theo Ông/Bà các thông tin liên quan đến các quyết định của chính quyền cấp xã được công bố thì có dễ hiểu đối với người dân không?			
Stt	Kết quả	SL	TL
1	Dễ hiểu	45	30,0
2	Tương đối dễ hiểu	65	43,3
3	Khó hiểu	40	26,7
Tổng		150	100,0
Câu 2.b: Ông/Bà đánh giá như thế nào về thông tin của các nội dung dưới đây khi công bố công khai?			
Stt	Nội dung	Đầy đủ	Không đầy đủ
1	Có đóng góp dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương	65,2	34,8
2	Có đóng góp ý kiến vào thu chi ngân sách, đóng góp của người dân không	59,7	40,3
3	Có đóng góp ý kiến về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội (đối tượng thụ hưởng, rà soát, bình xét...)	80,7	19,3
4	Có đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ cơ sở	70,2	29,8
5	Có đóng góp ý kiến về kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất	45,2	54,8
Tổng		64,2	35,8

Câu 3a: Việc lấy ý kiến công khai từ phía người dân có được người dân hưởng ứng không?			
Stt	Kết quả	SL	TL
1	Có	110	73,3
2	Không	40	26,7
	Tổng	150	100,0
Câu 3b: Công khai, minh bạch trong quá trình ban hành các quyết định của chính quyền địa phương hiện nay được thực hiện như thế nào?			
Stt	Kết quả	SL	TL
1	Rất không nghiêm túc	4	2,7
2	Không nghiêm túc	10	6,7
3	Tương đối nghiêm túc	70	46,7
4	Nghiêm túc	42	28,0
5	Rất nghiêm túc	24	16,0
	Tổng	150	100
Câu 4: Ông/Bà cho biết hình thức nào dưới đây mà người dân dễ dàng tiếp cận thông tin từ chính quyền cấp xã?			
Stt	Hình thức	Điểm trung bình	
1	Ở trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	3,2	
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	3,6	
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	3,8	
4	Thông qua tổ chức họp	3,9	
5	Qua loa phát thanh ở địa phương	3,7	
6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	3,7	
7	Khác (ghi rõ):.....		

Câu 5: Ông/Bà cho biết lý do nào làm khả năng tiếp cận thông tin từ chính quyền cấp xã của người dân gặp khó khăn trong thời gian qua? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)			
Stt	Nội dung	SL	TL
1	Do trình độ người dân hạn chế	118	78,7
2	Do thông tin được niêm yết những nơi không thuận tiện	98	65,2
3	Do địa phương không có trang điện tử	45	30
4	Do điều kiện internet ở địa phương còn hạn chế	68	45,3
5	Do thông tin của chính quyền khó hiểu	90	60,2
6	Do thông tin của chính quyền khó khai thác	69	45,7
7	Do bản thân người dân không quan tâm	102	68
8	Do chính quyền địa phương không muốn công khai, minh bạch thông tin	17	11,3
9	Do cơ sở hạ tầng của địa phương còn hạn chế nên chưa ứng dụng công nghệ	101	67,2
10	Khác (ghi rõ).....		
Câu 6: Ông/Bà cho biết lý do nào tạo điều kiện thuận lợi cho tiếp cận thông tin từ chính quyền cấp xã trong thời gian qua? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)			
Stt	Nội dung	SL	TL
1	Do chính quyền luôn phát thông tin trên loa phát thanh	107	71,3
2	Do chính quyền địa phương thường xuyên phổ biến trong các cuộc họp	108	72,1
3	Do bản thân người dân quan tâm	63	42
4	Do Chính quyền địa phương có luôn quan tâm đến lợi ích của người dân	85	56,7
5	Do người dân thường xuyên lui tới nhà thông tin để xem thông tin	110	73
6	Do có người nhà, người thân làm việc trong cơ quan nhà nước	68	45,3
7	Do người đứng đầu chính quyền quan tâm đến thực hiện công khai, minh bạch	117	78,3
8	Do nhu cầu thông tin của người dân ngày càng nhiều.	89	59,3

9	Do sự phát triển công nghệ	110	73
10	Khác (ghi rõ).....	0	0
Câu 7: Ông/Bà đánh giá công khai, minh bạch quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có vai trò gì đối với người dân? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)			
Stt	Nội dung	SL	TL
1	Người dân biết được hoạt động chính quyền địa phương	121	80,7
2	Người dân tham gia giám sát hoạt động của chính quyền địa phương	111	74
3	Phát huy quyền làm chủ của nhân dân	115	76,7
4	Tăng mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với nhân dân	109	72,7
5	Tăng cường sự quan tâm của người dân đối với hoạt động chính quyền	105	70
6	Khác (ghi rõ):.....	0	0
Câu 8: Ông/Bà đánh giá công khai, minh bạch hoạt động ra quyết định của chính quyền cấp xã có vai trò như thế nào đối với người dân?			
Stt	Kết quả	SL	TL
1	Rất không quan trọng	3	2,0
2	Không quan trọng	6	4,0
3	Tương đối quan trọng	70	46,7
4	Quan trọng	48	32,0
5	Rất quan trọng	23	15,3
6	Tổng	150	100,0
Câu 9: Ông/Bà đánh giá công khai, minh bạch các bước trong quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có vai trò gì đối với chính quyền địa phương? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)			
Stt	Hoạt động	Có	Không
1	Xây dựng chính quyền liêm chính	105	70
2	Hạn chế được những sai phạm trong việc ra các quyết định	93	62
3	Phát huy trách nhiệm của người đứng đầu với trách nhiệm giải trình	101	67,3
4	Tăng mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với nhân dân	109	72,7
5	Tăng cường sự quan tâm của người dân đối với hoạt động chính quyền	105	70

6	Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền của người dân	115	76,7
7	Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dân	107	71,3
8	Khác (ghi rõ):.....		
Câu 10: Ông/Bà đánh giá công khai, minh bạch quá trình ra quyết định của chính quyền cấp xã có vai trò như thế nào đối với chính quyền địa phương?			
Stt	Kết quả	SL	TL
1	Rất không quan trọng	0	0,0
2	Không quan trọng	2	1,3
3	Tương đối quan trọng	70	46,7
4	Quan trọng	39	26,0
5	Rất quan trọng	39	26,0
6	Tổng	150	100,0
Thông tin cá nhân			
1.Giới tính:		SL	Tỷ lệ
	Nam	90	60
	Nữ	60	40
Tổng		150	100
2.Năm sinh:		SL	Tỷ lệ
	Dưới 30 tuổi	32	21,3
	Từ 30-50 tuổi	70	46,7
	Từ 50 trở lên	48	32,0
Tổng		150	100
3.Ông/Bà đã công tác ở đây bao nhiêu năm		13,5	
4. Vị trí công tác của Ông/Bà		SL	Tỷ lệ
	Cấp trưởng	12	8
	Cấp phó	30	20
	Chuyên viên	108	72
	Tổng	150	100

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHIẾU KHẢO SÁT CHO NGƯỜI DÂN

Câu 1: Trong 12 tháng qua, Ông/Bà có được chính quyền địa phương huy động tham gia lấy ý kiến về các nội dung dưới đây không?			
Stt	Nội dung	Có	Không
1	Dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương	55,3	44,7
2	Tham gia góp ý vào thu chi ngân sách, đóng góp của người dân không	30,2	69,8
3	Tham gia góp ý về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội (đối tượng thụ hưởng, rà soát, bình xét...)	70,2	29,8
4	Tham gia góp ý về quy chế dân chủ cơ sở	45,3	54,7
5	Kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất	40,4	59,6
Câu 2: Nếu có tham gia thì Ông/Bà có đóng góp ý kiến của mình cho các nội dung này không?			
Stt	Nội dung	Có	Không
1	Có đóng góp dự thảo các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương	45,8	54,2
2	Có đóng góp ý kiến vào thu chi ngân sách, đóng góp của người dân không	38,9	61,1
3	Có đóng góp ý kiến về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội (đối tượng thụ hưởng, rà soát, bình xét...)	53,3	46,7
4	Có đóng góp ý kiến về quy chế dân chủ cơ sở	40,2	59,8
5	Có đóng góp ý kiến về kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất	16,7	83,3
Câu 3: Ông/Bà có biết được những nội dung dưới đây trong 12 tháng qua?			
Stt	Hoạt động	Có	Không
A	Chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương		
1	Ông/Bà có biết các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được công bố công khai	50,3	49,7
2	Ông/Bà có hiểu được các thông tin trong các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	42,3	57,7

3	Ông/Bà dễ dàng tiếp cận được các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	42,4	57,6
B	<i>Ngân sách, tài chính và tài sản công</i>		
1	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai các khoản thu, chi của xã, việc mua sắm tài sản phục vụ làm việc của cán bộ	37,7	62,3
2	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai các khoản đóng góp của người dân	45,3	54,7
3	Ông/Bà có tin vào tính chính xác của các thông tin về thu chi, mua sắm tài sản của chính quyền địa phương không	55,3	44,7
4	Ông/Bà đọc có hiểu những thông tin về thu - chi của xã không	40,3	59,7
5	Thông tin công khai về thu - chi, mua sắm có đầy đủ hay không	20,7	79,3
C	<i>Quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh</i>		
1	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai quy trình, tiêu chí, kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội	60,3	39,7
2	Ông/Bà cho biết “Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo”, đúng hay không đúng?	31,7	68,3
3	Ông/Bà cho biết “Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo”, đúng hay không?	32	68
4	Ông/Bà có biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua	62,3	37,7
5	Các thông tin liên quan đến quy trình, tiêu chí xét đối tượng thụ hưởng có dễ hiểu đối với ông/bà không?	60,1	39,9
D	<i>Quy chế dân chủ cơ sở, công tác tổ chức cán bộ, thủ tục hành chính</i>		
1	Ông/Bà có từng đọc được quy chế quy dân chủ cơ sở do địa phương ban hành	50,2	49,8
2	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai danh sách cán bộ, số điện thoại của cán bộ	40,3	59,7

3	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương có công khai về kết quả, kiểm tra, xử lý vi phạm và bỏ phiếu tín nhiệm cán bộ	17,9	82,1
4	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương có công khai danh sách cán bộ trúng cử do dân bầu không	67,2	32,8
5	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai thủ tục hành chính không	70,1	29,9
6	Ông/Bà có biết chính quyền địa phương công khai các khoản lệ phí khi thực hiện các thủ tục hành chính	70,6	29,4
7	Ông/Bà có tin tưởng chính xác của các thông tin này	69,9	30,1
8	Ông/Bà có hiểu được nội dung của quy chế dân chủ cơ sở không	35,4	64,6
Đ	Kế hoạch sử dụng, quy hoạch và giá đất		100
1	Ông/bà có tin vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố	50,3	49,7
2	Ông/Bà có biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của địa phương	25	75
3	Ông/Bà có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	17,3	82,7
4	Ông/Bà cho biết chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	74	26
5	Ông/Bà có biết hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây	67	33
6	Ông/Bà có biết hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường	70,7	29,3
7	Ông/Bà cho biết khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất mới	71	29
8	Ông/Bà có biết đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu	65	35
9	Ông/Bà có biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương	45,7	54,3
10	Ông/Bà có hiểu được thông tin về kế hoạch sử dụng, quy hoạch đất không	25	75

Câu 4: Ông/Bà biết thông tin về <u>chương trình, dự án và kết hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương</u> thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)			
Stt	Hoạt động	Có	Không
1	Ở trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	25	75
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	47,3	52,7
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	32,7	67,3
4	Thông qua tổ chức họp	73,3	26,7
5	Qua loa phát thanh ở địa phương	70,7	29,3
6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	66	34
7	Khác (ghi rõ):.....		
Câu 5: Ông/Bà biết thông tin về quy trình, tiêu chí và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội của địa phương thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)			
Stt	Hoạt động	Có	Không
1	Ở trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	23,3	76,7
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	67	33
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	74,3	25,7
4	Thông qua tổ chức họp	73,3	26,7
5	Qua loa truyền thanh ở địa phương	70	30
6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	68,3	31,7
7	Khác (ghi rõ):.....		
Câu 6: Ông/Bà biết thông tin về <u>thu chi ngân sách của địa phương</u> thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)			
Stt	Hoạt động	Có	Không
1	Ở trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	13,6	86,4
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	53,9	46,1
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	28,1	71,9
4	Thông qua tổ chức họp	49,8	50,2
5	Qua loa truyền thanh ở địa phương	22,4	77,6
6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	25,8	74,2
7	Khác (ghi rõ):.....		

Câu 7: Ông/Bà biết thông tin về kế hoạch sử dụng đất của địa phương thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

Stt	Hoạt động	Có	Không
1	Ở trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	27,7	72,3
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	52,4	47,6
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	32,7	67,3
4	Thông qua tổ chức họp	53,7	46,3
5	Qua loa truyền thanh ở địa phương	25,5	74,5
6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	32,3	67,7
7	Khác (ghi rõ):.....		

Câu 8: Ông/Bà biết thông tin về giá đất, giá bồi thường đất của địa phương thông qua những hình thức nào dưới đây? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

Stt	Hoạt động	Có	Không
1	Ở trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	28,6	71,4
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	53,9	46,1
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	30,2	69,8
4	Thông qua tổ chức họp	54,9	45,1
5	Qua loa truyền thanh ở địa phương	21,7	78,3
6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	24,4	75,6
7	Khác (ghi rõ):.....		

Câu 9: Ông/Bà biết thông tin về quy chế dân chủ cơ sở, công tác cán bộ, thủ tục hành chính thông qua các hình thức nào dưới đây? (Có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

Stt	Hoạt động	Có	Không
1	Ở trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	38,4	61,6
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	50,2	49,8
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	40	60
4	Thông qua tổ chức họp	53,3	46,7
5	Qua loa truyền thanh ở địa phương	42,3	57,7

6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	43,3	56,7
7	Khác (ghi rõ):.....		
Câu 10: Ông/Bà cho biết hình thức nào dưới đây mà Ông/Bà dễ dàng tiếp cận thông tin từ chính quyền địa phương?			
Stt	Hoạt động	Điểm trung bình	
1	Ở trang web/ trang điện tử, trang thông tin điện tử của xã	2,9	
2	Bảng niêm yết ở trụ sở ủy ban nhân dân xã	3,5	
3	Bảng niêm yết ở trụ sở của nhà thông tin thôn/khóm	3,7	
4	Thông qua tổ chức họp	3,4	
5	Qua loa truyền thanh ở địa phương	3,2	
6	Thông qua cán bộ thôn/khóm/ấp	3,3	
7	Khác (ghi rõ):.....		
Câu 11: Ông/Bà cho biết lý do nào làm <u>khả năng tiếp cận thông tin từ chính quyền địa phương của mình gặp khó khăn</u> trong thời gian qua? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)			
Stt	Nội dung	SL	Tỷ lệ
1	Do trình độ hạn chế	165	55,0
2	Do thông tin được niêm yết không thuận tiện	170	56,7
3	Do địa phương không có trang điện tử	150	50,0
4	Do điều kiện internet ở địa phương còn hạn chế	145	48,3
5	Do thông tin của chính quyền khó hiểu	194	64,7
6	Do thông tin của chính quyền khó khai thác	135	45,0
7	Do bản thân không quan tâm	180	60,0
8	Do chính quyền địa phương không muốn công khai, minh bạch thông tin	100	33,3
9	Do cơ sở hạ tầng của địa phương còn hạn chế nên chưa ứng dụng công nghệ	132	44,0
10	Khác (ghi rõ):.....		

Câu 12: Ông/Bà cho biết lý do nào tạo điều kiện thuận lợi cho tiếp cận thông tin từ chính quyền cấp xã trong thời gian qua? (có thể lựa chọn nhiều phương án trả lời)

Stt	Nội dung	SL	Tỷ lệ
1	Do chính quyền luôn phát thông tin trên loa phát thanh	159	53,0
2	Do chính quyền địa phương thường xuyên phổ biến trong các cuộc họp	127	42,3
3	Do bản thân người dân quan tâm	100	33,3
4	Do gia đình của bà con có lắp đặt internet nên truy cập thông tin dễ dàng	178	59,3
5	Do người dân thường xuyên lui tới nhà thông tin để xem thông tin	98	32,7
6	Do có người nhà, người thân làm việc trong cơ quan nhà nước	100	33,3
7	Do người đứng đầu chính quyền quan tâm đến thực hiện công khai, minh bạch	190	63,3
8	Do nhu cầu thông tin của người dân ngày càng nhiều.	178	59,3
9	Do sự phát triển công nghệ	201	67,0
10	Khác (ghi rõ).....		

Câu 13: Theo Ông/Bà làm thế nào để người dân có thể biết được thông tin từ chính quyền cấp xã trong thời gian tới?

Stt	Nội dung	SL	Tỷ lệ
1	Thường xuyên cung cấp thông tin của chính quyền qua các cuộc họp	250	83,3
2	Đổi mới hình thức công khai thông tin theo hướng dễ biết, dễ hiểu	210	70,0
3	Xây dựng trang điện tử và chất lượng thông tin trên trang điện tử	190	63,3
4	Thông tin về chính sách, pháp luật của chính quyền cần ngắn gọn, dễ hiểu	200	66,7
5	Tạo điều kiện cho người dân trong sử dụng internet	280	93,3
6	Khác (ghi rõ):.....		

III. Thông tin cá nhân			
1. Giới tính:		SL	Tỷ lệ
	Nam	198	66
	Nữ	102	34
2. Năm sinh:		SL	Tỷ lệ
	Dưới 30 tuổi	90	30,0
	Từ 30-50 tuổi	140	46,7
	Từ 50 trở lên	70	23,3
3. Ông/Bà đã học hết lớp mấy:			
4. Gia đình Ông/Bà nhóm mức sống nào:		SL	Tỷ lệ
	Khá giả	40	13,3
	Trung bình	215	71,7
	Nghèo/Cận nghèo	45	15,0
5. Ông/Bà có tham gia các tổ chức nào dưới đây ở địa phương?		SL	Tỷ lệ
	Đoàn thanh niên	47	15,7
	Hội phụ nữ	100	33,3
	Cựu chiến binh	24	8,0
	Hội người cao tuổi	60	20,0
	Hội nông dân	69	23,0
	Khác (ghi rõ):.....		
6. Công việc chính của Ông/Bà hiện nay là:		SL	Tỷ lệ
	Làm nông	100	33,3
	Làm dịch vụ tự do	64	21,3
	Buôn bán	16	5,3
	Làm thuê	20	6,7
	Nội trợ	60	20,0
	Cán bộ hưu trí	40	13,3
	Khác (ghi rõ):.....	0	0